N° 78 Décembre 1923

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

BÚT SẮT VÀ BÚT LÔNG (1)

Nghe cái nhan-đề bài diễn-thuyết này cũng đủ biết diễn về chuyện gì. Ngòi bút sắt của nhà văn-sĩ Tây-phương, ngọn bút lông của nhà nho Nam-Việt là biểu-hiệu hai lối văn-chương, chúng ta cùng qui-trọng cả, và chủ-ý tôi là muốn phát-biểu cái đặc-sắc hai lối văn-chương ấy như sau này. Tôi muốn kê-cứu về ba điều : một là bày-tỏ những cái dị-điểm của văn-chương nước Pháp với văn-chương Á-Đông ; hai là so-sánh qua những chế-độ của Âu-châu với chế-độ nước Nam để phát-minh các cái nguyên-nhân sâu-xa của những sự khác nhau đó ; ba là xét xem văn-chương nước Nam có thể tiến-hóa được chừng nào cho gần được với văn-chương nước Pháp.

Phần nhiều người Tây xét về văn-chương An-Nam, vì không nghiên-cứu theo như cách tôi nói đó, nên chỉ thấy văn-chương An-Nam khác văn-chương Tây, cho những sự khác đó là kỳ-dị vô-lý. Trên mặt đất này không gì là kỳ-dị vô-lý cả. Ai đã xét đến căn-để sự-vật thì phàm sự động-tác của người ta đều tự nó có cái lý-do thích-đáng cả.

Sự lạ là sự không biết đó mà thôi. Khi đã xét đến nguồn-gốc, đã quan-niệm tới cái ý-tứ nó rồi, thì không phải là lạ nữa.

Nhiều nhà làm sách, tuy cũng có công trước-tác có ích-lợi thật, nhưng vì chỉ nghiên-cứu từng bộ-phận và ở ngoài mặt mà thôi, nên không tới được cái mục-đích tuyệt-đối này : là khám-phá được những sự khác nhau bởi cái khởi-điểm nó không giống.

Nay ta thử lấy tập « Ngụ-ngôn » của La Fontaine đã dịch ra quốc-ngữ. Ngụ-ngôn là một thể văn chung cho hết-thảy các xứ trên mặt đất, cách đặt-để buồn cười, lời khuyên-răn dễ-dãi, hạng người nào cũng có thể hiểu được, tưởng dịch ra một tiếng nước ngoài không thể mất được cái thú-vị đi, không thời cũng không đến nỗi lạ tai người ta cho lắm. Vậy mà thử đem một tập « Ngụ-ngôn » của La Fontaine đã dịch ra quốc-ngữ mà xem, cho dẫu dịch khéo đến đâu mặc lòng, ai cũng biết rằng người An-Nam đọc đến lấy làm lạ tai, bởi câu chuyện đột-ngột, bởi cái cách kết-cấu họ không quen. Có nhiều câu ví-von, câu tỉ-dụ họ cho là ngô-nghê, lăng-lố, không hợp với tính-tình của họ, không hợp với cái tư-tưởng của họ về lối ngụ-ngôn.

Nhưng mà nhất là lối làm tiểu-thuyết của Tây, — lối xưa cũng vậy, lối nay cũng vậy, mà lối nay có phần hơn, — họ lại càng lấy làm lạ lắm.

Họ cho cái cách nhà làm tiểu-thuyết

(1) Dịch bài diễn-thuyết *La Plume et le Pinceau* của ông René Crayssac (hiệu Mặt-Giang) ở hội Khai-Trí ngày thứ bảy 15 Décembre 1923.

Tây tả-mạc các người trong truyện từng li từng tí là tỉ-mỉ quá. Thứ nhất là họ khó hiểu, và có khi tuyệt-nhiên không hiểu làm sao mà thi-ca, tiểu-thuyết cùng sách-vở khác của người Tây lại không có ngụ-ý khuyến-giới gì về đường luân-lý.

Thật có thế, vì nếu ta cứ xét kỹ cái cách hành-văn của các nhà làm sách Tây thời ta nghiệm thấy rằng các nhà ấy hay ưa tả cái cảnh-vật trong truyện một cách tỉnh-tường tỉ-mỉ quá. Như Zola thật là hiển-nhiên như thế, trong sách ông nhiều những đoạn kể-lể phiền-toái hàng đến mấy trang chưa hết, Chateaubriand, Dumas. Balzac, Flaubert, Pierre Loti, Rosny aîné, và phần nhiều các nhà tiểu-thuyết, đều hay tả cảnh nhiều cả. Anatole France, Maupassant và mấy nhà nữa, thời có ý thưa nét bút hơn. Maupassant làm bộ tiểu-thuyết Bel ami, không phải là không có tài tả-mạc, nhưng ông chung-đúc nét bút lại bằng mấy chữ rất đúng, rất khéo, đọc lên như trông thấy bức tranh vậy.

Không phải nói đến các nhà làm sách ở bên Tây, xét ngay những nhà làm sách Tây ở bên này cũng đủ chứng cái lối tả-cảnh rậm-rạp đó.

Mới hai năm nay có xuất-bản một bộ tiểu-thuyết đề là *Thị Ba*, sách này kết-luận sai-lầm quá đáng, vì tả một người đàn-bà An-Nam quá thương-yêu người chồng Tây đến đâm đầu xuống ao tự-tử, chuyện hoang-đường như thế mà tác-giả cũng dám xin lấy phần-thưởng văn-chương thuộc-địa.

Mở ngay mấy trang đầu sách đã thấy một đoạn dài tả-cảnh chiều hôm : cái làng nhỏ ở chân núi, chung quanh những đồng ruộng xanh-rì, khói chiều tỏa khắp mọi nơi, đồi cát xa xa, chân trời đỏ ối, con chim bay về tổ, tiếng chuông nện trên không, vân vân. . . (1)

Trong sách văn-chương kiệt-tác của Boissière, cùng những sách của Pouvourville, Bonnetain, Nolly, Daguerches, Mme Jeanne Leuba, Jean d'Estray, Maurice Olivaint, cùng biết bao nhiêu người Tây nữa đã làm văn về bên này, những đoạn tả-cảnh vô-số.

Như trong sách « Bọn hát dong » (*Les chanteurs ambulants*) của Boissière, có đoạn tả một cái nhà quan An-Nam: nào là cột vẽ long vẽ phượng ; nào là ghế đầu, kỷ chè, tràng-kỷ, quạt lông ; nào là bàn thờ, lư-hương, đèn hạc, bài-vị, câu đối ; nào là vồng, lọng, khay nước, ngà voi ; nào là đồ sơn, đồ khảm, đồ đồng, đồ gụ ; lại thêm cái sừng tê-giác nữa ; — tả rất tỉ-mỉ đến hai trang giấy đầy.

Bà Jeanne Leuba mới xuất-bản một bộ tiểu-thuyết đề là « Cái cảnh tha-hương của chú Frick » (*Frick en exil*) trong sách ấy văn tả cảnh cũng nhiều lắm.

Như đoạn tả chú *Frick* mở cửa sổ ngắm cái phong-cảnh nước Nam (tác-giả nói rõ cả là cửa sổ không có mặt kính), xúc cảnh sinh tình : nào là núi, nào là nước, nào là ruộng lúa, nào là vườn-tược, nào là mái đình cong vắt, nào là cây cau thẳng tuột, nào là sếu bay trên không, nào là chuông nện trong chùa . . ., — làm cho khách Tây-phương không thể không mến cảnh Đông-thổ.

Lại đoạn tả cái cảnh đương trưa mùa hạ, lửa lựu lập-lòe, như muốn đốt muốn cháy cả vạn-vật ; cảnh-vật lư-đừ, người ta uể-oải . . . — Mỗi đoạn cũng được hơn một trang sách in.

Muốn trích những đoạn văn tả-cảnh như thế, biết bao nhiêu mà kể. Như trong

(1) Những đoạn văn tây này không dịch cả, chỉ nói lược mà thôi.

sách *Kilomètre 83* của DAGUERCHES, biết bao nhiêu là những đoạn văn-chương mĩ-lệ, tiếc không thể đọc ra đây được.

Đến như sách của MARQUET thì văn tả-cảnh có ý thưa hơn, vì ông nhập-diệu được cái tính-tình người An-Nam và tư-tưởng cùng viết văn ra lối An-Nam. Sách ông cũng có đoạn tả-cảnh, và tả-cảnh cũng nên câu tuyệt-điệu, nhưng ông cố-ý làm vắn-tắt mà thôi. Như đoạn sau này trích trong sách « Từ đồng bằng lên mạn ngược » (*De la Rizière à la montagne*) :

« Bấy giờ vào tám giờ chiều, trời mới tối ; ngoài đồng bóng tối càng thấy mờ-mịt ; bấy giờ là bắt đầu cái cảnh đêm tịch-mịch, nhưng đêm ở xứ Bắc-kỳ này không bao giờ yên-lặng hẳn. Chửa đêm đã thấy một trăm thứ tiếng nổi lên: tiếng giun tiếng giế eo - óc, tiếng ỉnh-ương chẫu-chuộc oang-oang ; tiếng những cây lúa cành tre vo-ve như tiếng oan - hồn than-khóc. Trên không - khí thời phảng-phất như mùi đất ải, vừa có cái hơi cây cỏ ủi-mục, lại vừa có cái hương mầm non mới mọc. . . » (1)

Nhưng mà nhà làm văn Tây không những ưa tả-cảnh mà thôi đâu. Lại tả người từ đầu tóc chí gót chân nữa. Chúng ta ai là người không có khi tức mình đọc thấy những trang sách dài tả về hình-dung, diện-mạo, dáng đi, quần áo của các người trong truyện?

Trong văn - chương An-Nam thì tuyệt-nhiên không có thế. Có tả-cảnh là tả qua, mà tả người cũng gọi là mà thôi. Tựa-hồ như cho những cách tả-mạc ấy là vẽ-vời, không cần cả.

Thử xét mấy đoạn văn tả - cảnh trong truyện *Kiều* thì đủ biết. Như đoạn tả - cảnh tháng ba đi « thanh-minh » :

Cỏ non xanh rợn chân trời,
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa.
Thanh-minh trong tiết tháng ba,
Lễ là Tảo-mộ, hội là Đạp-thanh.
Gần xa nô-nức yến oanh,
Chị em sắm-sửa bộ-hành chơi xuân.
Dập-dìu tài-tử giai-nhân,
Ngựa xe như nước áo quần như nêm.
Ngổn-ngang gò đống kéo lên,
Thoi vàng bỏ rắc, tro tiền giấy bay.

Đoạn ấy dịch ra thơ tây tới 32 câu, coi tựa-hồ như dài, nhưng nguyên-văn chỉ có 10 câu đó thôi, là vì câu thơ An-Nam hàm súc vắn-tắt lắm, khi dịch phải đàn dài ra mới hết được ý-nghĩa.

Lại đoạn «Bốn cảnh buồn», khi Kiều ở lầu Ngưng-bích, buổi chiều hôm, thương thân nhớ nhà, trông thấy cảnh mặt bể mà buồn :

Buồn trông cửa bể chiều hôm,
Thuyền ai thấp-thoáng cánh buồm xa-xa.
Buồn trông ngọn nước mới sa,
Hoa trôi man-mác biết là về đâu ?
Buồn trông ngọn cỏ rầu-rầu,
Chân mây mặt đất một mầu xanh-xanh.
Buồn trông gió cuốn mặt ghềnh,
Ầm-ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi.

Chỉ có 8 câu đó gợi ra cái sầu-tứ man-mác, mà dịch ra thơ tây phải 16 câu. Ấy là cố ý chọn trong bốn năm đoạn tả-cảnh dài nhất trong truyện *Kiều*.

Tôi lại kể cái đoạn sau này là đoạn tả-cảnh nước triều giữa lúc Vương Quan với Kim Trọng lập đàn-tràng bên sông để chiêu-hồn Kiều :

Giải oan lập một đàn-tràng bên sông.
Ngọn triều non bạc trùng-trùng,
Vời trông còn tưởng cánh hồng lúc gieo...

(1) Đoạn này là dịch theo như Pháp-văn.

Chỉ có ba câu thế mà phải dịch ra tám câu thơ Tây mới đủ ý.

Nay xét đến cách tả người. Thúy-Kiều là người chủ-động trong truyện, cả truyện là quan-hệ ở một người ấy. Thế mà tả về hình-dung diện-mạo hai chị em Kiều, chỉ có mười câu. Không có một câu nào về cha mẹ Kiều và em trai Kiều. Cũng không có một câu nào về cách ăn-mặc của các người ấy.

Mấy câu tả về chị em Kiều như sau này :

Đầu lòng hai ả tố-nga,
Thúy-Kiều là chị em là Thúy-Vân.
Mai cốt-cách tuyết tinh-thần,
Một người một vẻ mười phân vẹn mười.
Vân xem trang-trọng khác vời,
Khuôn trăng đầy-đặn nét ngài nở-nang.
Hoa cười ngọc thuyết đoan-trang,
Mây thua nước tóc tuyết nhường màu da.
Kiều càng sắc-sảo mặn-mà,
So bề tài-sắc lại là phần hơn.
Làn thu-thủy, nét xuân-sơn,
Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh.
Một hai nghiêng nước nghiêng thành,
Sắc đành đòi một, tài đành họa hai.

Cả truyện *Kiều* có hơn ba nghìn câu mà tả về chị em Kiều chỉ có mười-bốn câu như thế ; dịch ra thơ tây phải 28 câu. Ấy là đoạn văn tả người dài nhất trong truyện *Kiều* đó.

Mã Giám-sinh là một chàng làng chơi đến mua Kiều, tức như tiếng tây gọi là một chàng *Alphonse* ăn-mặc điếm-đỏm, chỉ tả có hai câu :

Quá-niên trạc ngoại tứ-tuần,
Mày râu nhẵn-nhụi, áo quần bảnh-bao.

Tú-Bà là mụ chủ nhà thanh-lâu, Kiều phải vào ở đấy. Tả những đệ-tử của Tú-Bà chỉ có một câu :

Bên thì mấy ả mày ngài ..

Từ Hải là người tướng giặc sau phải lòng Kiều, tả bằng ba câu rằng :

Râu hầm hàm én mày ngài,
Vai năm tấc rộng, thân mười thước cao.
Đường-đường một đấng anh-hào...

Ấy thế mà thôi. Còn mười-lăm người nữa trong truyện không có một câu hình-dung tả-mạc gì cả.

Đó là một sự lạ, ta nên chú-ý.

Làm sao hai lối văn-chương lại sai-biệt nhau, lại phản-đối nhau như thế? Theo ý tôi thời cả cái vấn-đề là ở đây đây. Các xã-hội Thái-Tây ngày nay, lấy cái cá-nhân-chủ-nghĩa (*individualisme*) làm gốc, chỉ có cá-nhân (*individu*) là trọng. Cá-nhân là trọn-vẹn hết thảy. Văn-chương là cái gương phản-chiếu của xã-hội, thời nhà làm tiểu-thuyết, nhà làm thi-ca tất phải chú-trọng ở cá-nhân. Tả người nào thời thượng vàng hạ cám, không sót tí gì, hình-dung, diện-mạo, dáng đi, cách ngồi, ăn thế nào, nói thế nào, nhảy thế nào, uống thế nào, cho đến những thói quen, tật lạ, cũng kể hết. Mỗi con người ta là một cái cứu-cánh tuyệt-đích (*une fin en soi*). Cái tình-cảm, sự dục-tình của mỗi người là chỉ quan-hệ lợi-hại cho người ấy. Nhà làm tiểu-thuyết giải-phẫu từng quả tim lá gan của người ta. Hình như đem cái « bản-ngã » (*le moi*) của mỗi người mà chiếu soi qua kính hiển-vi vậy. Cả cái hứng-vị trong truyện là chung-đúc ở sự sướng sự khổ của một người, như *Madame Bovary* trong sách cùng tên ấy của Flaubert, như *Jean Mintié* trong sách *Calvaire* của Mirbeau ; hay là ở cái tính-cách kỳ-dị, cái thói quen lạ-lùng của một người, như *M. de Bougrelon*, *M. de Phocas* của Jean Lorrain, *Le Monarque* của Pierre Mille, *Jésus-la-Caille* của Carco, *Bel ami* của Maupassant, cùng biết bao nhiêu sách khác nữa.

Nay ta xét đến nước Nam, đến xã-hội An-Nam. Gốc xã-hội là cái gia-trưởng-chế-độ (*système patriarcal*).

Chế-độ này không những khác mà lại trái ngược hẳn với các chế-độ thuộc về cá-nhân-chủ-nghĩa của Tây-phương. Các chế-độ Tây-phương là gốc tự lời « Tuyên-ngôn về Nhân-quyền » (*Déclaration des Droits de l'Homme*) của đời Đại-Cách-mệnh, chỉ tuyên những quyền-lợi của người ta mà không tuyên đến nghĩa-vụ dân đối với nước. Ở nước Nam này thời lại trái lại, bao nhiêu chế-độ, pháp-luật, tư-tưởng, thuần là một bài « Tuyên-ngôn về nghĩa vụ » (*une déclaration des devoirs*), chỉ tuyên nghĩa-vụ thôi, không hề tuyên đến quyền-lợi, mà lại thêm những hình-phạt nặng đối với những kẻ trái nghĩa-vụ.

Hết thảy mọi người đều có nghĩa-vụ cả, cho đến vua có quyền tuyệt-đối mà cũng phải có nghĩa-vụ để hạn-chế quyền ấy cho chánh-đáng.

Như trong truyện *Ngọc-hoa*, vua muốn lấy vợ người Phạm Tử, nàng ấy nói lại rằng : « Vợ chồng tôi đã lấy nhau, Hoàng-đế cố ép-nài là không phải. Tôi là phận đàn-bà, ngài bắt sao chẳng phải chịu. Ví tôi chưa có chồng thời tôi xin nguyện theo vua. Nhưng tôi đã có chồng rồi, nghĩa vợ chồng là nghĩa nặng. Vả ngài làm vua cũng phải ăn ở cho phải đạo mới được thần-dân kính-phục. »

Ở nước Nam này, trái với văn-minh Tây-phương, cái « cứu-cánh » (*la fin*) là ở đoàn-thể (nhà, làng, nước), người tư-nhân chỉ là cái « phương-tiện » (*le moyen*) mà thôi. Đoàn-thể ắt cả cá-nhân. Cá-nhân bị chìm-đắm, tiêu-tán trong đoàn-thể, hóa-hợp với đoàn-thể một cách rất mật-thiết, thành như một cái phần-tử vô-danh ở trong một đại-khối thuần-nhất, một cái phân-chất vô-tri vô-giác, vận-động như cái máy, không có biểu-hiệu đặc-biệt, không có quyền-lợi tây riêng gì cả.

A. S. Wilkins trong sách nghiên-cứu về xã-hội La-mã có câu nói rằng : « Xét tôn-giáo của La-mã thì thật không có gì đủ làm cho dân thuần tục mĩ. Nhưng mà được một điều này tốt, là làm cho dân La-mã biết trọng nghĩa-vụ, quen thói phục-tòng, một lòng trung-thành với quốc-gia ; nhân đó mà có ảnh-hưởng to về sự phú-cường của nhà nước. »

Những lời ấy có thể nói về xã-hội An-Nam cũng được, vì xã-hội An-Nam ngày nay với xã-hội La-mã ngày xưa có nhiều chỗ giống nhau lắm, ai đã từng so-sánh hai bên thời cũng lấy làm một sự lạ.

Vậy thời điều hệ-trọng ở nước Nam này, không phải là những sự tình-cảm phiền-phức éo-le của mỗi người đâu, chính là những điều cương-thường đạo-lý làm cơ-sở cho quốc-gia, cho xã-hội : như sự Hiếu, sự Trung, sự Lễ, sự Kính, v. v. .

Như các nhân-vật trong truyện *Kiều*, dẫu tả cho rõ người này béo hay gầy, người kia cao hay thấp, người nọ mặc áo lam hay mặc áo điều, cũng chẳng có quan-hệ gì. Nhân-vật ở đây chẳng qua là những người máy, những quân cờ ra đóng đám, hay là muốn dùng một tiếng việc quan ngày nay rất thông-dụng mà dùng ra nghĩa đen, thời thực là những hạng « phái-viên » (*chargés de mission*) cả.

Thúy-Kiều phải chọn một bên là hiếu, một bên là tình, thời điều cốt-yếu là phải biết trong hai bên ấy chọn bên nào. Còn ngoại-giả là phụ cả, là thêm cả, là vẽ-vời ra cho vui truyện mà thôi.

Ấy cái quan-niệm của nhà làm văn An-Nam như thế, ta không nên thấy thế mà cho làm lạ.

Ở Tây-phương, trước khi cái cá-nhân-chủ-nghĩa thịnh-hành, người ta

quan-niệm về sự đời cũng gần giống như cái tư-tưởng của người An-Nam và người Tàu đó.

Thử xét ngay những bản kịch của CORNEILLE. Phần nhiều bài, cái cốt truyện là thế nào ? Là ái-tình xung-đột với nghĩa-vụ. Như chàng *Rodrigue* phải chọn một bên là ái-tình với nàng *Chimène*, một bên là hiếu với cha mà phải trả thù cho cha, thời cái cảnh đáng thương đó, chẳng giống với cảnh cô Kiều lắm sao ?

Trong văn-chương nước Pháp xưa kia có trọng những lối tả-mạc tỉ-mỉ về từng người một như bây giờ đâu ; chỉ trọng cái bi-kịch ở trong lòng người ta, muốn biết trong hai cái cảm-tình xung-đột nhau, cái nào thắng, cái nào bại, và thế nào cho hợp với nghĩa-vụ đương-nhiên, nghĩa là hợp với sự lợi-ích chung của xã-hội.

Phàm văn-chương là phải có ý răn-dạy cho người ta, phải có bổ cho nhân-luân thế-đạo, như thế thời kết-cục bao giờ cũng phải cho hợp với cương-thường đạo-lý, hợp với sự lợi-ích của gia-tộc, của quốc-gia. Đã vậy thời những điều nhỏ-nhặt, vụn-vặt, chỉ quan-hệ cho một người một kẻ riêng, những điều đó, có sá chi ? Như khi Kiều với Kim tái-hợp, lại làm vợ chồng, Thúy-Vân chịu nhường ngôi cho chị, chắc cũng khổ-tâm lắm, giá trong văn tây thời tả cái nỗi đau lòng ấy biết bao nhiêu mà kể, vậy mà trong truyện An-Nam coi như một việc thường, tựa-hồ không có quan-hệ gì. Quan-hệ chỉ có một điều, là cái lòng hiếu-thảo, cái nghĩa gia-tộc, là gốc của xã-hội mà thôi.

Nhưng cái chủ-ý dùng văn-chương để khuyên răn cho đời ấy, trong lối diễn-kịch An-Nam mới lại phát-hiện ra rõ-ràng nữa. Nhân nói về văn-chương, tất-nhiên phải nói về diễn-kịch.

Diễn-kịch và tiểu-thuyết là hai lối khác nhau để diễn-đạt cái tinh-thần của một dân-tộc. Nhưng khác là chỉ khác *ở cái hình-thức*, cái *thể-tài* mà thôi. Còn cái *tôn-chỉ*, cái *bản-lĩnh* thì hai lối cũng giống nhau.

Ta đã biết cái tôn-chỉ của văn-chương thế nào. Cái tôn-chỉ của diễn-kịch cũng thế. Bài kịch phải có ngụ-ý khuyến-giới. Những người trong kịch là những vai đóng trò cả, như quân múa dối, như hình người máy, do một cái lý-tưởng cao làm chủ-động.

Tuồng An-Nam, và tuồng Tàu cũng thế, thật là cái trường dạy luân-lý. Cái bậc đế-vương chế-lễ tác-nhạc, chỉ cho dùng diễn-kịch để dạy dân làm lành mà thôi.

Đầu bài của diễn-kịch phải thế nào? Tất phải là những cái lý-tưởng duy-trì cho xã-hội : như hiếu với cha mẹ, trung với nhà vua, có nghĩa trong đạo vợ-chồng, v. v..

Trong diễn-kịch cũng như trong tiểu-thuyết, người ta, kẻ cá-nhân, là bị hi-sinh cho đoàn-thể, cho xã-hội.

Còn cách bày đặt trong bài tuồng thời cũng là theo cái nghĩa cả cương-thường trong xã-hội hơn cái tình-ý tây riêng của mỗi người.

Như cách bày cảnh thì chẳng qua là phác-họa ra mà thôi. Tuy không làm như về đời ông SHAKESPEARE, muốn bày cảnh rừng hay bày cảnh thành-phố, thời cheo cái biển đề mấy chữ : « Đây là cái rừng », « Đây là thành-phố », nhưng mà cũng chẳng khác gì.

Cũng là một người mà cử-động theo cách thế nào, dáng-bộ theo cách thế nào, thời cho là ông tướng đi đầu quân đánh trận.

Rút lại là những cách ám-hiệu, cách tưởng-tượng cả. Không có gì là thực, mà nhiều khi cũng không có gì giống sự thực nữa.

Ở bên Tây thời không thế. Diễn-kịch tức là cái gương phản-chiếu cái cá-nhân-chủ-nghĩa là gốc của xã-hội. Không có dùng sân khấu làm chỗ diễn đạo - đức, làm trường luân-lý cho quốc-gia, nhưng chỉ dùng để phô-bày cho người xem những cái tâm-tình trạng-thái của một cá-nhân, một người riêng làm tuyệt-đối hết thảy, mà không quản gì đến cái ảnh-hưởng lợi-hại cho xã-hội thế nào.

Như vậy thời không những bài kịch không cần phải có ngụ-ý khuyến-giới gì, mà thường lại phô-diễn ra những chuyện thật là trái với luân-thường đạo-đức.

Hai lối văn-chương khác như thế, mà khác thế là phải lắm. Nhà làm văn Tây lấy mục-đích của văn-chương là để tả-mạc cái cảnh đời hệt như thực, tả-mạc những sự hành-vi của người ta, không quản gì đến cái ảnh-hưởng về đường luân-lý, đường xã - hội, đường chính-trị lợi-hại thế nào, tất cho làm văn là « phanh bày sự đời » (*tranches de vie*) ra một cách khốc hệt, như lời một nhà văn-sĩ nọ đã nói, khiến cho những kẻ sinh-trưởng theo những lý-tưởng khác coi đó lấy làm kinh-ngạc. Những kẻ ấy, tỉ như người An-Nam hay người Trung-hoa, không thể hiểu được rằng làm sao thằng ăn trộm lại đánh được quan cảnh-sát, hay là tội gian-dâm lại đem lên diễn trên sân khấu như một chuyện vui chơi, một câu buồn cười, không có ảnh-hưởng gì đến xã-hội mà cũng không có hình-tội gì để trừng-phạt.

Người An-Nam với người Tàu thật là không hiểu những lối diễn-kịch như của BATAILLE, của BERNSTEIN, là gì cả. Cái câu « sống cho thỏa đời mình » (*vivre sa vie*), là cái chủ-nghĩa độc-nhất vô-nhị của lối diễn - kịch ấy, người ta cho là một câu vô-lý, một câu ngược đời, vì người ta chỉ xét sự lợi-hại một câu ấy đối với nhà trước, đối với nước sau thế nào mà thôi.

Muốn khám-phá cho rõ cái vấn-đề này thời phải suy ngược lên mấy thế-kỷ về trước trong lịch-sử văn - học nước Pháp.

Ta đã nói về các bài kịch của CORNEILLE, về sự xung-đột Nghĩa-vụ với Ái-tình là cái chủ-não của văn-chương cổ-điển nước Pháp, lại nói rằng lối ấy thật giống với lối văn-chương An-Nam, nhất là văn-chương truyện *Kiều*, và lẽ đó là bởi cái tình-trạng xã-hội nước Pháp về thời bấy giờ.

Về cái ngụ-ý khuyến-giới của lối diễn-kịch An-Nam và Tàu thời phải xét về trước nữa trong lịch-sử nước Pháp, về hồi diễn-kịch còn gọi là những lối *soties*, *mystères*, *farces*, *moralités*. Cái cá-nhân-chủ-nghĩa mãi đến mấy thế-kỷ sau mới xuất-hiện ra và thật thịnh-hành. Diễn-kịch cùng văn-chương hồi bấy giờ hãy còn có ý duy-trì xã-hội. Kẻ cá-nhân hãy còn phải tùy-thuộc về một cái lý-tưởng cao. Xem ngay như lối tuồng mà gọi tên là *moralité*, nghĩa là bài khuyên răn, thì đủ biết.

Hoặc-giả có người nói rằng đó là sự ngẫu-nhiên mà thôi, và văn-chương diễn-kịch một bên, tình-trạng xã-hội một bên, hai bên không tất-nhiên là làm nhân-quả lẫn cho nhau.

Nhưng ta xét ra thì chắc là hai bên có mật-thiết-quan-hệ với nhau, và văn-chương diễn-kịch tức là hình-ảnh, vang-bóng của cái hiện-tình xã-hội phô bày ra bằng những lời văn bóng-bẩy đẹp-đẽ mà thôi.

Trong cái lối kết - cấu tuồng của người Tàu và người An-Nam có nhiều điều người Tây lấy làm kỳ-dị : ta đã nói về cách bày cảnh giản-dị là dường nào. Lại cái cách hành-động trong bài tuồng, tựa-hồ như không có mạch-lạc

liên-tiếp gì cả. Về thời-giờ, về xứ-sở, về cách cử-động, về việc trước sau, hết thảy là huyên-thiên cả. Đừng có tìm cái luật « tam duy-nhất : thời gian-duy-nhất, trường-sở-duy-nhất, hành-động duy-nhất », mà mất công vô-ích.

Người Tây lấy làm lạ trông thấy một vai tướng võ, mũ-mãng hia đai, không có ý vội-vàng đem quân đi đánh giặc, mà lại cứ ung-dung đi bách-bộ, vừa đi vừa ngâm-nga, như muốn phô áo đẹp mũ đẹp cho thiên-hạ xem.

Song những cái dáng-bộ đó là ước-định cả rồi, không nên lấy làm lạ chi. Vì chuyện đây là chuyện hư-huyền hết cả. Chủ-ý tác-giả không phải là tả sự thực, theo như lối Âu-Tây đâu, chẳng qua là bày trò vui để giúp cho sự khuyến-giới mà thôi. Người Tây không nên lấy thế làm lạ, vì trong các cổ-kịch Tây cũng thế, có vai tình-nhân đứng hàng giờ đồng-hồ mà ngâm-nga cái ái-tình của mình, hay là cả phường tuồng dịp-dàng hát : « Ta đi đi ! Ta đi đi ! » mà vẫn không nhúc-nhích một bước ; sự thực đâu lại có thế ?

Văn-chương của An-Nam và của Tàu bao giờ cũng phải ngụ khuyến-giới như thế, bao giờ cũng hình như phải « kiểm-duyệt » trước như thế, xem có hợp với luân-lý của xã-hội không, thời cái phạm-vi thành ra chật-hẹp và có ý hạn chế bó-buộc cho nhà làm văn quá. Bởi thế mà văn-chương xem ra như không sinh-sản được phong phú, điều đó cũng không lấy gì làm lạ.

Ví văn-chương Tây mà cũng bị hạn-chế như vậy, chỉ được khuyến-khích việc đạo-đức mà thôi, thời thử hỏi thiên-hạ có nong-nả chăm đến hàng sách mua sách, đến nhà hát xem kịch hay không ? Nhưng mà đến những cái đề, những cái tứ chung cho cả Đông-phương cùng Tây-phương, những chuyện không quan-hệ gì đến luân-thường xã-hội, nhà làm văn không phải bó-buộc theo qui-củ mà được tự-do sáng-nghĩ, thì thấy thơ-văn Tây với thơ-văn An-Nam giống nhau như hệt. Như những câu nam-nữ-giao-ca, những điệu phong-tình hoa-nguyệt, những lời bướm ong, những chuyện si-tình, biết bao nhiêu là lời hay, ý đẹp, tứ nhã, điệu thanh, bóng-bẩy vô-cùng mà phong-thú vô-cùng, thời các thi-nhân Đông Tây cũng là ngang tài ngang sức nhau cả.

Như trong thi-tập của Robert de Montesquiou có mấy câu tả người mĩ-nhân rằng : « Tóc cô tối như đêm, trán cô sáng như tuyết, sáng nọ đối với tối kia, mãi-mãi vô-cùng vậy. Da cô làm cho hoa lan hoa huệ phải hờn, mà hoa nhài đứng cạnh cũng phải thẹn... »

Có khác gì những câu : *mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da*, v.v. trong truyện *Kiều* không ?

Victor Margueritte có câu tả đôi cái vú của mĩ-nhân rằng : « Đôi cái vú của cô nõn-nường như hai con bồ-cu trắng. »

Laurent Tailhade trong tập thơ « Vườn mộng » (*Le Jardin des Rêves*) cũng có bài tả người đàn-bà đẹp, ví sắc da như sắc con thiên-nga hay sắc hòn bạch-thạch (1).

Những thơ văn tả hình-dung thân-thể đẹp của người đàn-bà, làm cho trượng-phu phải mê-hồn lạc-phách, thời trong văn-chương Tây biết bao nhiêu mà kể; Baudelaire, Richepin, Musset, Banville, Verlaine, Armand Silvestre, Catulle Mandes, Pierre Louÿs, Fernand Gregh, Maurice

(1) Những lời thơ này là lược cả.

MAGNE, biết bao nhiêu thi-nhân Tây đã tả cái mắt, cái môi, cái vú, cái tay, cái răng, cái tóc của người đàn-bà!

Kẻ ngâm-vịnh ở nước Nam cũng vậy, không phải là không biết cảm cái đẹp của người đàn-bà.

Như bài « Mười cái thương », cực-tả những cái vẻ mĩ-miều khả-ái của người đàn-bà An-Nam :

Một thương tóc bỏ đuôi gà,
Hai thương ăn nói mặn-mà có duyên.
Ba thương má núng đồng tiền,
Bốn thương răng lánh hạt huyền kém
Năm thương cổ yếm đeo bùa, [thua,
Sáu thương nón thượng quai tua dịu-
Bảy thương nết ở khôn-ngoan, [dàng,
Tám thương miệng nói lại càng thêm
Chín thương có ở một mình, [xinh
Mười thương con mắt hữu-tình với ai!

Lại những câu trong truyện *Kiều*, như :

Mai cốt-cách, tuyết tinh-thần...
Khuôn trăng đầy-đặn, nét ngài nở-nang...
Mây thua nước tóc, tuyết nhường mầu da.
Làn thu-thủy, nét xuân-sơn,
Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém
xanh, v.v.

Nhà làm thơ tất phải cảm cái đẹp của người đàn-bà lắm, mới tả được nên những câu tuyệt-điệu lý-thú như thế. Những lối tỉ-dụ ví-von ấy, khéo và nhã biết bao nhiêu. Nhưng mà có một điều khác, là không có những câu sắc-dục nồng-nàn như trong thơ tây, như những thơ của ROLLINAT hay RICHEPIN vậy. Không có những câu tả đến rằng: « Khi mình hôn ta thì cái nước miếng của mình thơm như mùi kẹo mà lại có cái dư-vị cay như hồ-tiêu, làm cho ta xúc-động. »

Những lối dâm-thi như của LÉON DENBEL thì trong văn-chương An-Nam tuyệt-nhiên không có. Không có những câu như trong bài *Bacchante* của SAMAIN rằng : « Khi cái tình-dục nó đã nổi lên thì hết thảy bị át đi cả, như đêm khuya ở giữa nơi sa-mạc tiếng con sư-tử rống vậy. » Hay là những câu như trong bài *Luxure* rằng : « Ôi! Tình-Dục! Tình-Dục! ngươi là vị thần rất thiêng-liêng, rất huyền-bí, bất-diệt, bất-tử của cái thế-giới sắc-nhục này! » Những câu đó, người An-Nam đọc chắc là không có cảm-động gì. Người ta không biết những cái dục-tình mãnh-liệt như thế. Những câu phong-tình ở nước Nam, dẫu thanh-tao thú-vị đến đâu mặc lòng, chẳng qua là câu giáo-đầu cho cuộc hôn-nhân mà thôi. Còn cái tình-dục như của người Tây, cùng là những sự khoái-lạc về nhục-thể oái-oăm kỳ-dị, người An-Nam tuyệt-nhiên không biết.

Tôi có quen một ông đồ già ở đường Huế tên là ông Đồ Mai, ông chơi thân với tôi đã mười-lăm năm nay. Một hôm nói chuyện tình : ông nói rằng ông không biết cái ái-tình như người Tây. Những khi chuyện-vãn như thế, tôi thường cóp-nhặt lấy những ý-kiến của ông tỏ ra cái tư-tưởng người Đông-phương với người Tây-phương khác nhau thế nào, và biên-dịch ra thành đến bốn-mươi bài thơ luật (*sonnet*). Đây là lược đại-ý một bài nói về chuyện tình :

« Cái ái-tình như trong sách Tây của các ông thường tả, huyền-diệu, dâm-xảo, hăng-hái, ham-mê, ở nước chúng tôi không có.

« Cái ái-tình ở nước Nam là chỉ ở trong vòng hôn-nhân, trong cuộc vợ-chồng mà thôi. Chắc cũng có kẻ say đắm vì dục-tình mà bỏ cửa bỏ nhà để đi theo trai theo gái, nhưng bên Tây các ông cho sự đó là một trò cười, mà luật-pháp An-Nam chúng tôi cho là một điều tội-ác, vì có hại cho xã-hội. Những kẻ vì điều tình-dục mà sai đường chính-đạo, người An-Nam không coi là những gã khỏe-mạnh có thừa

sức chơi-bời, mà cho là một phường cuồng-dại mắc phải bệnh điên. »

Đến những lối văn thuần ngôn-tình, những giọng phong-hoa tuyết-nguyệt, thì văn An-Nam cũng như văn tây, có nhiều câu phong-thú lắm.

Trong văn tây, ngoài những nhà đã thuộc về « cổ-điển », như LAMARTINE, HUGO, MUSSET, Mme DESBORDES-VALMORE, còn biết bao nhiêu là thi-nhân ngâm-vịnh những cuộc ái-ân đằm-thắm, thương nhớ não-nùng.

Như câu của MAURICE MAGRE lúc biệt-ly với tình-nhân rằng : « Mình có đi đừng có để cái khăn tay lại, kẻo người thấy chút hương thừa làm cho ta đứt ruột. »

Lại những câu não-nùng của EDME-GOYARD, là một tay thi-nhân còn thanh-niên, chiều chiều hay ngâm-vịnh ở quán *Lapin agile* trên đống *Sainte-Geneviève ở Paris* và chắc sau này có ngày nổi tiếng ; những câu nói với tình-nhân rằng : « Mình ơi ! mình dơ tay đón lấy ta, ru cho ta êm giấc mộng. Mình dơ cánh tay ẵm lấy ta, như cửa bể chiều hôm, gặp cơn bão-táp, ra tay đón lấy chiếc bách bềnh-bồng ! v. v...»

Trong thơ An-Nam cũng có nhiều bài cảm-tình thiết-tha lai-láng như thế. JEAN RICQUEBOURG là một nhà làm thơ tây có tiếng ở bên này trước, nay đã mất rồi, có dịch ra thơ tây một bài than của người khách tha-hương đi làm ăn xa ở bên Mên bên Lào viết về thăm tình-nhân ở nhà quê. Bài ấy dịch ra chữ tây hay lắm, nhưng chắc là một bài thơ riêng mới đây, không tìm thấy nguyên-văn tiếng An-Nam. Cứ xét trong bản dịch thì cái bài của nhà vô-danh thi-khách nào đó ý-tứ hay lắm : nhớ tình-nhân mà ước-ao cho được làm đám mây bay về chốn quê nhà, đợi khi nào tình-nhân quẩy thùng ra ao gánh nước thời mưa xuống đầy ao cho người yêu múc lấy, đem về rửa chân rửa tay, cho mình được chiếu lấy bóng người, rồi người có khát mà uống cho đến cạn đi nữa, mình chết cũng cam-tâm.

Ý-tứ thanh-tao biết bao nhiêu, mà người dịch ra thơ tây cũng tài-tình lắm [1]. Đọc bài đó mà lại nhớ đến bài « Cái bình vỡ », là một bài thơ tuyệt-tác của SULLY-PRUDHOMME, người Tây ai là người không thuộc lòng. Nhân đây xin dịch nghĩa như sau này để các ngài thưởng-giám :

Cái bình kia cắm cành mã-tiên đã héo,
Phải cái quạt đụng vào nứt vện ra.

(1) Xin lục bài thơ chữ tây ra sau này, để các ngài sành văn tây thưởng-giám. Bài đề là : *Loin de toi*:

Loin de toi, je souffre, exilé...
Je voudrais être le nuage,
Qui, poussé par le vent zélé,
A travers le grand ciel voyage.

Je survolerais le Mê-kong
Dont l'onde monte et s'enfle encore,
Pour luire au soleil comme un gong,
Pour gronder comme lui, sonore...

Par dessus montagne et forêt,
Vers ton amour et pour ma joie,
J'irais ! Mon ardeur trouverait,
Sans boussole, la bonne voie.

Au sein de l'enclos de cactus,
Comment ne pas les reconnaître,
Le jacquier, le coin d'hibiscus,
La pagode qui me vit naître ?..

Gọi là động vào chút-đỉnh mà thôi,
Không có tiếng vỡ không ai biết.

Nhưng mà khẽ nứt một tí như thế,
Càng ngày càng nhấm vào chất pha-lê,
Cứ dần dần dà dà,
Nứt quanh cả cái bình.

Nước trong bình chảy ra thánh-thót,
Nhị hoa kia héo-hắt dần dần.
Người ta chưa ai biết đến,
Nhưng ai ôi! chớ có mó vào, bình đã vỡ.

Nhiều khi cái tay người yêu,
Đụng vào quả tim, làm cho nó tê-tái.
Rồi quả tim tự nứt vỡ ra,
Cái hoa ái-tình cũng khô héo.

Thế-gian trông vào vẫn nguyên-vẹn,
Nhưng cái vết thương nhỏ mà sâu,
Càng lan dần ra, thấm suốt giọt hồng-lệ,
Ai ơi! chớ có mó vào, bình đã vỡ (2).

Sur la fraîcheur du clair ruisseau,
Dès que ton bras qui se replie
Balancerait le double sceau,
Je crèverais en brusque pluie.

Tu me recueillerais alors,
Tu m'emporterais, tendre amante!
Versé, j'emplirais jusqu'au bords,
La jarre pansue et chantante.

Puis, matin et soir, chaque fois
Qu'au cœur transi de l'onde pure,
Tu tremperais tes souples doigts,
Je réfléchirais ta figure.

Enfin, quand ta soif m'aurrait bu,
Notre union s'achevant toute,
Mon désir se mourrait au but,
Tari dans ma dernière goutte!...

JEAN RICQUEBOURG

(2) Nguyên bài thơ chữ tây như sau, đề là : *Le Vase brisé*:

La vase où meurt cette verveine
D'un coup d'éventail fut fêlé ;
Le coup dut effleurer à peine.
Aucun bruit ne l'a révélé.

Mais la légère meurtrissure,
Mordant le cristal chaque jour
D'une marche invisible et sûre,
En a fait lentement le tour.

Son eau fraîche a fui goutte à goutte,
Le suc des fleurs s'est épuisé ;
Personne encore ne s'en doute,
N'y touchez pas, il est brisé.

Souvent aussi la main qu'on aime
Effleurant le cœur, le meurtrit ;
Puis le cœur se fend de lui-même,
La fleur de son amour périt.

Toujours intact aux yeux du monde,
Il sent croître et pleurer tout bas
Sa blessure fine et profonde.
Il s'est brisé, n'y touchez pas.

SULLY PRUDHOMME

Còn nhiều bài thơ tây ý-tứ cũng thanh-nhã, mà thể-cách chẳng kém gì. Như bài « Cái ước của đôi ta » (*Notre Rêve*) của AUGUSTE DORCHAIN, ít người biết, nhưng cũng hay bằng bài « Cái bình vỡ ». Bài này là lời người chồng nói với vợ, ước-ao sinh được đứa con trai ; nói rằng : « Tôi ước-ao cho được đứa con trai, để đôi ta âu-yếm cho cam lòng. Tôi ước-ao được đứa con trai, vì con trai thường hay giống mẹ; tôi muốn cho nó giống con mắt, giống nét mặt, giống cái dáng-điệu thanh-tao dịu-dàng của mình. Tôi muốn cho nó giống mình hết cả, mà có giống tôi chút-đỉnh thì chỉ xin giống cái tấm lòng yêu của tôi, để sau này nó cũng biết thương yêu như tôi thương yêu mình bây giờ. . . »

Những tình-tứ thanh-nhã như thế, trong thi-ca An-Nam không thiếu gì. Như câu hát « Con cò » : làm thân-phận con cò con, dẫu phải chết cũng đành chịu chết, nhưng chết mà còn muốn giữ được trọn cái bản-sắc trong giá trắng ngần, cũng như chuyện chàng *Cyrano* trong văn-chương Pháp, muốn chết không có vết xấu. Tức là ví con người thanh-cao ở đời, dẫu đặt mình vào nơi ô-trọc mà không nhiễm phải thói xấu-sa :

Cò con lặn-lội bờ ao,
Tôi có tội gì ông hãy sảo măng.
Có sảo thì sảo nước trong,
Đừng sảo nước đục đau lòng cò con.

Khi nào được tự-do ngâm - vịnh thời các nhà thi-ca An-Nam nghĩ được nhiều lời nhiều tứ hay lắm, mà không phải chỉ một lối phong-tình mà thôi. Lối khôi-hài, lối trào-phúng, lối chế-nhạo, lối báng-bổ, cũng tài-tình lắm. Cái cách người Tây gọi là cách hoạt-kê, người An-Nam thật sở-trường. Sự sinh-hoạt trong xã-hội càng bị bó-buộc, bị hạn-chế trong vòng lễ-nghĩa quá, thời lúc nào đã được tự-do khôi - hài là khôi-hài một cách lý-thú lắm, chẳng kém gì MOLIÈRE, RABELAIS ngày xưa. Tựa-hồ như cả ngày phải cặm-cụi làm ăn khó-nhọc, khi thong-thả ngâm câu hoạt-kê cho nó thư-thái tinh-thần, vui-vẻ tỉnh-tỉnh, cho tỏ cái khoái-lạc ở đời, như đương cơn mưa phùn u-ám có cái tia sáng mặt trời chiếu qua vậy.

Nào những câu ca câu vãn chế sư chế vãi, chế ngô-khách, chế Chà-và, chế con gái làm lẽ, chế thầy thông thầy ký, chế học-trò, chế bồi - bếp ở với người Tây, chế cả người Tây nữa, biết bao nhiêu mà kể.

Như câu :

Mẹ ơi, con muốn lấy chồng,
Con ơi mẹ cũng một lòng như con...

thì nhịn cười làm sao được ?

Lại mấy câu diễu đôi vợ chồng nọ, cũng cay lắm :

Lỗ mũi em xồm-xồm những lông,
Chồng yêu chồng bảo râu rồng trời cho.
Đêm nằm em ngáy o-o,
Chồng yêu chồng bảo ngáy cho vui nhà.
Đi chợ thì hay ăn quà,
Chồng yêu chồng bảo về nhà đỡ cơm.

Những câu hoạt-kê như thế, nhiều lắm, kể làm sao cho xiết được.

Nay xin tổng-luận mấy câu mà thử giải-quyết về hai cái vấn-đề như sau:

Văn-chương An - Nam có tiến-hóa mà gần được với văn-chương Pháp không ? Nhà văn-sĩ Pháp có thể lợi-dụng được những văn - liệu thi - liệu của Đông-phương không ?

Ta hãy xét về vấn-đề thứ nhất.

Nếu đã cho rằng gốc văn-chương một nước, nghĩa là cái đề-mục và cái khuynh-hướng của nhà làm văn, là mật-thiết-quan-hệ với phong-tục chế-độ nước ấy, là cái gương phản-chiếu

của xã-hội nước ấy, thời muốn cho văn-chương biến-cải, trước phải biến-cải xã-hội đã.

Nay xã-hội nước Nam ví có một ngày biến-cải theo cái cá-nhân-chủ-nghĩa của Tây-phương, thời sự biến-cải ấy tất cũng còn lâu, và đợi cho ảnh-hưởng đến văn-chương thời chắc bọn chúng ta đây cũng chửa mong cập-kiến được.

Vậy sự đó còn là sự dự-tưởng về sau này.

Vả lại tôi nói đây là chỉ nói về một phương-diện văn-chương mà thôi, chứ không xét đến sự biến-cải ấy về các phương-diện khác có phải là sự hay không. Đó lại là câu chuyện khác, như lời KIPLING thường nói.

Nhưng mà ngoài cái *tôn-chỉ* của văn-chương, còn có cái *hình-thể* của văn-chương nữa, nghĩa là cái cách diễn-đạt tư-tưởng bằng văn-chương thế nào.

Dù văn-chương An-Nam vẫn cứ phản-chiếu cái gia-trưởng-chế-độ cũ nữa mặc lòng, thiết-tưởng rằng trong cách hành-văn, trong lối kết-cấu, có cũng thể châm-chước theo lối Âu-Tây mà sửa đổi đi ít nhiều cho nó thêm khởi-sắc hơn, ít hay nhiều là tùy đó, cũng khó mà nói cho nhất-định được.

Thiết-tưởng như một bộ tiểu-thuyết tả về lòng hiếu với cha mẹ, vẫn giữ nguyên cái đề-mục ấy, mà giá cách tả cảnh tả người tường hơn một chút thì lại càng hay, chứ chẳng hại gì. Lại cách kết-cấu truyện, nếu chịu theo lối Âu-châu mà trọng sự thực hơn một chút, bớt đặt những chuyện hoang-đường, thời cũng là một sự hay nên bắt-chước. Vẫn biết cách châm-chước này là khó lắm, vì nếu chú-ý về cá-nhân lắm, thời tất không khỏi quên những những lễ cương-thường lớn của xã-hội.

Nhưng đó là ăn thua nhau ở cái khéo tay mà thôi. Khéo ra thì vừa thâu-thái được những phương-pháp hay của văn tây, như tả-thực cho có đặc-sắc, kết-cấu cho có đầu đuôi, điểm-xuyết cho có lý-thú, v. v., mà lại vừa không phạm đến những cái lý-tưởng gốc trong xã-hội mà văn-chương là cái gương phản-chiếu.

Nói về văn-chương như thế, nói về điển-kịch cũng nên thế.

Không phạm đến cái gốc trong bài kịch, mà có thể cải-lương được cái hình-thức của bài kịch, như đặt các vai cho hệt với sự thực, bỏ những truyện huyền-hoặc hoang-đường, dùng cách máy-móc của Thái-Tây mà đổi những cách bài-trí trên sân khấu.

Như diễn truyện *Kiều* ra tuồng mà diễn cho hệt đoạn Thúy-Kiều trầm mình sông Tiền-đường, tưởng cũng chẳng hại gì đến cái giá-trị và cái ý-nghĩa của truyện *Kiều*.

Nay xét đến vấn-đề thứ hai.

Ví cần phải chứng rằng các nhà văn-sĩ Tây có thể lợi-dụng những nhân-vật cảnh-trí của bản-xứ mà làm văn-chương được, thời cứ kể ngay những tên như sau này là đủ rồi: BOISSIÈRE, POUVOURVILLE, BONNETAIN, NOLLY, DAGUERCHES, DROIN, AJALBERT, MARQUET, JEANNE LEUBA. CHIVAS BARON, CHAVALIER, JEAN D'ESTRAY, STÉPHANE MOREAU, cùng vô-số người khác nữa hầu tháng có bài trong tạp-chí *Pages indochinoises*. Những nhà văn-sĩ ấy, muốn cho làm nên văn-chương đặc-sắc, thì sang đến đất nước Nam này, phải bỏ hết cả những cái sáo văn cũ thông-hành bên mẫu-quốc, mà những nhà văn thuộc về phái « lãng-mạn » cuối mùa thường hay dùng đến yếm-ứ, nhiên-hậu mới nghiên-cứu và diễn-tả được cái tính-tình, sự cảm-tưởng của người bản-thổ.

Có lẽ làm như thế cũng chửa đủ thấu-triệt được cái tinh-túy của đất nước này. Nhưng dẫu không được thâm-trầm xuất-sắc, cũng được thành-thực chính-đáng, không đến nỗi như những sách tiểu-thuyết lếu của mấy bọn văn-sĩ giả kia, chẳng biết gì đến nước Nam, cũng làm sách về nước Nam.

Đến những nhà dịch văn-chương Á-Đông ra chữ tây cũng là có công lắm. Muốn cho người Tây biết rõ về Đông-phương thì còn gì bằng đem sách Đông-phương mà dịch cho người Tây xem. Dịch mà hay mà đúng, há chẳng là diễn được cái hồn-tính của người Đông-phương dư?

Đừng có nói rằng văn-chương dịch là văn-chương vô-giá-trị, phàm những văn-chương kiệt-tác không thể dịch ở tiếng nước nọ sang tiếng nước kia được.

Nếu người dịch có tài, thời bản dịch mà lại không hay không đẹp được bằng nguyên-văn hay sao?

Dịch văn mà như bài thơ « Cái quạt » của Emile Lutz phỏng-dịch bài « Thu-phiến » của Ban Tiệp-Dư, tưởng cũng tinh-thần lắm.(1)

---

(1) Bài 秋扇 của Ban Tiệp-Dư 班婕妤：新製齊紈素。鮮潔如霜雪。裁成合歡扇。團團似明月。出入君懷袖。動搖微風發。常恐秋節至。涼飈奪炎熱。棄捐篋笥中。恩情中道絕。Nghĩa là : mới cắt tấm lụa trắng, trong sạch như sương-tuyết, làm cái quạt hợp-hoan, tròn tròn như mặt trăng, ra vào tay áo vua, lay động thành gió mát ; chỉ sợ tiết thu đến, gió lạnh đoạt khí nóng, bỏ quên ở trong nịp, ân-tình giữa đường tuyệt.

— Bài phỏng-dịch ra thơ tây của Emile Lutz, đề là « *L'éventail* », như sau này :

Loin de Tcheng-Ti, Fils du Ciel, qui l'abandonne,
Pan-Tsi-Iu se résigne. A l'aube, ce matin,
Elle a, peignant l'iris avec la belladone,
Orné de ce symbole un disque de satin.

Sur l'éventail qu'un ciel de fin d'automne éclaire,
Le faux couple s'effeuille ; en marge, sans aigreur,
Miroite, en signes d'or, l'adieu crépusculaire,
Qu'elle enverra porter, ce soir, à l'Empereur.

« Ayant droit au regret, sinon à la rancune,
Seigneur, cet éventail moiré d'ombre et d'azur,
Je l'ai taillé sur le modèle de la lune,
Dans le satin neigeux de mon linceul futur !

D'avance, je vous vois, sous les chauds térébinthes,
Calmant votre langueur de son souffle agité,
Un frais parfum sortant pour vous de ses fleurs peintes....
Seigneur, quittera-t-il jamais votre côté ?

Hélas ! voici venir les brouillards du solstice !
Frissonnante, la bise envahit le jardin...
A quoi bon l'éventail et sa fraîcheur factice !
Vous l'accrochez au mur... Tel était son destin.

Quelque valet, ensuite, un jour glacé d'automne,
Le jette aux vieux objets, d'un geste saugrenu,
Et mon maître, oublieux, ne sait — Fô lui pardonne ! —
Peut-être même pas ce qu'il est devenu... »

***

Văn-chương Pháp với văn-chương An-Nam khác nhau thế nào, trên kia đã nói rõ rồi. Kể khác nhau thì thật là khác nhau lắm. Nhưng mà cũng có chỗ giống nhau nhiều, trên kia cũng đã nói rõ, và hai bên có thể tương-bổ tương-trợ cho nhau.

Nay lấy một câu tỉ-dụ mà kết-luận bài diễn-thuyết này, thời ví hai cái văn-chương như hai con sông dài, dòng nước không có đổ lộn nhau, nhưng mà cũng cùng nhau chảy thẳng ra bể khơi cả, là chỗ Bồng-lai tiên-cảnh, mà hoa-cỏ gấm-vóc là những tình-tứ cao-kỳ, câu văn tuyệt-diệu. Hay là ví thế này cho đúng hơn : ví như hai cái cây cổ-thụ, rễ nó không bao giờ liền nhau được, vì mọc sâu vào những cõi đất khác nhau, nhưng mà cùng đâm cành mọc lá lên tít tận trời xanh, thời lá kia cành nọ có thể chằng-chịt với nhau mà cùng nhau trao đổi những hương thơm sắc đẹp vậy.

T.-C. *dịch*

QUỐC-TÚY VÀ VĂN-MINH

Chúng ta thường thấy các bậc thiếu-niên đời bây giờ ngồi cùng nhau bàn về tư-tưởng, về tiến-hóa, đều cho người xưa là cổ-lậu, là không thích-thời, mà muốn đem các thức văn-minh tiến-bộ ngày nay để phá tan cái ảnh-hưởng nặng-nề của cổ-nhân mà sửa đổi thời-thế lại cho được mới-mẻ ; các bậc thiếu-niên ấy thật cũng đã tiêm-nhiễm trong đường học-thức, dồi-dào tấm lòng yêu nước thương nòi, mà lo bàn về vấn-đề dân-tộc tiến-hóa, chứ không phải như những phường dong chơi lêu-lổng, muợn cái lốt văn minh bề ngoài mà làm sâu mọt cho xã-hội.

Chúng ta lại thường thấy các bậc lão-thành đời bây giờ, ngồi cùng nhau bàn về tinh-thần, về quốc-túy, đều cho người đời nay là phóng-khoáng, là vong-bản, mà muốn đem những lễ-giáo, những nghi-tiết ngày xưa để kiềm-chế tấm lòng khinh-bạc của người đời nay, duy-trì trật-tự lại cho được yên-ổn. Các bậc lão-thành ấy thật cũng đã xem xét kỹ về nhân-tâm thế-đạo, lo xa nghĩ rộng về vận-mệnh tương-lai của nước nhà, chứ không phải như các ông già tự-tư tự-lợi kia, chỉ biết khư-khư thói hủ, tranh lấy phần chân trước bước xưa cho qua thời, một mai đã khuất mắt rồi, đất ngả trời nghiêng cũng phó mặc cho phường hậu-bối.

Ôi ! đảng thiếu-niên lo như thế, đảng lão-thành nghĩ như kia, một đường thì muốn khuynh-hướng về tư-tưởng mới, một đường thì muốn duy-trì về tinh-thần cũ, có lẽ cũ mới hỗn-hợp cùng nhau mà thành ra một cuộc tiến-hóa hoàn-toàn của chủng-tộc ta ngày nay mới phải, cớ sao cũ không ra cũ, mới không ra mới, ương-ương dở-dở mà càng ngày lại càng thấy suy-tồi là lẽ gì ?

Thuộc về vấn-đề này, các báo chương hô-hào cũng đã nhiều, mà càng hô-hào bao nhiêu lại càng vẫn thấy suy-tồi bấy nhiêu. Tôi thảo mấy lời sau này cũng không dám chắc rằng có vãn-hồi được cuộc suy-tồi ngày nay hiện đương như gió cuồng sóng vỗ, bão táp mưa sa, dã vì lòng nhân-dục của mọi người mà vùi lấp phá đổ biết bao nhiêu là công-lý. Nhưng tôi cũng muốn nhắc lại hằng ngày, — mà sự nhắc lại này lại là sự không thể chán

được — để cho mọi người đều nhớ rằng loài người sống về đạo-đức, về thiên-lý, chứ không phải sống về tình-dục ; sự xu-hướng dối-dá, cách hiếu-thượng nông-nổi, chẳng qua là tự mình xui nên cái họa diệt-vong, xô-đẩy vào cái hầm hắc-ám đấy mà thôi.

Cái tệ suy-tồi ngày nay không phải vì quốc-dân ta chưa biết rõ rằng cái tinh-thần cũ đáng giữ, cái tư-tưởng mới đáng theo. Ôi ! người nước ta cũng đã biết lắm, cũng đã hiểu lắm, nhưng mà biết một cách giả-dối, hiểu một cách giả-dối, suy ra cho kỹ, thì sự giả-dối ấy đã làm cái nguyên-nhân cho sự suy-tồi vậy. Kìa chẳng xem như những câu quốc-hồn, quốc-túy, văn-hóa, văn-minh, mấy chữ thường-sáo kia, bấy lâu nay đã nhan-nhản trên tờ báo, làu-làu trước cửa miệng mọi người, mà nào có thấy ăn-thua gì đâu, nói lâu nghe cũng rờm tai, bây giờ thiên-hạ cầm-bằng như mấy tiếng rao hàng của các cậu bán giong, mấy lời quảng-cáo của các nhà hàng hiệu vậy. Có một ông tây nói rằng : « Tôi không sợ gì các người dân quê-mùa, không biết quốc-hồn, không biết văn-minh là thế nào mà làm bậy, người ấy còn có thể chữa được ; tôi chính sợ những người đã từng nói những câu quốc-hồn, những chuyện văn-minh mà làm bậy, lại nhiều phen họ lợi-dụng một cách rất nguy-hiểm. » Ma thật thế ! Cái vạ suy-tồi nó sinh ra tự sự giả-dối, thế thì ngày nay ta không phải đề-xướng về những câu quốc-hồn, quốc-túy, văn-hóa, văn-minh nữa, ta nên ngày-ngày đem những sự giả-dối của loài người mà kể ra, họa may có bớt được một đôi phần chẳng. Nay tôi xin đem những cách ăn-ở, sự hành-vi của người đời xưa và người đời nay mà so-sánh ra sau này, để chứng-minh ra thử người đời nào là có quốc-túy, quốc-hồn, người đời nào là biết đường văn-minh, tiến-hóa.

Ngày xưa, ở đời Tự-đức, có một ông quan người đường trong (nghe đâu là quan Tế-tửu Nguyễn Dục người làng Chiên-đàn, tỉnh Quảng-nam, không biết có chắc không), ra làm án-sát các tỉnh đàng ngoài. Khi ông phó-lị, chỉ đi có một thầy một trò mà thôi. Nhân có một cái án bị xử-quyết, nhưng mà ông nghi án ấy là oan, ông bèn mỗi đêm thắp hương ngồi một mình, vừa mật-niệm với quỉ-thần, vừa lo nghĩ sao cho cứu xét được cái án oan ấy ; làm như thế ước ba tháng rồi sau ông xét được, quả-nhiên người bị án ấy là oan, ông bèn tha ngay.

Người ấy vốn nhà giàu, may gặp được một vị cứu-tinh giải-thoát khỏi vòng nguy-ách, ơn tái-sinh ấy cảm-khích biết là nhường nào. Người ấy khi đã được tha về rồi, bèn đem dâng ông mấy nén bạc xin đền ơn cứu-tử, ông không những không thu, mà lại bắt người ấy bỏ tù một năm, ông bảo với người ấy rằng : « Ta vâng mệnh vua ra trị dân, xét việc công-bằng ấy là cái phận-sự của ta phải làm, (hồi bấy giờ chỉ nói rằng phận-sự, chứ chưa nói đến hai chữ nghĩa-vụ), ta không phải vì mấy nén bạc nhà ngươi mà tha tội. Nay nhà ngươi đem bạc dâng ta, thật là khinh quan-chức của triều-đình mà tự mình lại làm hư phẩm-cách của người nữa, tội ấy rất nặng, đáng không dung-thứ ; nhưng vì nhà ngươi là một kẻ ngu-dân, vậy nên ta chỉ câu-giam ít lúc mà bạc-trừng để sau biết ăn-năn chừa lỗi. » Cách vài năm ông được tuyên-triệu về làm kinh-chức, ông từ-biệt nơi cựu-lị ra về, trong khi đi đường một thầy một trò, đồ hành-lý cũng chỉ trong một cái khăn gói của tên tùng-giả mang trên vai, không có đai kia rương nọ, xe

chuyên tầu chở, như cách di-động của các quan văn-minh đời bây giờ. Cồ-hủ thay! một cụ già kia! áo khăn lượt-mượt, cử-chỉ quê-mùa, nằm trên một cái cáng phu trường, lốc-cốc theo sau một chàng đệ-tử, nào ai có biết ông già ấy là có tư-tưởng gì, tinh-thần gì đâu! Nhưng mà kỳ-thực trong bụng ông già kia chứa đầy những mối cảm-tình về nhân-quần thế-đạo, mối cảm-tình ấy không những tự ông đối với non sông không thẹn, mà đã có người theo chân ông mà ca mà tụng, mà thương mà tiếc, để tỏ cái cảm-tình biết kính trọng người quân-tử, biết phụng-thờ những bậc chánh-sĩ nhân-nhân. Ông đi đường ước vài ngày thường thấy ở đàng sau có một người cứ theo ông mãi, hễ ông nghỉ quán trước thì người ấy nghỉ quán sau, không dám đến gần mà cũng không nơi nào thấy vắng. Ông lấy làm lạ, bảo người đệ-tử rằng : « Mày thử đến hỏi người ấy đi đâu, có lẽ cũng đi một đường với chúng ta chăng. Quả vậy, sao nó không kết bạn với chúng ta cho vui mà một mình lụi-cụi trong lộ-đồ như thế ?. » Người đệ-tử đến hỏi, rồi về thưa với ông rằng : « Tên đi đường ấy chính là tên tội mà quan lớn bắt câu-giam năm trước đấy. — Thế thì mày sẽ bảo nó lại đây cho ta hỏi ». Người ấy lại, thoạt trông thấy ông đã sụp xuống quì trước thềm, tuôn rơi hai hàng nước mắt mà thưa với ông rằng : « Chúng con nhờ ơn cứu-tử của quan lớn (khi bấy giờ cũng chưa có tiếng *Cụ*) mới có ngày nay, vẫn biết pháp-luật là công-bình, nhưng mà phải gặp bậc quan trên đã minh và công thì dưới dân mới hưởng được sự công-bình trong pháp-luật. Năm trước con bị tội oan mà quan lớn minh oan tha tội cho, tự quan lớn cho là phận-sự, nhưng mà sự biết ơn cũng là phận-sự của người dân. Từ khi con được tha về, cảm ơn tái-tạo của quan lớn, không biết lấy gì báo-đáp, vẫn biết tấm lòng thanh-liêm của ngài không khi nào để cho những vật thân-ngoại làm nhơ-bẩn đến, nhưng con xin tỏ một chút cảm ơn, để ghi nhớ và ngõ được thỏa lòng : trong hai năm nay tự tay con chạm-trổ chế-tạo lấy được một cơn hèo (cái gậy) này, vật này cũng thích-dụng cho người có tuổi mà không phải là vàng-ngọc châu-báu gì, con tuyết lòng muốn tự đem cái nghề vụng-về, cái công nhỏ-mọn của con mà đền bồi cái nghĩa cao dày của quan lớn. Nhưng làm ra chưa dám dâng, mà quan lớn đã thiên-bổ đi nơi khác, con được tin ấy vội-vàng theo hầu quan lớn trong mấy ngày nay. Bẩm lạy quan lớn, xin quan lớn rộng thương để cho con theo làm tôi quan lớn trót đời... » Người dân nói đến đấy, thì quan Án gạt ngay rằng : « Anh hãy về mà lo việc nhà anh, tôi làm quan đã có lính hầu, không cần dùng gì đến anh. » Người dân lại thưa rằng : « Nếu quan không cho con theo, thì con xin dâng cái gậy này để nó được theo hầu quan lớn cho trót đời. » Quan án khi ấy bèn nghiêm nét mặt, bước ra đỡ lấy người dâng, hai tay nhận cơn hèo mà bảo rằng : « Tôi xin cám ơn anh, tôi xin nhận tấm lòng biết ơn của anh, nhưng mà tôi chỉ có thể nhận cái công của anh, chứ không thể nhận cái của của anh được. Này! cái gậy này là công của anh làm ra, tôi xin nhận, còn cái chỗ bịt vàng này là của của tạo-hóa cho anh, không phải tự anh làm ra vàng được, tôi xin trả lại anh. » Ông bèn lấy con dao chặt ngang cái gậy, nhận một nửa về chỗ không có bịt vàng.

Lại nghe đời xưa cũng về triều Tự-đức có một bà già người ở Nam-trung, có ông con ra làm quan Án-sát tỉnh Nam-định (nghe nói quan Án ấy người họ Bùi). Ông nhân khi làm việc quan

có người thuộc-hạ dâng một cây lụa, nghĩ rằng nhà có mẹ già, bèn nhận gửi về biếu mẹ. Bà già tiếp được cây lụa, đem đốt thành tro rồi lấy giấy phong lại, sai người đem ra trả cho quan Án và gửi theo một bức thư đại-lược nói rằng : « Già sinh con ra nuôi ăn đi học, cũng muốn ngày sau con làm nên, phò vua giúp nước, cứu đời trị dân, làm cho rạng tiếng cha mẹ, không phải nuôi con cho được thành-lập mà muốn cho con ra lấy của bất-nghĩa của thiên-hạ để đem về cho già được ăn thịt mặc lụa đâu. Già ở nhà cũng đủ ăn đủ mặc, không cần đến con phải lo, mà cốt là con không được lấy của ai một tơ hào gì. Làm quan đã có lộc nhà vua, nếu không đủ tiêu dùng, thì già sẽ gửi của nhà phụ giúp cho, không nên lấy của người mà làm điều trái bản-phận. » Quan Án tiếp được thư mẹ, từ ấy đến sau tuân theo lời mẹ, thành một vị quan thanh-liêm và xử việc rất công-bằng, đã có tiếng đồn ngài có tài trích-gian phát-phục, làm một cái gương tốt cho các quan tư-pháp đời bấy giờ.

Ký-giả kể hai chuyện trên này mà khiến tấm lòng không thể không yêu mến người đời xưa được. Kìa, ông quan già kia cầm dao chặt đôi cây gậy, mà thành ra cây gậy ấy chia thành hai đoạn, phân-minh một bên là *nghĩa*, một bên là *lợi*, làm cho chữ *nghĩa* chữ *lợi* dễ giải-quyết được, không đến nỗi như ai lợi-dụng chữ *nghĩa* của người bề dưới đối với mình mà làm *lợi* riêng cho mình. Kìa, bà già kia, đem cây lụa mà hóa ra tro, khác nào như đốt tan tấm lòng nhân-dục của người đời mà giữ lấy cái gương trong-sạch; bà không màng chi những lối đầu-thăng cam-chỉ vì của phi-nghĩa mà sinh ra. Mà ông quan già ấy và bà lão ấy cũng chẳng qua là người già quê-mùa, kẻ thiếu - niên ta thường cho rằng các cụ lão ngày xưa, tư - tưởng không có văn-minh, không có thích-hợp với ngày nay vậy.

Ôi ! Người xưa đã đem cái quốc-hồn quốc-túy mà để cho người đời sau, chính người đời xưa tự mình khắc-khổ mà bồi-dưỡng cho quốc-hồn quốc-túy, chứ không phải chỉ nói ngoài miệng vậy. Tôi kể chuyện người đời xưa rồi, thử nghĩ xem người đời nay ra thế nào. Kìa, các bậc lão-thành cũng nhiều người có tâm với thế-đạo, nhưng mà những ông lão-thành như thế, phần nhiều là các ông đã chán đời mà an thân nơi thảo-dã, không thì cũng là các quan đã cáo-lão về vườn, vui vì thú cúc-tùng, phai-lạt cái mùi danh-lợi mới sực nhớ đến mùi đạo-đức. Còn ngoài ra các vị đương quyền đương chức, tôi tưởng thắp đuốc mà tìm cũng không thể thấy được hạng người như cổ-nhân. Mà lạ thay ! tâm-sự cổ-nhân thì ít có mà hình-thức cổ-nhân thì thật nhiều : ta thử vào trong một đám công-đồng, nghe các bậc lão-thành nghị - luận về việc đời, ai chẳng đem dạ lo-toan cho nhân-tâm thế-đạo ; ông thì ngậm-ngùi về nỗi phong-tục suy-đồi, ông thì thương-xót về nỗi nhân-tình khinh-bạc ; cái vấn-đề quốc-hồn quốc-túy, tưởng không khi nào các bậc lão-thành không chú-ý đến. Không những chú-ý mà thôi, mà thường khi đối với người dưới lại đem những lễ-pháp cổ-nhân ra kiềm-chế, thế này là trật-tự, thế kia là tinh-lễ ; thế này là quyền-lợi của các bậc quyền-quí, thế kia là nghĩa-vụ của những kẻ yếu-hèn. Ôi ! phận trên dưới, nghĩa tôn-ti, lễ-nghĩa nghi-văn các bậc lão-thành giữ-gìn thật cũng đã nghiêm-mật, nhưng mà tâm-sự của các ngài thì khác hẳn với người cổ, của bất-nghĩa có lẽ các bậc lão-thành cũng ham, sự phi-pháp có lẽ các bậc lão-thành cũng làm, mà lắm lúc lại lợi-dụng cái địa-vị lão-thành mà bồi-

thực được thế-lực, dìu-dắt được con em, về phần lợi riêng thì các ông lão-thành không cần đến quốc-hồn quốc-túy là thế nào cả. Có người kể câu chuyện của một người trên đối với người dưới, việc tuy nhỏ mọn nhưng cũng có thể tả-chân được cái tâm-sự của các ông « cổ-nhân » đời bây giờ: Chàng nọ muốn được công-danh, đến nhờ người thế-lực giúp cho, người thế-lực bảo rằng: « Ta xét nhà ngươi con nhà thế-phiệt và có học-vấn, ta cũng muốn dề-bạt cho có đường vinh-tiến. Thôi, về ta sẽ liệu cho.» Được ít lâu, quả-nhiên ông giúp nên việc, người ấy lấy làm mừng và thấy lời ông lão nói cũng có đạo-lý, bụng bảo dạ rằng: ông giúp mình là vì nghĩa, chứ không phải cần gì đến lợi; bèn may áo thụng đến nhà ông lạy tạ. Ông thoạt trông anh ta chỉ đến người suông không có lễ-vật gì cả, ông liền quát-mắng rằng: « Mày là thằng vô-lễ, là thằng không biết ơn; thế-giới bây giờ đường đạo-đức đã bại-hoại, ta không dung những phường thiếu-niên khinh-bạc như mày được. Thôi! mày về, sau này ta sẽ làm cho những đứa vong-ân bội-nghĩa biết tay.» Người ấy về, cách mấy hôm, rồi sắm được một món lễ-vật cũng kha - khá, cậy người dẫn vào trong nhà tư-thất mà lạy ông tạ tội. Ông bèn bảo rằng: « Thôi! mày là phận con em, ta cũng dạy cho biết đường lễ-nghĩa. Nay mày đã biết hối thì ta thứ cho. Con ôi! mình là con nhà thế-gia phải giữ theo nền-nếp của cổ-nhân mà ở, không nên nhiễm những câu tự-do bình-đẳng sai-lầm đời bây giờ. . . »

Ấy là cái lẽ giữ-gìn về quốc - hồn quốc-túy của các bậc lão-thành vậy. Các bậc lão - thành như thế, còn các bậc thiếu-niên đời bây giờ thì thế nào? Trên kia đã nói các bậc thiếu-niên thì khuynh - hướng về đường văn-minh tiến-hóa, nhưng mà chúng ta thử xem sự khuynh - hướng ấy hẳn thiên về phương - diện nào, và đã khuynh - hướng về con đường văn-minh mà có giảm bớt được phần hủ - lậu hơn trước không. Nếu xét ra cho kỹ thì tưởng cũng chưa lấy gì làm văn-minh tiến-hóa vậy.

Kìa! không kể những phường thiếu-niên công-tử-bột, học-thức không có, tư-tưởng không có, mượn cái lốt bề ngoài mà làm những trò hề trong xã-hội, hạng ấy là hạng không đủ đếm xỉa, ta không cần nói làm gì. Nay xin nói các nhà có học mà tự mình cũng đã định rằng sau này sẽ làm một hạng thượng-lưu-nhân-vật để làm gương cho đàn em. Trong hạng này thật cũng có người đã lược biết cái tinh-thần về lối văn-minh của Thái-Tây mà muốn đem tuyên-bố cho người đồng-loại, thấy người ta nước giàu dân mạnh mà mình đây nước yếu dân hèn, thấy người ta trí-thức khôn-ngoan mà mình thì học-vấn cạn-hẹp, cũng lấy làm lo làm sợ, làm buồn làm thẹn, muốn mau chân nhanh bước cho chóng kịp người, vì thế mà cái vinh-hoa trước mắt cũng không màng, cái tập-tục hủ-lậu cũng không nhiễm cốt sao cho dân-tộc ta học-thức được mở-mang, xã-hội được tiến-hóa, ấy là cái điều hi-vọng thứ nhất, ngoài ra những sự khoái-lạc hư-vinh đối với một thân một mình, đều cho là đáng bỏ đi cả. Ôi! bậc tân-nhân-vật như thế, thì chúng ta cũng nên sùng-bái, nên kính-mộ, nên đốt hương kết hoa mà hoan - nghênh. Nhưng tiếc thay! những nhân - vật như thế thì ít, mà xuất-hiện ra những nhân-vật giả-dối thì nhiều. Kìa, thử xem các bậc thanh-niên đời bây giờ, khi cắp sách vào nhà trường học gần tốt-nghiệp, ai cũng bàn luận rằng thế này là văn-minh, thế kia là tiến-hóa, mà tai nghe mắt thấy những nghi-văn lễ-tiết cũ, những lề - lối của cổ - nhân để lại, thì cho là hủ-

bại, là bất-hợp-thời ; nhưng đến khi ra khỏi nhà trường, tìm được một cái địa-vị gì trong xã-hội, từ đấy mới phô ra quan Hàn, quan Thị, kim-khánh bội-tinh, cũng tranh đua về ngôi thứ, cũng chen-chóc về lợi-danh, không khác gì cái lối hủ-bại ngày xưa. Xét về phần đối với xã-hội, thì trừ ra những sự chỗ này mở tiệc, chỗ nọ « đít-cua », giày mũ bảnh-bao, ngựa xe rậm-rật, ấy là có hình-thức hơi mới một tí, còn thì chưa thấy có làm nên công-cán gì xuất-sắc. Năm trước mấy thày tốt-nghiệp trung-học họ gọi là ông « Cử tân-khoa », có người bảo rằng : hết ông Cử nọ đến ông Cử kia, cái tiền-đồ tiến-hóa, cái quang-cảnh cải-lương của nước mình, xem đó thì đủ biết !

Ôi ! các bậc lão-thành và các bậc thiếu-niên ôi ! Nhà nước Bảo-hộ vì thấy dân-tộc ta chưa được khai-thông, mới ra sức dạy-dỗ mà dìu-dắt cho dân ta lên con đường tiến-bộ, nếu ta cứ như thế này mãi, thì sợ ông thầy hướng-đạo ta không khỏi ngã lòng. Các ngài không nghĩ đến thì thôi, đã nghĩ đến thì nên hồi-đầu lại, hồi-đầu mà cứu lấy vận-mệnh nước nhà, hồi-đầu mà chữa lấy tư-cách dân-tộc chúng ta ; phải nên biết rằng ta cũng con rồng cháu tiên, không phải là dòng-dõi hèn-mạt, mà tổ-tiên ta cũng đã từng treo gương trung, hiếu, tiết, nghĩa trên đời làm cho dân-tộc ta được cái tiếng khen là một dân-tộc cổ có văn-hiến, có giáo-hóa, ta đã không tìm cách gì mà làm cho dân-tộc ta được thêm vẻ-vang, thêm tỏ-rạng thì chớ, có lẽ nào ta lại làm cho thêm hư-hèn, thêm dơ-dáng, mà chịu tiếng chê-cười của người đời hay sao ?

Như thế thì nên làm thế nào ? Ký-giả xin có mấy lời kết-luận rằng : Ngày nay nếu ai muốn đề-xướng về quốc-hồn, quốc-túy, văn-hóa, văn-minh, không nên tuyên-bố một cách giả-dối, cốt nhất là ở sự thực-hành, mà muốn khích-khuyến về sự thực-hành không cần phải khích-khuyến ai, chính tự mình khích-khuyến lấy mình. Sách có câu rằng : « *Tiên chính kỷ nhi hậu chính nhân*, » nghĩa là trước chính lấy mình mà sau mới chính đến người vậy. Thế thì ngày nay tưởng chưa vội gì sự sửa mình cho bậc hạ-lưu, vì bọn hạ-lưu cũng chưa hề làm điều gì táng-đạo bại-đức, nguy-hiểm cho xã-hội ; xin bậc thượng-lưu hãy sửa mình trước. Ông lão-thành muốn cho người dưới ở có lễ-nghĩa, có đạo-đức, thì trước hết ông phải lấy lễ-nghĩa đạo-đức mà sửa mình, nào là thanh-liêm, nào là công-bằng, ông thử đem cái gương tốt mà treo ra cho người đời soi chung, ông không nên quên mình mà trách người, nói trước miệng mà không tự-vấn cái lương-tâm mình cho khỏi hổ-thẹn. Các bậc thanh-niên hay là các ngài tân-nhân-vật, nếu muốn theo đòi về lối văn-minh tiến-bộ của thế-giới đời nay, thì các ngài thử xét kỹ văn-minh là thế nào, tiến-bộ là thế nào, các ngài lại thử xét những sự khuynh-hướng của các ngài mà đồng-nhân ta hiện đương tai nghe mắt thấy, quả có không thẹn với sự văn-minh tiến-bộ và quả đã thoát-li được phong-tục hủ-lậu chưa. Nếu chưa thì các ngài đã có sẵn học-thức, có sẵn tư-tưởng, phải tự mình sửa mình trước cho được văn-minh tiến-bộ, xin đừng nói một đàng làm một nẻo, vừa đánh trống vừa ăn cướp, mà làm trở-ngại cho con đường tiến-hóa của dân-tộc ta sau này.

AN-KHÊ

Chùa Một-Cột Hà-nội

(Tranh thủy-họa của ông Trần-Phềnh, treo ở Hội Khai-Trí)

MỘT TẬP DU-KÝ CỦA CỤ LÃN-ÔNG(1)

Thượng-kinh ký-sự
上京記事

(*Nguyên hán-văn dịch ra quốc-ngữ*)

II

CHƯƠNG THỨ II

Vào vương-phủ thăm mạch lần trước

Sáng sớm hôm mồng một tháng hai, tôi nghe thấy tiếng gõ cửa kíp lắm, tôi chạy ra mời vào thì thấy một người lính hầu vừa thở vừa nói, y là người dịch-mục của quan Chánh-đường cho đến bảo tôi rằng : « Có Thánh-chỉ tuyên-triệu cụ, quan Truyền-mệnh 傳命 còn đang đợi ở nơi trú-sở của cụ lớn tôi, tôi thừa-mệnh chạy ra đây báo cho cụ biết và đã bắt lính bản-dinh đem võng đến đón ở ngoài cửa kia, mời cụ tới phủ để vào chầu ngay lập-tức. » Tôi liền sắm khăn áo ra lên võng để đi vào trong phủ. Bấy giờ người dịch-mục đi trước hét đường, võng thì khiêng chạy như ngựa lồng, tôi bị nó làm sốc-sáo một mẻ nhọc mệt đến khổ. Vào cửa hậu rồi theo người đưa đi qua hai lần cửa nữa, theo con đường bên tay tả mà đi, tôi ngẩng đầu lên trông thì thấy tứ-phương bát-diện chỗ nào cũng những cây-cối rườm-rà, chim kêu dìu-dít, những đóa danh-hoa thì đang đua nở, gió thoảng đưa nhang ; qua những dẫy hành lang, câu-lơn khúc-chiết, bức nọ liền với bức kia, hai bên cân đối như một ; những kẻ môn-nhân 門人 truyền-báo dộn-dã, người làm việc đi lại đông như mắc cửi, linh thị-vệ thì canh giữ cửa cung, ai ra vào phải có thẻ. Tôi nhân bụng bảo dạ rằng : Mình vốn là con nhà quan, sinh-trưởng ở chỗ kinh-hoa, một vùng cấm-thành chỗ nào mình cũng thông-thuộc hết, duy công-việc trong phủ chỉ được nghe tiếng, nay mới tới nơi, mới biết cái phú-quí của nhà vua chúa khác hẳn cả chỗ tầm-thường. Bèn ngâm một bài thơ để ký-sự rằng :

恍 山 御 宮 珠 壽 正 金
如 野 苑 花 宮 閣 是 戈
漁 未 辰 每 玉 重 南 衙
父 知 聞 送 檻 樓 天 士
入 歌 鶯 清 照 凌 弯 擁
桃 管 鵡 香 朝 碧 一 千
源 地。言。陣。暾。漢。尊。門。

Đây là đệ-nhất giữa trời nam,
Nghìn cửa quân canh giáo sắp hàng.
Ngất trời gác ngọc cao ngùn-ngụt,
Dọi nắng rèm châu ánh sáng choang.
Vườn ngự xa-xa nghe tiếng vẹt,
Hoa cung thoang-thoảng ngát mùi nhang.
Quê-mùa chưa trải nơi ca-quản,
Chẳng khác Đào-nguyên lạ bước đàng.

Đi được độ vài trăm bước, qua mấy lần cửa ngăn mới đến cái điếm Hậu-mã-quân-túc-trực 後馬軍宿

(1) Xem *Nam-Phong* số 77.

直 店, điếm làm ở bên một cái hồ lớn, có những thứ cây lạ-lùng và những đá non-bộ kỳ-quái, kiểu điếm thì cột với câu-lơn lượn ra ngoắt vào xem có một cách kỳ-xảo. Quan Chánh-đường khi nào thoái-triều thì ra nghỉ-ngơi ở đấy để túc-trực ; thấy tôi đến, ông bảo quan Truyền-chỉ rằng : « Chiều hôm qua tôi đã tâu rồi, Thánh-thượng ngự ban cho ông này vào chầu và xem mạch cho đức Đông-cung thế-tử. » Nói thôi ông đi với quan Truyền-chỉ, bảo tôi đi tùy-hành và cho mấy tên tiểu-hoàng-môn đi theo, đi đến một cái cửa lớn, lính thị-vệ thấy tôi ăn mặc lạ con mắt thời giữ lại, quan Truyền-chỉ nói : « Có Thánh-chỉ tuyên-triệu, » họ mới cho đi. Đi sang dẫy hành-lang mé tây qua một cái nhà rất cao-lớn rộng-rãi, hai bên bày hai cỗ ngự-kiệu, những đồ nghi-trượng thiếp vàng nuột cả ; gian giữa kê một cái sập ngự thiếp vàng, trên sập mắc một cái võng điều, đàng trước sập và hai bên tả hữu thời bày tinh những kỷ án và đồ chơi mà nhân-gian ta chưa thường thấy bao giờ. Tôi chỉ liếc mắt trông qua rồi cúi đầu mà đi. Lại qua lần bích-môn nữa đến một cái gác vừa cao vừa rộng, trong gác ấy bao nhiêu giường cột từ trên đến dưới đều sơn son vẽ vàng cả. Tôi hỏi nhỏ quan truyền-chỉ, ông nói : « Cái nhà đao góc vừa mới đi qua là Đại-đường 大 堂 mà đây là Tử-các 紫 閣, nay đức Thế-tử đến ở đây để ngự trà, cho nên gọi là phòng trà ; vì kiêng gọi thuốc mà gọi là trà. » Bấy giờ ở trong phòng trà có đến tám chín người ngồi thị-tọa, thấy quan Chánh-đường đến thì họ đứng cả dậy, quan Chánh-đường bước lên ghế trên, rồi ai nấy đều trông thứ-tự mà ngồi. Quan Chánh-đường truyền cho tôi ngồi vào giữa hàng những người ấy, trước tôi chửa hiểu, sau mới biết là các thầy lương-y trong lục-cung lưỡng-viện, được dự vào thị-trà, ngày đêm túc-trực ở đó. Thấy tôi họ cứ nhìn nhau, có người lại ghé tai nói thầm. Quan Chánh-đường cười mà rằng : « Ông này là con ông Liêu-xá Đường-hào, vào ngụ trong Hương-sơn, làm thuốc hay có tiếng, nay phụng Thánh-chỉ tuyên-triệu vào kinh đây. » Lúc ấy có một người trong bọn ngồi đấy, đầu đội khăn lượt tầu, cười mà bảo tôi rằng : « Cụ có biết tôi không ? » Tôi thưa rằng : « Tôi là kẻ ở ngoài sơn-dã, có đâu được biết đến các Ngài là những bậc cát-sĩ đông-đúc ở trên Thánh-triều bây giờ. » Người ấy lại nói : « Tôi ở An-việt Sơn-la đây, lúc ở nhà vẫn nghe tiếng ngài lừng-lẫy, nhưng chưa được tiếp bận nào. » Tôi mới biết là ông giáo-quan tên là Chức 職 ở An-việt 安 越, nhân quan Thự-trấn là ông Nguyễn Kiêm 阮 兼 ở Tiên-điền 仙 田 đề-cử vào làm thị-y 侍 醫, rồi được lĩnh chức Tham-đồng 參 同 là thuộc-viên Binh-bộ. Tôi nói rằng : « Từ quí-cư đến chỗ tôi cũng không xa gì, vẫn muốn tới hầu, nhưng không tiện dịp. » Nói chưa dứt lời thì thấy quan truyền-mệnh đến nói nhỏ với quan Chánh-đường cái gì không biết, quan Chánh-đường đứng dậy bảo tôi rằng : « Hãy lui ra ăn cơm sáng một lát đã. » Tôi theo quan Chánh-đường đi con đường lúc nẫy về Hậu-mã-điếm. Quan Chánh-đường nói rằng : « Thánh-thượng đang ngự-hạnh ở đó, các bà phi-tần đứng chầu đông lắm, chưa dám tiến-kiến, nên hãy tạm ra. » Nói rồi ông san mâm cơm ra cho tôi ăn, thời thấy mâm cơm bằng bạc, chén bằng vàng, cùng tinh những thức trân-tu, mĩ-vị, ấy mình được biết cái phong-vị cửa đại-gia mới lần này là một. Ăn vừa xong, lại thấy một quan cận-thị chạy ù đến triệu, quan Chánh-đường bảo tôi đi theo đến chỗ phòng trà mà tôi đã đến trước, ông

sợ tôi lạc lối, bảo tôi đi sát sau lưng ông. Chợt trông thấy một chỗ màn gấm mở ra, trong tối om-om, chẳng còn biết đâu là cửa-dả nữa. Màn gấm thì quấn hết vòng nọ đến vòng kia, mỗi lần lại thắp một cây nến để dẫn-lộ, đi qua độ bốn năm lần trướng gấm vào một cái phòng rộng, thấy một vị độ năm sáu tuổi mặc áo lụa đỏ ngồi trên một cái sập vàng ở giữa phòng, mỗi bên tả hữu có mấy viên đứng thị lập. Giữa thắp một cái nến to cắm trên cây nến đồng; bên sập ngự kê một cái ghế long-kỷ sơn son vẽ vàng, trên giải một cái đệm gấm, gần bên long-kỷ che một cái màn cẩm-xa ngăn cách đi. Bên hữu màn thì bọn cung-nhân đứng xúm-xít, bóng nến chiếu sang, áo thắm mặt hoa, long-lanh nhấp-nhánh, xạ ngát hương đưa, chắc là Thánh-thượng nguyên ngài ở cái long-kỷ đó, nay tạm lui vào trong màn cẩm-xa để tôi được tiện mà xem mạch cho tường-tận. Lúc đó tôi nín hơi nín nghỉ, đứng nép vào một bên ngoài xa để đợi lệnh. Quan Chánh-đường truyền cho tôi ra trước, cúc-cung lạy bốn lạy. Thế-tử cười mà rằng: « Người này lạy khéo. » Quan Chánh-đường lại truyền-mệnh rằng: « Già yếu cho ngồi hầu mạch. » Tôi bèn lom-khom tiến đến trước Ngự-sàng ngồi xem mạch, xem xong nghe trong màn cẩm-xa có tiếng nói nhỏ rằng: « Cho xem cả hình-trạng xem. » Thời một viên nội-thần đứng thị-lập ở đó tiến lên trước Ngự-sàng mà bẩm-thỉnh với Thế-tử, Thế-tử liền cởi áo ra đứng lên giường ngự cho tôi xem. Tôi xem khắp cả phúc bối chi-thể một lượt kỹ-càng, rồi quan Chánh-đường truyền-mệnh cho tôi lạy tạ mà lui ra, tôi liền đứng ra lạy được bốn lạy thì thấy truyền-mệnh cho một tên tiểu-hoàng-môn đưa tôi ra phòng trà ngồi nghỉ. Một lát nữa quan Chánh-đường mới ra, ông bảo tôi rằng: « Ông xem mạch-tình thế nào, nên dùng những thuốc gì thời nhất-nhất phải kê ra tờ *khải* để tiến-nạp. » Ông lại bảo tôi rằng: « Bệnh đã nửa năm nay, trước gầy lắm, bây giờ mới hơi có da thịt, cái đó thì biết là sở-bẩm khiếm-hậu, mà bệnh lâu lại không có tư-bổ, vì dùng dương-dược thời bụng nóng không thể chịu được, mà dùng âm-dược thì lại càng thêm cách-trệ lắm, nay phải uống đến những vị phát-tán mới xong. » Nói rồi ông sai Viện-tả-quan 院左官 đem những đơn thuốc đang dùng đến cho tôi xem; nguyên ông cử tôi vào, cho nên ông có những lời lẽ đó là ý ông muốn đầu-cơ cho tôi, vì ông cũng có biết thuốc, nhưng biết chưa được thâm-thúy, hễ đàm-luận bao giờ là ông cũng có ý công-phạt. Ông thường nói rằng: « Có bệnh thì bệnh phải chịu, khi hết tà rồi sẽ bổ là chi-pháp. » Nhưng cứ ý tôi thì tôi cho là ở trong chỗ màn quây trướng phủ, ăn no mặc ấm quá nên tạng-phủ nó yếu-ớt đi, lại bệnh đã lâu thời tinh-huyết phải hao-kiệt cang-khô, nên mặt không có nhuận-sắc, rốn thời to, gân thời xanh, tứ-chi thời khẳng-kheo, đó là bản-nguyên đã đổi-thương lắm rồi, thế mà họ cầu-công cứ thiên-dụng những cách khắc-bạc thông-lợi là vì họ không hiểu cái lẽ nó tiềm-tiêu ám-kiệt đi ở trong, đã hư lại làm cho hư thêm vậy. Vi-kim-chi-kế, không bổ không được, vì nay mình dùng cách chữa cấp-công thì tất-nhiên họ cơ-mi mình mà không bao giờ mình về chốn cố-sơn được; bất-nhược ta dùng phương thuốc hòa-hoãn, bất-trúng bất-viễn là xong. Tôi lại nghĩ rằng: Ông cha nhà mình mấy đời chịu ơn nhà-nước, mình phải hết lòng để kế cái trung-chí của ông cha mới phải. Nghĩ-ngợi cặn-kẽ rồi tôi mới nói rằng: « Tôi cúi xem thánh-thể thanh-sấu lắm, mà mạch-tức thì tế-xác là âm dương đều khuy-tổn, nay phải tuấn-

bổ cho hai tạng tì 脾 vị 胃 để giữ lấy cái căn-bản của tiên-thiên và bồi lấy cái hóa-nguyên của hậu-thiên. Chính-khí đã đầy đủ ở trong rồi thì bệnh-thế phải tiềm-tiêu đi ở ngoài, không trị bệnh mà bệnh tự khử hết. » Nhưng quan Chánh-đường bấy giờ cũng vẫn còn phản-phúc khai-dụ cho tôi mà tôi cũng cứ hiểu-đạo cho ông mãi. Sau ông nói rằng : « Ông đã lập-kiến bất-di như thế thời ông cứ viết ra thành phương thuốc và lời luận để tiến-nạp. » Tôi bèn y mệnh viết một tờ *khải* như sau này :

« (*Lược*).... Tiểu-thần : Lê Hữu-Trác phụng kê. »

Tôi viết xong đưa dâng quan Chánh-đường, ông xem kỹ một giờ lâu, hình như có ý ngần-ngại. Bấy giờ các thầy thị-y ngồi đó, đứng ra toan nhòm xem. Ông không cho xem đút ngay tờ *khải* ấy vào trong tay áo rộng, rồi cười mà rằng : « Ông này kê phương lập luận khác với chúng ta nhiều. » Rồi ông trao tờ *khải* ấy cho một viên nội-thần đem phụng-tiến. Một lát quan Chánh-đường đứng dậy bảo tôi theo về Hậu-mã-trú-sở, pha trà uống và nghỉ độ ít lâu. Ông bảo tôi rằng : « Ông đi xa-xôi vất-vả, hãy tạm về nhà trọ nghỉ-ngơi. Ví có thân-bằng mời-mọc cũng không được li-ngụ đi đâu, vì còn đợi Thánh-chỉ xem sao. » Tôi từ ông mà ra, lên võng về dinh quan Trung-kiên. Được độ trong tuần-nhật các thân-bằng trong kinh ai nấy đều đến thăm hỏi, đó là cái thường-tình xa cách nhớ nhau, bất-tất phải kể.

Quan Chánh-đường từ hôm ấy trở đi, phải phụng-thị ở trong phủ không được một khắc nào thư mà về nhà. Tôi cũng không biết cái đơn thuốc của tôi tiến lên thế nào. Quận-hầu thường đến chỗ nhà trọ chơi với tôi, đàm-tiếu suốt ngày, có khi đêm khuya mới về, tình-nghĩa với nhau rất là chu-đáo. Có một hôm thấy người dịch-mục của quan Chánh-đường đến nhà trọ tôi truyền-mệnh rằng : « Có Thánh-chỉ tuyên-triệu, ông phải lập-tức vào chầu. » Tôi liền sang dinh Quận-hầu mượn bốn tên lính hầu khênh võng cho tôi vào phủ. Đến Hậu-mã-trú-sở đãi-mệnh, hết một giờ chưa thấy truyền-báo gì. Một chốc nữa thấy một tên tiểu-hoàng-môn là người nhà quan Chánh-đường cầm nến tự trong cấm đi ra, vào trong bếp dọn bữa cơm chiều mà cùng ăn với tôi. Y bảo tôi rằng : « Cụ lớn tôi truyền cho cụ lang hãy về nhà trọ, sáng sớm mai lại vào đây ngay. » Y lại ghé vào lỗ tai tôi mà nói thầm rằng : « Tôi mừng cho cụ, Thánh-thượng đã chuẩn-ban cho hai-mươi suất chế-lộc tùy-hành-quân, ban cho quan Hộ-phiên câu-kê chiếu bổng-lệ thi-hành, sáng mai được nghe truyền-mệnh. » Tôi nghe nói mà phàn-nàn trong bụng rằng : « Thế mà đề-cử vào là lý làm sao ? » Ăn cơm xong, tên tiểu-hoàng-môn ấy đi lấy một cái thẻ dài hơn năm thước, hai đầu nạm bạc, thích hai chữ nội-sai 內差 là cái thẻ quân-phù đi đêm ở trong cấm. Đưa tôi ra khỏi cửa phủ, tôi nghĩ-ngợi thâu đêm, nằm không nhắm mắt, lại tự nghĩ rằng : Đã đề-cử như thế là thể nào cũng không buông tha mình ra, nếu mình mà thụ-mệnh thì sau không chối được nữa. Bất-nhược ta thác-bệnh không vào nữa là xong. Sáng mai tôi sai một tên gia-đồng đem một lá thủ-thư đến xin ông quận-hầu cho người vào trong phủ bẩm với quan Chánh-đường rằng : « Đêm qua tôi cảm hàn, người sốt, nhức đầu, đứng ngồi run-rẩy, không vào chầu được. » Một lát thì quận-hầu đến hỏi thăm tôi mà rằng : « Việc ấy tôi đã cho vào phủ bẩm với gia-quân tôi rồi, cụ đừng ngại, xin cụ cứ kiêng-khem cho chóng khỏi mà vào chầu, tất sẽ được đặc-cách thăng-thưởng. » Tôi hỏi : « Sao

Quận-hầu biết ? » Quận - hầu nói : « Hôm nọ nhân có công-sự, tôi vào trong phủ, thấy gia-quân tôi nói rằng: Cái đơn thuốc của cụ dâng lên, vì bọn viện-y trở-nghị lôi-thôi, nên chưa dám đem thuốc dâng ngự xơi. Còn bài thuốc trong tờ *khải* thì Thánh-thượng ngự-lãm rồi, ngài khen là « thâm-thông y-lý », ngài đã chuẩn-định ban tứ cho. » Tôi nghe nói, lo cuống cả người ra. Quận-hầu vốn biết tôi không định ở, nên cười mà rằng : « Ý hẳn cụ là bậc đại-tài không chịu đem con ngựa kỳ-ký để kéo cái xe muối, nên không bằng lòng hẳn thôi ? » Tôi đứng ngay dậy ra trước mặt Quận-hầu toan lạy. Quận-hầu cũng vội-vàng đứng lên mà rằng : « Từ khi cụ vào Kinh đến giờ, tôi được sớm hôm thừa-tiếp, tiến-ích được nhiều, có việc gì cụ cứ nói thực, tôi xin hết lòng giúp cụ. » Tôi nói : « Tôi vốn có chí nông-nghê từ thủa nhỏ mà không gặp thời, phải về nương-náu chỗ sơn-cùng thủy-tận cho được dưỡng-nhàn. Nay tuổi đã sáu-mươi rồi, mắt hoa tai điếc, còn làm gì được mà cầu tiến nữa. Phương-chi vì mình lắm bệnh mà phải học thuốc, không ngờ cụ lớn nhất-đán đề-bạt cho tôi đến thế này, nếu Quận-hầu có lòng trông lại mà giúp tôi, túng-nhiên tôi chưa về được chỗ cố-sơn cũng làm thế nào cho tôi được thoát khỏi cái vòng danh-lợi, thì tôi cám-ơn Quận-hầu vạn-bội. » Quận-hầu cười mà nói rằng : « Cái bệnh nhiệt của cụ, không thuốc nào chữa khỏi, chỉ được một chén nước Hương-sơn để nội-phục với một phiến vân Hương-sơn để ngoại-đồ là tự-nhiên khỏi ngay. » Tôi cười mà rằng: « Thế ra Quận-hầu uống nước trên ao Thượng-trì 上池 nên trông thấy cả gan ruột người ta có phải không ? » Nói thôi, hai chúng tôi cùng tủm-tỉm mà giã nhau. Hôm sau Quận-hầu cho người đem đến cho tôi một cái tiểu-trát rằng : « Đã trình với đại-nhân rồi, nhưng chỉ cười mà không nói gì. » Và mật-báo cho tôi phải cứ nằm trên giường bệnh mà không được thư-từ lai-vãng gì với ai. Tôi cũng trả lời rằng : « Cẩn phụng giáo. »

Vài hôm sau Quận - hầu đến, tôi thấy mặt hớn-hở tươi cười, tôi chắc mẩm trong bụng rằng : việc mình xong rồi. Quận-hầu nói : « Tôi đã mấy lần nói mà gia-quân tôi cứ ngần-ngại, sau tôi phải đem thực-tình cố nài kêu cho cụ, thì gia - quân tôi nói rằng : Lúc trước ta không ngờ ông ta là người vô-tâm công-danh như thế, mà đã chót dãi bày hết cái học-thuật của ông ta ở trước mặt vua rồi, bây giờ cải-khẩu thế nào cho được. Vậy chỉ có một cách cáo là suy-lão mà thôi. Tao vào chầu thì mày cứ báo cho ông ta ngày mai phải vào phủ đãi-mệnh. » — Tôi nghe nói mừng rỡ vô-cùng, cười mà bảo Quận-hầu rằng : « Chắc bây giờ cụ lớn cũng đã nghĩ đến cái tình tôi rồi. » Quận-hầu cũng nói : « Tôi xem ý gia-quân tôi nói thì tưởng thế nào cụ cũng lại được đính-minh với những bày viên-hạc chốn cố-sơn chứ không ngại. » Tôi nói nhờ Quận-hầu cứu giúp cho, chắc thế nào cũng xong ; trò-chuyện hồi lâu rồi Quận-hầu lại nhà. Sáng hôm sau tôi vào trong phủ đãi-mệnh, thì không thấy quan Chánh-đường, tôi hỏi bọn lính canh-túc thì họ nói : « Thánh-thượng ngự - hạnh trong Đông-cung 東宮, quan Chánh-đường đang phụng-thị ở đó. » Tôi bèn nhờ một người lính túc-trực đưa đường, đi từ cửa hữu phủ-đường quanh-co hơn một dặm, tinh những lâu, đài, đình, các, rèm châu cửa ngọc, long-lanh từ mặt nước đến lưng trời ; hai bên đường đi thì thuần những cỏ lạ hoa kỳ, hương bay ngào-ngạt ; những loài trân-cầm dị-thú, con bay con nhảy, chỗ hót chỗ kêu ; ngọn cao-

phong trót-vót nổi ở giữa đất bằng; cây cỏ thụ bà-xòa rợp một vùng bóng mát ; dịp cầu sơn ngũ-sắc, bắc qua dòng nuóc quấn-quanh ; đá hoa đủ các mùi, xây làm câu-lơn chạy diễu. Tôi vừa đi vừa ngắm, thật là một chỗ cảnh tiên. Thoạt đến cửa Đông-cung thì gặp quan Chánh-đuờng thoái - triều ra. Ông bảo tôi về trú-sở, pha trà uống xong, ông cuời mà bảo tôi rằng: « Ông ở nơi lâm-toàn phóng-dật đã quen, từ ngày tiến kinh vào chầu đến nay, gặp đêm chạy đêm, gặp ngày chạy ngày, lấy làm vất-vả lắm nhỉ ? » Tôi đứng dậy mà từ-tạ rằng : « Tôi vốn lắm bệnh, nay lại già yếu, xin cụ-lớn rủ lòng cứu giúp cho.» Ông nói : « Hôm qua tôi đã đem cái ý của ông mà tâu lên, xin cho cô-lưu ở ngoại-phiên phụng - thị, đã được ân-chuẩn-doãn rồi, ông cứ phải ở nơi nhà trọ, không được chơi-bời đâu xa, vì có đi đâu, tất phải chỗ thuờng, vì e bất-thời tuyên-triệu đến.» Nói chưa dứt lời thì quan nội-thần đến triệu quan Chánh-đuờng, tôi bèn tạ ông mà về nhà trọ. Quận-hầu đến hỏi thăm, tôi kể hết điên-mạt một lượt, Quận-hầu mừng mà rằng: « Lời rằng : *Hầu-môn nhất nhập thâm như hải*, phuơng-chi gia-quân tôi với cụ, cái sự khứ-lưu của cụ bây giờ, gia-quân tôi không tự-do được, làm thế nào ? » Tôi nói rằng : « Quận-hầu là một cái núi Thái-sơn của tôi, biết cho tôi có ông Quận, mà cứu cho tôi được cũng chỉ có ông Quận, sức người ta có thể hồi-thiên được, thì cái đường tiền-trình của tôi đã biết đâu không đạt tới.» Đàm-tiếu một lúc rồi Quận-hầu về.

Vài hôm sau, quan Chánh-đuờng thoái-triều về nhà, tôi vào tạ ơn, bấy giờ có mấy ông quan đang ngồi hầu quan Chánh-đuờng ở trong nhà khách, trong bọn các quan ngồi đó cũng có ông biết cả môn - đệ, tính-danh nhà tôi, quan Chánh - đuờng mới đem cái việc của tôi nói lại cho các ông nghe. Một ông cuời mà rằng: « Ai cũng lấy sự được làm quan làm mừng, ông này lại lấy sự mất quan làm may, sao ông lạ đời thế ? Cổ-nhân có chữ « *nham-huyệt* », không phải là công-hầu có ở nơi nham-huyệt, là vì cái phong-lưu ở nơi nham-huyệt cũng bất-giảm cái phú-quí của nhà công-hầu đó. » Tôi nghe nói, chắp tay lại mà thưa rằng : « Chúng tôi là kẻ tiện-sĩ ở chốn thảo-lai, may nhờ cụ lớn tôi tiến-bạt lên cho, nên nhất - đán trên Cửu-trùng biết tới, chúng tôi thực lấy làm thiên-tải-kỳ-phùng, tam-sinh-hữu-hạnh ; nhưng chỉ vì tôi bây giờ già yếu, đi đứng đau đớn, không thể chịu được, cho nên tôi phải tự - cam ít phúc, không dám uổng phí lộc trời, vẫn hối-tích lắm mà không sao được. » Một ông quan nữa nói : « Ông này tôi trông mặt còn đồng-nhan mà có cái vẻ nghiễm-nhiên như tùng-bách lăng-sương, tất trong chỗ tu-dưỡng có sở-đắc nhiều, nhưng chỉ vì tiếc cái thú thanh-u, nên lánh tục đấy thôi. » Lại một ông quan nữa nói : « Nếu ai cũng là Y, Chu, thì ai là Sào, Do. » Quan Chánh-đuờng cuời mà rằng : « Sĩ các hữu chí chứ. » Một chốc thời đều lui ra.

CHƯƠNG THỨ III

Cảnh lữ-huống ở trong Kinh

Bấy giờ tôi trọ ở dinh quan Trung-kiên đã hơn một tháng, những thân-bằng ra vào thăm hỏi quấn-quít suốt đêm suốt ngày, thuờng bị lính canh cửa bên dinh quan Chánh-đuờng họ ngăn-giữ tra hỏi, ai vào phải có người nhận mới được đi. Tôi tự-nghĩ rằng : Trong dinh này ra vào khó lắm, mà ở lâu thì lương-thực tổn nhiều, bọn mình thầy trò đến hơn mười người, lấy đâu cho đủ mãi. Bữa nọ Quận-hầu có hỏi mình bao nhiêu tùng-nhân đi theo,

ban lẫm-cấp cho, nhưng mình đã không chịu vào cơ-mi người ta, cố kiên-từ mãi mới được miễn; vậy nay phải tìm ra ở ngoài để bè-bạn tiện đến chơi-bời mà phát thuốc để cung nhật-dụng. Tôi nghĩ ồn-đáng rồi, mới cho đến nói với Quận-hầu rằng : « Tôi lưu-lạc giang-hồ hơn ba-mươi năm nay, nhất-đán về đến Kinh, bà con ở trong Kinh nhớ-mong thăm-hỏi là một sự thường-tình, đêm ngày ra vào, nhiều khi phải đẳng-đãi, vậy xin ra trọ ngoài cửa dinh cho tiện, nhờ Quận-hầu kêu với cụ-lớn cho ». Lúc mới Quận-hầu không muốn cho tôi xa cậu, tôi phải cố vật-nài hai ba lần mới được, bèn cho người nhà đi hỏi được một chỗ trong quân-dinh của đội Kinh-hữu 勁右, chủ-nhân tên là Biện Đồng, anh ta đã có tuổi mà còn muộn-màng về đường tử-tức, thấy tin anh ta cho là lòng trời, thân đến mời tôi, tôi cho dọn gồng-gánh sang trọ nhà anh ta, vợ chồng anh ta mừng-rỡ, cung-phụng tôi tử-tế lắm. Từ dinh quan Chánh-đường đến đó độ vài cung đất, Quận-hầu khi thì ba ngày, khi thì năm ngày một lần sang chơi trò-chuyện với tôi ; kể cái tình thân-ái của tôi với Quận-hầu chẳng nói thì ai cũng đã rõ. Kể từ khi tôi tới Kinh chưa được nửa tháng, mà từ các quan lính tráng, đến những người phố-phường ở trong Kinh, ai cũng biết tiếng, kẻ thì xin thuốc, người thì nhờ xem mạch mà xin đơn, đêm ngày huyên-náo quá. Tôi mới tự-nghĩ rằng : Lúc mới chỉ định đủ cung nhật-dụng, bất-giác bây giờ lại được gấp mấy lần, nhưng mình thử-hành đến phú-quí còn chẳng thiết, nữa là còn chực cầu lợi hay sao ? Đã vậy thì tội gì phải thù-tiếp người ta để đến mất cả ăn cả ngủ. Tôi mới định di-ngụ đi chỗ khác nhưng chửa tìm được đâu. Khi ấy có ông Hàm-xuyên-hầu 郴川侯 là quan nguyên lúc nhỏ theo nghề cử-nghiệp đã đỗ qua trường quận-tường, sau theo ông thân-sinh đi chinh-tiểu, có công được thăng chức về võ-giai, nhưng ông nhất-sinh lắm bệnh, vẫn đến xin thuốc của tôi. Ông thấy cái cách của tôi không chữa bệnh mà bệnh phải khỏi thì ông cho làm thần-dị lắm, khi có chứng nào nguy-cơ thì cũng nhờ tôi bảo-toàn cho. Ông bèn xin thụ-nghiệp mà học thuốc tôi, tôi thấy ông là một người thành-thực nên mới nhận lời. Ông biết ý tôi không muốn ở chỗ phiền-náo, nên ông tự lẳng-lặng sửa-sang một chỗ cựu-dinh bên bờ hồ gần dinh ông, có đủ các nhà ngoại-sảnh, nội-thất, phòng khách, nhà bếp, mà nhàn-tĩnh lắm. Dọn xong mới đến mời tôi. Tôi mừng lắm, cho dọn sang. Vợ chồng Biện Đồng không bằng lòng, tôi cho mở một cái cửa mạch ở chỗ sau tường nhà tân-ngụ để thông với cái nhà sau Biện Đồng, khuya sớm đi lại cho năng, vì hai nơi cách nhau có vài trăm bước.

Từ khi tôi di-ngụ sang đó mới được thư-nghỉ. Có một đêm sáng trăng như ban ngày, tôi ngồi ngất-ngưởng trước câu-lơn, lẩm-bẩm một mình rằng : Mình về Kinh đã hơn vài tháng nay, cố-hương chưa được về thăm mà dời đi đâu một bước cũng không được ; bấm đốt tay đã ba-mươi năm nay, vẫn tưởng không vào cái cuộc danh-cương lợi-tỏa, mà sao bây giờ lại phải chịu làm cái thằng Sở-tù thế này ? Nghĩ như thế tôi bất-giác mà thở dài lên một tiếng, sai tên đồng đi pha nước ngồi uống một mình, rồi nằm thiu-thiu buồn ngủ. Chợt nghe thấy có một tiếng ở bên kia bờ hồ bay ra, tiếng đâu véo-von lanh-lảnh như tiếng ve mùa hạ kêu sầu, thánh-tha thánh-thót như hạt sương mùa thu trong vắt ; tôi giật mình giở dậy ra trước sân nghe xem thì ra tiếng sáo thổi

ở bên tây-dinh vậy. Lúc ấy tôi chưa nguôi mối sầu nọ, lại thêm mối cảm kia, bèn ngâm một bài đoản-luật để tả-hoài rằng :

禁蕭情樂散吹清玉
鼓蕭多極作來宵笛
出天旅誰滿千興聲
哨籟客家城里傳悠
樓。愁。愁。趣。秋。月。幽。悠。

Véo-von tiếng ngọc-địch,
Thêm cảm thủa đêm thanh.
Bóng nguyệt bay nghìn dặm,
Hơi thu tán khắp thành.
Nhà ai vui lại thú,
Khách lạ nỡ bao tình.
Lanh-lảnh đang lên bổng,
Trống lầu bỗng điểm canh.

Ngâm thôi đi tản-bộ trước thềm ; đêm khuya mới đi ngủ, chiêm-bao luẩn-quẩn ở đâu quê nhà, mãi đến lúc vầng hồng ròm trước song chưa dậy, dược-đồng tất-tả vào đánh thức, nói rằng : « Quận-hầu đứng đợi ngoài cửa đã lâu ». Tôi vội-vàng chạy ra đón, mời vào phòng khách ngồi chơi. Quận-hầu nói rằng : « Trước ở đàng kia có mấy gian quân-phòng chật-hẹp, cửa liền với đường, cái náo-nhiệt khó chịu, nay được chỗ này thanh-nhàn cũng đủ xứng-ý cho cao-nhân tĩnh-dưỡng. » Tôi nói : « Cảm ơn chủ-nhân đây có lòng tốt lắm. » Bấy giờ Hàm-xuyên-hầu nghe có Quận-hầu đến chơi cũng sang hầu, tôi đưa bài thơ « Nghe tiếng sáo thổi ban đêm » cho hai ông phẩm-bình xem, thì đều ngợi-khen cả. Quận-hầu nói : « Cái câu « vui lại thú » này là có ý sở-thích đây. » Tôi thưa phải. Hàm-xuyên-hầu nói : « Thái rồi có bĩ, thịnh lắm suy nhiều, lẽ thường như vậy, cho nên thánh-nhân có câu « *tổn doanh ích khiêm* » là nghĩa thế ». Chuyện-trò giờ lâu rồi tan. Sáng hôm sau thấy một người dịch-mục của Quận-hầu đưa năm tên kiện-tốt khăn áo chỉnh-chạc đến, tôi trông thấy cứ tưởng có việc gì phải đi đâu xa, người dịch-mục nói rằng : « Ông tôi thấy chỗ tân-ngụ của ngài đây vắng-vẻ và vùng này thường hay trộm cướp nhũng-nhiễu, sợ xảy ra có sự gì chăng, nên bẩm với cụ lớn tôi, ngài truyền lấy năm người lính tiền-quân 前軍 của bản-dinh đến để ban ngày thì giúp việc, đêm thì canh giờ. » Tôi nói : « Cái thân tôi đây đã nhờ Quận-hầu có lòng trông nom cho nhiều lắm, ghi tạc không bao giờ dám quên. Còn việc này thì nhờ thầy kêu với ông cho tôi rằng : tôi xin từ-tạ. » Người dịch-mục không nghe, cứ để bọn lính đóng lại ở nhà ngoài. Nguyên mọi bận hễ tôi đi đâu thì lại đến mượn lính hầu của cậu Quận, còn các quan đến lấy thuốc thì ông nào cũng có cấp cho một hai tên lính tùy-hậu, được đến bảy tám tên, như : Thị-nội-tả-quân 侍內左軍 hai tên, Nhương-trung-quân 攘中軍 một tên, Trung-kính-quân 中勁軍 một tên, Hậu-dũng-quân 後勇軍 một tên, và Tiền-hùng-quân 前雄軍 một tên, vân vân. Nhưng những bọn ấy nhiều kẻ lười biếng hay lẩn việc, duy năm người Tiền-dũng mới đến này biết sợ pháp-luật, công việc làm đều được như ý cả, tôi liệu chừng đó người cũng đủ sai khiến rồi, tôi mới gửi lời tạ các quan và cho những bọn lính trước về tất cả, chỉ lưu lại có một tên về Tiền-ninh-quân 前寧軍, một tên về Trung-kính-quân 中勁軍 và năm tên về Tiền-dũng-quân là bọn lính sau, phát lương cho đủ mặt rồi, sai ở nhà dưới để làm việc.

(*Còn nữa*)

NGUYỄN TRỌNG-THUẬT *dịch*

THẾ NÀO LÀ LỐI PHỎNG-CỔ-HÀI-VĂN ?

Hài-văn có nhiều lối, tôi đã lược kể ra ở tạp-chí *Nam-Phong* kỳ thứ 64, tưởng các ngài hiếu-sự trong làng văn ta, cũng đã xét qua cả rồi. Duy trong hài-văn, lại có một lối thật là giản-dị ly-kỳ, mà khiến cho người xem dễ phát-sinh hứng-thú. Lối ấy là lối « phỏng-cổ-hài-văn », cũng có khi gọi là « xuyết-cổ hài-văn. » *Phỏng* 仿 nghĩa là y-phỏng. *Xuyết* 掇 nghĩa là điểm-xuyết. Y-phỏng cái thể-chế cũ, mà điểm-xuyết ra tinh-thần mới. Người Tàu gọi cách ấy là cách «*Phiên trần xuất tân, thiệp bút thành thú.* 翻陳出新。涉筆成趣。» nghĩa là điểm cũ ra mới, nguệch bút thành vui, không tốn-phí công-phu gì cả, chỉ lấy tài-tình khiển-vận mà thôi ; cho nên cũng thuộc về thể hài-văn.

Lối ấy sáng-thủy tự năm mậu-tuất đời vua Quang-tự nhà Thanh, những bậc tài-hoa trong văn-xã, nhiệt-thành về sự duy-tân lắm ; mới đem những bài cổ-văn như *A-phòng-cung - phú, Đằng-vương - các-tự, Tiền hậu Xích-bích - phú, Điếu-cổ-chiến-trường-văn*, vân vân ; và những bài cổ-thi như thơ *Thanh-bình*, thơ *Tiến - tửu* của ông Lý Thái-Bạch, thơ *Bát-tiên*, thơ *Thu-hứng* của ông Đỗ Thiếu-lăng, vân vân ; y-phỏng lấy nhan-sắc thể-tài, mà điểm - xuyết ra tinh-thần châm-biêm, tư-tưởng tiến-hóa, để liệt vào trong thể thời-hài ; xã-hội lấy làm hoan - nghênh lắm. Bởi vì những bài cổ-văn cổ-thi ấy, nguyên là những bài kiệt-tác của cổ-nhân ; vả lại lưu-hành ở trong dân-gian đã lâu, ai ai cũng thuộc, cũng như truyện *Chinh-phụ*, truyện *Cung-oán*, truyện *Thúy-Kiều*, và những bài hát lý hát nói trong Nhạc-phủ của nước Nam ta vậy. Khi đó, xem câu văn mới lại hóa ra câu văn cũ, nghe câu văn cũ, lại hóa ra câu văn mới, mà lại kiêm có ý-vị, đủ có tài-tình, rõ thật quen tai quen mắt, mà lại hóa ra lạ mắt lạ tai, dẫu những người thiển-học vô-văn, cũng đủ phát-sinh ra được hứng-thú, còn khôi-hài nào bằng.

Tôi đây học ít tài cùn, trong khi ngồi rồi, cầm bút lại thích về lối quệch-quạc ; gián-hoặc cũng có một vài tập phỏng-cổ, gọi là đủ lối, để góp với rừng hài. Tiện đây bàn về lối phỏng-cổ-hài-văn, xin cũng có giăm ba bài lược chép ra đây, để cầu-giao với các bạn tri-kỷ. Bài nào cũng có dẫn-khởi lên mấy lời luận-thuyết hoặc mấy lời tả-chân ở đầu, và đem nguyên-văn phụ chép ở sau.

I

Cuộc hành-văn

Những người cầm thanh gươm dài, cưỡi con ngựa khỏe, giong ruổi trong chốn trung-nguyên, thấy kẻ bất-trung, bất-hiếu, vô-liêm, vô-sỉ, thì chặt, thì giết, biết đâu là văn. Những người đội cái mũ cao, giữ hòm sổ lớn, chễnh-chện trong chốn miếu-đường, thấy kẻ nghĩa-phu, tiết - phụ ; thanh-quan, liêm-lại, thì phong, thì thưởng, biết đâu là văn. Những người cưỡi lên đống thóc đống tiền, vai u thịt bắp, cổ rụt, bụng phệ, đi một bước phải có xe, ăn một miếng phải có thịt, ngủ ngáy o-o, biết đâu là văn. Những người nhiệt-tâm quá, chợ chửa có người họp, mà đã tò-mò rủ nhau đi họp, biết đâu là văn. Những người siêng-năng quá, nhất-sinh chỉ chăm-chăm cầm cái tôn-chỉ năng nhặt, để mong tới cái mục-đích chặt bị, biết đâu là văn. Lại những người nguội-lạnh quá, làm biếng quá, rồi thành ra người dở-dở gàn-gàn, chẳng tính

những sự kiếp này, mà tính những sự kiếp khác, chẳng tính những sự mở mắt, mà tính những sự chiêm-bao, chẳng tính những sự xuất con xa, phi con mã, mà tính những sự gàn bát-sách, tuýt cung-thang, biết đâu là văn.

Chỉ có một hạng người chẳng sang mà cũng chẳng hèn, chẳng béo mà cũng chẳng gầy, chẳng siêng mà cũng chẳng lười, chẳng nóng mà cũng chẳng lạnh, túng-tiu mà vẫn phong-lưu, đùa-bỡn mà vẫn thánh-hiền, không quan-chức mà có phẩm-giá, không kim-tiền mà có thế-lực ; điểm một giọt máu, có thể hóa ra được một dặng rừng hoa ; rẩy một giọt tinh, có thể thành ra được một luồng sóng bể ; hạng người ấy là hạng người gì ? là hạng người có văn-chương. Chao ôi ! ông thiên-công hình như để đãi riêng cho con nhà văn-chương một cái địa-vị, mà trong xã-hội hình như cũng để riêng cho con nhà văn-chương một phần trách-nhiệm. Con nhà văn-chương đội ơn thiên-công, đừng phụ thiên-công. Con nhà văn-chương đội ơn xã-hội, đừng phụ xã-hội. Nên tôi có một bài phỏng-cổ viết chơi như sau này (thể hát nói, có đôi phách) :

Cuộc hành-văn thế nào cho phải phép, chẳng qua là lạ mắt với vui tai. Khi nghĩa nghị-luận, khi câu khôi-hài, phải bóng-bẩy mùi đời cho thú-vị. Tiếng thét tiếng ru, hay mỗi bề mỗi vẻ, đem quốc-hồn san-sẻ với non-sông. Mảnh nghiên ngòi bút vẫy-vùng, vẽ voi rồi lại vẽ rồng, thu-xếp cả tài-hoa về một cục. Văn cũng tục, chẳng văn thời cũng tục, văn thời văn cho giỏi, hết Tả sang Hồ, hết Hàn sang Liễu, hết Tô sang Tào. (1) Công-danh ai kém ai nào ?

Nguyên-văn nói về cuộc hành-lạc rằng :

Cuộc hành-lạc thế nào cho phải phép, chẳng qua là đẹp mắt với êm tai. Khi phú Hồng-hạnh, khi thơ Nộn-mai, phải nắn-bẻ nghề chơi cho thú-vị. Tiếng phẳng tiếng chênh, hay mỗi người mỗi vẻ, đem tài-tình san-sẻ với hồng-nhan. Roi cầu lá phách cung đàn, người khôn mà với người ngoan, thu-xếp cả bài hoa về một cục. Chơi cũng tục, chẳng chơi thời cũng tục, chơi thời chơi cho phỉ, hết Hán sang Hồ, hết Tần sang Sở, hết Ngô sang Lào. Phong-lưu ai kém ai nào!

II

Bảo - toàn đạo nho

Nay đặt ra một câu hỏi rằng: Nước Việt-Nam có phải là nước nho đấy không? Chắc hẳn người Việt-Nam ta đều phải ứng-khẩu mà trả lời rằng : Phải. Mà người châu Âu châu Mĩ vào cõi nước ta, khi đã xét qua đến lịch-sử, đến phong-tục, đến tinh-thần rồi, chắc cũng đều trả lời rằng: Phải, phải, phải, thật thế, không sai.

Bởi vì lịch-sử nước Việt-Nam, cũng là một cái lịch-sử sáng - sủa hẳn-hoi; trong mấy nghìn năm, đời nào là đời không có kẻ hiếu-tử, kẻ trung - thần, kẻ kỳ-nhân, kẻ thiện-sĩ, kẻ trinh-nữ, kẻ tiết-phụ, kẻ hào-kiệt anh-hùng, mà những kẻ ấy, bản-lĩnh căn-để ở đâu mà ra? Ở trong nho-giáo mà ra vậy.

Cho đến ngày nay, trong xã-hội còn thấy phất-phưởng những các ông nho, ông thì lụ-khụ trên chốn miếu-đường, ông thì tiêu-dao trong ngõ tùng-cúc, ông thì nghí-ngoáy trong cuộc thư-báo, ông thì săn-sóc về sự cải-lương, ông thì vớt-vát một con dao cầu với quyển « dược-tính », ông thì ngất-ngưởng một bầu rượu suông với cái địa-bàn, ông thì thủng-thẳng một thùng nước tưới với mấy khóm dâu. Lại ông thì đầu đã bạc phơ, mắt đã hoa, tai đã nghễnh-ngãng, trán đã hói, ngồi dò-dọ một mình, không có việc gì, chỉ suốt ngày làm bạn với một cái điếu ăn thuốc lào, càng ăn thì lại càng ho, càng ho thì lại càng ăn ; khi đã ăn cái mồi thuốc ấy được hoàn-toàn mĩ-mãn rồi, thì tinh-thần thấy khỏe - mạnh, tinh-tình thấy thư-sướng, quên vinh

(1) Tả là Tả Khâu-Minh. Hồ là Hồ An-Quốc, Hàn là Hàn Xương-Lê, Liễu là Liễu Tử-Hậu, Tô là Tô Đông-Pha, Tào là Tào Tử-Kiến.

quên nhục, quên già quên lo; cái khói thuốc lào ấy, há chẳng phải là cái hồn Nam-Việt nó phảng-phất đó dư? Hễ thấy ai đến chơi, thì cố nèo ngồi lại cho được, mà lần-thần nói những truyện vua Thuấn khi đi cầy, vua Nghiêu khi trao chính, và những truyện vua Đinh khi ở trong động, vua Lý khi ra định-đô, truyện vũ-công nhà Trần, truyện văn-học nhà Lê, truyện Bản-triều ta vào mở đất ở cõi Nam, truyện đức Cao-hoàng ta ra yên dân ở miền Bắc. Lại những thơ vịnh-sử của đức Dực-tôn, và những văn-chương ở trong tập *Hoàng-Việt-văn-tuyển*, cũ rích từ bao giờ, ông cứ lôi-thôi đọc mãi, khen mãi, và than-thở mãi; lúc đang nghe thì hình như cũng hơi thấy chán tai, nhưng mà khi nghe rồi mới biết rằng thật là có thú-vị. Song chỉ tiếc thay những ông nho ấy, ở trên cõi đời, không được bao lâu, sau này muốn nghe, cũng khó mà được nghe nữa.

Chắc rằng cái ảnh-hưởng nhà nho ở nước ta, từ nay một ngày một vắng-vẻ dần đi, không phải nói nữa. Duy có một sự văn-chương quốc-ngữ, trong mấy năm nay, thì trong làng nho lại thấy tiến-bộ khác thường. Cái ảnh-hưởng nhà nho ở đâu? Ở trong văn quốc-ngữ đó. Hiện nay, phái thiếu-niên còn phải nhường phái lão-đại. Cớ sao? Vì phái thiếu-niên mới hấp-thâu được văn-minh hình-chất, mà phái lão-đại còn đủ có cái văn-minh tinh-thần. Sau này phái thiếu-niên dù có thương-tiếc quốc-văn, yêu-mến quốc-văn chăng nữa, cũng phải hiểu thấu qua chữ nho mới được.

Vả lại, luân-lý trong xã-hội nước ta, như đạo vua tôi, đạo cha con đạo thầy-trò, đạo họ-hàng, anh em, vợ-chồng, bè-bạn, trong bấy lâu nay, sinh-hoạt trong nho-giáo, hình như đã có cái dây liên-lạc tự-nhiên, lại hình như đã có một thứ không-khí mát lành dễ ở. Từ nay trở đi, văn-minh khoa-học ở nước ta, dù tiến-bộ thế nào mặc lòng, nhưng hễ rời cái tinh-thần ấy ra, thì gia-đình tất là suy-bại, xã-hội tất là long-lở, mà ít có phần thu-thập lại được. Đương cái thì-buổi tân cựu giao nhau này, luân-lý trong xã-hội rất là khuy-khuyết, kẻ tiên-kiến cũng nên kíp mà bảo-toàn. Dân nước nho bảo-toàn lấy đạo nho, để làm nền cho giáo-dục, làm gốc cho văn-minh, ai bảo rằng không phải. Phải thì ta làm, phải thì ta múa ta hát, dù ai có bảo rằng hề, cũng vâng rằng hề. Nên tôi có một bài phỏng-cổ viết bông như sau (thể hát nói, có dôi khổ và dôi phách nữa):

Thủ-cựu hồn trung khuyết, duy-tân xác ngoại hoàn. 守舊魂中缺。維新殼外完。So duy-tân thủ-cựu cũng một đoàn, người như thế muốn hoàn-toàn sao được. Song cũng lấy chữ hoàn-toàn làm trước, người bóp bẹp dư, ta cũng vo tròn. Cuộc văn-minh bảy tám chín mười đường, Âu-châu thịnh Mĩ-châu cường không kể. Dân nước ta thời đà ấu-trĩ, học mà sai chẳng bỡ cười khi. Khi quân-thần, khi phụ-tử, lúc phu-thê, trái sao được mọi bề nho-giáo. *Tri bảo tiện bảo, bất bảo hà thời bảo; tri toàn tiện toàn, bất toàn hà thời toàn.* 知保便保。不保何辰保。知全便全。不全何辰全。Thi, Thư, Lễ, Dịch với giang-san, dễ mấy kẻ cứu-thời cứu-thế. *Ngã kim-nhật sở lập chi địa, cổ chi nhân tằng tiên ngã lập chi.* 我今日所立之地。古之人曾先我立之。Muôn nghìn xưa âu cũng thế nhỉ, ai tinh-túy mà ai không tinh-túy? Nền Nam-Việt trong hai mươi thế-kỷ, ngẫm làng nho còn ngoi-ngóp với phong-trào. Bảo-toàn hai chữ làm sao, cho nền quốc-túy chẳng xiêu mới là. Chẳng nho chẳng nhe cũng tiếng con nhà!

Nguyên-văn nói về sự nhàn rằng:

Thị tại môn tiền náo, nguyệt lai môn hạ nhàn. 市在門前鬧，月來門下閒，

So lao-tâm lao-lực cũng một đoàn, người trần-thế muốn nhàn sao được. Song cũng lấy chữ nhàn làm trước, trời có tiếc du, ta cũng nên nài. Cuộc nhân-sinh bảy tám chín mười mươi, mười lăm trẻ năm mươi già không kể. Mới sinh ra thời đà khóc nhóe trần có vui sao chẳng cười khi. Khi hỉ-nộ, khi ân-ái, lúc sân-si, chứa chi lắm một bầu nhân-dục. *Tri túc tiện túc, dãi túc hà thời túc ; tri nhàn tiện nhàn, dãi nhàn hà thời nhàn.* 知足便足。待足何辰足。知閒便閒。待閒何辰閒。Cầm, kỳ, thi, tửu với giang-san, dễ mấy kẻ xuất-trần xuất-thế. *Ngã kim nhật sở tọa chi địa, cổ chi nhân tằng tiên ngã tọa chi.* 我今日所坐之地。古之人曾先我坐之。Muôn nghìn xưa âu cũng thế nhỉ, ai hay hát mà ai hay nghe hát. Sông Xích-bích con thuyền năm nhâm-tuất, để Tô-công riêng một trận phong-tao. Chữ nhàn là chữ làm sao, mà sao con tạo chẳng trao cho người. Chẳng ăn chẳng chơi cũng tiếng ở đời !

III

Khóc Cụ Vũ Trần - Thiệu

Hài-văn chỉ có một vẻ cười thôi, phải không ? Không, hài-văn lại có vẻ khóc nữa.

Vân rằng chị cũng nực cười,
Khéo dư nước mắt khóc người đời xưa.

Hài-văn mà có vẻ cười, là dùng cách trực-tiếp sự nực cười ; hài-văn mà có vẻ khóc, là dùng cách gián-tiếp sự nực cười ; tóm lại thì hài-văn chỉ lấy sự nực cười làm bản-tướng đấy thôi.

Trong lịch-sử nước ta về hồi Lê-mạt, có cụ Vũ Trần-Thiệu làm quan nhà Lê.

Đời bấy giờ, tuy có vua Lê, nhưng quyền nước thì ở tay chúa Trịnh. Chúa Trịnh đối với nhà Lê, vẫn có chí ngấp-nghé đã lâu, chỉ vì sợ người Nam còn nhiều người trung-nghĩa với nhà Lê, và lại sợ người Tàu không công-nhận cho họ Trịnh. Nhân dịp cụ Vũ Trần-Thiệu đại-biểu người Nam sang sứ Tàu, Trịnh-chúa Sâm mới làm một tờ mật-biểu cầu với vua Thanh phong mình làm An-Nam-quốc-vương, để thay nhà Lê, mật-chúc với cụ rằng nếu thành-sự thì họ Trịnh với họ Vũ cùng hưởng phú-quí. Khi cụ đi, thì Trịnh-chúa đem vàng ngọc châu báu giao cho cụ mang đi nhiều lắm. Lại sai một người thân-tín là chàng hoạn-giả cùng đi, chàng ấy tuy là người tùy-tòng cụ, nhưng kỳ-thực là người trinh-thám cụ.

Chao ôi ! người quân-tử gặp những bước ấy, cũng khó nghĩ lắm thay ! Đã là người đọc sách thánh-hiền, thì không khi nào có thành-sự cho đứa quốc-tặc mà hưởng phú-quí. Song nếu mà trái ý Trịnh-chúa chịu chết ngay ở nhà, Trịnh-chúa tất sai người khác đi, thì cũng vô-ích, chi bằng làm điều hân-hạnh cứ phụng-mệnh mà đi ; trong can-não kẻ anh-hùng, chắc đã có một cách riêng để xử-trí, dù chết ở nhà, dù chết ở Tàu, thủy-chung cũng chỉ có một sự chết để báo-đáp cho nhà Lê mà thôi.

Ô-hô hề ô-hô ! cái tờ biểu đó, tức là cái minh-tinh rước cụ ; cái hòm châu báu đó, tức là cái đồ minh-khí tế cụ ; cái chàng trinh-thám đó, tức là cái người sô gai chống gậy cho cụ, mà cái ngày cụ bước ra khỏi Nam-quan, tức là cái ngày cụ vĩnh-biệt với quốc-dân ta vậy.

Đi đến hồ Động-đình (thuộc tỉnh Hồ-nam nước Tàu), trên trời dưới nước, một sắc mênh-mông, mà một dải hiệu-nhiên, bạc-bạc xanh-xanh, hình như tự Tản-sơn Nhị-hà vắt ngang sang đó. Khi đó, cụ ngồi trong thuyền, một bên ngọn đuốc hồng, một bên chén thuốc độc ; đàng trước mặt một viên quan Tàu, đàng sau lưng một

chàng hoạn-giả, cụ mở phong sáp, lấy tờ biểu cầu-phong của Trịnh-chúa ra, châm vào ngọn đuốc đốt thẳng, rồi cầm chén thuốc độc uống liền. Một là cụ tỏ cho người Tàu biết rằng người Nam vẫn yêu-mến họ Lê, không ai ưa gì họ Trịnh. Hai là cụ để cho đứa trinh-thám ấy quầy đầu về mà báo cho anh quốc-tặc biết rằng thiên-kinh là thế, địa-nghĩa là thế, từ rầy về sau, đừng có chí lăm-le nữa.

Thuật-giả cũng biết rằng khi cụ cầm chén thuốc độc đó, là cụ lấy chén thuốc độc làm êm-ái, làm ngọt-ngon. Song-le cụ để lại cái đau-đớn, cái đắng-cay cho người đời sau lắm lắm!

Y-hi hề y-hi! Bể oan tối-tăm, nọc Trịnh phun đấy phải không? Gió thu hiu-hắt, chồi Lê bay đấy phải không? Mặt trời chói-dọi, đuốc hồng soi đấy phải không? Trận mây tan-tành, tàn biếu bay đó phải không?

Hồn hề! hồn hề! Trăng Động-đình quạnh lắm, hồn hề qui lai! Khí Động-đình uất lắm, hồn hề qui lai! Nước Động-đình xót lắm, hồn hề qui lai! Gió Động-đình lạnh lắm, hồn hề qui lai!

Người Nam ta có ai ngâm-vịnh đến sự-tích hồ Động-đình, tưởng-tượng đến phong-cảnh hồ Động-đình, hoài-cảm đến chính-khí hồ Động-đình đấy không? Hay là chỉ ngâm-vịnh những sự-tích sông Tiền-đường, tưởng-tượng những phong-cảnh sông Tiền-đường, cảm-thương những tàn-mộng sông Tiền-đường mãi đấy thôi. Cô Thúy-Kiều là người đời xưa, cụ Vũ Trần-Thiệu cũng là người đời xưa. Nhưng mà người Nam ta đối với cụ Vũ, còn là máu loãng, chứ đối với cô Kiều, thật là nước lã, người Nam ta khóc cô Kiều đã chán rồi, nay tôi cũng dư nước mắt, muốn khóc cụ Vũ một chút, chẳng biết những người bàng-quan có lấy làm nực cười hay không? Nên tôi có một bài phỏng-cổ hu-hu viết ra như sau rằng (thể hát nói có đôi khổ):

So tài-danh Vũ-công đệ-nhất, buổi loạn-ly phụng-sứ Thanh-hoàng. Biểu cầu-phong vâng mệnh Trịnh-vương, giong vó ký cùng chàng hoạn-giả. Nghìn dặm tưởng chồi Lê bóng ngả, vận nước còn nhiều lúc phong-ba. Sực nghĩ về ngán nỗi gần xa, năm canh những xót-xa lòng quốc-lão. *Phù-danh mộng lý căn-duyên liễu, khổ-tiết thiên chung oán-hận trường.* 浮名夢裏根緣了。苦節篇終怨恨長 Ngọn đuốc hồng vừa tới cõi xương-mang, cầm biểu-sáp bỗng ran tay ra đốt. Chén thuốc đắng trong phút giây ngon-ngọt, nước anh-hùng nhiều nỗi gian-truân. Động-đình ai khéo tạo-nhân!

Nguyên-văn khóc cô Thúy-Kiều rằng:

So tài-tình Thúy-Kiều đệ-nhất, tiết thanh-minh tảo-mộ hoàng-tuyền. Buổi tà-dương viếng mả Đạm-Tiên, giong vó ký gặp chàng Kim Trọng. Năm canh tưởng giấc hòe thần-mộng, số cô còn nhiều lúc phong-hoa. Sực tỉnh mê nghĩ nỗi gần xa, năm canh những ủ-ê chiều liễu yếu. *Đoạn-tràng mộng-lý căn-duyên liễu, bạc-mệnh cầm chung oán-hận trường.* 斷腸夢裏根緣了。薄命琴終怨恨長。Đóa hoa xuân xảy gặp buổi tang-xương, đeo má-phấn để nên mình lưu-lạc. Ngắm duyên số mười-lăm năm chếch-mác, phận hồng-nhan nhiều nỗi gian-truân. Tiền-đường ai khéo tạo-nhân!

IV

Nông-nỗi nghiện

Nước ta ngày nay, kể đã là văn-minh, nhưng nếu quốc-dân không có mấy thứ nghiện, thì cuộc văn-minh trong nước, cũng kể đã là hoàn-toàn. Người làm quan phần nhiều nghiện tiền. Người có tiền phần nhiều nghiện đồ ngoại-hóa. Người yếu-đau phần nhiều nghiện cầu tiên cầu thánh, bắt tà bắt ma. Người cầu-đinh cầu-tài phần nhiều nghiện cất mả. Người ở nhà phần nhiều nghiện tài-bàn tổ-tôm diu. Người đi đường phần nhiều nghiện khăn xanh, khăn trắng, quàng tai quàng cổ.

Người tài-hoa phần nhiều nghiện ả-đào. Người văn-sĩ phần nhiều nghiện xuất-bản, ruột sách chừng độ mươi trang, rồi tính cả từ nhan sách, cho đến lời giới-thiệu, lời phẩm-bình, chỗ mục-lục, chỗ cải-chính, và tờ giấy trắng lót bìa vẽ dây nho dây muống nữa, thì chừng độ ngoại mươi trang, thế mà cứ hàng ngày thấy xuất-bản luôn luôn. Đến như sự nha-phiến, thì tự kẻ-chợ cho đến nhà-quê, chỗ nào cũng thường thấy có kẻ nghiện. Tuy trong mấy thứ nghiện, cũng có cái nghiện hiền-lành, cái nghiện độc-ác, cái nghiện cao-thượng, cái nghiện đê-tiện tầm-thường. Nhưng đã gọi là nghiện là trái hẳn mất chính-lý, trái hẳn mất lương-tâm ; đã gọi là nghiện, thì cũng chẳng hay-ho gì đâu.

Song thảm-hại nhất là cái nghiện nha-phiến. Cái nạn nha-phiến thế nào, cứ đem bài văn tế nha-phiến của bậc tiên-dân ta truyền lại đó mà xem, thì khắc rõ, không phải kể lôi-thôi chi nữa. Thế mà ngày nay, đèn pha-lê, khay vân-mẫu, dọc-tẩu đồi-mồi, và những đồ yên-phòng thập-vật, hoa bạc, chỉ vàng, giản-hoặc vẫn thấy phô-trương ra ở phố-diện, chắc là có phần tiêu-thụ được, nên mới xuất-hiện mãi. Mà những đồ ấy, xem ra lại tinh-vi tiến-bộ khác thường, giá đem ra mà đấu-xảo dễ cũng được. Song cái đồ lịch-sự lắm tiền ấy, nó có ma-lực, nó chỉ rình đi, nó không ở với ai được trót đời đâu. Chao ôi ! cái lọ thổ-hà, một xu được những ba chiếc, mà dóng tre non, hòn gạch mộc, cái vỏ chai, cái vỏ trứng lại không mất đồng xu nào, thế chẳng đủ tiêu-dao vui-thú yên-hà, ho là bạn cũ, ngáp là người quen đấy ư ! Nên tôi có một bài phỏng-cổ viết bỡn như sau rằng (thể *hát-nói*, dôi phách) :

Thế-sự thăng trầm quân mạc vấn, yên-hà thâm-xứ hữu ư-đăng 世事升沉君莫問。烟霞深處有幽燈。Vắt tay nằm nghĩ chuyện lăng-nhăng, đem vợ đẹp đổi lấy sái ngon thời cũng thỏa. *Duy hải-thượng chi phù-dung, dữ sơn-gian chi anh-quả,* 惟海上之芙蓉。與山間之櫻果。khí trời chung mà hô-hấp của mình riêng. Cuộc phẩm-bình phó mặc chê khen, ai ông nghiện mà ai thằng nghiện ? Thắp nén hương đọc bài văn tế-phiến: *quân bất kiến y-gia chi sản, phụ di lai, bôn lưu nhập khổng bất phục hồi.* 君不見伊家之產父貽來。奔流入孔不復迴。Ăn chi cho khổ một đời !

Nguyên-văn nói về cuộc tiến-tửu rằng :

Thế-sự thăng-trầm quân mạc vấn, yên-ba thâm-xứ hữu ngư-chu. 世事升沉君莫問。烟波深處有漁舟。Vắt tay nằm nghĩ chuyện đâu đâu, đem mộng-sự đấu với chân-thân thời cũng mệt. *Duy giang-thượng chi thanh-phong, dữ sơn-gian chi minh nguyệt,* 惟江上之清風。與山間之明月。khoe trời chung mà vô-tận của mình riêng. Cuộc vuông tròn phó mặc xui nên, ai thành-thị mà ai lâm-tẩu. Gõ dịp phách đọc câu thơ *tiến-tửu* : *quân bất kiến : Hoàng-hà chi thủy thiên thượng lai, bôn lưu đáo hải bất phục hồi.* 君不見黃河之水天上來。奔流到海不復迴。Làm chi cho mệt một đời !

V

Dân-xã nên cải-lương

Tùng tùng tùng ! bi bi bi ! hưng-bái, hưng bái ! Tạch tạch tạch ! đùng ! lễ-tất, ha ha ha ! — Giở khoán ra xem nào, không được giẻo, không được trắng, chiếu-lệ bắt-vạ phe ấy sáu tiền ; chửa được to, chửa được béo, chiếu-lệ bắt-vạ giáp ấy đồng bạc ; khi nhạt, khi chua, chiếu-lệ bắt vạ thầy ấy năm quả cau.

— Này, các chú có ra cái thụ-tộ (1) thì liệu mà ra cho khí trung-hậu vào

(1) Miếng thịt vuông-vắn, để biếu ông chủ-tế, gọi là cái thụ-tộ, thụ-tộ nghĩa là thụ-phúc.

nhé ! — Ông thì lăm, ông thì thủ, ông thì giò, ông thì nọng, ông thì đường ngắn, ông thì đường dài, ông thì thụ-tộ, ông nào cũng muốn trung-hậu cả, còn gì đến dân nữa. — Các chú không biết thế nào là mĩ-phong-hóa, phải biết đãi người đàn anh.

— Tôi là bát-phẩm đội-trưởng, anh mới tòng-cửu, sao anh được ngồi trên tôi ? — Tôi tuy rằng tòng-cửu, nhưng tôi là văn-giai. — Mời các quan Hàn mới ngồi lên trên này. — Hướng đình làng ta lớp này dễ phát Hàn-lâm chắc. — Tôi không biết chữ, chả dám chơi với các ông Hàn-lâm.— Làng ta danh-giá nhất thì ông Nghị, hôm nọ hàng phủ ra bầu ông về, ông nào cũng rượu say khướt, nhảy lên xe tòn-tọt, về lại đảo qua ra Hà-nội mua được cái khăn nhiễu quàng nữa.

— Cứ lối ra thì thầy Cử với thầy Tú chửa có phẩm-hàm, chửa bằng chúng tôi. — Thế nào là khoa-mục, anh dốt lắm. — Họ tôi cũng có mấy ông đi học chữ tây, hiện làm việc ở đấy ở đó, có bằng tốt-nghiệp cả đấy, chả là khoa-mục ư, dân có hậu-tình với thầy Cử thầy Tú, thì phải hậu-tình với cả các ông ấy nữa mới được. — Các ông ấy phú-quí ở đâu đâu, quanh năm ông ấy chẳng về đến làng; thậm-chí cái ngày họ nhà ông ấy tế tổ, ông ấy cũng chẳng về, năm thì mười họa ông ấy có về chăng nữa, họ-hàng bên nội bên ngoại, ông ấy cũng chẳng biết đến ai, người làng có gặp mà chào, thì ông ấy cứ ngờ-ngẫn, hình như người ngoại-quốc đến dạo chơi, chẳng ra kiêu mà cũng chẳng ra không, ông ấy có thừa tiền chăng nữa, thì chỉ hiệu cao-lâu anh Chiệc, hiệu hàng tấm anh Chà được nhờ, chứ dân cũng chẳng được nhờ gì, thế mà bắt dân hậu-tình với các ông ấy, thì dân hậu-tình thế nào được. Các thầy Cử thầy Tú tuy rằng hủ-bại đấy thật, nhưng khi quan trên về làng, thầy ấy cũng chịu khó ra nghênh-tiếp, đỡ-đần lời-lẽ cho dân. Trong làng nhà nào có bố mẹ già, thầy ấy cũng chịu khó đến trợ-tang, đỡ-đần cái câu-đối, cái bài trướng, hoặc bài văn tế chữ, bài văn tế nôm cho dân. Hôm nọ có nhà ấy bố con anh em cãi nhau về tài-sản, toan đi kiện nhau, phân-dị nhau. Lại có nhà ấy vợ chồng đánh nhau, toan bỏ nhau, thầy ấy cũng chịu khó đến giảng-giải, duy-trì cái phong-hóa cho dân. Vả lại trẻ con làng ta mấy năm trước, cũng nhờ các thầy ấy mà kiếm được năm ba chữ, bây giờ dân hậu-tình với các thầy ấy, thì cũng bất-phương.

— Hôm nọ ông gả chồng cho con bé cháu, đã trang-trải nợ-nần xong chưa? — Nợ-nần miệng đấy, chứ nợ-nần gì, phải bù thêm đấy ông ạ. Thằng bé nhà tôi năm nay đã ngoại hai-mươi tuổi, đã có vợ rồi, chỉ nỗi chửa lo được tiền cưới đấy thôi. — Cheo làng ta nặng quá, con gái dễ ế chồng cả. — Ông nói phải. Chả trách làng ta mấy năm nay, chỉ thấy mấy chú trọc-phú ở ngoại-hương đến làm rể, mặt đực ra, chả được một anh văn-sĩ nào ra mể qui-tế lâm-đình cả, cứ thế chẳng thiệt cho con gái làng ta lắm nhỉ ! Con gái làng ta cũng lắm đứa yểu-điệu tệ, coi cũng ra dáng bà nọ bà kia.

— Hôm nọ ông tổng-chung cho cụ, cái bánh dầy khí nhỏ, cỗ-bàn khí thanh-bạch quá. — Thế mà xiềng đấy ông ạ ! giá không có mấy cái họ cấp thì nguy, may sao lại được vài trăm chai rượu phúng.

— Tôi thèm quốc-ngữ quá ! học quốc-ngữ chóng ra phết, chỉ độ vài tháng, xem được sách ngay. — Ấy ! nhà tôi mới đón được một ông đồ, nhà tôi con trai con gái, tôi cho học quốc-ngữ tất. Bà lão nhà tôi chỉ nghe trẻ

học, thế mà cũng vọc-vạch quốc-ngữ đấy. Nhà tôi thành ra cũng nghiện chữ quốc-ngữ, hôm nào không nghe trẻ nó đọc, thì trong nhà vắng ngắt như chùa Bà-đanh. Nghe những lời của các ông bàn nói về cách làm ăn cư-xử trong sách quốc-ngữ, thú quá! Giá làng ta có một cái trường học quốc-ngữ, để làng nước cùng học thì hay.

— Bỏ cho tôi mượn một nắm đũa ra đây: tích này hết bây nhiêu, tích này, tích này, hết bây nhiêu, bây nhiêu, rõ thật thập-mục sở-thị nhé, chúng tôi không hà-lạm một xu nào. — Việc các ông làm, miệng các ông tính, tay các ông biên, các ông tính thế nào thì nên thế, chúng tôi dám biết đâu vào đấy, có chăng chỉ quan trên soi xét biết cho mà thôi. — Ô hay! tiền có đồng, cá có con, sự thuộc đồng-dân, các ông lại nói thế nữa, các ông muốn đi đâu thì đi. — Các ông chả phải thách. Tôi không chịu cái nước cả vú lấp miệng em ấy mãi được, phen này thưởng tôi đi cũng nên, cầm bằng cho nó nát đám cỏ gà ra nhân thể. — Cứ đi đi ông ạ, làm người cũng phải đi nếm cơm cửa tỉnh cửa phủ, để biết mặt ông đèn trời một tí chứ. — Ông có giỏi, thì tôi với ông nào, việc gì ông phải ném đất giấu tay. Cái đời nhà ông thì chỉ mong cho đục nước dễ béo cò đấy thôi, tôi lại chả biết nữa ư? Ai muốn làm thầy cho ai, tha hồ! — Tôi chỉ trên thì trời, dưới thì đất, giữa thì quan với mình đấy thôi. — Thôi! ai biết ma ăn cỗ, ai soi-xét được những việc ấy, chẳng qua mỏi chân vài tháng, rồi lại nghĩ-ưng đình-cứu đấy chứ gì, ai làm người nấy chịu, đã có trời soi-xét, đừng lỗi đất nữa mà mất tiền.

— Bác nhiêu, bác nhiêu, bác cứ ngồi lên đây. — Tôi ra làm việc làng đã khó nhọc mấy thứ, chẳng thâm-niên cũng là thâm-niên, tôi mới được ngồi đây, chú công-cán gì, chú đừng cậy chú có tiền. — Phép vua thua lệ làng; làng khi chữa đình chữa chùa, xây cầu xây cống, tôi bỏ tiền ra giúp làng đấy. Anh là cái mọt ở trong làng, anh càng thâm-niên lắm, thì làng lại càng hại nhiều, anh đừng cậy thâm-niên. — À! các chú láo, bỏ thước tay đây. — Thế nào các anh lại bảo tôi láo? bỏ gậy tầy đây. — Thôi, thôi, thôi! dĩ hòa vi quí.

— À quên! cái khoản cơm đen ấy, các ông đã dự-bị chưa? — Đã, nênh, có đổ xuống ao cũng không hết. — Ngang hay cống? — Đàng nào cũng có, tùy kỳ sở thích.

Tòm, tòm tòm! tùng-rênh, rênh! tùng-rênh, rênh! tình tính tinh! tình tính tinh! tình tính tinh tang! giục phách! phách! giục phách phách! giục phách phách! Tòm chát! tòm, uầy! Xuyên-tâm! Chát tòm chát, uầy! Chính-diện! Chát chát tòm, uầy! Thượng-mã. Tòm chát chát tòm, uầy! Quán-châu! Tòm chát tòm chát tòm, uầy! Mai-hoa!

Nên tôi có một bài hát phỏng-cổ viết đùa như sau rằng (thể hát nói có đôi khổ):

Dân-phong cầu mĩ nhĩ, xã-hội tu cải-lương. 民風求美耳。社會須改良。*Hữu tài, hữu sản, hữu gia, hữu hương, tức tộc-biểu hội-đồng lương hữu dĩ.* 有財有產有家有鄉。卽族表會同良有以。

Đành vũ-trụ dai ngô phận-sự, hãng sửa-sang cho dân-xã là hơn. Xôi vi-tai hề thịt vi-ương, tình-cảnh ấy người sao như ngủ. *Nhược dãi dồ khao nhiêu vọng hậu, nhất đôi trái-khoản dĩ lăng-tằng.* 若待徒犒饒望後。一堆債款已崚嶒。Thế thời ma chi to, cưới chi thách, chi tiền phủng, chi rượu mừng, chuốc chi chuyện bàu tay gắp lửa. Lưng hộp sái vụt lọ xe xe lọ, một tiếng còi tu âu á á âu. Khi đưa già, khi chăn trẻ, khi xử kiện, khi thu cheo, nhận từ-ái công-bằng làm hạnh-phúc. Trò quốc-ngữ ngắm cùng

giáo-dục, cuộc phổ-thông thông-phổ ai hay. Thử xem dân-trí sau này !

Nguyên-văn nói về sự đắc-ý rằng :

Nhân sinh như ký nhĩ, đắc-ý tu tận hoan. 人生如寄耳。得意須盡歡。 *Hữu thuyền hữu mã hữu thủy hữu san, tức bỉnh chúc dạ du lương hữu dĩ.* 有船有馬有水有山。卽秉燭夜遊良有以。 Đành vũ-trụ dại ngô phận-sự, cũng tiêu-dao cho tuế-nguyệt thêm càng. *Vân xương-xương hề thủy ương-ương.* 雲蒼蒼兮水泱泱。 phong-cảnh ấy người sao nên phụ. *Nhược dãi công-thành danh-toại hậu, nhất đôi lão-cốt dĩ lăng-tăng.* 若待功成名遂後。一堆老骨已嶒嶒。 Thế thời sơn chi nam, sơn chi bắc, chi Thái-Họa, chi Tung-Hằng, chắc đâu chuyện phù-bình tán tụ. Lưng bầu rượu tiêu cổ kim kim cổ, một túi thơ chứa hoa nguyệt nguyệt hoa. Khi cờ vây, khi bài lá, khi tiếu-ngạo, khi cầm-ca, nhận phong-vị hào-hoa làm cảnh thú. Trỏ Lò, Tản ngắm cùng thảo-thụ, cuộc tỉnh say say tỉnh ai hay. Thử xem con tạo sau này !

VI

Vịnh bút sắt bút lông

Thần bút-lông với thần bút sắt hai thần cãi nhau rằng : — Nghề tôi là nghề dọc, tôi cứ ngang bằng sổ ngay. — Bác tài về nghề dọc, thì tôi tài về nghề ngang, tôi cứ *a* tròn *b* méo. — Trời phú tính cho tôi, mềm-mại dịu-dàng, chả cứng rắn được như bác. Nhưng trong khi tôi ra tác-dụng với đời, tôi vẫn ngay-ngắn nghiêm-trang, không chịu cái nước ngả-ngả nghiêng-nghiêng như bác. — Tôi hèn, tôi cũng là con nhà ngũ-kim, cái thân tôi bách-luyện mà ra đây ; chả như cái đời bác chắp nhặt lại từng cái tơ cái tóc mà thành-thân đâu. — Cái thân tôi tuy rằng thiên-thể vạn-thể, nhưng kỳ-thực là nhất-thể, có ý xum-vầy đoàn-hợp với nhau, không ai có thể bẻ gẫy được. Cái thân bác chỉ có hai mảnh, mà hai mảnh lại chỉ có một bề ; tôi nguy-hiểm thay cho bác lắm đấy, bác đừng khoe là bác rắn mình. — Bác không biết, trời phú-chất cho tôi tuy rằng rắn-giỏi, nhưng tôi cũng biết mềm ; chẳng biết rắn biết mềm, sao ứng-dụng với đời được !

Ông Văn-Xương-đế-quân nghe thấy chuyện, gọi hai thần ra phán-bảo rằng : « Các ngươi lắng tai, đây bảo ! Các ngươi cãi nhau đó, là cãi nhau về hình-chất cả đấy thôi. Cứ lấy hình-chất mà luận, thì các ngươi đối với các vật trong thế-gian, chẳng qua chỉ đàn anh cái đanh cái kim, đàn em cái chàng cái đục đấy thôi. Ừ ! mà sao các ngươi lại bao-quát được vụ-trụ, thướng-hạ được cổ-kim, kinh-khấp được quỉ-thần, sáng-tạo được thời-thế, các ngươi biết không ? Là vì trời cho các ngươi có cái tinh-thần đặc-biệt, các vật khác không bì với các ngươi được. Nay lấy tinh-thần mà luận, thì dù lông dù sắt, đều là cái vật chứa ở trong kho tư-tưởng mà phát-hiện ra, ngang thế nào cho bằng thì ngang, sổ thế nào cho ngay thì sổ, *a* thế nào cho tròn thì *a*, *b* thế nào cho méo thì *b*. Miễn là đừng để cái học-thuyết vô-vị nó làm cho cùn, cái văn-minh dở hơi nó làm cho dỉ mà thôi.

« Vả lại, các ngươi đã trót sinh ra với nhau ở đất nước Việt-Nam này, chẳng muốn cho nền văn-chương Việt-Nam tốt đẹp thì chớ, nếu mà muốn ra chăng nữa thì phải yêu nhau như ông Rồng với bà Tiên, cô Mị với chàng Tản mới được. Kẻo nữa cô-dương thì bất-sinh, cô-âm thì bất-thành. Các ngươi đã hiểu lẽ chưa ? Đó là vì cái chồi văn-chương Việt-Nam hãy còn mềm-yếu, chưa có thể đứng một mình được, chắc phải nhờ hai thứ không-khí điều-hòa lại với nhau, để làm nơi sinh-trưởng, sẽ mong có kết-quả về sau. Có hiểu thấu được cái lẽ sâu-xa ấy, mới xứng-đáng là cái vật

biết nghí-ngoáy, cái thần có khôn-thiêng. Chứ cãi nhau về hình-chất mãi, thì ích gì. Các ngươi ghi-tạc lấy lời đó. »

Rồi tự đó hai thần mới ở chung với nhau một phòng, nằm chung với nhau một giá, mộng-tưởng chung với nhau một kho triết-lý, khơi-tạc chung với nhau một mạch từ-nguyên, chỉ lúc ra tắm mực là riêng ao riêng chậu mà thôi. Xét ra thời cái nghề vẽ voi của con nhà lông, một ngày một thấy dồi-dào ; mà cái kiểu gọt rồng của con nhà sắt, cũng một ngày một thấy sắc-xảo ; lông có phụ gì sắt, sắt có phụ gì lông. Nên tôi có một bài phỏng-cổ viết dông viết giải như sau rằng (thể hát nói, đối phách) :

Thốn-tâm thiên cổ sự, 寸心千古事。 dã chơi văn cho phải biết tình văn Lông chi cựu đối sắt chi tân, lông với sắt càng thêm lý-thú. Thơ rằng : *Thiết trợ mao - thi khinh bán bộ, mao phù thiết-luận trảm thiên đinh.* 鐵助毛詩輕半步。毛扶鐵論斬千釘。 Lông chẳng cùn mà sắt lại càng nhanh, sắt chẳng nhụt vẫn lông quanh với sắt. Dọc bốn tay, ngang xoay bốn mắt, đem sắt lông dìu-dặt với phong-trào. Sắt kia ai kém ai nào, lông kia tỏ mặt văn-hào này không ? Xinh thay kìa sắt nọ lông.

Nguyên-văn tả về cảnh núi trăng rằng :

Cao-sơn nhất phiến nguyệt, 高山一片月。 dã chơi trăng cho phải biết tình trăng. Sơn chi thọ, đối nguyệt chi hằng, sơn với nguyệt càng thêm cảnh-sắc. Thơ rằng : *Nguyệt quải hàn-sơn thi bán bức, sơn hàm minh-nguyệt tửu thiên tôn.* 月掛寒山詩半幅山含明月酒千樽。 Trăng chẳng già mà núi hãy còn non, núi chẳng chếch vẫn trăng tròn với núi. Rượu một bầu, thơ ngâm một túi, gặp gió trăng thề-thuyết với non sông. Núi kia tạc một chữ đồng, trăng kia tỏ mặt anh-hùng này chẳng? Xinh thay kìa núi nọ trăng!

TÙNG-VÂN

KHẢO VỀ LỐI THỦY-HỌA(1)

CHƯƠNG THỨ HAI

Phép pha mùi

I

Vẽ thủy-mạc hay là vẽ một mùi

Một nhà muốn tập lối thủy-họa tất đã biết vẽ bằng chì rồi, trông một vật nào hay một cảnh giản-dị nào đã có thể cầm bút chì phác-họa ra được gần đúng đại-đoạn tiểu-cục rồi. Nếu chưa tập qua lối vẽ chì thì chưa nên tập ngay lối thủy-họa.

Vậy ta hãy thí-dụ một nhà vẽ chì đã khá muốn tập sang lối thủy-họa. Nếu khi mới tập mà muốn tô xanh điểm đỏ thì tất gặp nhiều nỗi khó-khăn, cái kết-quả tất không tốt mà rồi sinh chán sinh nản. Học gì cũng vậy, muốn chắc-chắn mà noi tới mục-đích thì không nên vội-vàng, muốn chèo cao ta phải bước dần từ bậc thang dưới cùng, hấp-tấp không khỏi vấp khỏi ngã. Vậy ta hãy tập vẽ thủy-mạc nghĩa là vẽ bằng mực tàu (hạng tốt) hay là *noir d'ivoire* với nước hay là vẽ một mùi, hoặc mùi *sepia*, *bleu de Prusse* hay *bleu d'outremer*. Khi vẽ một mùi hay vẽ thủy-mạc đã quen tay, đã kha-khá, hãy nên tập pha mùi rồi vẽ bằng thuốc.

(1) Xem *Nam-Phong* số 77.

Bắt đầu tập lối này nên dùng hai cách: một cách chép lại một bức vẽ thủy-mạc, một mùi hay nhiều mùi (không bao giờ nên chép những bức ảnh, vì những bức ảnh nhiều nét quá mà không rõ nét), một cách nữa là vẽ theo kiểu thiên-nhiên, những kiểu này thì trước hãy chọn những vật hình-dung đơn-giản, có dáng mà chỗ sáng chỗ tối phân-minh, như cái thuyền, cục gỗ, hòn đá, v. v.. Vẽ những vật đơn-sơ ấy quen rồi, đúng rồi hãy vẽ những phong-cảnh. Bao giờ cũng nên chọn những cảnh giản-dị, một bức tranh loáng-thoáng, thường trông vẫn ngoạn-mục hơn một bức họa quá rậm, đặc sịt những cây-cối nhà-cửa .. Nhà thủy-họa không bao giờ nên quên rằng mình không nên vẽ tất cả những cái mình trông thấy cùng một cảnh và một bức họa bao giờ cũng đơn-sơ hơn một bức ảnh: chính bởi thế mà một bức họa bao giờ trông cũng ngoạn-mục hơn, cũng ưa nhìn hơn một bức ảnh. Nói như thế là nói nhà thủy-họa có trông ảnh mà họa chăng nữa, thì cũng phải để ý vào đại-thế bức cảnh, biết bỏ những nét rườm-rà tỉ-mỉ có phương-hại đến đại-thế bức họa của mình: vẽ một cái cây, tất-nhiên không nên vẽ từng cái lá một mà là vẽ từng đám một. Vẽ một đám đông mà muốn vẽ tách-bạch từng người thì vẽ làm sao?

Ta hãy nói về cách chép một bức họa. Trước hết ta lấy bút chì chép lấy đại-thế, chỉ chú-ý vào những nét chính mà thôi. Ta nhắc lại rằng bút chì không nên dùng thứ mềm quá hoặc rắn quá, đầu bút đừng vót nhọn quá mà cũng đừng để quá to. Ta vẽ phác bằng chì ta chớ dằm bút quá, vì rằng đến khi thuốc hay mực vẽ lên phải lấp hết nét chì đi. Không nên tẩy, vì tẩy thì chỗ giấy đã tẩy ấy thành ra thấm nước, đến khi tô mùi thuốc xuống thì hỏng.

Vẽ phác xong, ta chớ vội tô mùi. Ta hãy ngắm kỹ bức họa, bức đó dù vẽ một mùi hay nhiều mùi, ta cũng sẽ phân-biệt được rằng có chỗ nhạt có chỗ xẫm, có chỗ xẫm vừa, có chỗ xẫm lắm: ta thử nhìn kỹ mà xem, có nhiều lớp thuốc, lớp nọ đè lên lớp kia, chứ không phải chỉ có một lớp mà thôi. Thường thì ta thấy ba lớp thuốc: *lớp thuốc nhạt vẽ trước, rồi đến lớp thuốc xẫm vừa đè lên lớp nhạt, sau cùng mới đến lớp xẫm hơn hết đè lên hai lớp kia.* Vậy ta xem trong bức họa chỗ nào nhạt ta vẽ trước cả đi, rồi hãy vẽ đến chỗ xẫm vừa, khi ta vẽ đến mùi xẫm nhất là ta họa đã gần xong. Ta nên nhớ rằng: *ta phải đợi lớp thuốc trước khô rồi ta hãy vẽ lớp thuốc khác đè lên.* Nếu ta trái lời dặn đó thì thành ra hoen, bẩn, mà hỏng mất bức họa. Nhưng ta cũng nên biết rằng nhà thủy-họa cũng nhiều khi mùi nọ còn ướt đã vẽ ngay mùi bên, rồi làm cho hai mùi hoen với nhau: cái « hoen » khi ấy chính lại là một nét bút thần-tình, nhưng phải đã là tay thạo mới làm được, khi ta mới tập chớ vội bắt-chước làm gì.

Trên này ta vừa bàn rằng nên vẽ từ cái *nhạt* đến cái *xẫm*, đó là một lối dễ-dàng cho người mới học, chứ không phải là chỉ có lối ấy mà thôi. Vẽ từ cái *xẫm* đến cái *nhạt* cũng là một lối thường dùng. Hoặc cũng thấy nhiều nhà thủy-họa vẽ từng đám một, vẽ xong hẳn đám nọ mới vẽ sang đám kia. Tóm lại thì khi đã biết vẽ rồi thì lối nào mình ưa, mình quen cùng hay cả, nhưng khi mới tập tưởng vẽ từ cái *nhạt* đến cái *xẫm* thì vừa dễ-dàng mà vừa chắc-chắn hơn.

Những điều nói trong mục này rất quan-trọng, các nhà mới tập lối thủy-họa nên đọc đi đọc lại cho kỹ rồi đem ra thực-hành cho đúng, và nên nhớ

câu « dục tốc bất đạt » mà cứ « tuần-tự nhi tiến » thì chỉ trong ít lâu sự tấn-tới mau trông thấy. Các nhà lại nên đánh số và ghi ngày vào những bức họa của mình tập vẽ để đo sự tiến-bộ, thấy mỗi bức họa mới đã có vẻ dễ trông hơn tất trong lòng phấn - chấn vui-vẻ mà luyện-tập luôn luôn, như thế cái ngày được thấy kết-quả thực gần mà không xa vậy.

II

Tô mùi có quan-trọng không ?

Trong thuật thủy-họa thì sự tô mùi là quan-trọng hơn hết và khó-khăn hơn hết. Một bức thủy-mạc hay một bức họa một mùi dù khéo đến đâu, cũng chỉ miêu-tả được cái hình-dung, cái hoạt-động, cái dáng-điệu, đến cả cái tinh-thần là cùng. Nhưng bức họa như thế cũng chưa hoàn-toàn, chưa thực hệt cảnh thiên-nhiên của tạo-hóa, mà trong phòng khách bày toàn những bức họa một mùi tưởng cũng không đủ ngoạn-mục vậy. Nhân-vật trong thế-giới không phải chỉ khác nhau bằng cái hình - dung, cái hoạt - động, cái dáng-điệu mà thôi : mỗi giống người có một mầu da, mỗi giống chim muông có một mầu lông khác nhau, mỗi giống cây giống cỏ mầu hoa mầu lá cũng khác nhau, v.v.. Mùi đã là một cái làm cho nhân-vật trong thế-giới khác nhau, nhà thủy-họa chủ-đích đã là bắt-chước tạo-hóa, hình-dung tạo-hóa, vẽ càng hệt tạo-hóa bao nhiêu càng khéo bấy nhiêu : tô mùi thực là một sự quan-trọng trong thuật thủy-họa vậy.

Cô thiếu-nữ thẹn-thò, đỏ hai khuôn má, nếu vẽ thủy-mạc hay vẽ một mùi thì vẽ làm sao ? Những đoá hoa xuân, trăm hồng nghìn tía, tô-điểm cho vườn thế-giới, rực-rỡ nguy-nga mà nếu nhà hội-họa không dùng đến các mùi thuốc thì miêu-tả làm sao cho được nhỉ ? Những mùi thuốc của nhà thủy-họa pha với nhau biến-hóa vô-cùng, mầu nọ khéo xen lẫn mầu kia thành ra những bức họa tuyệt-tác, nhìn không chán mắt. Các mùi thuốc thực có thể ví với tấm linh-hồn làm cho cái sắc bức họa kia có vẻ linh-hoạt vậy.

Trong lối vẽ trang-điểm, sự tô mùi cũng quan-trọng lắm, nhưng ta không bàn đến vì không thuộc vào phạm-vi bài lược khảo này.

III

Mùi với mầu khác nhau thế nào ?

Mùi (*ton*) là chính-sắc (*couleur proprement dite*) của một vật. Da trời hôm nay thì xam-xám, da trời hôm qua thì thiên-thanh. Lá cây này thì xanh-vàng, lá cây kia xanh-lơ, lá cây nọ lại xanh-đen-xam-xám (*gris*), thiên-thanh (*bleu d'azur*), xanh-vàng (*vert jaune*), xanh-lơ (*vert bleu*), xanh-đen (*vert noir*) là chính-sắc một vật, ta gọi là mùi vậy. Nhưng cũng một cái da trời thiên-thanh, có chỗ xẫm chỗ nhạt, cũng một thứ lá mùi xanh-vàng hay xanh-lơ, có cái xẫm cái nhạt, cũng một mùi thuốc, ta pha với rất ít nước thì xẫm, ta cho thêm vài giọt nước vào thì thấy bớt xẫm đi; ta thêm 1, 2, 3,.... 10, 20, 30. . giọt nước đi thì mầu thuốc cũng thay đổi, cũng nhạt 1, 2, 3..... 10, 20, 30..... bực. Vậy thời cùng một mùi mà cái bực xẫm nhạt thực vô-hạn, tức là cái mầu (*valeur*) thay đổi vô-cùng vậy. Trong thuật thủy-họa cần nhất cái mầu cho đúng, cái mầu đúng mà cái mùi hơi sai còn khả-quan, chứ dẫu cái mùi đúng mà cái mầu sai thì toàn-sắc (*tonalité générale*) không điều-hòa thành ra bức-họa (tức như tranh in của Tàu, của Nhật) xanh-xanh

đỏ-đỏ, sặc-sỡ khó coi. Nói thế không phải là bảo cái mùi không cần phải đúng đâu : mầu đúng lại thêm mùi đúng thì bức họa mới hoàn-toàn được. Ấy cũng bởi mầu thuốc cần là thế, lấy mầu thuốc cho đúng khó là thế, cho nên trên này ta đã khuyên các nhà mới tập vẽ lối thủy-họa hãy nên tập vẽ thủy-mạc và vẽ một mùi cho khéo đã rồi hãy qua sang lối vẽ nhiều mùi. Vẽ một mùi đã khéo, tức là cầm bút đã quen tay, lấy mầu thuốc đã đúng, lúc bấy giờ qua sang lối vẽ nhiều mùi thì chỉ còn có một điều khó mà thôi : là việc pha lấy mùi cho đúng. Phương-pháp ấy chả là thuộc về lẽ phải ru?

Muốn tập pha mùi, lấy mầu cho đúng thì không những phải vẽ nhiều, nhưng cần nhất là phải giáo-dục thị-giác, luyện-tập con mắt cho sành, cho biết biện-biệt một bức vẽ khéo với một bức vẽ vụng. Đưa một bức họa tuyệt-tác của người Pháp, với một bức tranh in xanh đỏ của bọn Khách bán dong cho một người tầm-thường, không từng có chút giáo-dục về mĩ-thuật nào, tất người ấy thích bức tranh xanh-đỏ hơn ! Bức thủy-họa tuyệt-tác kia giá có hàng chục, hàng trăm, có khi hàng nghìn đồng, mà bức tranh in sạch-sẽ nhẵn-nhụi nọ có đắt lắm là giăm bảy hào chỉ ! Ta xem một bức họa ta phải biết khéo vì sao, vụng vì sao, nét nào mạnh-mẽ, nét nào thần-tình... mùi có đúng không, mầu có hợp không... v.v.. Nếu mà ta luyện được con mắt cho sành ấy là ta tập vẽ rất mau tấn-tới : cái tay quen nốt, cái phép pha mùi nhập-diệu là ta biết vẽ rồi.

* * *

Mục này ta bàn về mùi và mầu, tưởng ta cũng nên nói qua về cái toàn-sắc một bức cảnh (*la tonalité générale d'un paysage*).

Cái toàn-sắc một bức cảnh mỗi lúc mỗi khác, buổi sáng không giống buổi chiều ; cùng một cảnh-vật, mà lúc trời dâm cái toàn-sắc khác hẳn khi trời nắng. Không phải chỉ có da trời là đổi khác mà đến cả cái mùi, cái mầu nhân-vật trong bức cảnh cũng khác cả. Nhà thủy-họa phải cần quan-sát kỹ nhất cái toàn-sắc ấy thì vẽ mới đúng được. Khi dâm trời, các vật hình như có cái mầu xam-xám, lúc mặt trời lặn các vật hình như có cái vẻ hồng-hào ; cái mầu xam-xám ấy, cái vẻ hồng-hào ấy là cái toàn-sắc của bức cảnh : cái toàn-sắc (*tenue générale*) của bức họa cũng phải hệt như thế, nếu sai thì hỏng. Những bức tranh sặc-sỡ, đỏ-đỏ xanh-xanh, các mùi thuốc không phối-hợp, không điều-hòa, không ưa con mắt, đều là bởi hỏng ở cái toàn-sắc cả.

Ví-dụ như vẽ một bức họa toàn-sắc nó xam-xám, ta phải nhớ rằng những mùi xám là cần nhất cho ta. Những mùi xám đó ta dùng các mùi *bleus*, *bleu de Prusse*, *bleu d'outremer*, *cobalt*, pha với *sépia*, *noir d'ivoire*, thêm chút *terre de Sienne* hay *carmin* cho thêm vẻ đậm-đà. Ta thêm nhiều ít *terre de Sienne* hay *carmin* tùy theo vật-sắc, nhưng ta không bao giờ nên quá tay đến nỗi sai mất toàn-sắc bức họa.

Ấy cũng bởi vì toàn-sắc cảnh-vật mỗi lúc mỗi thay, mà khi ta vẽ một bức cảnh thiên-nhiên cần phải nhiều buổi mới xong được, thì buổi nào ta cũng nên đúng giờ buổi trước mà đến vẽ.

IV

Mùi gốc, mùi song-hợp, mùi tam-hợp

Ánh sáng ở các vật phản-chiếu lên

mắt ta sinh ra một cái cảm-giác, cái cảm-giác ấy là vật-sắc, tức là mùi vậy.

Mùi chia ra làm ba loại chính: mùi gốc (*couleurs primaires*), mùi song-hợp (*couleurs binaires*) mùi tam-hợp (*couleurs ternaires*).

Có ba mùi gốc là: mùi thiên-thanh (*bleu*), mùi vàng (*jaune*), mùi đỏ (*rouge*). Bà mùi đó gọi là mùi gốc, vì những mùi đó pha với nhau thành ra hết cả các mùi khác, mà không có mùi nào pha được thành ra mùi vàng, mùi đỏ, mùi thiên-thanh.

Hai mùi gốc hợp lại với nhau thành ra mùi song-hợp.

Các mùi thiên-thanh (*les bleus*) pha với các mùi vàng (*les jaunes*) thành ra các mùi xanh (*les verts*).

Các mùi thiên-thanh (*les bleus*) pha với các mùi đỏ (*les rouges*) thành ra các mùi tím (*les violets*).

Các mùi đỏ (*les rouges*) pha với các mùi vàng (*les jaunes*) thành ra các mùi da cam (*les orangés*).

Các mùi đỏ (*les rouges*) pha với các chất đen (*les noirs*) thành ra các mùi nâu (*les bruns*).

Các mùi thiên-thanh (*les bleus*) pha với các chất đen (*les noirs*) thành ra các mùi xám (*gris*).

Mùi xanh (*vert*), tím (*violet*), da cam (*orangé*), nâu (*brun*), xám (*gris*) là những mùi « song-hợp ».

Trên này ta không nói mùi đen, ta nói chất đen, vì đen với trắng (*le blanc et le noir*) không phải là mùi (*les non-couleurs*). Đen pha vào các mùi là để cho xẫm lại. Trắng pha với các mùi là để cho sáng ra. Nhưng ta phải nhớ rằng thuật thủy-họa rất ít dùng đến chất đen, và không bao giờ dùng đến chất trắng (những chỗ trắng trong bức thủy-họa là những chỗ giấy để chừa ra).

Đem mỗi mùi song-hợp pha với một mùi gốc thành ra thứ mùi khác gọi là mùi tam-hợp (*couleurs tertiaires*).

Mùi xanh (*vert*) pha với mùi vàng (*jaune*) thành ra mùi lưu-hoàng (*nuance soufre* ou *vert-jaune*).

Mùi xanh (*vert*) pha với mùi « lơ » (*bleu*) thành ra mùi « xanh-lơ » (*nuance turquoise*) hay (*vert-bleu*).

Mùi tím (*violet*) pha với mùi « lơ » (*bleu*) thành ra mùi tím lơ (*violet-bleu*) hay (*nuance campanule*).

Mùi tím (*violet*) pha với mùi đỏ (*rouge*) thành ra mùi tím-đỏ (*violet rouge*) hay (*nuance grenat*).

Mùi da-cam (*orangé*) pha với mùi đỏ (*rouge*) thành ra mùi da-cam đỏ (*orangé rouge* hay *nuance capucine*).

Mùi da-cam (*orangé*) pha với mùi vàng (*jaune*) thành ra mùi nghệ (*nuance safran* hay *orangé jaune*).

* * *

Mùi bổ-túc (*couleurs complémentaires*). — Khi nào nhiều mùi pha lẫn với nhau thành ra trắng, thì những mùi ấy gọi là « mùi bổ-túc ».

Khoa vật-lý-học đã thí-nghiệm ra rằng ba mùi gốc « lơ » (*le bleu*), vàng (*le jaune*), đỏ (*le rouge*) pha lẫn với nhau thành ra chất trắng. Nhưng nếu ta lấy ba mùi thuốc lơ, vàng, đỏ mà pha với nhau thì thấy thành ra một chất xám chứ không trắng hẳn, đó là vì những mùi thuốc chế không được thực nguyên-chất.

Mùi bổ-túc cho mùi « lơ » (*bleu*) là mùi da-cam (*orangé*):

Mùi bổ-túc cho mùi vàng (*jaune*) là mùi tím (*violet*));

Mùi bổ-túc cho mùi đỏ (*rouge*) là mùi xanh (*vert*).

Trái lại thì:

Mùi bổ-túc cho mùi da-cam (*orangé*) là mùi « lơ » (*bleu*);

Mùi bổ-túc cho mùi tím (*violet*) là mùi vàng (*jaune*);

Mùi bổ-túc cho mùi xanh (*vert*) là mùi đỏ (*rouge*).

Nói về các mùi tam-hợp thì :

Mùi bổ-túc cho mùi xanh vàng (*vert jaune*) là mùi tím đỏ (*violet rouge*);

Mùi bổ-túc cho mùi xanh lơ (*vert bleu*) là mùi da cam đỏ (*orangé rouge*);

Mùi bổ-túc cho mùi da nghệ (*orangé jaune*) là mùi tím lơ (*violet bleu*).

Trái lại thì :

Mùi bổ-túc cho mùi tím-đỏ (*violet rouge*) là mùi xanh-vàng (*vert jaune*);

Mùi bổ-túc cho mùi da-cam đỏ (*orangé rouge*) là mùi xanh-lơ (*vert bleu*);

Mùi bổ-túc cho mùi tím-lơ (*violet bleu*) là mùi da-nghệ (*orangé jaune*).

Mùi sáng, mùi tối. — Có mùi sáng (*couleurs lumineuses*) như mùi vàng, mùi da-cam, ít nhiều mùi xanh ; có mùi tối (*couleurs sombres*) như nhiều mùi « lơ », mùi tím, những mùi này pha cùng mầu với các mùi trên thì kém phần sáng-sủa.

Những mùi sáng pha với những mùi tối có thể thành ra mùi tối được, cũng như những mùi tối pha mầu nhàn-nhạt (tức là pha loãng, pha với nhiều nước) cũng dùng làm mùi sáng được.

Mùi nóng, mùi lạnh. — Khắp các mùi chia ra làm ba hạng : « mùi nóng » (*tons chauds*), « mùi lạnh » (*tons froids*), « mùi trung-lập » (*tons neutres*) (1). Mùi nóng là chỗ các mùi có pha nhiều mùi đỏ, mùi vàng vào ; mùi lạnh chỉ các mùi có pha nhiều mùi lơ ; còn các mùi trung-lập tức là các chất đen, trắng và các mùi xám.

Các mùi nóng bao giờ cũng có vẻ hồng-hào ưa nhìn ; các mùi lạnh bao giờ trông cũng đét, cũng nhạt-nhẽo buồn-tẻ. Bởi vậy cho nên một bức họa mà nhiều mùi lạnh quá thì trông có vẻ lạnh-lùng, mà nếu có nhiều mầu nóng quá thì cái vẻ trông quá rực-rỡ. Cái thần-tình của nhà thủy-họa là khéo điều-hòa các mầu lạnh, màu nóng : thường khi dùng nhiều mùi lạnh vẫn phải thêm ít điểm mùi nóng vào cho mất cái vẻ lạnh đi. Vẽ cảnh sáng trăng tất-nhiên phải dùng nhiều mùi lạnh, vẽ cảnh nắng hay cảnh mặt trời mới lặn tất - nhiên phải dùng nhiều mùi nóng : như thế mà làm sao cho cảnh nọ khỏi đét, khỏi buồn, cảnh kia khỏi quá rực-rỡ, đó là cái khó của thuật thủy-họa vậy.

Nếu ta có ý xét thì ta thấy ngay rằng mùi nóng bao giờ cũng là mùi bổ-túc của mùi lạnh, mà trái lại thì mùi lạnh bao giờ cũng là mùi bổ-túc của mùi nóng. Bởi vì các mùi bổ-túc có cái đặc-tính là pha lộn với nhau thành ra chất thuần trắng, nên chi trong bức họa mà những mùi bổ-túc ở gần nhau (tức là mùi nóng gần mùi lạnh) thì thành ra rất phối-hợp, cùng điều-hòa nhau biến thành những vẻ mĩ-lệ vô-cùng. Ví dụ : mùi da-cam (nóng) với mùi « lơ » (lạnh), mùi vàng (nóng) với mùi tím (lạnh), mùi đỏ (nóng) với mùi xanh (lạnh). Bởi lẽ ấy cho nên *khi ta muốn vờn bóng cho mùi nào, ta nên dùng ngay mùi bổ-túc cho mùi ấy vậy.*

(1) Chúng tôi cũng biết ba chữ mùi nóng, mùi lạnh, mùi trung-lập, dịch chữ Pháp *tons chauds*, (*tons froids*, *tons neutres*, cũng hơi lạ tai, nhưng thực chúng tôi cũng đã hết sức tìm mà không được chữ nào dễ nghe và đúng nghĩa hơn. Bất-đắc-dĩ phải tạm dùng hai chữ đó, song thiết tưởng chỉ khó nghe lúc đầu mà thôi, sau này dùng quen rồi thì cũng êm tai vậy.

Vậy thời vờn bóng cho mùi da-cam (*orangé*) thì ta nên dùng mùi « lơ » (*bleu*), vờn bóng cho mùi đỏ (*rouge*) thì dùng xanh (*vert*), vờn bóng cho mùi vàng (*jaune*) thì dùng mùi tím (*violet*). Trái lại thì dùng mùi vàng mà vờn bóng cho mùi tím, dùng mùi đỏ mà vờn bóng cho mùi xanh, dùng mùi da-cam mà vờn bóng cho mùi « lơ ».

Mùi trung-lập là đen, trắng, xám. Chất đen thì rất ít khi dùng. Vẽ những khoảng rộng thì không bao giờ dùng đến, vì chất đen trông buồn tẻ và đét lắm. Khi dùng để vẽ những khoảng bé nhỏ, thì cũng phải thêm vào những mùi nóng, như các mùi đỏ, các mùi vàng. Chất trắng thì không bao giờ dùng đến. Chất trắng tuy rằng sáng-sủa thật, nhưng lạnh mà tẻ quá, trông mỏi mắt mà vẽ gần những mùi sáng khác thì lại làm đen mất những mùi ấy đi. Dùng chất trắng để pha cho nhạt những mùi khác cũng không được, vì pha vào với mùi nào thì mùi ấy lại tối đi, thành ra nặng-nề, bẩn-thỉu. Các mùi xám (*les gris*) được một cái đặc-tính là đi với mùi nào cũng điều-hòa với mùi ấy, không phản-trái với mùi nào cả. Nhưng ta nên biết rằng các mùi xám đều là những mùi rất lạnh, cho nên dùng rất ít mà thôi. Khi dùng mùi xám thường nên điểm thêm một chút mùi nóng vào cho đỡ lạnh.

V

Nói về sự điều-hòa của các sắc

Sự học cho rõ các mùi điều-hòa nhau thế nào rất có quan-hệ cho phép thủy-họa, nhất là khi lối vẽ này đem ứng-dụng vào lối vẽ trang-điểm. Nhà họa cảnh cũng rất cần đến sự học ấy để biết rõ mùi nào điều-hòa với mùi nào, những mùi ấy để gần nhau thì tôn lẫn cho nhau ; những mùi nào tương-phản thì chớ có vẽ gần nhau mà sinh ra sặc-sỡ ngẫn-ngơ. Những bức tranh in bán dong của Tàu và của Nhật xanh xanh đỏ đỏ dợ-dẫn khó coi, không có một chút gì gọi là vẻ đẹp, chính là vì không biết điều-hòa các sắc, vì dùng những mùi tương-phản vậy.

Những mùi thuốc sắc quá, những ánh sáng sáng quá, những bóng tối tối quá, không nên vẽ liền cạnh nhau mà trái với luật điều-hòa của các sắc.

Nhưng nếu ta quá câu-nệ mà mầu nào cũng quá điều-hòa thì bức họa thành ra non-nớt, buồn tẻ, không chút đặc-sắc, tinh-thần. Vì lẽ ấy mà một đôi khi hai mùi đáng vẽ liền nhau thì ta vẽ cách ra, rồi vạch một nét đen hay mùi xẫm vào ngay chỗ để cách ấy. Thế là hai mùi cách nhau bằng hai nét chu-vi (*cernures*), một nét đen, một nét trắng (tức là khoảng giấy để cách hai mùi thuốc). Nếu hai mầu thuốc để cách ấy mà có tương-tự đi chăng nữa, thì hai nét trắng đen kia cũng tôn bật hẳn mùi thuốc lên mà đường chu-vi cũng thêm rõ-rệt.

Khi nào hai mùi thuốc cách nhau cùng nhạt cả hay cùng xẫm cả, thì nét chu-vi chỉ một nét đen, cũng đủ hay là muốn dùng một nét trắng giữa hai nét đen cũng được. Nếu hai mùi cách nhau cùng xẫm cả thì nên dùng một nét đen ở giữa hai nét trắng.

Ta lại nên nhớ rằng nếu ta để đối hai mùi rực-rỡ ngang nhau mà mầu cũng gần xẫm bằng nhau thì thường không điều-hòa cùng nhau được. Ví như mùi xanh xẫm và mùi vàng xẫm vậy. Nhưng nếu trong hai mùi thuốc ta pha nhạt bớt một mùi đi, hay pha nhạt cả hai mùi đi thì tự-nhiên hai mùi lại tôn lẫn nhau dễ trông lắm. Ví dụ như mùi hồng (*rose*) mà đi với mùi « lơ » nhạt thì đẹp lắm.

(*Còn nữa*)

VŨ ĐÌNH-LONG

Y-HỌC KHẢO

Các bệnh-tật đối với loài người

Sự ảnh-hưởng của bệnh-tật đối với người các giống trên địa-diện này không như nhau. Cũng một thứ bệnh mà người giống này hay mắc, người giống khác lại không. Như người hắc-chủng ít mắc bệnh « sốt-rét »(1) (*paludisme*), bệnh «hoàng-ngược»(2) (*fièvre jaune*), bệnh lỵ (3) (*dysenterie*) và bệnh « sưng gan kết mủ » (4) (*hépatite*) vì bệnh lỵ mà sinh ra.

Các vùng bờ biển châu Phi, lắm nơi phong-thổ rất độc, sinh ra chứng nọ tật kia mà người Hắc-chủng họ vẫn được ung-dung mạnh-khỏe, làm ăn như thường ; ấy thế mà người bạch-chủng có đến cư-trú ở đó thì lại hay ốm đau hơn họ ; có nơi khí-hậu độc quá không thể nào mà ở được. Ấy chẳng qua cũng là sinh-trưởng ở đâu thì quen phong-thổ đó mà thôi.

Nay ví đem dân hắc-chủng dời sang xứ khác thì chắc họ cũng không thể chịu được. Nói ngay như ở xứ ta này, những người Thổ Mán, người Nùng Thái ở các miền Thượng-du là nơi lam-chướng độc-địa hay có bệnh sốt-rét mà họ chẳng mắc bệnh ấy mấy khi ; ấy thế mà người Trung-châu mình có lên làm ăn ở đó là ốm lăn ốm lóc ngay. Giăm ba tháng lâu lắm thì một năm, người nào người nấy mặt bủng bụng to, sốt run cầm-cặp.

Người hắc-chủng khó ưa được thổ-ngơi khác với xứ mình sinh-trưởng, nên sự di-dân của họ khó bành-trướng, không như người hoàng-chủng. Dân hoàng-chủng nhất là dân Hoa-kiều, chỗ nào cũng đến, nơi nào cũng ở mà ít ốm đau. Một nước Trung-hoa địa-thế to rộng hơn cả một châu Âu, ấy thế mà dân-cư đông-đúc quá cũng không đủ ở, lại phải dời sang các xứ lân-bang. Suốt trong một cõi Á-Đông này có nước nào là không có người Hoa-kiều cư-trú ? Nước Nam ta, khắp trong ba kỳ, không kể các tỉnh-lỵ và các thị-sảnh, đến các châu-huyện, các thung-lũng, cứ nơi nào có cơ buôn-bán sinh-nhai được, là có người họ ở rồi.

Ngày nay họ tràn cả sang Bắc-Mĩ nhiều lắm, nhất là các tỉnh về phía tây, kể có hàng mấy mươi vạn người trú-ngụ. Sự di-dân Tàu sang Mĩ ấy đã quá đến nỗi người Mĩ phải lo và đặt cách hạn-chế.

Vì lẽ di-dân một cách dung-dị làm vậy mà người Âu-tây đã gọi dân Hoa-kiều là « giống Do-thái ở Cực-đông » (*les juifs de l'Extrême-Orient*). Lại lẽ rằng người Tàu cũng có cái tài buôn-bán thạo, đỏ-lợi khéo như người Do-thái vậy. Đến ngụ xứ nào là lo thiên-phương bách-kế mà mưu lợi ngay, làm cho người dân bản-xứ phải lắm nỗi thiệt-thòi.

Dân hoàng-chủng còn giống người Nhật-bản cũng có sức bành-trướng mạnh lắm, ngày nay họ tràn sang châu Mĩ nhiều lắm, tuy vậy cũng còn kém người Hoa kiều.

---

(1) *Bệnh sốt-rét*. — Bệnh này đã kê-cứu tường-tận về căn-nguyên và cách điều-trị, xem *Nam-Phong* số 63 tháng 9 năm 1922. (林 瘧, 瘴 熱)

(2) *Bệnh hoàng-ngược* 黃 瘧. Phát-nguyên ở xứ *Mexique* (châu Mĩ), bệnh hay lây cái đặc-sắc của nó là sốt nóng, nôn-mửa mật xanh mật vàng và ra huyết, người vàng ỏng như nghệ. Có một thứ muỗi riêng tên gọi *stegomyia fasciata* truyền bệnh ấy hết người nọ sang người kia mà thành dịch-lệ dữ-tợn, người chết hại.

(3-4) *Bệnh lỵ* 赤 痢 — Bệnh này xứ ta cũng nhiều người mắc, đi đại tiện ra máu, mũi đờm ; có người gọi là kiết-lỵ. Trùng bệnh lỵ hay ở vào buồng gan, sinh-sản ra rất nhiều mà làm cho gan sưng lên, kết thành mủ, tức là *Hépatite* hay là *Abcès du foie* (肝 火).

Ay cũng vì cái sức bành-trướng của dân hoàng - chủng mãnh-liệt phi-thường mà người Âu-Mĩ phải lấy làm lo-ngại, nên đã gọi là « cái nạn da vàng » (*le péril jaune*).

Người hoàng-chủng tuy rằng có cái sức bành-trướng mạnh hơn người hắc-chủng và bạch-chủng thực đó, nhưng không hay chống nổi với bệnh-tật xứ mình, như bệnh tả và bệnh hạch.

Người Hoa-kiều, người Ấn-độ, đến cả người Nam minh, từ xưa đến giờ chết hại vô-kể về hai bệnh ấy. Lạ một điều, trong khi có dịch-lệ kịch-liệt như thế, người mình thì chết như rạ mà người Âu-tây ở ngay xứ ta lại không việc gì. Người mình không đủ sức chống nổi với tật-bệnh có lẽ lại bởi không am-hiểu phép vệ-sinh như người Âu-Mĩ nữa, nên mới hại như thế.

Còn như những thương-tích thì người hoàng-chủng với hắc-chủng lại có sức chịu nổi hơn người bạch-chủng. Xem như ở các bệnh-viện, người Nam mình với người Tàu lắm khi bị thương rất nặng mà mau thuyên được thì biết. Cũng vết thương thế mà ở người Âu thì có khi không chịu nổi phải chết hoặc đau lâu gấp hai gấp ba.

Bên trên đã nói người Tây so-sánh dân Hoa-kiều với dân Do-thái vì lẽ hai giống người ấy có sức bành-trướng như nhau.

Nay xin nói qua căn-nguyên người Do-thái và tính-chất họ thế nào, rồi sẽ bàn đến cái nguyên-khí của họ đối với bệnh-tật.

Nguyên người Do-thái khi xưa ở về phía tây châu Á, trên bờ biển Địa-trung-hải (*Méditerranée*), ngày nay phiêu-lưu đi khắp bốn phương. Người họ tuy không được nhiều lắm, nhưng khắp trên mặt đất chỗ nào cũng có họ.

Sách tây thuật rằng họ tản-mát dải-rác khắp cả hoàn-cầu mà kiếm kế sinh-nhai như thế đã được đến ngót hai ngàn năm rồi. Mà có một điều đặc-sắc, là dù họ sinh-trưởng ở xứ nào lâu đời mặc lòng, họ cũng vẫn giữ được phong-tục, lễ-nghi và quốc-túy của họ, không bao giờ chịu thay đổi mà đồng-hóa với dân-tộc khác (1). Khác gì như nước sông Thương bên đục bên trong, tuy là hai dòng nước ở một khúc sông mà không hề lẫn-lộn được bao giờ...

Từ châu Âu đến châu Phi, chỗ nào cũng có người Do-thái ở; nhất là châu Mĩ châu Úc, họ ở đông lắm. Đi đến xứ nào là họ chịu được phong-thổ xứ ấy ngay. Họ có cái nguyên-khí rất tốt, cho nên ít đau yếu và được sống lâu hơn người bản-xứ, số sinh đã nhiều mà số chết lại kém. Bởi vậy mà dân Do-thái càng ngày càng thấy đông, càng ngày càng bành-trướng ra.

Những nhà làm sách về Trung-cổ thuật rằng : đời bấy giờ người Âu-châu chết hại về bệnh dịch hạch ; duy người Do-thái được an-toàn vô-sự, vì thế mà họ phải chịu lắm nỗi oan-uổng khổ-sở. Dân bản-xứ thấy họ được bình-an làm vậy thì đồ cho rằng họ có yêu-thuật chi đó, hoặc là họ đầu-độc cho dân ; bèn xúm nhau mà

(1) Chẳng bù với người mình, lắm ông về phái tân-học ta thực là khác hẳn. Nhất là mấy ngài đã đi du-học phương xa được ít lâu khi về thời tinh-tình tư-tưởng nhất-giai biến-cải. Có ngài từ cách cử-chỉ cho đến lời ngôn-ngữ, khi trong gia-đình, lúc ra xã-hội, không còn gì là về Việt-Nam nữa, thực là « tây đặc » vậy !

Thậm-chí lại nghe nói có ngài « tây-hóa » cho đến nỗi cả khi thưa gửi với đứng-thân mà phải dùng « thông-ngôn » nữa ? Ngài quên hết tiếng mẹ đẻ chăng ? Ngài muốn học làm sang chăng ? ...

Sự cải-cách nói đây có lợi hay có hại cho nước ta ? Đã có quốc-dân xét-đoán. Người thuật bài này chỉ xin nhắc qua cái nhược-điểm ấy của người mình, cho biết rằng dân Nam-việt ta còn thua-kém dân Do-thái về phương-diện « bảo-tồn quốc-túy » vậy.

ngược-đãi họ một cách tối ư dã-man tàn nhẫn. Người Do-thái nào không kịp trốn tránh mà bị túm được là phải bị thiêu chết thì cũng ốm đòn!

Người ta kể rằng về thế-kỷ thứ 14 thành *Habsbourg* (nước Đức) nhân có bệnh dịch mà dân ấy đem thiêu mất hai ngàn người Do-thái; lại thành *Mayence* (nước Đức) cũng thiêu mất hơn một vạn người!

Dân Do-thái được cái hạnh-phúc không biết bệnh hạch là gì, nhưng lại bị người Đức hiếp-tróc làm vậy, thì cũng quá khổ. Thế mới biết nhân-tai còn hại bằng mấy thiên-tai kia vậy.

Bệnh « thương-hàn » (*fièvre typhoïde*), bệnh lỵ, bệnh sốt-rét, hình như có ý chừa người Do-thái.

Chỉ có bệnh « thổ-tả » (*choléra*) là đôi khi họ cũng mắc. Như dịch tả năm 1831 và năm 1832 ở châu Âu châu Phi, số người Do-thái bị hại cũng khá to. Nhưng đại-để ta có thể nói được rằng giống người Do-thái có cái hạnh-phúc (về phương-diện tật-bệnh) hơn cả các giống người khác: không năng mắc bệnh, sinh-dục nhiều, sống lâu mà chết ít.

Bên Âu-châu còn một giống người cũng được cái hạnh-phúc ấy, là người *Bohémiens*. Họ có cái nguyên-khí tốt mà sức bành-trướng cũng mạnh. Người *Bohémiens* có tính hay đi lăng-quăng, nay đây mai đó, « sống đâu là nhà ngã đâu là giường » Họ đi phiêu-lưu khắp cả Âu-châu và hoàn-cầu từ thế-kỷ thứ 15. Ngôn-ngữ và phong-tục họ na-ná như người Ấn-độ (*Indous*). Có khi đi bói toán làm kế sinh-nhai, có khi đi khất-cái mà làm kế độ-nhật.

Họ có lắm tục cũng kỳ-khôi: thịt ếch, ba-ba và mấy thứ cá không có vẩy như cá vược, cá thiết-lình, thì họ rất lấy làm ghê. ấy thế mà họ lại ưa ăn thịt súc-vật toi, nhất là khi thịt ấy đã có mùi họ lại càng thích lắm.

Họ có mấy tính tốt lắm là: ăn uống một cách tiết-độ lạ thường, khỏe chịu nóng chịu rét. Cũng như người Do-thái, ít đau yếu mà không năng chết về bệnh dịch.

*
* *

Nói tóm lại thì tuy rằng các bệnh tật tùy từng thổ-ngơi các xứ-sở mà phát ra, tùy nguyên-khí các giống người mà sản-xuất, nhưng mấy bệnh lớn như bệnh tả, bệnh hạch, thực chẳng biết kiêng ai.

Bệnh lao (*la tuberculose*), bệnh «ghíp» (1) (*la grippe*), bệnh « cúm » (2) (*la dengue*) thì đâu đâu cũng đã thấy. Chỉ có bệnh « hoàng-ngược » thì người hắc-chủng

---

(1) *Bệnh ghíp*. — Ta không có tên mà dịch cho đúng, bởi vậy phải tạm mượn tên Pháp mà đọc chệnh đi như thế, thuật-giả cũng tự biết là quá bạo.

Ngày nay tiếng Việt-ta dần-dần mượn tiếng nước ngoài cũng nhiều như: nhà ga, sà-phòng cu-li, cây lô-mết, v. v... tai nghe miệng nói đã thấy quen không có gì là ngô-nghê lắm. Ấy là những tiếng thường có thể dịch được, nhưng vì sự quen dùng cho tiện, huống chi là các tiếng về khoa-học; thực nhà phiên-dịch và nhà trước-tác đã gặp lắm nỗi khổ-tâm. Vậy nay các tiếng về trong tập « Y-học-khảo » này chúng tôi hãy cứ xin tạm theo phương-pháp ấy, tưởng cũng không là quá đáng. Xin các ngài độc-giả lượng cho.

Bệnh « ghíp » mấy năm trước phát ra ở xứ ta thành dịch-lệ dữ-dội lắm; các tỉnh Bắc-kỳ chẳng mấy hạt không. Nhân dịp ấy ký-giả đã có bài khảo tường-tận về bệnh ấy đăng trong báo *Trung-Bắc tân-văn*, nay tưởng cũng nên thuật qua ra đây, tóm-tắt mấy lời về chứng bệnh ấy để công-đồng-lãm. — Bệnh « ghíp » là một bệnh dịch-lệ hay lây, căn-nguyên bởi tại một giống vi-trùng gọi là *bacille de Pfeiffer*. Bệnh ấy phát ra nhiều hình-trạng lắm. Nhưng đại-để lúc đầu người mệt lử ngay đi, rồi ngạt mũi, hắt hơi, ho đờm, chân tay mình đau như dần, đầu đức như búa bổ, mặt mũi hốc-hác, sốt nóng; có khi đi rửa nhiều.

(2) *Bệnh cúm*. — Bệnh cúm cũng hay lây lắm, nhưng nhẹ qua-loa giăm ba ngày có thể khỏi được, không mấy khi chết. Mới phải thấy ngây-ngất váng đầu phát sốt, các khớp xương đau lắm, có thể làm cho co-quắp người lại, cho nên ta gọi là « cúm » cũng đúng lắm; da người lấm-tấm phát đỏ lên.

không hay mắc mà người bạch-chủng thì lại năng bị hại.

Nhưng người hắc-chúng lại hay bị những bệnh « côn-trùng » (1) (*maladies parasitaires*) hơn người bạch-chủng. Có lẽ cũng tại đất-đai họ có lắm loài côn-trùng hơn ở Âu-châu, và sự ẩm-thực của họ không được cẩn-thận chăng.

Bệnh « tê sũng » (2) (*béribéri*) xưa kia thì tưởng chỉ riêng người Ấn-độ mắc mà thôi, nhưng vài mươi năm nay đã thấy bệnh ấy truyền sang đến châu Mĩ, mà cả đến người Âu cũng bị nữa.

Bệnh « ngủ » (3) (*la maladie du sommeil*) bấy lâu nay chỉ hại riêng người Mọi-đen ở châu Phi, nhưng biết đâu rằng rồi ra có ngày nó chẳng truyền sang các nước khác như bệnh tê sũng.

Lại như người Việt-Nam ta xưa kia không có bệnh « ghíp » và bệnh « sưng màng óc ». Từ khi Âu-Á giao-thông, và nhất là từ sau cuộc chiến-tranh đến giờ, hai bệnh ấy đã phát-hiện ra ở xứ ta và tác-hại vô-kể. Có lẽ người mình sang tòng-chinh bên Âu mà đem nọc độc theo về chăng?

Bệnh *Pellagre* (4) chỉ riêng mấy xứ về phía nam châu Âu nơi nào sản nhiều lúa ngô là hay có nó. Nước Nam ta là xứ cũng sản được nhiều ngô bắp lắm mà sao không thấy bệnh ấy?

Người *Islandais* (thuộc nước Đan-mạch) hay mắc bệnh « bóng nước » (5) (*maladie hydatique*) là tại họ ăn nhiều cá lắm, chứ không phải tại riêng loài giống họ.

Người Đức, người xứ *Abyssinie* (châu Phi), cả người Nam ta nữa, hay mắc bệnh sán, chỉ bởi hay ăn thịt lợn thịt bò sống. Nhất là người Nam mình ưa ăn thịt bò, thịt trâu tái là chí-hại. Bệnh giun thì người mình từ lớn chí bé ít ai khỏi có; người lớn là tại ăn rau sống uống nước lã, trẻ con là tại chơi đất chơi cát bẩn-thỉu, đều nuốt phải trứng giun mà sinh bệnh.

Bệnh « Phong » (6) (*la lèpre*) tức là bệnh hủi, khi xưa ở khắp trên địa-cầu xứ nào cũng có, nhưng ngày nay dần dần giảm đi, nhiều xứ không có nữa; nay chỉ còn thấy ở mấy xứ như Thụy-điển (*Suède*), Ấn-độ (*Inde*), Úc-châu (*Océanie*). Nước Pháp khi xưa ở mấy vùng phía nam và xứ *Bretagne* cũng có bệnh phong, nhưng ngày nay tiệt hẳn. Nước Nam ta khi trước cũng có nhiều người mắc bệnh hủi, nhưng ngày nay đã thấy giảm nhiều (7).

ĐỖ UÔNG
Thầy thuốc ngạch Y-tế An-nam

---

(1) *Bệnh côn-trùng*. Các giun ở trong đại-tràng và tiểu-tràng có thể sinh ra chứng nọ tật kia: đau bụng, đi rửa, lợm dọng, nôn mửa, bủng người, có khi như trẻ cón sài kinh; đều sinh ra bởi giống côn-trùng.

(2) *Bệnh tê sũng*. Các đầu ngón chân ngón tay tê tê như kiến bò, dần dần tê dại cả bàn tay bàn chân hình như đi ủng vậy, cũng có khi vừa tê vừa phù sũng mặt-mũi chân tay. Người ta cho là tại nhà cửa ở ẩm-thấp và ăn gạo giã kỹ quá mà sinh bệnh ấy.

(3) *Bệnh ngủ*, phía tây châu Phi hay có. Một giống ruồi lớn ở xứ ấy gọi là *tsé-tsé* đốt người rồi truyền trùng bệnh ngủ (*trypanosôme*) vào huyết mà phát thành bệnh. Bệnh ngủ chia ra hai tuần: tuần đầu thì phải mấy cơn sốt người sinh lần-thần, lá lách sưng to; tuần sau thì đức đầu, người bơ-phờ ngủ gà ngủ gật, trước còn ngủ ít sau ngủ từng giấc dài, lâu dần là chết. Người thổ-dân hay mắc, người da trắng ngụ ở đấy cũng có khi bị.

(4) *Bệnh Pellagre*. Căn-nguyên bởi ăn lúa ngô hư ải, sinh ra đi rửa, da mặt da cổ, mu bàn tay đều biến sắc rồi rộp lên; người bệnh dần dần gầy còm hao mòn đi.

(5) *Bệnh bóng nước*. Có mấy loài cá bể truyền trùng bệnh cho người, sinh ra những bong bóng nhỏ có nước độc ở khắp trong người, nhưng nhất là buồng gan hay có.

(6-7) *Bệnh phong*. Là một chứng rất khó chữa, sách thuốc Tầu thuốc ta cũng đã công-nhận làm vậy. Sở-dĩ ngày nay số người hủi giảm đi là nhờ Chính-phủ đã lập ra các trại « Tế-trường » để trị bệnh phong và ngăn cấm không cho người hủi đi rông-rài các nơi, ngõ-hầu bệnh gớm-ghê ấy mới khỏi đời lưu-hành trong quốc-dân ta vậy.

Sau này sẽ có một bài khảo về bệnh hủi ở Bắc-kỳ.

MẠNH-TỬ QUỐC-VĂN GIẢI-THÍCH

孟子國文解釋

LỜI CẦN-CHÍ

Thánh-kinh hiền-truyện có quan-hệ và có lợi-ích cho dân-tộc ta thế nào, những người trong nãO đã có hai chữ quốc-túy, ai nấy đều biết cả rồi, không cần phải kể ra nữa. Duy, cái thời-kỳ giáo-dục của dân-tộc ta ngày nay, là cái thời-kỳ nên xu-trọng về quốc-văn, sách này đặt nhan là : *Mạnh-tử quốc-văn giải-thích*, thì cái phương - diện dịch-thuật chỉ chuyên về vẻ quốc-văn, cốt là lột lấy tinh-thần trong chữ nho ra, mà truyền sang chữ quốc-ngữ, khiến cho những người muốn cầu lấy đạo của thánh-hiền, chỉ cầu ở trong văn quốc-ngữ cũng đã có thể lĩnh-hội được.

Vậy khi chúng tôi dịch sách này ra quốc-văn, trước hết xin chú-ý về những chỗ *dịch-nghĩa*, dịch-nghĩa cốt sao cho phiên được lời nước khác ra lời nước mình, sao cho rõ nghĩa và rõ ý, gọn lời và sạch lời, để cho người xem có thể thành-tụng được. Chớ không bắt-chước lối trần-hủ, chỉ cắt nghĩa đen ; cũng không bắt-chước lối mô-hồ, chỉ nói đại-khái. Khi dịch thì cứ theo thứ-tự từng chương từng tiết mà dịch ra, không điên-đảo và không san-lược chút nào, ở dưới chỗ dịch nghĩa, lại thêm lời *chú-giải*, để giải-thích mọi nghĩa cho rõ-ràng, lời giải-thích đó thì trích-lục trong lời *đại-chú* hoặc *tiểu-chú* của các nhà tiên-nho mà dịch-thuật ra, hoặc phu-diễn ra. Những nghĩa nào lớn-lao quan-hệ lại thêm có lời *tổng-bình*, là có ý muốn làm cho rạng tỏ cái mảnh gương nho- giáo bằng quốc-văn trong muôn phần họa được một vài phần nào chăng.

Duy, dân-tộc ta đối với chữ nho không có thể lìa hẳn ra được, là vì trong bộ- phận chữ quốc - ngữ, có nhiều tiếng phải dùng bằng chữ nho, cho nên tiết nào dịch ra thành văn quốc-ngữ rồi, lại đặt liền ngay chữ nho và dịch âm chữ nho ra chua ngay ở tiết ấy, để tiện cho người khảo-xét lấy mặt chữ nho và âm chữ nho, và giúp cho các nhà muốn nghiên-cứu lấy tinh-thần chữ nho, thì sẵn có văn quốc-ngữ đó, đem ý-tứ mà suy ra, cũng có ích cho người học chữ nho được ít nhiều vậy.

Phàm xem sách, nên biết cái người chủ-nhân-ông trong sách ấy là người thế nào, cho nên mào đầu bộ sách này, dịch-giả có thêm vào bốn mục : một là : *Lịch - sử thầy Mạnh* ; hai là : *Uyên - nguyên về đạo - thống của thầy Mạnh* ; ba là : *Học-vấn thầy Mạnh*; bốn là : *Khí - tượng thầy Mạnh* ; cho độc-giả biết rằng có người thì mới có sách, đã có sách thì may ra hoặc lại có người.

Dịch-giả cẩn-chí

Lịch-sử thầy Mạnh

(*Theo lời* « Sử-ký » *mà bổ thêm*)

Thầy Mạnh là một vị Á-thánh ở trong nho-tôn, thầy tên húy là *Kha* 軻, tên tự là *Tử-Dư* 子輿, dòng-dõi quí-tộc nước Lỗ họ *Mạnh-tôn* 孟孫 khi xưa, hiện sinh về đời *Chiến-quốc*, là người nước Châu. Thụ-nghiệp người học-trò thầy Tử-tư 子思. Thầy Tử-tư đó là ai ? Tức là đích-tôn đức Khổng phu-tử tên là Cấp 汲.

Thầy học theo đạo thánh-hiền, cầm cái chủ-nghĩa cứu-thế. Khi học đạo đã tinh-thông, mới đi sang du-lịch nước Tề, yết-kiến vua Tuyên-vương, làm một vị tân-khách kiêm sư-phó ở nước Tề. Lúc mới vua Tuyên-vương cũng có chí hoan-nghênh, về sau không biết đại-dụng. Rồi thầy lại sang du-lịch nước Lương, vào yết-kiến vua Huệ-vương. Huệ-vương cũng không tin những lời giảng-đạo-đức thuyết-nhân-nghĩa là phải, lại cho là vu-khoát mà không thiết với sự-tình.

Đời bấy giờ, nước Tần thì dùng một nhà chính-trị nghiêm-khốc là Thương-Ưởng 商鞅; nước Sở thì dùng một nhà quân-sự tàn-nhẫn là Ngô Khởi 吳起; nước Tề thì dùng một nhà mưu-lược quyệt-kỳ là Tôn Tẫn 孫儐; mà Tô Tần 蘇秦, Trương Nghi 張儀 là những nhà chỉ đi du-thuyết các nước chư-hầu, để hi-vọng về đường ấm no, cũng phú-quí một thời. Bởi vì thiên-hạ bấy giờ đương ham-chuộng về những mẹo hợp-tung và cách liên-hoành, cho những người đánh nhau mà tranh thành cho khỏe, giết nhau mà cướp đất cho nhiều là giỏi, mà những sự kinh-lý về đường sản-nghiệp, giáo-dục về đường luân-lý cho dân, thì không nước nào biết là sự căn-bản nên cần-kíp cả. Thầy Mạnh khi đi diễn-thuyết với các vua chư-hầu, thì lại cứ thuật những đạo nhà Đường nhà Ngu tổ công-quyền công-đức với thiên-hạ, nói những truyện vua Vũ vua Thang vua Văn vua Võ bày công-đạo công-lý với muôn dân, cho nên đi đến đâu cũng không hợp, nên thầy lại về nhà cùng với bọn học-trò là lũ Vạn-Chương thuật lại cái ý cách-vật, trí-tri, thành-ý, chính-tâm, tu-thân, tề-gia, trị-quốc, bình thiên-hạ của đức Khổng phu-tử ra mà nghiên-cứu phát-minh, làm ra sách Mạnh-tử bảy thiên để dạy đời. (Tất cả là sáu mươi mốt chương).

Uyên-nguyên về đạo-thống của thầy Mạnh

(Dịch lời ông Hàn Dũ)

Đạo đức Khổng phu-tử, cao lắm và rộng lắm, kẻ đệ-tử trong môn-đồ không người nào có thể xem được hết mà lĩnh-hội được hết, cho nên những người học đức Khổng bấy giờ, đều là nhân cái tính-chất của mình sở-cận về điều gì, thì học được điều ấy mà thôi; đến sau mỗi người chia mỗi ngả, ở tản ra các nước chư-hầu, người nào cũng đem những điều mình sở-năng để dạy học-trò, uyên-nguyên càng xa mà chi-phái lại càng phồn-tạp. Chỉ thầy Mạnh Kha học thầy Khổng, Cấp, mà lối học thầy Khổng Cấp lại ở trong lò thầy Tăng Xâm 曾參 mà ra, thầy Tăng Xâm chính là bậc đại-hiền trong cửa Khổng tiếp-thụ được cái mối chân-truyền của đạo Khổng; từ khi đức Khổng phu-tử đã ẩn-hóa đi rồi, chỉ có thầy Mạnh Kha xuất-hiện, là thực chính-tông, cho nên người đời sau muốn cầu lấy đạo của thánh-nhân, chắc là phải cầu tự trong sách *Mạnh-tử* trước.

Học-vấn thầy Mạnh

(Trích dịch lời Tống-nho)

Thầy Mạnh học-vấn rộng lắm, kiêm-thông cả *lục-kinh*; lại càng sở-trường về kinh *Thi* kinh *Thư*. Trong khi hùng-biện, thường thường dẫn lời kinh *Thi* kinh *Thư*, để mà chứng-giải cho vững lẽ; thầy lại thường bàn về tôn-chỉ kinh *Xuân-thu*, như nói: « Cái dấu-vết đấng vương-giả tắt đi rồi thì kinh *Thi* mất, kinh *Thi* mất đi rồi, thì kinh *Xuân-thu* mới phải làm ra. » Lại nói: « Ý kinh *Xuân-thu* không cho cuộc chinh-chiến nào là hợp với công-nghĩa » Lại nói: « Bút-pháp kinh *Xuân-thu*, là thay quyền

đấng thiên-tử, mà làm việc đấng thiên-tử. » Xem vậy, thì tinh nghĩa kinh *Xuân-thu*, không ai bằng thầy Mạnh. Còn đến như kinh *Dịch*, thì thầy không thường nói đến, nhưng mà xét ra, những cách lập-thân cứng-mạnh, xử-thế khôn-ngoan ở trong lịch-sử thầy Mạnh, thì đều là những mối triết-lý ở trong kinh *Dịch* thực-hành mà thực-tiễn ra cả. Ông Thiệu Nghiêu-Phu thường khen rằng : « Học kinh *Dịch* như thầy Mạnh, mới là người biết học kinh *Dịch.* »

Hoặc có kẻ hỏi ông Trình Y-Xuyên rằng : « Như thầy Mạnh, đã gọi là thánh-nhân được chửa ? » Ông Trình đáp rằng : « Chửa dám gọi ngay người ấy là thánh-nhân, nhưng mà người ấy sở-học thực là đã đến cõi thánh. »

Khí-tượng thầy-Mạnh

(*Trích-dịch lời Tống-nho*)

Đức Khổng là người thịnh-đức, trong khi tiếp người, thường thấy ôn-hòa nhuần-nhã, hàm-súc bao-dung, cho nên thường ví đức Khổng như chất ngọc. Mà thầy Mạnh thì là bậc đại-tài, trong khi tiếp người, thường thấy có cái khí anh-nhuệ phát-hiện, rắn-giỏi sáng-sủa và nghiêm-trang, cho nên thường ví thầy Mạnh như chất băng.

Khí-tượng đức Khổng lại như chiều gió ấm, như hạt mưa xuân, phát-sinh ra muôn vật, mà khí-tượng thầy Mạnh thì như ngọn núi Thái-sơn, vách đá chơm - chởm mọc lên, cao ngất nghìn trượng.

梁惠王章句上 (1)

Thiên Lương-Huệ-vương thượng

凡七章

Gồm bảy chương

孟子見梁惠王。王曰。叟。不遠千里而來。亦將有以利吾國乎。

Dịch-âm. — *Mạnh-tử kiến Lương Huệ-vương.*

Vương viết : « Tẩu, bất viễn thiên lý nhi lai, diệc tương hữu dĩ lợi ngô quốc hồ ? »

DỊCH-NGHĨA. — Thầy Mạnh yết-kiến vua Huệ-vương nước Lương.

Vua hỏi : « Cụ chẳng quản xa-xôi nghìn dặm mà đến đây, chừng cũng có thuật gì để làm lợi cho nước tôi chăng ? »

Chu-giải. — Thầy Mạnh ở đời Chiến-quốc, vẫn giữ đạo tự-trọng, không chịu đi yết-kiến chư-hầu; khi ấy có vua Huệ-vương nước Lương biết nhún mình hậu-lễ để chiêu-hiền; nên thầy Mạnh mới từ nước Châu đi đến nước Lương.

Lợi ý là những sự làm giàu cho nước, làm mạnh cho quân.

. . .

孟子對曰。王何必曰利。亦有仁義而已矣。

Dịch-âm.— *Mạnh-tử đối viết : « Vương hà tất viết lợi, diệc hữu nhân nghĩa nhi dĩ hĩ.*

DỊCH-NGHĨA. — Thầy Mạnh thưa : « Nhà vua hà-tất phải nói đến lợi, chỉ nên nói nhân nghĩa mà thôi. »

Chú-giải. — *Nhân*, là cái lẽ từ-ái của con tâm. *Nghĩa*, là cái khuôn-phép chính-đáng cho mọi việc.

(1) Phàm hán-văn trong bản dịch này đọc bắt đầu từ tay phải, như các sách nho.

Chương này chỉ cốt lấy hai chữ *nhân-nghĩa* làm chủ-não mà gạt bỏ lợi đi để cứu-chính cái tệ-hại đương-thời chỉ mê đắm về lợi.

苟 取 之 國。上 利 王
爲 千 國。弒 下 吾 曰
後 焉。弒 其 交 家。何
義 千 其 君 征 士 以
而 取 君 者。利。庶 利
先 百 者。必 而 人 吾
利。焉。必 千 國 曰 國。
不 不 百 乘 危 何 大
奪 爲 乘 之 矣。以 夫
不 不 之 家。萬 利 曰
厭。多 家。千 乘 吾 何
矣。萬 乘 之 身。以

Dịch-âm. — « *Vương viết hà dĩ lợi ngô quốc, đại-phu viết hà dĩ lợi ngô-gia, sĩ, thứ-nhân viết hà dĩ lợi ngô-thân ; thượng hạ giao chinh-lợi, nhi quốc nguy hĩ. Vạn-thặng chi quốc, thí kỳ quân giả, tất thiên-thặng chi gia; thiên-thặng chi quốc, thí kỳ quân giả, tất bách-thặng chi gia ; vạn thủ thiên yên, thiên thủ bách yên, bất vi bất đa hĩ ; cẩu vi hậu nghĩa nhi tiên lợi, bất đoạt bất yếm.* »

Dịch-nghĩa. — « Nếu vua xướng lên mà nói rằng làm thế nào lợi cho nước ta, thời các quan Đại-phu cũng bắt-chước mà nói rằng làm thế nào lợi cho nhà ta, người sĩ người thứ-dân cũng nói rằng làm thế nào lợi cho thân ta ; kẻ trên người dưới giao nhau tranh lợi, thời nước nguy mất! Rồi thì có cái kẻ giết vua nước vạn-thặng đó, tất là cái nhà thiên-thặng; cái kẻ giết vua nước thiên-thặng đó, tất là cái nhà bách-thặng. Khi xưa đấng tiên-vương chia đất : trong phần vạn quan Công Khanh đã được phần thiên ; trong phần thiên quan Đại-phu đã được phần bách; được thế cũng đã nhiều lắm rồi, nếu lại cho nghĩa là hoãn mà bỏ lại sau, cho lợi là kíp mà xướng lên trước, thời cứ như cái lòng tham lợi ấy, không cướp được của nhau, không biết thế nào là đủ. »

Chú-giải. — *Chinh* nghĩa là lấy ; trên dưới đều tranh lấy lợi gọi là *giao-chinh.*

Thặng là cái số cỗ xe. Đời nhà Chu làm phép phong-kiến, dùng lối xa-chiến, định lệ : mỗi một dặm đất, được xuất xe binh mười cỗ. Vạn-thặng là nước thiên-tử, đất vuông nghìn dặm, xe binh muôn cỗ ; thiên-thặng là nhà Công-Khanh và nước chư-hầu, đất vuông trăm dặm, xe binh nghìn cỗ; bách thặng là nhà Đại-phu, đất vuông mười dặm, xe binh trăm cỗ.

Đây là kể ra cái kết-quả sự cầu-lợi, chửa thấy lợi đâu mà đã thấy ngay cái hại thí-đoạt để rõ cái ý không nên nói lợi.

者 而 也。遺 未
也。後 未 其 有
其 有 親 仁
君 義 者 而

Dịch-âm. — « *Vị hữu nhân nhi di kỳ thân giả dã, vị hữu nghĩa nhi hậu kỳ quân giả dã.* »

Dịch-nghĩa. — « Chửa thấy kẻ có nhân mà bỏ cha mẹ mình bao giờ ; chửa thấy kẻ có nghĩa mà trễ-nải việc vua mình bao giờ. »

Chú-giải. — Đây là kể ra cái kết-quả sự làm nhân-nghĩa, không phải là không có lợi, để rõ cái ý chỉ có nhân-nghĩa đó mà thôi.

Xét ra : Ở đời thường thấy cái đứa bất-nhân nó bỏ cha bỏ mẹ, cái đứa bất-nghĩa nó trễ-nải việc vua, chứ cái người đã có nhân có nghĩa, chắc là cái người đã có lương-tâm, đã biết nghĩa-vụ, đâu lại có thế bao giờ. Nếu ông vua thực-hành nhân-nghĩa, để làm cái mối-giường cho việc trị nước, khiến cho người trong một nước, ai nấy đều là hiếu-tử trung-thần, thì nước nào mà chẳng thịnh, việc nào mà chẳng hay, cái lợi còn gì lớn hơn nữa.

必 己 仁 王
曰 矣。義 亦
利。何 而 曰

Dịch-âm. — « *Vương diệc viết nhân nghĩa nhi dĩ hĩ, hà tất viết lợi.* »

Dịch-nghĩa. — « Vua cũng chỉ nên nói

nhân-nghĩa mà thôi, hà-tất phải nói đến lợi ! »

Tổng-bình. — Đời bấy giờ là đời Chiến-quốc, đua nhau những sự tranh thành cướp đất, ham mạnh ngốt giàu, chỉ biết lợi mà thôi, không biết đại-đạo công-lý là gì ; nay dùng mẹo tung-hoành, mai dùng chước tàn-sát, thiên-hạ khổ là dường nào, mà kết-quả chỉ thấy những hại, nào thấy lợi đâu. Cho nên thầy Mạnh bắt đầu gạt bỏ chữ lợi đi, mà dựng lên hai chữ nhân-nghĩa, lại bảo rõ cứ theo công-lý mà thực-hành nhân-nghĩa, dẫu không cầu-lợi, mà tự-khắc là có lợi. Nếu theo tư-dục mà cầu lợi, thì lợi chưa thấy đâu đã thấy hại ngay. Ấy cái kết-quả chữ lợi là hay sinh ra cái hại tranh quyền cướp nước như thế đấy, mà cái kết-quả hai chữ nhân-nghĩa là có cái lợi trung-quân ái-quốc như thế kia, xem một lời thầy Mạnh nói quả-quyết như chém sắt chặt đanh, không những là cứu-tệ cho đương-thời, mà chính để làm răn cho những kẻ độc-ác bất-nhân, tham vàng bỏ nghĩa về sau này vậy.

. . .

樂 曰。鴻 於 惠 孟
此 賢 雁 沼 王。子
乎。者 麋 上。王 見
亦 鹿 顧 立 梁

Dịch-âm. — *Mạnh-tử kiến Lương Huệ-vương, vương tập ư chiểu thượng, cố hồng, nhạn, mi, lộc, viết* : « *hiền giả diệc lạc thử hồ ?* »

Dịch-nghĩa. — « Thầy Mạnh yết-kiến vua Huệ-vương nước Lương, vua đương đứng chơi ở trên ao, đoái trông con hồng, con nhạn, con mi, con lộc ; nhân hỏi rằng : « Ông vua hiền-đức cũng vui cảnh này chăng ? »

Chú giải. — *Hồng nhạn* là loài chim sếu, *hồng* là con lớn; *nhạn* là con nhỏ. *Mi* là nai. Lộc là hươu.

. . .

不 者 樂 賢 孟
樂 雖 此。者 子
也。有 不 而 對
此 賢 後 曰。

Dịch-âm. — *Mạnh-tử đối viết* : « *hiền giả nhi hậu lạc thử, bất hiền giả tuy hữu thử bất lạc đã* »

Dịch-nghĩa. — Thầy Mạnh thưa : « Ông vua có hiền-đức, rồi mới vui được cảnh ấy; ông vua không có hiền-đức, tuy có cảnh ấy, chẳng vui được dâu. »

. . .

之 沼 民 魚 濯 子 攻 詩
人 曰 獸 躍。濯。來。之。云。
與 靈 樂 文 白 王 不 經
民 沼。之。王 鳥 在 日 始
偕 樂 謂 以 鶴 靈 成 靈
樂。其 其 民 鶴。囿。之。臺。
故 有 臺 力 王 麀 經 經
能 麀 曰 爲 在 鹿 始 之
樂 鹿 靈 臺 靈 攸 勿 營
也。魚 臺。爲 沼。伏。亟。之。
鼈。謂 沼。於 麀 庶 庶
古 其 而 物 鹿 民 民

Dịch-âm. — « *Thi vân* : « *Kinh thủy Linh-đài, kinh chi doanh chi ; thứ-dân công chi, bất nhật thành chi ; kinh thủy vật cức, thứ-dân tử lai ; vương tại Linh-hựu, bưu lộc du phục ; bưu lộc trạc-trạc, bạch-điểu hạc-hạc ; vương tại Linh-chiểu, ô nhận ngư dược.* » *Văn-vương dĩ dân-lực vi đài vi chiểu, nhi dân hoan-lạc chi ; vị kỳ đài viết Linh-đài, vị kỳ chiểu viết Linh-chiểu ; lạc kỳ hữu mi lộc ngư miết. Cổ chi nhân dữ dân giai lạc, cố năng lạc đã.*

Dịch-nghĩa. — « Kinh *Thi* có câu rằng : « Khi vua làm Linh-đài, buổi mới đương kinh-doanh, dân cùng làm giúp sức, đài không mấy chốc thành. Vua bảo dân chớ vội, dân vẫn như con lại. Vua chơi trong Linh-hựu, yên nghỉ kia đàn hươu ; đàn hươu, béo và tốt, đàn chim lại trắng phau. Vua chơi trên Linh-chiểu, Ôi cá nhẩy đầy ao ! » Ấy đấy, vua Văn-vương dùng sức dân làm đài làm ao, mà dân lấy làm vui-vẻ, gọi đài vua là *Linh-đài*, gọi ao vua là *Linh-chiểu*; lại vui trong cảnh vườn cảnh ao có con mi con lộc, con ngư con miết. Đó là ông vua đời

xưa hay cùng với dân đều vui, cho nên mới hưởng được sự vui vậy.

Chú-giải. — *Kinh-thủy* là mới khởi làm. *Kinh-doanh* là lường-đạc sửa-sang ; *công* là làm là sửa ; *cức* là kíp, *vật-cức* là lời vua bảo chớ cần kíp vội ; *tử-lai* (*hiệp vần đọc là tử-lức*) là ví như con lại chăm-chỉ làm việc cho cha. *Linh-đài, Linh-hựu, Linh-chiểu,* đều là cái tên đẹp đặn đặt ra để gọi cái đài cái vườn cái ao của vua, chính là để tỏ lòng vui-vẻ. *Bưu* = hươu cái. *Trạc-trạc* = béo tốt. *Hạc-hạc* = trắng lốp. *Nhận* = đầy. *Miết* = ba-ba.

Xét : Vua Văn-vương sở-dĩ hưởng được sự vui như thế, là bởi vì Văn-vương bình-nhật biết yêu dân mà hay thi-hành chính-sách nhân-huệ, khiến cho dân đều được ấm no vui-vẻ, thế là Văn-vương cùng dân đều vui đấy, cho nên dân cũng vui rằng vua ta có cái cảnh đài-trì điểu-thú, nên vua Văn vì thế mới hưởng được sự vui.

Đây là dẫn lời kinh *Thi* (thơ *Linh-đài*, thiên *Đại-nhã*) mà lại giải-thích ra cho rõ cái ý có phải vua hiền thì mới vui được cảnh ấy.

. . .

哉。豈 臺 偕 民 及 日 湯
能 池 亡，欲 汝 害 誓
獨 鳥 雖 與 偕 喪。曰。
樂 獸。有 之 亡。予 時

Dịch-âm. — « *Thang-thệ viết* : « *Thời nhật hại táng, dư cập nhữ giai vong.* » *Dân dục dữ chi giai vong, tuy hữu đài-trì điểu-thú, khởi năng độc-lạc tai* ».

Dịch nghĩa. — « Thiên *Thang-thệ* có câu rằng : « Mặt trời kia bao giờ mất, ta với mày đều mất đi cho rồi. » Dân oán vua, mà mong cùng vua đều mất đi cho rồi, thế thì vua tuy có cái cảnh đài-trì điểu-thú, há vui một mình được ru ! »

Chú-giải. — Mặt trời là trỏ vào vua Hạ Kiệt. Vua Kiệt thường nói : « Ta có thiên-hạ cũng như trời có mặt trời, mặt trời mất thì ta mới mất ». Dân oán vua Kiệt bạo-ngược, nên mới mượn lấy lời vua Kiệt, mà rủa vua Kiệt, mong cho vua Kiệt chóng mất đi. Bởi vì vua Kiệt bình-nhật không biết thương dân, chỉ biết vui một mình, cho nên dân oán, dân đã oán, thì cái cơ diệt-vong nó đã phục sẵn cả rồi, vui một mình mãi được sao.

Đây là dẫn lời kinh *Thư* (*Thang-thệ* là tên một thiên trong kinh *Thư*) mà lại thích ra, để rõ cái ý rằng ông vua bất-hiền, tuy có cảnh vui, cũng chẳng vui được. Đó là ý thầy Mạnh khuyên vua Huệ có muốn vui cái cảnh đài-trì điểu-thú ấy, thì nên bắt-chước như vua Văn, chớ nên bắt-chước như vua Kiệt vậy.

不 國 政。內。其 盡 梁
加 之 無 河 民 心 惠
多。民 如 東 於 焉 王
何 不 寡 凶 河 耳 曰。
也。加 人 亦 東。矣。寡
少。之 然。移 河 人
寡 用 察 其 內 之
人 心 鄰 粟 凶 於
之 者。國 於 則 國
民 隣 之 河 移 也。

Dịch-âm. — *Lương Huệ-vương viết* : « *Quả-nhân chi ư quốc dã, tận tâm yên nhĩ hĩ. Hà-nội hung, tắc di kỳ dân ư Hà-đông, di kỳ túc ư Hà-nội ; Hà-đông hung diệc nhiên. Sát lân-quốc chi chính, vô như quả-nhân chi dụng tâm giả ; lân-quốc chi dân bất gia thiểu, quả-nhân chi dân bất gia đa, hà dã ?* »

Dịch-nghĩa. — Vua Huệ-vương nước Lương khoe với thầy Mạnh rằng : «Quả-nhân này xử với dân trong nước, thật đã hết lòng lắm. Gặp khi xứ Hà-nội mất mùa, thì dời dân xứ Hà-nội sang xứ Hà-đông, dời thóc xứ Hà-đông sang xứ Hà-nội ; hoặc khi xứ Hà-đông mất mùa, cũng y theo phép đó mà làm. Xét ra chính-sách nước láng-diềng, không nước nào dụng-tâm được như quả-nhân này, thế mà dân nước láng-diềng chẳng thấy ít đi, dân của quả-nhân này chẳng thấy nhiều ra, là có sao ? »

Chú-giải. — *Quả-nhân* là tiếng nhà vua tự-xưng mình, là ý nói khiêm mình là người kém đức. *Hà-nội Hà-đông* đều là đất trong cõi nước Lương. Nước Lương xưa gọi là nước Ngụy. *Di dân* là dời người dân khỏe-mạnh tới chỗ có thóc mà ăn, *di-túc* là đem thóc đến để cấp cho dân già trẻ không đi được.

孟子對梁惠王曰。好戰。請以戰喻。填然鼓之。兵刃既接。棄甲曳兵而走。或止。或百步而止。或五十步而止。以五十步笑百步。則何如。曰。不可。直不百步耳。是亦走也。曰。王如知此。則無望民之多於鄰國也。不違農時。穀不可勝食也。數罟不入洿池。魚鼈不可勝食也。斧斤以時入山林。材木不可勝用也。是使民養生喪死無憾也。養生喪死無憾。王道之始也。五畝之宅。樹之以桑。五十者可以衣帛矣。雞豚狗彘之畜。無失其時。七十者可以食肉矣。百畝之田。勿奪其時。數口之家可以無飢矣。謹庠序之教。申之以孝悌之義。頒白者不負戴於道路矣。七十者衣帛食肉。黎民不飢不寒。然而不王者。未之有也。

Dịch-âm. — *Mạnh-tử đối viết: « Vương hiếu chiến, thỉnh dĩ chiến dụ; điền-nhiên cổ chi, binh-nhận ký tiếp, khí giáp duệ binh nhi tẩu, hoặc bách bộ nhi hậu chỉ, hoặc ngũ-thập bộ nhi hậu chỉ, dĩ ngũ-thập bộ tiếu bách bộ tắc hà như? « Viết:» Bất khả, trực bất bách bộ nhĩ, thị diệc tẩu dã. « Viết: » « Vương như tri thử, tắc vô-vọng dân chi đa ư lân quốc dã.*

Dịch-nghĩa. — Thầy Mạnh thưa rằng: «Vua thích việc chiến-tranh, xin đem việc chiến-tranh ra thí-dụ. Như đôi bên đối-trận, ầm-ầm thúc trống, đồ binh-nhận đã tiếp-xúc nhau, một bên thua thì bỏ áo giáp kéo đồ binh mà chạy. Hoặc đứa chạy được trăm bước rồi thì dừng, đứa chạy được năm-mươi bước rồi thì dừng; cái đứa chạy năm-mươi bước kia, lại cười cái đứa chạy trăm bước nọ, thì vua cho là thế nào?» Vua nói: «Không nên cười nhau, cái đứa kia chẳng qua không chạy được trăm bước đấy thôi, cũng là tuồng thua chạy cả.» Thầy nói: «Vua nếu hiểu lẽ ấy, thì đừng mong dân mình nhiều hơn dân nước láng-diềng nữa.

Chú giải. — *Điền-nhiên*, là ầm vậy, tiếng trống trận; binh-pháp đời xưa, nghe hiệu trống thì tiến quân, nghe hiệu chiêng thì lui quân. *Nhận*, là cái đồ nhọn tức loài binh-khí. *Trực* cũng như chữ *dẫn* nghĩa là những, *trực bất bách bộ*, là những không chạy được tới trăm bước.

Đây là thí-dụ nước láng-diềng không biết thương dân là tệ, cũng như đứa chạy trăm bước là nhát đã đành; vua Huệ làm được ơn nhỏ, không phải là thực-huệ, cũng như đứa chạy được năm mươi bước, không phải là mạnh-bạo. Tóm lại thì đều là ông vua không biết thực-hành lấy vương-đạo để nuôi dân cả, khác nào cũng là một tuồng thua chạy đó thôi, không nên kẻ kia cười người nọ vậy.

不違農時。穀不可勝食也。數罟不入洿池。魚鼈不可勝食也。斧斤以時入山林。材木不可勝用也。是使民養生喪死無憾也。養生喪死無憾。王道之始也。五畝之宅。樹之以桑。五十者可以衣帛矣。雞豚狗彘之畜。無失其時。七十者可以食肉矣。百畝之田。勿奪其時。數口之家可以無飢矣。謹庠序之教。申之以孝悌之義。頒白者不負戴於道路矣。七十者衣帛食肉。黎民不飢不寒。然而不王者。未之有也。

Dịch âm. — « *Bất vi nông-thời, cốc bất-khả thăng-thực dã; sác-cổ bất nhập ô-trì, ngư miết bất khả thăng thực dã; phủ cân dĩ thời nhập sơn-lâm, tài-mộc bất khả thăng dụng dã; cốc dữ ngư-miết bất khả thăng thực, tài mộc bất khả thăng dụng, thị sử dân dưỡng-sinh táng tử vô-hám dã, dưỡng-sinh táng-tử vô hám, vương đạo chi-thủy dã.*

Dịch-nghĩa. — « Không làm hại mất mùa làm ruộng của dân, thì thóc tha-hồ mà ăn; lưới mau không cho vào chuôm ao, thì cá, ba-ba tha-hồ mà ăn; rìu búa tùy mùa mới cho vào rừng núi, thì săng-gỗ tha-hồ mà dùng. Thóc cá ba-ba ăn không hết, săng gỗ dùng không hết, thế là khiến cho dân những việc nuôi người sống chôn người chết, không ân-hận gì cả; những việc nuôi người sống chôn người chết không ân-hận gì là bắt đầu làm vương-đạo đó.

Chú-giải. — *Nông-thời* là trỏ mùa xuân cầy ruộng, mùa hạ làm cỏ, mùa thu gặt-hái, trong những mùa ấy không nên bắt dân đi phu-dịch, mới không hại mùa làm ruộng của dân. *Ô* là chỗ đất chũng nước đọng, tức là cái chuôm. *Vương-đạo*, là cái đạo trị nước của tiên-vương.

Dân chỉ cần những việc ăn uống, cửa nhà để nuôi người sống, việc tế-tự quan-quách để chôn người chết. Đây mới là nhân cái lợi tự-nhiên của trời mà gìn-giữ để cho dân thừa ăn thừa dùng, để giúp dân về những việc dưỡng-sinh tống-tử, đó mới là những việc bắt đầu làm vương-đạo vậy.

∴

五畝之宅。樹之以桑。五十者可以衣帛矣。鷄豚狗彘之畜。無失其時。七十者可以食肉矣。百畝之田。勿奪其時。數口之家。可以無饑矣。謹庠序之教。申之以孝悌之義。頒白者不負戴於道路矣。七十者衣帛食肉。黎民不饑不寒。然而不王者。未之有也。

Dịch-âm.— «*Ngũ mẫu chi trạch, thụ chi dĩ tang, ngũ thập giả khả dĩ ý bạch hĩ; kê đồn cẩu trệ chi súc, vô thất kỳ thời, thất-thập giả khả dĩ thực nhục hĩ; bách mẫu chi điền, vật đoạt kỳ thời, sổ khẩu chi gia, khả dĩ vô cơ hĩ; cẩn tường-tự chi giáo, thân chi dĩ hiếu-đễ chi nghĩa, ban-bạch giả bất phụ-đái ư đạo lộ hĩ; thất-thập giả ý bạch thực nhục, lê-dân bất cơ bất hàn, nhiên-nhi bất vượng giả, vị chi hữu dã.*

Dịch-nghĩa. — « Khu đất ở năm mẫu, bảo dân trồng lấy dâu, thì người năm-mươi tuổi có thể được lụa mà mặc. Những giống súc như kê, đồn, cẩu, trệ, bảo dân chớ làm hại cái mùa sinh đẻ của nó, thì người bảy-mươi tuổi có thể được thịt mà ăn. Khu ruộng trăm mẫu, chớ làm thiệt những mùa cày cấy thu gặt của dân, thì một nhà và miệng ăn, có thể không đến nỗi đói. Lại cẩn-thận về việc giáo-dục trong nhà Tường nhà Tự, răn-bảo dân cho biết nghĩa hiếu-hễ, thì những người đầu đốm bạc, không phải vác đội vất-vả ở đường-sá. Người già được mặc áo lụa, ăn cơm thịt, người trẻ không đến nỗi đói rét; thế mà nước không hưng-vượng, không có lẽ thế bao giờ.

Chú-giải. — Xét nhà Chu định phép tỉnh-điền, nghĩa là vạch hình chữ *tỉnh* 井 ra làm chín khu, mỗi khu trăm mẫu, khu giữa là công-điền; còn tám khu xung-quanh thời mỗi một người dân được một phần ruộng là trăm mẫu, ngoài trăm mẫu ra lại còn được một khu đất ở là 5 mẫu. *Đồn* = lợn con. *Trệ* = lợn nái. *Tường*; *Tự*, đều là tên nhà học. *Thân* là ý đinh-ninh răn bảo kỹ-luỡng. *Ban*, là đốm, ban-bạch là người già đốm bạc. *Phụ*, là cõng ở lưng. *Đai*, là đội ở đầu. Dân đã biết hiếu-đễ thì biết đỡ việc vác đội cho người già khỏi vất-vả. *Lê*, là đen; *lê-dân* là người dân tóc còn đen, tuổi còn trẻ.

Đây là kể ra những việc thực-hành vương-đạo, kiêm cả giáo-dưỡng, đến thế mới là hoàn-toàn.

∴

狗彘食人食而不知檢。塗有餓莩而不知發。人死則曰非我也。歲也。是何異於刺人而殺之。曰非我也。兵也。王無罪歲。斯天下之民至焉。

Dịch-âm.— « *Cẩu trệ thực nhân thực nhi bất tri kiểm, đồ hữu ngã biễu nhi bất tri phát, nhân tử tắc viết phi ngã dã, tuế dã, thị hà dị ư thích nhân nhi sát chi, viết phi ngã dã, binh dã. Vương vô tội tuế, tư thiên-hạ chi dân chi yên* ».

Dịch-nghĩa. — « Nay vua để cho chó lợn ăn của người, mà không biết kiểm-chế; ngoài đường có xác kẻ chết đói, mà không biết phát thóc để trẩn-bần. Dân chết đói, thì vua nói rằng không phải tại ta đâu, tại năm mất mùa đấy. Thế thì khác gì đâm người cho chết, lại bảo rằng không phải tại ta đâu, tại đồ binh sắc đấy. Vua nếu không đổ tội cho năm mất mùa, thì dân trong thiên-hạ về với vua cả ».

Chú giải. — *Kiểm*, là xem xét tỉnh-giảm. *Biễu*, là cái thây người chết đói.

Đây là nhân vua Huệ-vương chỉ biết làm điều tiểu-huệ, dĩ-túc chẳng qua là dời thóc của dân lại cấp cho dân mà thôi. Còn như dân đói mà chết, thời lại không biết kiểm xét, không biết phát-trần, thế là lỗi tại vua. Bởi vậy thầy Mạnh khuyên vua nên nhận lấy lỗi mình, mà cố gắng thực -hành lấy vương-đạo để cứu dân, thì khắp cả nhân-dân thiên-hạ ai nấy đều vui lòng qui-phụ với vua há những dân-số nhiều hơn lân-quốc mà thôi đâu.

(*Còn nữa*)

ĐÔNG-CHÂU *dịch*

CUỘC ĐẤU-XẢO MĨ-NGHỆ CỦA HỘI KHAI-TRÍ

Tinh-thần một nước phát-hiện ra ở văn-chương, tư-tưởng, chế-độ, luân-lý, đã cố-nhiên rồi, lại phát-hiện ra một cách rõ-rệt hơn nữa ở các mĩ-nghệ trong nước. Từ xưa đến nay, phàm các nước văn-minh trong thế-giới, không hề ở đâu trọng văn-nghệ mà lại không trọng mĩ-thuật. Ở Hi-lạp dời xưa, người chạm được pho tượng khéo cũng nổi danh-giá chẳng kém gì người soạn được quyển văn hay, và có lẽ hơn cũng có, vì người Hi-lạp vốn có cái tinh-thần ái-mĩ, ưa thích những hình-sắc đẹp hơn các dân-tộc khác. Ở nước Pháp, các thời-đại văn-học thịnh, như thế-kỷ thứ mười-bảy, thế-kỷ thứ mười-tám, chính là những đời mĩ-thuật cũng thịnh, và bức họa của POUSSIN hay của WATTEAU, bức chạm của PUGET hay của HOUDON cũng có giá-trị bằng bài văn tế của BOSSUET hay bộ tiểu-thuyết của VOLTAIRE vậy. Ở Tàu cũng vậy, nhiều tay danh-văn thường lại vừa là tay danh-họa, như Vương Mạ-Cật đời Đường, mỗi bài thơ là một bức họa, mỗi bức họa là một bài thơ.

Ở nước ta thời văn-nghệ với mĩ-nghệ lại có ý cách-biệt nhau, và xem ra như bên trọng bên khinh. Nhà nghề khéo ở ta bao giờ cũng coi là một tay thợ mà ít khi nổi danh-giá, được hiển-vinh như ở các nước. Tuy có câu : *Nhất nghệ tinh nhất thân vinh*, nhưng cái vinh đây chẳng qua là ở trong vòng ấm-no sung-sướng mà thôi, chưa phải là cái danh-dự rực-rỡ của nhà mĩ-thuật. Người làm nghề chạm, nghề khảm, nghề đúc, nghề thêu, dẫu tài-giỏi đến thế nào cũng không bao giờ bằng ông nghè ông cống, hay là thầy khóa thầy đồ. Cũng có lẽ bởi sự khinh trọng khác nhau như thế nên mĩ-thuật nước ta không có một cái lịch-sử vẻ-vang sán-lạn như các nước, khiến cho có người đã ngờ rằng không biết An-Nam quả có mĩ-thuật hay không. Song mĩ-thuật có nghĩa hẹp mà có nghĩa rộng. Nói về nghĩa hẹp thời mĩ-thuật là gồm những cái kiệt-tác của các xảo-nghệ trong một nước ; nói về nghĩa rộng thời mĩ-thuật là chỉ chung cả những nghề chế-tạo chủ-ý làm đẹp cho cuộc đời người ta. Lấy nghĩa hẹp thì nước Nam ta, bởi nhiều duyên-cớ và thứ nhất là bởi cái thói thiên trọng văn hơn trọng nghề như trên kia vừa nói có lẽ không có nhiều cái kiệt-tác có thể sánh cùng với mĩ-thuật các nước. Nhưng lấy nghĩa rộng thời gồm cả các nghề khéo trong nước ta, há không phải là một nền mĩ-thuật xứng-đáng hay sao ? Ngày nay ở bên Tây còn có người cổ-động, còn có người nghiên-cứu về « mĩ-thuật giống Da đen » (*l'art nègre*), là những giống mọi-rợ ở Phi-châu, thời ai lại nỡ lòng chối

không cho người An-Nam cũng có mĩ-thuật cho đang ?

Tức cũng như văn-chương quốc-âm ta. Ví đem mà sánh với văn-chương nước Pháp hay nước Tàu thời thật là lơ-thơ trơ-trụi, không có cái vẻ sầm uất phong-phú một chút nào, không biết có đáng gọi là văn-chương một nước không. Nhưng mà những phong-dao ngạn-ngữ của ta há lại không có tinh-thần hay sao ? Một quyển truyện *Kiều* của ta há lại không có thể liệt vào bậc văn-chương kiệt-tác của thế-giới hay sao ?

Một nhà làm sách Tây đã nói rằng : « Lịch-sử nước Nam tiếng là lâu-dài đến ba bốn nghìn năm thật, nhưng trong khoảng ấy người An-Nam được mấy hồi là sinh-hoạt thảnh-thơi, tự-do mà phát-siển được hết cái tiềm-lực của dân-tộc mình. » Ấy cái nguyên-nhân sở-dĩ làm sao mà văn-chương cùng mĩ-thuật nước ta không phát-đạt được hết sức, không tới được cái trình-độ hoàn-toàn mĩ-mãn, chính là ở đó. Dân-tộc ta trong mấy mươi đời sinh-trưởng ở dưới bóng nước Tàu, như cái cây nhỏ mọc dưới bóng cái cây lớn, bị « ớm » mà không mọc được hết sức, nên bề ngoài trông như cằn-cọc ngắng-nghiu, song cái sinh-khí vẫn thịnh, cái tiềm-lực vẫn đầy, nếu được thảnh-thơi mà hưởng ánh sáng mặt trời thời cũng tốt-tươi rậm-rạp và sinh-hoa kết-quả chẳng kém gì các cây khác.

Nay phong-khí đã mở-mang, xem như mấy năm gần đây văn-chương quốc-âm ta đã có bề khởi-sắc. Mĩ-thuật cũng như văn-chương, là tiêu-biểu cho tinh-thần một nước, tất cũng phải thừa cơ-hội tốt mà mở-mang tấn-tới lên. Cái mầm quốc-hoa của ta trong bấy lâu đã gặp những thời-tiết không lợi không thể hết sức nẩy-nở ra được, nay có lẽ đến ngày đua khai rực-rỡ đây. Những mĩ-nghệ xảo-nghệ của nước ta, trước kia vẫn coi là những nghề thuyền-thợ không có giá-trị cao-thượng gì, từ nay có thể hưng-khởi chấn-loát lên được, mà gây ra một nền mĩ-thuật đặc-biệt của nước Nam, sánh cùng được với mĩ-thuật các nước, phát-biểu được cái tinh-hoa văn-vẻ của giống ta.

Các ngài chủ-trương Hội Khai-Trí Tiến-Đức ý-giả cũng nghĩ như thế, nên mới mở ra ở Hội-quán một cuộc Đấu-xảo mĩ-nghệ, từ ngày 25 tháng 11 đến ngày mồng 10 tháng 12 năm 1923. Cuộc Đấu-xảo ấy vui-vẻ thịnh-hành là dường nào, trong mười-lăm ngày thiên-hạ đến xem nô-nức là dường nào, những nhà tổ-chức đã gia-công sắp-đặt khéo-léo là dường nào, bày trò du-hí xen vào cuộc thưởng-mĩ cho thêm vui khách du-quan, khiến cho cuộc Đấu-xảo mĩ-thuật thành một đám hội chung cho các khách sang-trọng đất Hà-thành và cả xứ Bắc-kỳ nữa ; những điều đó các báo-chương nói đã tường, đây không cần phải nhắc lại.

Chủ-ý bài này là bày giải cái ý-nghĩa cuộc Đấu-xảo vừa rồi, phê-bình qua về các đồ đấu-xảo và bàn-bạc mấy câu về hiện-tình và tương-lai các mĩ-nghệ ở nước ta.

*

Ai cũng biết rằng « đấu-xảo » nghĩa là đua khéo, nhưng cái tiếng « đấu-xảo » ấy thường dùng sai nhiều, nên nhiều người chưa hiểu rõ đấu-xảo là thế nào. Nước ta mới thông-dụng chữ đấu-xảo từ Hội « Đấu-xảo Hà-nội » năm 1902 ; nhưng hội này mà gọi là đấu-xảo cũng đã không đúng rồi. Phàm cổ-động cho các xứ đem những đồ khéo vật lạ cùng các sản-vật đến họp ở một nơi để trần-liệt cho thiên-hạ xem, khiến cho biết được cái trình-độ thịnh-vượng của mỗi xứ về đường công-nghệ, đường kinh-tế, thế gọi là mở hội « bác-lãm » 博覽 ; bác-lãm nghĩa

là rộng xem, phô-bày ra cho thiên-hạ rộng xem, là người Tàu dịch chữ tây *exposition*. Như thế thời Hội « Đấu-xảo » Hà-nội năm 1902 chính là một hội « bác-lãm ». — Nay cổ-động để họp các nhà nghề nhà buôn lại một nơi trong một thời-hạn ngắn hay dài để cho rộng đường giao-dịch, thế gọi là « hội-chợ » (*foire*); cách này thì quốc-dân ta đã biết rõ, vì tự năm năm nay ở Hà-nội năm nào cũng có Hội-chợ ; nhưng Hội-chợ lại ở ngay vào khu đất Đấu-xảo năm xưa nên trong trí người ta vẫn còn có chút hồ-đồ, chưa phân-biệt được rõ-ràng « Hội-chợ » khác với « Đấu-xảo » là thế nào. — Đến như một Hội hay một đoàn-thể nào đứng lên cổ-động cho những nhà mĩ-thuật đem những đồ chế-tác khéo của mình đến bày để cho thiên-hạ xem và cốt nhất là cho một hội-đồng những tay sành-sỏi phẩm-bình khảo-sát, thời thế mới thật gọi là « Đấu-xảo ». Ở *Paris* mỗi năm có mấy cuộc đấu-xảo như thế, nhất là về nghề họa, nghề chạm và các nghề trang-sức (*les arts décoratifs*), gọi là « sa-lông » (*salons*). Như « Sa-lông mùa thu » về nghề họa ở *Petit Palais* là một cuộc đấu-xảo đã có tiếng, những bức họa nào được bày và được thưởng ở « Sa-lông » là nổi danh-giá một thì.

Nói tóm lại thời « Bác-lãm-hội » là một cuộc phô-bày về đường kinh-tế trong một nước hay nhiều nước ; « Hội-chợ » là để giúp cho đường công-nghệ buôn-bán ; mà « Đấu-xảo » là chủ tưởng-lệ khuyến-khích cho các mĩ-nghệ. Trong ba cách đó, duy có cách thứ ba có quan-hệ riêng về mĩ-thuật, mới đáng gọi là đấu-xảo.

Cuộc bày của Hội Khai-Trí vừa rồi thực là một cuộc Đấu-xảo, và có ý bắt-chước các « sa-lông » bên Tây. Đã gọi là « đấu-xảo » thời chỉ họp những đồ chế-tạo thật đẹp, thật khéo, thật mới, thật lạ, để cho đua với nhau mà định hơn kém; còn những đồ làm mớ, những đồ bán buôn, những kiểu thông-thường, nhật-dụng, thời là thuộc về Hội-chợ. Đấu-xảo với Hội-chợ khác nhau hẳn, nhưng xem ra trong những người đem đồ bày và những khách đến xem ở cuộc Đấu-xảo Hội Khai-Trí vừa rồi còn có người chưa hiểu rõ. Người đem đồ bày thời có người đem những đồ nắm đồ mớ thường bày ở các cửa hàng trong các phố, như những kiểu thêu cũ rích, con gà, con công, cành mai, cành trúc, không có gì là cái sáng-ý mới lạ cả, hay là những kiểu đỉnh kiểu lọ hằng ngày trông thấy ở phố hàng Đồng ; có người đem cả một tủ giầy tây giầy ta!... Vẫn biết nghề đóng giầy cũng là một nghề khéo, nhưng đôi giầy đã có hình-thức nhất-định rồi, nhà nghề dẫu khéo đến đâu cũng chẳng qua là đóng cho bền chặt, cho óng-ả mà thôi, không có cái tài nào sáng-nghĩ ra cách gì mới nữa. Mà có tài sáng-nghĩ mới gọi được là mĩ-thuật. Nghề đóng giầy không phải là một mĩ-thuật. — Ấy là về phần người đấu-xảo. Đến phần khách đi xem, thời cũng có người ngộ-nhận như thế. Thường nghe có ông đi xem khắp một lượt rồi, ra cửa phê cho một câu : « Chẳng có quái gì cả! Không bằng Hội-chợ. » Nếu lấy con mắt xem Hội-chợ mà xem Đấu-xảo thì lầm thật, không trách chê rằng ít đồ là phải lắm. Khách An-Nam ta đến xem Đấu-xảo Hội Khai-Trí thường chê như thế, mà khách Tây phần nhiều lại khen, cho rằng kén-chọn kỹ và bày-biện hợp với cách-thức một hội « sa-lông » mĩ-thuật ở bên Tây. Là bởi vì người Tây không có lẫn đấu-xảo và hội-chợ.

Mục-đích Hội Khai-Trí mở Đấu-xảo là mong gây lấy một cái « phong-trào mĩ-thuật » ở nước ta. Như trên kia đã nói, quốc-dân ta xưa nay không biết trọng mĩ-thuật như người các

nước, các nghề khéo chỉ phó mặc cho những thợ-thuyền vô-học, nên mĩ-thuật trong nước chậm tiến-hóa. Nay phải cổ-động làm sao cho một mặt thời những người sành-sỏi lọc-lõi, những kẻ có kiến-thức, biết thẩm-mĩ, lưu-tâm đến mĩ-thuật, nghiên-cứu về mĩ-thuật, tìm-tòi mà phát-biểu những cái « quốc-túy » của ta xưa nay, để giữ lấy cái tinh-thần ái-mĩ của dân-tộc ta; một mặt thời những nhà nghề biết có một cái quan-niệm cao-thượng về nghề mình, ngày một nghĩ-ngợi, biến-báo, tìm ra những hình mới kiểu lạ, thích-hợp với con mắt người đời nay mà lại không sai cái thể-cách cũ của nước nhà, thế nào cho gây được một lối mĩ-thuật riêng của dân-tộc An-Nam, có tính-cách đặc-biệt hẳn, chứ không phải là mô-phỏng của người như từ xưa đến nay vậy. Nói tóm lại là thúc-giục cho những nhà nghề, trước là biết trọng nghề mình và mỗi ngày một trổ tài trổ khéo thêm ra, sau là cố gắng cho có một cái « nhân-cách » riêng về mĩ-thuật (*une personnalité artistique*); lại thúc-giục cho những kẻ trí-thức trong nước biết thưởng-giám về mĩ-thuật, có cái « trí thẩm-mĩ » (*le goût*), phân-biệt cái đẹp cái xấu, đủ cầm cân phẩm-bình cho các nhà nghề; hai bên tương-bổ tương-ích lẫn nhau, người chế ra đẹp lại phải có người biết thưởng đẹp, và người biết thưởng đẹp có khi công cũng chẳng kém gì người chế đẹp, vì trình-độ mĩ-thuật một nước thường theo trình-độ cái « trí thẩm-mĩ » của người trong nước. Hai bên thường có dịp trao-đổi lẫn nhau như thế, tự-khắc gây ra một cái phong-trào thượng-mĩ, một cái không-khí ấm-áp cho cái mầm quốc-hoa dễ nảy-nở ra vậy.

Kỳ Đấu-xảo này là lần đầu, không dám chắc rằng đạt được cái mục-đích như trên; không dám chắc rằng đã gây ra được một cái không-khí thượng-mĩ trong xã-hội nước ta. Nhưng mà Hội định mỗi năm mở một cuộc đấu-xảo như thế, khiến cho thành một cái thói quen trong nước, các nhà chế-tạo, các khách thưởng-mĩ cứ năm năm có dịp gặp nhau, dư-luận chú-ý đến mĩ-thuật, thành một câu chuyện có hứng-thú trong xã-hội, thế là dần-dần nhóm lên được một cái « phong-trào mĩ-thuật » như trên đã nói. Xem kỳ đấu-xảo đầu này đã thịnh-hành được thế thời cũng có thể mong rằng cái mục-đích ấy sau này có lẽ đạt tới được.

***

Từ khi Hội mới cổ-động mở cuộc đấu-xảo, các nhà nghề hoan-nghênh lắm. Nên những đồ đem đến Đấu-xảo kể cũng khá nhiều. Song nhận ra lắm nhà chưa hiểu rõ cái mục-đích Đấu-xảo, đem những đồ tạp-nhạp không có giá-trị riêng về mĩ-thuật, Hội phải đặt một hội-đồng sơ-khảo để loại bớt những đồ không trúng-cách. Hội-đồng cố ý xét nghiệt để chỉ giữ lấy một số ít những đồ thật có đặc-sắc mà thôi. Có người sợ làm như thế không khỏi ngã lòng các nhà nghề. Nhưng muốn giữ cho mĩ-thuật nước ta sau này có giá-trị thời chặt-chẽ một chút tưởng cũng không hại gì. Người thực tài khéo càng được lộ cái tài và tôn cái khéo lên, còn người tầm-thường dẫu không dự cuộc cũng chẳng thiệt gì.

Bởi thế nên khi đem ra bày chỉ có một số ít những đồ tỏ ra có một cái sáng-ý mới mà thôi; còn bao nhiêu những kiểu trần-hủ loại hết.

Người An-Nam ta quen xem « đấu-xảo », lần nào cũng thấy chồng-chất vô-số những đồ thêu, đồ đồng, đồ khảm, lần này trong ba món cốt-yếu đó chỉ lơ-thơ có một vài số mà thôi, không khỏi lấy làm lạ. Vì người mình vẫn yên-trí rằng mĩ-nghệ An-Nam chỉ có

đồ thêu, đồ khảm, đồ đồng là tuyệt-xảo, đấu - xảo mà không có nhiều ba thứ đó thì tựa-hồ không thành cuộc đấu-xảo vậy. Nhưng không nghĩ đến rằng chính bởi ba nghề đó là ba nghề khéo nhất của ta xưa nay, nên các nhà nghề cũng yên-trí mà không chịu khó cải-lương cho tấn-tới hơn lên, quanh đi quẩn lại chỉ chép lẫn nhau mấy chục cái kiểu cũ-rích, không có một chút sáng-kiến gì cả. Ba nghề thêu, khảm và đồng, xem ra mấy năm nay không có tiến-hóa.

Nghề đồ gỗ thời tấn-tới trông thấy. Kỳ Đấu-xảo vừa rồi có hai bộ đồ gỗ, Hội-đồng khảo-sát cho nhất-hạng, và khách đến xem cũng đều khen cả. Hai bộ này, bản-chí đã in ảnh kỳ trước. Một bộ là cái kỷ ngồi nói chuyện của hiệu Phúc-mĩ chế ra, coi nhã lắm. Kỷ có ghế ngồi ở giữa, ngồi được hai ba người, hai đầu đặt hai cái kỷ chè con, ba phần đó là dời nhau cả, cất ra để vào được, sau lưng có chỗ dựa cao như cái tủ đứng, trên có giá để bày các đồ ngoạn-vật, chỗ ngồi chỗ dựa bằng mây, ngoài đặt đệm ; nét chạm thanh-tinh, chỉ có mấy đường triện đường guột mà thôi. Bộ này kiểu thật là mới, vừa thích-hợp với sự cần-dùng đời nay, mà lại vừa giữ được cái phong-thể cũ và cái vẻ đặc-biệt của mĩ-thuật nước ta. Đáng khen nhất là nét chạm không rườm-rà, không phiền-phức, không tỉ-mỉ quá như các đồ gỗ thường của ta. Hội-đồng chỉ có bác một điều : là ghế ngồi và kỷ chè đặt bằng nhau chăn-chắn thế không đẹp, nên để sâm-si một tí, hoặc cái ghế giô ra mà hai cái kỷ thụt vào, hay là ghế thụt vào mà kỷ giô ra thì xứng mắt hơn. Lại bác về mấy cái đệm ngồi và đệm dựa dùng sắc vàng nhạt khí sáng mùi quá, không hợp với sắc gụ ; nên dùng cái sắc gì êm-êm dịu-dịu hơn thì đẹp. Song đó là những điều lặt-vặt, không quan-hệ gì lắm. Xét về toàn-thể bộ ghế thì có cái khí-vị phong-lưu thanh-nhã, tưởng bày ở chỗ công-đường đại-gia, vàng-son rực-rỡ, gấm-vóc rủ-rê, có lẽ không bằng để trong phòng sách một nhà văn-sĩ hay trong buồng the một bậc mĩ-nhân, mới thật là xứng-đáng.

Đến bộ ghế « sa-lông » của ông Nguyễn Đức - Thục về kiểu, ông Nguyễn Long-Hưng đóng, thời thật là đồ bày nhà đại-gia. Những trông đệm bằng gấm vàng đã choáng mắt rồi. Có người cho là choáng quá, sắc gấm rực-rỡ, không ăn với sắc gụ. Thế mới biết chọn mùi cho ăn nhau cũng là một sự khó lắm. Nước ta cho vàng son gấm vóc là đẹp, nhưng ở những nơi cung-điện từ-miếu, hay nhà riêng thời ở chỗ từ-đường là hợp lắm, đến chỗ ngồi chơi mà đã dùng đến đồ gụ thì những sắc đậm-đà ấm-nóng như thế không khỏi lộ quá và tựa-hồ như có cái vẻ « lòe-loẹt ». Đến như hình-thể bộ ghế thì giản-dị và thanh-nhã lắm, nhất là cái án để giữa, ai cũng khen là được lắm. Bộ này cũng như bộ kỷ hiệu Phúc-mĩ, nét chạm vừa phải, không có rậm-rạp, mỗi cái ghế chỉ có hai bên hai con dơi ở chỗ để tay, hai cái khung chữ thọ ở dưới tay, và cái diềm bên dưới thì một đường triện thanh mà thôi. Kiểu ghế thì theo kiểu tây, thấp dễ ngồi, mà dáng là dáng ghế bành của ta, vậy mà coi nghiễm - nhiên ra lối An-nam lắm, không có cái vẻ bác-tạp một chút nào. Cách « thổ-nạp Âu Á » về mĩ-thuật tưởng làm được như thế này là đắc-thế lắm.

Bọ ghế này lại nhờ được cách bày khéo nên trông càng nổi, càng tôn lắm. Ông Hiéroltz, chánh-đốc trường Bách-công Hà-nội, là người đã có công to giúp Hội Khai-Trí trong việc tổ-chức cuộc Đấu-xảo này, có bảo các nam-nữ giáo-viên và học-sinh trường ấy chế một cái sàn bằng gỗ, ghép hai

thứ gỗ khác sắc, coi như gạch hoa, một bức vải hoa căng tường với một tấm mành che cửa, vẽ và đan theo kiểu An-Nam cả. Bức vải căng tường làm bằng vải thường nhuộm mùi nâu ta theo một lối của người *Java*, gọi là lối *batik*, nghĩa là những chỗ vẽ hoa thì đồ sáp để chừa ra, còn nền thì đem nhuộm, nhuộm nền xong mới đốt chảy sáp ra mà nhuộm đến các sắc, thành ra một bức vẽ toàn nhuộm cả, bền mùi lắm. Ta vẫn cho mùi nâu là mùi cục-mịch quê-mùa, có ai nghĩ đến dùng để trang-sức chỗ ngồi chơi bao giờ. Thế mà vải nâu căng vào tường đây cũng dễ coi thật. Thế mới biết khéo lợi-dụng thì chất gì cũng có thể làm đẹp mắt được. Còn tấm mành cheo cửa thì phải đan bằng tám trăm cái thoi, kể cũng công-trình lắm, do học-trò con gái trường Bách-công làm, bà giáo Pogam và Carizey trông nom.

Song cái lối vải nhuộm căng tường và mành đan che cửa này, tuy dễ coi thật, nhưng có lẽ người Tây ưa dùng hơn người An-Nam mình. Dẫu có châm-chước những kiểu vẽ của bản-xứ, nhưng lối này là lối tây rồi, không phải cốt-cách của ta. Mĩ-thuật nước ta cần phải thâu-thái của ngoài để bồi-bổ cho mình, lẽ đó đã cố-nhiên rồi, song sự thâu-thái ấy rất khó : mượn của người thế nào mà không mất cái cốt-cách của mình thời mượn mới có ích ; mượn của người mà đến mất cốt-cách của mình, hay là mượn cả cốt-cách của người, thời không còn ra lối-lăng gì nữa. Mà phàm đồ mĩ-thuật đã vô lối, thì gọi là gì chứ không phải là mĩ-thuật nữa. Các nhà nghề ta rất nên cẩn-thận.

Như trên kia đã nói, những đồ thêu, đồ đồng, đồ khảm, hội-đồng sơ-khảo loại ra nhiều lắm, nên trong đấu-xảo không còn mấy . Đồ thêu chỉ có một bức « bát-tiên quá hải », cũng là lấy gượng cho bày tạm, chứ thực không có đặc-sắc gì. Đồ khảm thời có một cái bình-phong của hiệu Chung-ký, chung quanh chạm rồng, giữa khảm cảnh hồ Hoàn-kiếm, kể cũng công-tế, nhưng mà vẫn còn phiền rậm lắm. Mấy cái tủ khảm cũng thế : chạm khảm rất là tỉ-mỉ, nào rồng, nào dơi, nào hoa, nào chim, vòng trong vòng ngoài, từng trên từng dưới, thậm-chí có cái đặt hẳn con chim diều-hâu hay chim phượng-hoàng lên trên nóc, hội-đồng phải bắt bỏ đi mới cho bày !

Đồ đồng thì có mấy cái khảm tam-khí, cũng công-phu lắm.

Có một nghề mới là nghề khảm gỗ (*marqueterie*), xưa nay chưa mấy người làm. Có mấy cái khay, một cái tủ khảm bằng các thứ gỗ mun, cam-lai, gụ các sắc, v.v., tuy chưa lấy gì làm tài-tình cho lắm, nhưng cũng dễ coi.

Trong các mĩ-thuật, người Tây cho nghề họa tranh và nghề nặn tượng là cao-thượng hơn nhất. Cứ cái mĩ-học cổ của Tây-phương thời mĩ-thuật chỉ có hai nghề đó mà thôi, còn các nghề khác là thuộc về *công-nghệ*, không phải về *mĩ-thuật*. Hiện ngày nay, các sa-lông đấu-xảo bên Tây phần nhiều là đấu về tranh và về tượng cả. Là vì người Tây, từ Hi-lạp La-mã đến giờ, cho rằng chỉ có hai nghề đó mới khiến được nhà mĩ-thuật trổ tài sáng-tạo, ngụ-ý thâm-trầm, các nghề khác chẳng qua là chỉ ở cái tay khéo mà thôi. Ở bên ta thời nghề họa và nghề nặn lại là hai nghề xưa nay kém nhất. Tượng mà như những tượng thập-điện ở chùa, tranh mà như những tranh tố-nữ đầu phố, thì quyết không phải là mĩ-thuật vậy. Gần đây ta chịu ảnh-hưởng của mĩ-thuật Tây-phương, mới thấy có ít người chuyên về nghề họa và nghề nặn, nhưng mới nặn những pho tượng nhỏ-nhỏ, mới vẽ những bức tranh con-con

mà thôi. Nghề này là nghề ở ngoài thâu-nhập vào, tất những lề-lối phương-pháp phải nhất-thiết theo học của người ta cả, chỉ có cái ý-tứ là của mình mà thôi.

Về nghề họa, gần đây có mấy bậc thanh-niên tài-tử tập lối thủy-họa (*aquarelle*) của Tây đã tinh-thần lắm, như ông Trần Phềnh, ông Ngô Đặng-Đĩnh, hai ông kỳ đấu-xảo này đều được thưởng cả. Nhưng ông Trần Phềnh không phải được thưởng về thủy-họa, lại được thưởng về hai bức vẽ sơn. Hai bức này là thuộc về lối « đại-họa-bút », nghĩa là lối vẽ thành bức lớn, họa-giả phải nghĩ kiểu, phải bố-trí thế nào cho thành một cái toàn-thể có ý-tứ. Lối này mới thật lộ được cái tài sáng-nghĩ, cái tài kết-cấu của họa-giả, chứ lối thủy-họa chỉ là hình-dung mô-phỏng cái chân-cảnh trước mắt mà thôi. Nhưng cũng vì thế mà khó hơn nhiều. Người vẽ đây cũng như người làm văn, phải chọn đề, phải cấu-tứ, chỉ khác là nhà văn thì phô-diễn bằng câu văn mà nhà họa thì phô-diễn bằng hình-sắc. Ông Trần Phềnh chọn đề trong Nam sử lấy hai tích về truyện Trưng Nữ-Vương và Trần Hưng-Đạo. Một bức của ông vẽ hai chị em bà Trưng sau khi đã đánh được người Tàu, cưỡi voi đi đến một nơi, nhân-dân già trẻ lớn bé kéo ra đón lạy tạ ơn hai bậc nữ-anh-hùng đã cứu cho dân thoát khỏi lao-lung người Tàu. Một bức vẽ tích ngài Trần Hưng-Đạo trẩy quân qua làng Phù-ủng gặp ông Phạm Ngũ-Lão thủa còn hàn-vi đương ngồi đan rổ. Các tay vẽ tây bình-phẩm hai bức ấy có kẻ khen người chê, khen rằng vẽ những đám đông người mà thu-xếp đã khéo, không bề-bộn, đã tỏ ra có tài kết-cấu; chê rằng trước-sắc đậm nhặt chưa được tinh, phối-cảnh xa gần chưa được hệt. An-Nam ta thời có người chê vẽ những người dân về đời Trưng-vương như Thổ Mán, vẽ những lính khiêng kiệu đức thánh Trần như lính phường chèo, v. v.; nhưng những người chê ấy có biết rõ rằng cách ăn mặc về các đời ấy thế nào không? Nếu không biết rõ thì tất phải tưởng-tượng ra; họa-giả tưởng-tượng như thế, tưởng ta cũng không có lẽ gì mà bẻ được. Muốn phẩm-bình cho đích-đáng thời phải xét cái ý-tứ của bức họa, cách xếp đặt các người, nét mặt của mỗi người, v. v.. Tuy còn có chỗ vụng-về, còn có điều sơ-suất, nhưng toàn-thể đã khả-quan lắm, và thứ nhất là nên khen họa-giả đã có cái ý tốt chọn tích vẽ ở trong Nam-sử. Ký-giả đây đã từng được xem những bức họa về lịch-sử ở các nhà bảo-tàng bên Tây, vẫn thường ước-ao rằng bao giờ các tay vẽ ở nước ta biết đem những chuyện cũ vẻ-vang của nước nhà mà truyền-thần ra thời giúp cho quốc-dân học quốc-sử biết dường nào. Cứ xem hai bức họa của ông Trần Phềnh, nhất là bức vẽ Trưng-vương, người đến xem và phần nhiều các bà các cô lấy làm thích lắm, thì đủ biết lối họa lịch-sử nay ảnh-hưởng trong quốc-dân thế nào.

Ông Nguyễn Văn-Thọ, biệu Nam-sơn, cũng là tay vẽ sơn giỏi. Nhưng lối vẽ của ông khí « tây » quá. Bức vẽ « Ông nhà nho », xem đã có vẻ linh-hoạt lắm; còn bức vẽ « cái liễn, con dao và mấy cái quả tráng miệng » thời dẫu tả-thực hệt thật nhưng quyết không hợp với con mắt người Nam ta.

Thiết-tưởng về nghề họa này, bất-tất phải bắt-chước của người Tây cả. Mô-phỏng quá thời có khi đến lố-lăng không coi được. Chính ý-kiến người Tây cũng thế. Lối họa của ta là gốc tự Tàu, và lối ấy mới thật là hợp với tính-tình người nước ta. Cái « mĩ-cảm » của người ta, nghĩa là cái cảm-tình về mĩ-thuật, nó phiền-

phức lắm, và nó gốc tự trong tinh-tình tư-tưởng, không phải một buổi mà thay đổi đi được. Người An-Nam ta ai cũng thích chơi tứ-bình, hoặc vẽ tranh, hoặc viết chữ, thích treo những tranh tàu chấm sơn-thủy, chấm hoa-điểu, chấm mĩ-nhân, chấm lan, chấm cúc, chấm mai, v.v.; tưởng dẫu người hí-tân hiếu-kỳ nữa cũng ít ai mua bức tranh vẽ bộ thìa dĩa tây và mấy cái quả tráng miệng về treo nhà ! Đến những bức họa có ý-tứ về lịch-sử, có lẽ cũng ít ai dậm mua nữa. Trong khi ấy thời những tranh tàu bán vẫn đắt. Cái sở-thích của người mình như thế, mà các họa-giả ta cứ đổ xô theo về lối vẽ Tây cả, thì không có cơ phát-đạt được, vì không mong tiêu-thụ trong quốc-dân được. Cớ sao các ông không nghĩ tổ-thuật nghề vẽ cũ của Đông-phương ta, tiêm-nhiễm cái tinh-thần của cổ-họa Tàu, châm-chước những phương-pháp mới của họa-học Thái-Tây mà sửa-đổi những điều sai-lầm trong lối vẽ cũ, nhưng vẫn giữ lấy cái cốt-cách cũ hợp với tinh-tình người nước ta hơn ? Cớ sao các ông không vẽ tứ-bình, vẽ sơn-thủy, bẽ hoa-điểu, mĩ-nhân, v.v., như lối tranh Tàu tranh Nhật, ta đã quen mắt và ưa dùng hơn ? Người Tàu người Nhật kia cũng theo học Thái-Tây như ta, nhưng không hề bao giờ bỏ mất cái cốt-cách các nghề cũ trong nước. Và người Tây ngày nay sở-dĩ trọng lối họa của Tàu và của Nhật là trọng cái cốt-cách ấy, chứ không phải trọng vì khéo bắt-chước những lối-lăng của Âu-châu. Những tay vẽ giỏi Nhật-bản bây giờ đều vẽ theo lối cũ trong nước, vẽ vào những bức cuốn (*kakémonos*) bằng giấy hay bằng lụa và dự các cuộc đấu-xảo bên tây thường được thưởng luôn. Các tay vẽ nước ta tưởng cũng nên theo gương đó, đừng bỏ hẳn lối họa cũ của Đông-phương mà theo Tây quá, đến xa-cách với tinh-tình tư-tưởng người mình.

Vấn-đề này muốn bàn cho tường phải một bài chuyên-luận dài. Nay gọi là nói qua mấy câu để các họa-giả nước ta thử để ý suy nghĩ xem, vì điều này quan-hệ đến tinh-thần quốc-túy của dân-tộc ta, chứ không phải là chuyện tầm-thường. Đến ngày mà các tay vẽ trong nước chỉ đua nhau vẽ cái thìa, cái dĩa, cái cốc, con dao, cái « soong », cái chảo, cái bàn là, v. v., thì cả cái văn-hóa cũ mấy nghìn năm của nước ta đi đời mất !...

Nghề nặn tượng thì ông Nguyễn Đức-Thục, giáo-học trường Bách-công, đã khéo tay lắm. Cái tượng « Con bé ngồi học đánh vần » với cái tượng nửa-người « Ông quan cở », coi có vẻ tự-nhiên và linh-hoạt. Bốn pho tượng sĩ, nông, công, thương của Hội Khai-Trí cũng là ông Nguyễn Đức-Thục nặn kiểu, ông Nguyễn Đức-Đấu ở Hà-đông chạm vào gỗ.

Có một nghề mới nữa là nghề đan «đen». Nghề này thì thật không phải là nghề cốt-cách ở nước ta, thế mà có trong khoảng mươi mười lăm năm đã tấn-tới lạ, đủ biết người nước ta thật là có cái tay khéo tự-nhiên. Ông Nguyễn Hữu-Tuynh ở Tây-mỗ Hà-đông có đem đấu-xảo mấy bức đen thật to, đan kiểu đền chùa An-Nam, không khác gì những bức họa, các bà đầm sành về nghề đen đều lấy làm khen lắm.

Nghề dệt gấm thời là nghề cũ, mà thất-truyền đã lâu. Nhờ có quan Thiếu Hoàng Trọng-Phu, mấy năm nay nghề ấy mới khôi-phục lại ở Hà-đông, mà mỗi năm tiến-bộ trông thấy. Mấy tấm thảm và tấm gối của ông Đỗ Văn-Nhỡ đem đấu-xảo vừa rồi, trông thật đẹp mắt quá. Một ông chủ báo tây đã có câu khen rằng : « Ông Đỗ Văn-Nhỡ dệt gấm ở Hà-đông thật là một tay mĩ-thuật ; xem ra ông chú-ý giữ lấy

cái tài khéo của nghề mình và trong những bức đem ra bày đó thật là giữ được cái xảo-thủ riêng của người An-Nam.»

Trong Đấu-xảo còn nhiều những đồ vặt nữa cũng tinh-xảo lắm, như đồ chạm ngà của ông Phạm Văn-Đính, Phạm Văn-Xiêm, đồ làm bằng sừng trâu của xưởng Công-nghệ Hà-đông, v. v., nhưng không thể kể hết được.

Ngoài các đồ đấu-xảo đó, lại có bày mấy bộ đồ cổ mượn của trường Viễn-Đông Bác-cổ, của quan Giám-đốc Công-chính POUYANNE, đồ thờ của Văn-miếu Hà-nội, là có ý để cho so-sánh mĩ-thuật cổ với mĩ-thuật bây giờ khác nhau thế nào. Nhận kỹ thì mĩ-thuật đời nay vị-tất đã hơn mĩ-thuật cổ. Những đồ thờ của Văn-miếu chế tự đời nhà Lý về thế-kỷ thứ 10, 11, nghĩa là đã tám chín trăm năm nay, có cái vẻ thanh-tao và giản-cổ, đồ đời nay còn kém xa nhiều. Mĩ-thuật ta bây giờ muốn giữ lấy cốt-cách cũ thời phải lấy những đồ xưa làm mẫu. Những lối chạm-trổ phiền-phức là lối gần đây, chứ xưa không có đâu như thế.

* * *

Nay đã xét qua cuộc đấu-xảo của Hội Khai-trí vừa rồi, nên kết-luận mấy câu về hiện-tình và tiền-đồ của mĩ-thuật ở nước ta.

Một nước không thể không có văn-chương được, thời cũng không thể không có mĩ-thuật được. Như trên đầu bài này đã nói, văn-chương với mĩ-thuật đều là tiêu-biểu cho tinh-thần một dân một nước. Nước ta vì những duyên-cớ thuộc về lịch-sử, về chính-trị, xưa nay quốc-văn với quốc-hoa không được tự-do phát-đạt, nên không có văn-chương phong-phú, không có mĩ-thuật tốt-đẹp có thể sánh cùng với văn-chương mĩ-thuật các nước. Nhưng mà dân-tộc ta gần đây đã tự-tỉnh tự-giác, biết quan-niệm về số-mệnh mình, biết rằng một nước không có quốc-văn, không có quốc-hoa, thời quốc-hồn cũng gần đến ngày mòn-mỏi, dẫu có sinh-tồn được ngày nào chẳng, qua là sống một cách bần-cùng eo-hẹp mà thôi. Những kẻ trí-thức trong nước đã hiểu như thế, nên trong khoảng mấy năm nay gia-công cổ-động về quốc-văn, hiện đã thấy có thành-hiệu. Trong xã-hội ta đã có một cái phong-trào chuộng văn quốc-ngữ, chắc sớm trưa cũng có ngày kết-quả được tốt-đẹp. Nay phải lưu-tâm đến mĩ-thuật. Văn-chương ta trước kia đã tiều-tụy mà mĩ-thuật lại đồi-đường lắm nữa. Ta phải gia-công hưng-khởi chấn-loát lên. Nhưng cái khó đây không phải là khó ở hình-thức, ở phương-pháp vì người nước ta vốn có con mắt tinh, cái tay khéo, phàm những lề-lối, những cách-thức của người dẫu khó-khăn, dẫu bí-hiểm đến đâu cũng học-tập được, cũng bắt-chước được; khó đây là khó ở tinh-thần, ở cốt-cách vậy. Cũng vì nhà nghề ta khéo tay tinh mắt quá, nên xưa nay chỉ đi phỏng đi chép của người là tài, ít khi tự mình phát-khởi sáng-tạo ra được cái gì là mới là lạ, là đặc-biệt của mình, tự trong tâm trong óc mình mà ra, không giống của ai cả. Chép giỏi, phỏng giỏi mới là tay thợ mà thôi, chưa gọi được là thầy nghề. Thầy nghề tức tiếng mới gọi là nhà mĩ-thuật (*artiste*), là người vừa có cái ý-nghĩ tài-tình, mà lại vừa có cái « tay » khéo-léo, biết dùng cái tay khéo để diễn cái ý tài bằng những hình-sắc hoặc thanh-âm thích-đáng. Nước ta bây giờ vẫn phải giữ lấy những tay thợ khéo mà lại phải gây lấy những tay thầy nghề. Bao giờ nghề nào cũng có những tay thầy nghề xứng-đáng thời mĩ-thuật sẽ tự-nhiên tới một trình-độ cao hơn. Nhưng hiện nay là giữa lúc

giao-thời, còn phân-vân chưa biết khuynh-hướng về đường nào, nên định rõ cái tôn-chỉ của mĩ-thuật nước Nam cho các thầy nghề sau này : mĩ-thuật nước Nam phải phô-diễn được cái tinh-thần của dân-tộc An-Nam một cách ly-kỳ, đặc-biệt, rõ-rệt, thâm-trầm, khiến cho người xem trông thấy mà cảm-giác được cái quốc-hồn Nam-Việt vậy.

THƯỢNG-CHI

TRUYỆN CHÀNG A-LÍ-BẾ

(Tiểu-thuyết tây)

Vua Sắc-a-ba-sĩ nước Ba-tư từ đế-kinh ngự đi du-lịch trong các miền thôn ổ, và để nhân-tiện xem xét những cách cư-xử tự-do của dân-chúng. Ngài chỉ kén lấy một vị đại-thần đi tùy-giá mà thôi. Ngài ngự phán rằng : « Những điều thuộc về phong-tục tốt của dân quê, Trẫm không được am-hiểu một tí gì cả, vì hễ bất-cứ việc gì mà tai Trẫm đã nghe, mắt Trẫm đã trông thấy, thì đều là giả-dối ô-mị cả, chẳng qua chỉ là những cách bày đặt tô-điểm ra, chứ không phải là sự thành-thực tự-nhiên. Vậy Trẫm muốn xem xét những cách cư-xử tự-nhiên thuần-phác của dân quê, và chú-ý quan-sát cái hạng người làm căn-bản cho xã-hội, mà xưa nay vẫn bị kẻ giàu sang bỉ-báng. Trẫm cứ hằng ngày phải trông thấy những lũ nịnh-thần nó rủ nhau dò-la ý Trẫm để tìm cách lừa-dối nịnh-nọt, thì Trẫm lấy làm chán-ngán quá. Vậy bây giờ Trẫm muốn đi đến những chỗ bọn nông-phu nông-phụ xem họ làm ăn lao-động thế nào, mà Trẫm muốn đi mật cho họ không biết Trẫm là ai. » Ngài bèn đi với vị đại-thần mà ngài đã ngỏ mật-ý cho biết đó vào trong các làng, thấy người dân thường họp nhau nhẩy múa hát xướng ; ngài trông thấy cái cuộc chơi thuần-nhã và tổn-phí ít tiền, thì ngài lấy làm đẹp lòng lắm. Ngài ngự cơm trong một túp lều tranh, nhân vừa đi xa mỏi mệt, lại trong bụng đương đói, thì ăn một bữa cơm xoàng lại thấy ngon lành hơn là những đồ chân-cam mĩ-vị. Khi đi qua một cánh đồng cỏ xanh mơn-mởn, rộng thênh-thang, lại điểm thêm mấy cây hoa đỏ tím, mọc theo hai bên bờ suối nước trong veo, thì thấy một chàng mục-đồng trẻ tuổi, ngồi thổi sáo ở dưới bóng cây mát, cạnh một đàn cừu đương ăn cỏ. Ngài bèn lại gần mà hỏi-han trò-chuyện ; thì thấy chàng trẻ tuổi hình-dáng dịu-dàng, nết-na chân-thật, lại có vẻ xinh-xắn và lịch-sự, tuy quần áo sơ-sài, nhưng cách người khả-ái. Mới đầu, ngài tưởng là một người quí-phái nào ăn mặc giả-hình, nhưng sau hỏi ra mới biết bố mẹ chàng là người làng bên cạnh, mà tên chàng là A-lí-bế.

Vua càng hỏi chuyện thì càng thấy chàng thông-tuệ và hiểu lý-sự lắm.

Hai con mắt chàng rất tinh, song trông không có vẻ độc-ác nóng-nẩy ; tiếng nói dịu-dàng, ai nghe cũng lấy làm vui và dễ hiểu, mặt trông không có một tí gì thô-tục dần-độn ; nhưng cũng không phải là đẹp một cách mĩ-miều yểu-điệu. Chàng thiếu-niên đó độ chừng mười sáu tuổi, song những cách cử-chỉ và những lời ăn tiếng nói rất khôn-ngoan, lý-thú mà khi đối với mọi người như thế thì tự mình chàng cũng không biết thế là thế nào : chàng tưởng rằng mình suy-nghĩ nói-năng như thế chẳng qua cũng là lẽ thường như bọn mục-đồng khác trong làng mà thôi ; chàng tuy không được học hành gì, song cứ cái ý khôn và cái lẽ phải của chàng có thể khiến cho người nghe cũng khôn lên được.

Thỉnh-thoảng vua lại mỉm cười vì những câu trả lời tự nhiên của chàng, cứ thẳng mà nói, không biết lấy lòng lấy bề ai. Ấy là lần đầu tiên mà vua được nghe lời nói thẳng vậy. Ngài ra hiệu sẽ cho quan hộ-giá đừng nên tiết-lộ ra rằng chính ngài là vua, vì ngài e rằng nếu A-lí-bế biết mình đứng nói chuyện ở trước mặt ai, thì chỉ trong một phút chàng sẽ mất hết cái vẻ tự-nhiên và những cách đường-hoàng như thế. Ngài phán riêng với vị quan hộ-giá rằng : « Trẫm chắc trong thiên-hạ những người danh-phận nhỏ, địa-vị thấp không phải đã là kém hay kém giỏi hơn những bọn to đầu đâu. Những hạng con vua cháu chúa, không mấy khi lại được khôn-ngoan và sung-sướng hơn là thằng bé chăn cừu này vậy. Ước gì Trẫm được một thằng con khôi-ngô, lanh-lợi và đáng yêu như thế, thì Trẫm lấy làm vui-thỏa lắm. Trẫm xét tên nhỏ này điều gì cũng đáng yêu cả ; ấy là nó không được từng giáo-giục, nếu có người dạy bảo rèn-tập thì nó sẽ trở nên một tay đại-hiền-tài đó, ý Trẫm muốn cất nhắc cho nó được lên gần Trẫm .» Vừa nói xong thời lộ cho A-lí-bế biết mình là Hoàng-đế, và bảo chàng đi theo, chẳng cũng chắc thầm rằng nhờ ai mình sẽ được sung-sướng. Vua sai người dạy chàng tập đọc, tập viết, tập hát và lại nuôi thầy để dạy chàng những mĩ-nghệ và những khoa-học để sửa-sang tô-điểm cho trí-não tâm-thần.

Khi mới đến kinh-thành thấy cung-điện tòa miếu lộng-lẫy nguy-nga thì chàng cũng thấy choáng mắt, và thấy nhất-đán thay ngôi đổi vị một cách lạ-lùng như thế, chàng cũng ngơ-ngác mà không hiểu làm sao. Vị chàng càng cao, thân chàng càng sướng, thì hình như cái tính tự-nhiên thuần-phác thủa trước lại càng giảm bớt đi.

Gậy chăn chiên, ống sáo và bộ quần áo mục-đồng thủa trước, thì nay chàng đã lấy một chiếc hồng-bào thêu kim-tuyến, và một cái khăn nạm ngọc để thế vào. Mà cách chàng ăn mặc những đồ báu ấy coi ra lại lịch-sự hơn nhiều người vốn sinh-trưởng ở nơi triều-miếu. Chàng làm việc quan rất là mẫn-cán và được vua tín-dụng lắm, vua lại giao chức cao-trọng nhất ở Ba-tư cho chàng, là chức giữ-gìn những đồ châu báu.

Trong suốt đời vua Sắc-a-ba-sĩ thì quyền thế A-lí-bế ngày một thêm to. Về sau chàng một tuổi một già, kinh-lịch sự đời đã lắm, từng trải gian-nan đã nhiều, một đời có nhiều sự vinh-hiển mà cũng lắm nỗi đắng cay, càng vẻ-vang bao nhiêu lại càng nhọc-nhằn bấy nhiêu, bấy giờ hồi-tưởng đến thủa hàn-vi chăn cừu thổi sáo mà lại càng thương tiếc vô-cùng, chỉ ước-ao muốn trở lại nghiệp cũ.

Chàng thường về thăm quê nhà, ghé vào những nơi thủa nhỏ đã chơi đùa hát-xướng, thổi ống sáo với bọn mục-đồng. Đền ơn cha mẹ, đáp nghĩa bạn bè, và thứ nhất là khuyên anh em bà con nên cứ ở chốn thôn-quê mà hưởng cái chân-lạc-thú, chớ mơ-tưởng đến những sự vinh-hoa hão-huyền ở chốn triều-miếu, vì chàng đã nếm trải qua mùi mà biết ngọt bùi không bõ cay đắng vậy.

Nguyên khi đức vua rất quí-trọng của chàng là Sắc-a-ba-sĩ hoàng-đế băng rồi, con ngài là Sắc-thế-phi lên ngôi. Những nịnh-thần thì ghen-ghét chàng, chúng bày trăm mưu nghìn kế để tìm cách gièm chàng với tân-quân Bọn nịnh tâu rằng : « A-lí-bế đã được tiên-đế dùng lắm, thì nay chàng đã thu vét được biết bao nhiêu là của quí, và trong tay chàng giữ đồ châu-bảo, thì chắc bao nhiêu thứ tốt chàng đã đổi cháo đi mất. »

Vua Sắc-thế phi tuổi còn trẻ, cả nghe bọn nịnh, lại sinh lười-nhác và đa-nghi. Vua lại có ý khoe-khoang, mà đem những chính-sách của tiên-đế thủa trước sửa đổi mới cả lại, muốn tỏ ra mình có biệt-tài hơn hoàng-phụ.

Muốn tìm cớ để truất bỏ A-lí-bế đi, vua bèn cứ theo lời của bọn nịnh mà bắt chàng phải dâng một thanh bảo-kiếm rất kim-cương giá thực đắt mà tiên-đế vẫn quen đeo trong khi ra trận. Nguyên tiên-đế Sắc-

a-ba-sĩ, xưa đã đem phá gươm báu ấy để lấy kim-cương ra rồi, và A-li-bế viện chứng-cớ minh-bạch rằng việc hủy gươm báu là trước khi tiên-đế giao chức giữ bảo-tàng cho chàng. Khi bọn thù của A-li-bế thấy mưu không đắt, thì nó lại khuyên vua Sắc-thế-phi bắt chàng phải kê một quyển sổ những đồ châu-báu mà chàng bấy lâu coi giữ, hẹn 15 ngày phải xong. Hết 15 ngày vua tự đòi xem những đồ đó. Chàng A-li-bế mở tất cả các cửa ngõ và đưa vua đi xem những vật chàng phải canh giữ. Không thiếu một thứ gì, mà thứ nào cũng sạch-sẽ, xếp đặt thứ-tự và coi-sóc rất là cẩn-thận. Vua thấy chàng làm việc cẩn-thận như thế, không có cớ gì phạt chàng được, lấy làm rầu lòng, nhưng khi ngài trông thấy ở đầu hiên đày những bàn, ghế, giường, tủ, bày-biện một cách rực-rỡ, lại có một cái cửa sắt có ba ổ khóa, thì ngài ghé vào tai bọn ninh mà sẽ bảo rằng: «Chắc ở chỗ kia là chỗ A-li bế đã giấu những bảo-vật đấy», rồi làm mặt nghiêm mà phán bảo A-li-bế rằng: « Trẫm muốn xem cái gì ở kia, ở xó cửa kia kìa. Ngươi giấu gì ở đó « Mau, khá chỉ Trẫm xem. » Ngài phán như thế xong, thì A-li-bế quì xuống kêu khấn đức Thiên-chúa mà xin nài vua đừng thu lấy một cái thứ quí-hóa nhất trên đời của chàng ; chàng tâu rằng : « Thần trong bấy nhiêu năm hầu-hạ Tiên-đế, có được của gì quí, xin Bệ-hạ cho thu hết, thần cũng cam-tâm. Duy có cái để đây thì xin Bệ-hạ rộng thương mà để lại cho kẻ hạ-thần .» Đức vua bấy giờ lại càng chắc đấy là cái kho châu-báu mà bấy lâu A-lí-bế mở rộng túi tham thu vét lại để đó vậy. Ngài lại nói to lên và phán phải lập-tức mở cái cửa đó. Cùng lắm, A-lí-bế phải đem chùm chìa-khóa ra và tự mình mở lấy cái cửa ấy. Thì té ra ở trong chỉ có cái gậy chăn chiên, cái ống sáo và cái áo rách mục-đồng của chàng đem theo ngày nọ, thỉnh-thoảng chàng vẫn thường mở ra xem cho khỏi quên cái lịch-sử hồi xưa của chàng.

Chàng nói rằng :

— Tâu Bệ-hạ : đây là cái di-tích sự hạnh, phúc của hạ-thần thủa trước còn lại đây ; bao nhiêu tiền của, oai-quyền thế nào cũng không thể lấy của này của hạ-thần được. Ấy là cái vật báu của hạ-thần để phòng khi Bệ-hạ bắt hạ-thần phải nghèo đói khốn-cực thì hạ-thần lấy nó mà làm kế nuôi thân. Xin Bệ-hạ thu lại hết các đồ châu báu vàng bạc của hạ-thần đi, nhưng ngửa trông lượng thánh để lại cho những cái di-tích hồi xưa đây. Đấy mới là những của-cải đích-đáng mà nó không lìa bỏ hạ-thần bao giờ. Chính đây mới là cái của thực-thà, không phải là cái của phù-hoa, nếu ai biết dùng thì nó đủ làm cho được vui-vẻ sung-sướng, không phải những nỗi khổ-sở vì sự giàu sang thoảng qua như giấc mộng. Đấy mới là của được hoàn-toàn tự-do và được thập-phần chắc-chắn. Đấy mới là của-cải nó không để cho thần phải túng bấn ngăn-trở bao giờ. Hỡi hỡi những của di-tích một đời thanh-nhàn yên-ổn ! Ta chỉ yêu chỉ quí ngươi thôi ; cũng chỉ vì ngươi mà ta còn muốn sống ở đời. Tại sao cái giàu sang hão-huyền ở đâu nó đến nó đánh lừa ta và quấy rối sự yên-ổn vui-thú của ta đương giữa buổi thanh-xuân ? Tâu Bệ-hạ, kẻ hạ-thần xin dâng lại những của-cải mà bấy lâu được mông-ơn bệ-hạ ban cho ; kẻ hạ-thần chỉ xin giữ lại mấy cái của này là của kẻ hạ-thần có sẵn trước khi gặp đức tiên-đế, cũng vì sự gặp-gỡ đó mà ngày nay hạ-thần mới phải có cảnh-ngộ này. »

Vua nghe mấy lời đó mới biết A-li-bế là vô-tội, chỉ vì bọn ninh-thần nó ghen-ghét chàng, nên mới muốn hại chàng, ngài bèn lập-tức đuổi hết bọn ninh ở quanh mình đi. Từ đấy A-lí-bế lại trở nên một vị quan to cực-phẩm và được dự vào Cơ-mật-viện ; nhưng chàng ngày nào cũng xem nom đến cái gậy, cái ống sáo và cái áo rách cũ, mà cất kín trong kho để phòng

khi cái của phú-quí phù-vân kia nó có bay tan đi, thì chàng lại sẵn-sàng quay về nghiệp cũ. Chàng sống lâu và làm quan được lâu năm lắm, song cả đời chẳng hề hành-hạ kẻ thù của mình, hoặc tích-trữ tiền của châu báu, và chỉ để cha mẹ làm nghề cũ là nghề mục-súc mà thôi, vì chàng tin rằng như thế thì bao giờ cũng được vững-bền và sung-sướng.

NGUYỄN VĂN-KHAI
Học-sinh ở Tuyên-quang *dịch*

TIỂU-THUYẾT

TUYẾT-HỒNG LỆ-SỬ (1)

雪鴻淚史

(Truyện chung-tình)

II

CHƯƠNG THỨ IV

Tháng ba

Khi xưa thầy tôi cũng hay uống rượu, nên tôi làm bạn với rượu, nợ-nần gỡ mãi không ra.

Từ khi đến nhà ông cụ Thôi, vì chủ-nhân sẵn lòng yêu khách, nên bữa cơm nào cũng có nậm rượu.

Khi buồn, buồn đến thế nào, quỳnh-tương đánh bạn, cớ sao còn buồn; nhân thế ngày nào tôi cũng uống rượu, mỗi khi uống rượu xong thì ngà-ngà mà say, ngây-ngây mà sầu, rồi lại rầu-rầu mà khóc. Người ta vẫn bảo uống rượu cho đỡ buồn, nhưng nếu buồn thật, thì càng uống rượu, càng buồn thêm.

Một hôm tối, tôi vì buồn mà uống say quá, rồi viết một bài ca đưa cho Lê-Ánh rằng :

Mộng-Hà, ơi hỡi Mộng-Hà !
Nam-nhi mà chịu thế này a ?
Như cái dùi cùn nhụt cho qua một đời!
Đợi đến khi công-danh tròn vẹn,
Thân-thế vui cười,
Thì cây xương-bồ kia dễ cũng mấy lần nở hoa !

— Mộng-Hà, ơi hỡi Mộng-Hà !
Nhớ từ khi mới lên năm lên ba,
Người yêu kẻ quí như ngọc, như ngà.
Văn-học tài-hoa,
Thông-minh nhất nhà,
Ai cũng chắc rồi thì,
Áo xiêm đai-mũ Tràng-an xem hoa,
Rực-rỡ cửa nhà, vẻ-vang ông cha.
Mà làm sao bây giờ,
Luân-lạc hư-hèn mãi mãi thế này a !

— Mộng-Hà, ơi hỡi Mộng-Hà !
Khác gì người con gái yếu,
Khác gì con gà mái già.
Kìa con phượng-hoàng nó đậu ngọn cây ngô-đồng,
Nó bay truyền bay la ;
Con chim khôn nó đậu nóc nhà quan sang!
Mà làm sao cứ,
Đêm hờn ngày giận,
Nay thảm mai thương,
Buộc thân vào cõi đoạn-tràng cho qua ?

— Mộng-Hà, ơi hỡi Mộng-Hà !
Năm nay tuổi mới hai mươi ba,
Mối sầu buộc chặt gỡ không ra.
Hãy còn tuổi trẻ đã như thế,
Không khéo nó buộc cho đến già !
Xem hoa chạy ngựa mau kẻo tối,

(1) Xem *Nam-Phong* số 77. — Kỳ trước in lầm chữ 鴻 là 紅.

Sao anh chậm chân đến thế a ?
Vườn xuân gió lại mưa qua,
Đến khi hoa rụng, nhìn hoa mà sầu.
Lòng sầu đeo nặng một bầu,
Rửa sầu bằng rượu, có sạch sầu cho đâu!

Đem sầu tưới khắp vườn đào,
Tưới sầu rồi lại tưới cả bầu rượu xuân.

Một ngày sầu nhất buổi tà-huân,
Một năm sầu nhất là hôm xuân cuối mùa.

Nửa đêm tiếng chim kêu o-o,
Cửa sổ vòi-või bóng trăng lùa,
Cái khổ riêng này ai biết cho,
Nước mắt đã cạn máu chưa khô.
Trời đất vô-tình không biết cho.
Vứt rượu đứng lên kêu thật to,
Đoạn-tràng một khúc, viết cho ai làm gì ?

Nét mực đen sì,
Hạt lệ đầm-đìa,
Giọt máu lâm-li.
Mực hay là lệ,
Lệ hay là máu,
Gửi để tình-nhân,
Nhìn kỹ xem rằng những thứ chi !

Ai ngờ thế mà đau đến một tuần-lễ, phải nghỉ cả công việc nhà trường, nhật-ký bỏ cũng không chép được.

Hôm nay, đã bớt nhiều, thầy thuốc dặn rằng : Chưa nên dùng cái tinh-thần cho khó nhọc. Nhưng tôi lại nghĩ nằm bẹp trong một cái nhà này, trừ cái nghiên, cái bút, thì còn lấy gì làm vui. Gượng ngồi dậy mở quyển nhật-ký rồi chép nối những tình-cảnh trong khi đau.

Sự đau của tôi một nửa là tại rượu. Đêm hôm ấy say quá, sáng hôm sau tỉnh dậy thì thấy váng đầu, lao-đao ngồi không vững, ho luôn hai ba tiếng, thì thấy hình như có cái gì đưa lên cổ ; khạc ra thì thành ra một cục máu. Ho luôn, khạc luôn mấy bận nữa, rồi lăn ra mà thiếp đi, đến lúc hơi tỉnh, thấy mình nằm duỗi ở trên giường, có một người đang cầm tay mà bắt mạch, và ông cụ Thôi cũng ngồi ở bên cạnh, thì ra ông cụ ấy thấy tôi đau, đã đón được thầy thuốc cho tôi.

Thầy thuốc ấy tên là Phí-sinh, là một thầy thuốc rất danh-tiếng, xem mạch xong nói rằng : « Bệnh này ở quả tim, nhưng may cũng mới cảm, nên đừng để có sự gì buồn-bã và giận-dỗi thì tức-khắc khỏi dần. Nếu không kiêng được hai sự ấy thì thuốc nào cũng không chữa được. » Nghe nói tôi cũng biết rằng đúng bệnh của mình, nhưng cái dây sầu khó cắt, cái khối giận khôn tan, nên cái bụng cứ lan-man lẩn-quẩn, không dứt đi được.

Bằng-lang thì cứ thậm-thụt chạy đi chạy lại như mắc cửi.

Đến ngày thứ tư tôi đã hơi tỉnh-táo, thấy Bằng-lang cầm thư đi trước và Thu-nhi bưng hai chậu hoa lan để lên bàn.

Tôi hỏi : — Đâu có ? — Nó nói rằng : — Mợ tôi bảo đem đến để dỡ một thang thuốc cho thầy.

Tôi cảm tình quá, vội mở thư ra xem. Thư rằng :

« Thơ rượu vừa xong, bệnh đâu mà chóng thế ?

« Buồng khuê nghe tin ấy mà kinh hồn. Nhưng trong ngoài cách tuyệt, vì một sự tị-hiềm nên không thể đến thăm hỏi nhau được ; sốt lòng, sốt ruột, không thể nói với ai được. Nghe cái bệnh của anh là tại say rượu. Song mà, gây bệnh thời là vì thương-tình. Một cục máu khạc ra đừng coi làm thường : bể tình lênh-đênh nỡ đem thân mà lăn vào hay sao ? Than ôi ! khốn-nạn, anh ngu lắm, mẹ già hãy còn, con-cái chưa có, một thân gánh-vác còn nặng nợ đời, Lê-Ảnh không dám đem cái thân bạc-mệnh để lụy đến anh nữa.

« Anh có thật yêu Lê-Ảnh thì trước hết anh hãy yêu lấy thân, để dành lại

mà nưởng cái sự vui sau này. Trước mắt tuy rằng phiền-não, rồi ra cũng gặp lúc cơ-duyên. Phương-ngôn nói rằng : « Còn rừng còn núi, lo gì không có củi đun. » Lời nói ấy ý-nghĩa hay lắm, anh cứ nghĩ kỹ thì biết. Thành sầu không phải là một nơi vui thú, sao anh cứ giam-hãm cái thân anh vào đấy làm gì ? Nghe thầy thuốc nói bệnh anh là bệnh trong tâm, thì lại nên đem cái tâm mà trị bệnh ; một sự vui, sự khổ ấy, sống chết ở đấy đấy, bỏ cái sầu, cắt cái tình, để cho vui lòng, thật là thứ thuốc rất hay đấy, xin nói thế thôi. Anh nhớ cho, hai chậu lan này xin đưa sang để làm một thứ thuốc vui lòng cho anh.

« Cầm bút mà hồn đã tan, viết không thành chữ, xin chúc anh chân-trọng. »

Tôi đang ốm, tiếp được lời khuyên-giải đa-tình như thế, lại ngửi thấy mùi hoa lan, sao cái người rất yêu của ta, mà yêu ta đến thế này ? Hôm nay cũng đã cầm được cái bút mà viết, nhân viết mấy chữ để trả lời :

« Tiếp được bức thư, cho hai chậu hoa, một tấm tình thâm, ghi lòng để dạ. Nửa rèm gió lọt, hoa đấy hương đây, khác gì gặp mặt nhau mà nói chuyện ? Thôi, như thế bệnh tôi cũng khỏi rồi !

« Than ôi ! tình ở với nhau như thế này là hậu quá. Mợ đã không nỡ để cho tôi chết vì tình, tôi còn nỡ lòng nào mà không chết vì mợ. Than ôi ! tài cao mệnh bạc, nghìn thu nó vẫn hay ghen ; tình trước duyên sau, một tiếng đua nhau cùng khóc.

« Tôi với mợ thương nhau, tiếc nhau, chắc cũng vì làm sao. Trời xuân trái gió, xin mợ cũng chân-trọng đừng vì tôi mà thương-tổn đến tinh - thần, thì tôi cảm-tạ lắm. Tấm lòng áy-náy, nói cũng không hết, viết mấy chữ lại cho mợ bằng lòng. »

Từ khi gửi bức thư ấy, Bằng-lang cứ đi lại luôn, tôi lại dặn miệng để nhắc đến sự xin mượn tập thơ của Lê-ảnh.

Một hôm thấy Bằng-lang đem một tập thơ đến đề nhan là : « *Túy-hoa-lâu ngâm-thảo* . »

Tôi mừng quá, mở quyển sách thì lại được bức thư như sau này :

« Tôi mệnh hèn tài kém, học-hành dốt nát, sao anh cứ cố bắt tôi phải giữ những lời văn xấu-si, của tôi làm gì thế ?

« Một cái nghề văn-thơ, tôi cũng vẫn thích chơi. Nhưng mỗi khi buổi sớm hoa nở, buổi chiều trăng lên, có nghĩ được một đôi câu, chỉ đủ làm vui riêng cho mình, chứ chưa đáng để cho ai nghe.

« Từ khi chẳng may mà thế này, sự ấy cũng bỏ cả, chỉ còn vài bài thơ cũ thì phần nhiều là những bài hờn thân tủi phận, như ngọn đèn buổi sáng, như tiếng trùng đêm thu, nếu anh xem qua sợ lại thiệt hại đến sự vui riêng của anh, vì rằng tập thơ này, giọt lệ mới, giọt lệ cũ, đã thấm-thía đến mấy mươi lần ; anh thử nhìn kỹ xem đố biết đã thấm mấy lần nước mắt vào đây thì giỏi.

« Trước tôi không cho anh mượn, là vì anh là người thương-tâm, còn nên xem văn thương-tâm này làm gì, nhưng anh cứ cố ăn hiếp mà đòi mượn mãi, nên tôi không dám trái lòng của anh ; vậy xin đem trình, xem xong thì đốt đi nhé ! »

Đỗ-mục Thu-nương chửa hết duyên,
Ngọn đèn giọt lệ, soạn thơ tiên.
Thông-minh ngán nỗi cành hoa bạc,
Gặp-gỡ nhau đây bóng nguyệt tàn.
Dòng nước xin thề cùng nợ cũ,
Nén vàng khôn chuộc cái thanh-niên.
Một đời trải mấy lần thương nhớ,
Vá giận cho trời đã mấy phen !

Từ khi tôi khỏi bệnh, cứ mỗi ngày hai lần lên trường dạy học, vẫn phải

kiêng không dám uống rượu nữa.

Chủ-nhân cũng biết ý thế, nên mỗi bữa chỉ bưng cơm lên mà không thấy đưa nậm rượu nữa.

Hôm nay là ngày hạ-chí, trong tràng nghỉ học, bữa cơm chiều, lại thấy Thu-nhi xách nậm rượu lên cùng những các thứ hoa quả và rau ghém.

Tôi hiểu ngay rằng : — À! hôm nay là ngày tết hạ-chí, nhà có cỗ, phải rồi!

Uống mấy chén rượu xong, mệt rồi nằm, vừa mới chợp đi, thấy có người đánh thức dậy, mở mắt ra thì là Bằng-lang.

Tôi bảo rằng : — Ô hay! Bằng-lang mày nghịch gì thế, để yên cho thầy ngủ.

Bằng-lang không trả lời, tay trao cho tôi một mảnh giấy con, tôi vội mở ra xem thì chỉ thấy viết có mấy chữ rằng : « Anh có quyển *Thạch-đầu-ký* cho tôi mượn một lúc. »

Tôi vội-vàng tìm quyển sách ấy, đưa cho Bằng-lang rồi lại nằm.

CHƯƠNG THỨ V

Tháng tư

Hôm nay là ngày thứ năm, lệ phải đưa học-trò đi chơi tràng học Nga-hồ, Lý-sinh thì đưa học-trò đi bộ, mà tôi thì đi thuyền. Mãi đến tối mới về đến nhà, ăn cơm qua-quít rồi vội-vàng đi nằm. Vừa toan mở cái chăn để ngủ thì thấy có một vật rơi ra, là cái khung ảnh người con gái, giơ lên mà nhìn kỹ, thì lộng-lẫy như ngọc, bóng-bẩy như tiên.

Tôi vui mừng không biết chừng nào. Ảnh ấy của ai ? Là của Lê-Ảnh.

Cùng nhau đã được mấy ngày,
Yêu nhau cho đến thế này là yêu!

Tôi chắc hôm nay Lê-Ảnh đến nhà học của tôi.

Ô hay! làm sao lạ thế? Tôi vội soi đèn khắp trong nhà thấy dưới đất một đống giấy đốt, chỉ còn một mảnh chữ, nhặt lấy mà xem chỉ có tám chữ rằng: « *Kẻ đi, người lại hình như nước trào.* »

Tôi lập-tức viết một cái thơ rằng :

« Tôi là kiếp học-trò, quê người đất khách, biết có lòng yêu nhau, cảm-tạ mà lại xấu-hổ. Duyên từ kiếp trước, hay duyên kiếp này thì tôi cũng chưa dám biết.

« Than ôi! tôi ngồi lên trên đống sầu, tan gan, nát ruột, mà không xuôi đi được, chỉ vì chưa gặp người tri-kỷ đó mà thôi. Nay được mợ biết cho, thì dù chết cũng đáng.

« Thôi, cái ruột tôi, mợ đã khoét mất rồi.

« Hôm nay vì anh em rủ tôi đưa học-trò đi chơi, nên đến nỗi thiệt hại cho tôi một việc, không gặp mặt nhau.

« Tro tàn một đống, tấm lòng thơ sao nỡ giấu nhau ; ảnh ngọc hai gang, tình ân-ái lấy gì đền lại.

« Bây giờ tôi duy có đem một cái ảnh của mợ, buổi sáng buổi chiều dâng hương-hoa mà kính-phụng, chúc cho mợ, ngâm thơ đừng khóc, tật - bệnh không sinh ; chân-trọng quí-hóa, viết bức thư này ».

Chiều hôm nay, tiếp được Lê-Ảnh trả lời rằng :

« Tôi sang thì anh đi vắng, anh không đi vắng thì tôi cũng không sang. Tặng nhau cái ảnh là một sự chí-tình, không thể đừng được, vì Lê - Ảnh đã lấy anh làm tri-kỷ mà anh cũng cho Lê-Ảnh là đồng-bệnh, còn dám tiếc gì nhau. Nhưng lòng lại hỏi lòng, chỉ sợ kiếp này không trông thấy nhau được. Giống ngọc muốn trồng, dở-dang nửa kiếp ; hạt châu đem trả, nước mắt đôi hàng. Không dám phụ lòng anh mà cũng không dám làm lỡ anh. Cánh bèo mặt bể, đã chắc đâu tan-hợp lúc nào; bông hoa cách tường, khôn có thể xum-vầy một chốn. Một tấc mà xa mấy dặm, nghìn vàng đã dễ mua vui. Rồi ra anh về một nơi, tôi ở một nơi.

Biết bao giờ câu thơ lại họa, giấc mộng lại tròn ? Nên tặng anh cái ảnh ấy để tỏ lòng yêu nhau và ghi một sự kỷ-niệm sau khi quyết-biệt. . . »

Chiều hôm ấy, tôi lại phải trả lời Lê-Ảnh bức thư sau này :

« Tiếp thư xem kỹ một lượt, cái tình yêu nhau khác gì mở ruột cho nhau, không biết nước mắt ở đâu tuôn rơi ngay ra ướt hết cả một tờ giấy.

« Mợ cũng không phải là người suông tình, tôi cũng không phải là một người khinh-bạc, mà bây giờ hai người cùng không cầm lòng cho đậu được, chẳng qua chỉ tiếc rằng giọt tình đã đánh rơi, thì không nhặt lại được.

« Tôi chẳng may sinh không phải là thân phú-quí, lớn chưa gặp được người thương yêu, tính-khí đã trái người, lại làm nghề lãnh-đạm. Gặp khi vận nhà chẳng may, cha già mất sớm, nương nhờ mẹ cùng anh.

« Bây giờ như một cánh bèo xuân, theo chiều gió mà trôi xuôi giạt ngược, năm nay thì ở đây, chưa biết sang năm lại ở đâu ; nghĩ thế thì hai ta gặp nhau lúc này, là sự ngẫu-nhiên, còn chắc gì nữa. Ngay bây giờ : chim xanh đi lại, biết bao gấm dệt hoa thêu, cầu Lam nghẽn đường, chưa được quen hơi bén tiếng ; sợ rồi ra, bên trời góc bể, nước chảy mây trôi, không những hình-ảnh không được gần nhau, đến nỗi giấc mộng hồn cũng không được trộm gặp mặt nữa.

« Nghĩ đến câu ấy thì tôi còn chịu làm sao được nữa. Cái sự mợ cho tôi cái ảnh tôi cũng hiểu rồi, sao mà mợ dụng ý sâu-xa làm vậy ? Than ôi ! gương trong ngọc chuốt, mà sao phận hẩm duyên hôi ? Nghĩ tình nên tiếc, mà tài nên thương.

« Bằng-lang tuy bé, nhưng tư-chất sáng lắm, thật đáng là con của mợ. Sau này chắc có thể mở-mang được nghiệp nhà, mợ dù bạc-mệnh, nhưng được sự đó cũng đỡ buồn, so với tôi thì hơn nhiều lắm. Tôi gặp cảnh không may, say mê nghề văn-tự, một mảnh đàn một hộp sách, dễ hết đời hãm thân vào cảnh lo sầu, làm hại mình chửa chán, lại làm hại lây đến mợ nữa hay sao ?

« Trước mợ có bảo tôi rằng mợ không lụy đến tôi, nhưng bây giờ tôi không có thể làm cho tôi khỏi lụy đến mợ được. Từ nay trở đi, không cứ sự vui, sự buồn, lúc hợp, lúc tan, mợ đã cho tôi là người đồng-bệnh, thì tôi cũng xin đem một cái chết đền lòng mợ.

« Than ôi ! người ta chỉ tội vì tham cái sống mà thôi, chứ sự đời dẫu khó đến đâu, đã đến chết thì điều gì mà không đành.

« Nếu giữ chắc được điều ấy cho lâu bền, thì dẫu trên trời dưới đất, lo gì không có lúc lại gặp nhau.

« Tôi viết đến câu này thì vứt bút mà thở dài, không biết thân mình là vật gì nữa. . .»

Hôm nay lại tiếp được cái thư của Lê-Ảnh, một bầu thương-tâm dốc hết cả ra.

Trời ơi ! làm sao cố làm hại tôi và Lê-Ảnh làm vậy !

Thư rằng :

« Than ôi ! Hà-lang ơi ! còn muốn nghe Lê-Ảnh nói câu này nữa hay thôi ? Anh nói đến sự chết, đã hay rằng yêu nhau, nhưng anh quá-quắt lắm. Anh có biết Lê-Ảnh là một người thế nào của anh ? và cái địa-vị của Lê-Ảnh thì làm sao ? có thể tự-do mà yêu nhau được hay không ? Anh dụng-tình như thế, đối với bổn-phận hai ta, có lợi-ích gì hay không ?

« Sao anh không cân nhắc cho kỹ mà mạnh-lãng làm vậy ?

« Lê-Ảnh hình như con chim lạc đàn, chỉ còn thiếu cái chết nữa. Thăm hoa, khóc hoa, là Lê-Ảnh vẫn riêng có một sự đau lòng, chứ không việc gì

đến anh ; anh cứ chôn hoa, tôi cứ khóc hoa, mỗi người có một tâm-sự riêng, không dây-dớm gì đến nhau cả, mà ngờ đâu một dây một buộc, càng thắt càng chặt đến thế này !

« Hà-lang ơi ! nếu hai ta mà có duyên nợ ba-sinh, thì sao đến bây giờ mới gặp nhau ? Đã vô-duyên với nhau mà lại cứ phải gặp nhau, cái sự ấy thật là khó nghĩ quá, chỉ có một phép riêng, ta cùng rửa cái lòng sầu, cắt cái dây tình, ấy là thượng - sách. Nếu không thế nữa, đánh bạn văn thơ, kết sự yêu tinh-thần với nhau. Dưới nguyệt bên đèn, văn thơ làm bạn ; bên trời góc bể, yêu quí vì tình. Ấy là một sự cùng-đồ của chúng ta. Anh vì Lê-Ảnh mà ốm, đã chắc đâu Lê-Ảnh cũng không vì anh mà tiều-tụy. Anh định đem cái sự chết biếu Lê-Ảnh, biết đâu Lê-Ảnh vẫn định đem cái chết để đền anh ; nhưng mà anh chưa được chết, mà Lê-Ảnh cũng chưa nên chết.

« *Thân này còn sự dở-dang,*
« *Người kia cũng dở về đường nhân-*
[duyên.

« Anh chưa đến 30 tuổi thì đã lo gì sự thân-thế, anh cảm vì sự thân-thế, mà không tưởng đến sự công-danh. Thà rằng không gặp nhau thì thôi, đã trót gặp nhau thì sự vui sự buồn phải gánh chung.

« Anh chỉ biết yêu Lê-Ảnh mà anh không biết yêu anh, Lê-Ảnh thì thương tiếc anh mà anh thì không biết thương tiếc anh.

« Than ôi ! Lê-Ảnh chẳng qua là một đứa con gái góa thôi, giá gặp nhau từ khi Lê-Ảnh chưa chồng mà nhân-duyên ta được trọn-vẹn cũng chẳng qui-hóa gì cho lắm. Sao bây giờ anh vì Lê-Ảnh mà thương-tâm đến thế ? Lê-Ảnh lấy làm lạ quá, mà tức rằng không có phép gì để nói cho anh nghe ra.

« Vậy cái sự khuyên anh đi du-học, là muốn cho anh chóng lìa cái đất thương-tâm này. Này anh ơi, có thương Lê-Ảnh, nghĩa là chỉ thương vì sự hơi có tài, nhưng thiên-hạ thiếu gì người tài, chứ Lê-Ảnh là một cái đời không hay, nếu thỏa bụng anh cũng chẳng qua chỉ nghe đàn, uống rượu, nói chuyện, ngâm thơ mà thôi.

« Bóng tà-dương dù đẹp, tiếc rằng trời đã gần hôm, thì còn quí gì nữa. Hà-lang ơi ! nghe chừng sự đã không thể sao được nữa, thì ta cùng buông tay nhau ra, đừng khốn-khổ thế mãi. Lê-Ảnh khuyên anh một câu ấy. Nếu anh biết nghe lời Lê-Ảnh, ấy chính anh thương Lê-Ảnh nhiều lắm đấy. Nếu không thế, mà cứ cố buộc nhau dan-díu mãi, cái giấc mộng cũng thành không, hai ta cùng không ích gì cả. Có thế thôi ; anh có thương lời nói Lê-Ảnh không ? . . . »

Tôi tiếp bức thư ấy lại trả lời Lê-Ảnh một bức thư thì lại thành ra một lần thề thứ hai.

« Tiếp bức thư này, càng tỏ cái lòng của mợ, càng đau cái lòng của tôi.

« Mợ ơi ! Mợ ơi ! sao nỡ đem lời khuyên-giải vô-ích để khổ tôi làm gì thế ? Tôi mà yêu mợ, quí mợ, là tại làm sao thì mợ thử nghĩ kỹ xem. Mợ thương mợ là phận mỏng, nhưng tôi thì dầy với ai ?

« Không những rằng trong nữ-giới đời này, đã mấy người được như mợ, nhưng nếu có nữa tôi cũng không chung-tình với ai nữa. Nếu không được mợ thì tôi cũng xin thôi cái sự nhân-duyên một đời. Sống đã vô-duyên, thà chết đi cho xong, để kết cái duyên kiếp sau vậy. Còn những sự sinh-đẻ tôi cũng đã nghĩ đến rồi, nhà tôi may cũng còn có anh tôi đã sinh được đứa cháu trai, có lẽ cái tội

tội cũng giảm bớt đi được. Mợ ơi, một lời nói ra, ngựa đuổi không kịp ; nếu nói rồi mà lại ăn lời thì tôi xin chịu tội.

« Thôi, mợ đừng nói nữa. Tôi hỏi mợ nhé, mợ thương tôi là yêu vì tài, hay cảm vì tình, hai sự ấy nên cân nhắc cái nặng nhẹ xem khởi-đầu ra là vì chữ tình, rút cục lại là vẫn giữ chữ lễ, bụng tôi đã lấy làm phải lắm, đành lắm.

« Nghĩ đi, nghĩ lại, đến mấy trăm lần, cũng vẫn chắc rằng phải lắm, đành lắm. Tôi đã đành lòng mà việc gì mợ phải không đành lòng hộ tôi. Sau này tôi còn sống được ngày nào nữa, thì những khi đêm trăng ngày gió ta cùng chịu chung nhau cái cảnh buồn rầu, may ra trời có lòng thương, hai ta lại hội-hợp với nhau, để cùng mợ đánh đàn ngâm thơ, mà kể lại những sự phiêu-linh chuyện cũ, thì sướng lắm. Nhưng sự đó thật không dám chắc.

« Than ôi ! tôi khuyên mợ không được, mợ cũng không khuyên nổi tôi, đến nỗi lại đem cái lời của mợ khuyên tôi để khuyên trả mợ, như thế thì tôi khổ thật, tôi giận thật.

« *Ông xanh sao đứng xa xa,*
« *Sao người bạc-mệnh kêu mà không thưa ?*

« Tôi vốn là người yếu-ớt, đã cái tình nó đánh cho tôi đau lòng, lại cái bệnh nó đánh cho tôi nhọc xác. Cái sự hôm nọ khạc ra máu, chỉ vì sự khổ, sự giận mà thôi.

« Mợ ơi ! đầu xanh tuổi trẻ, quen thói đa-tình, là một sự không ra gì đâu.

« Tôi ra đời mới được hơn hai-mươi năm, mà làm sao trăm cay nghìn đắng, trăm lo nghìn khổ, nó cứ buộc vào với tôi mãi. Cái đời sầu-thảm, tôi còn tiếc làm gì ; mợ cũng đừng nghĩ gì đến tôi nữa. . . »

Tay cầm lấy bút viết lẩm-nhẩm mấy câu mà cái thần-hồn của tôi cũng bay theo. Không biết Lê-Ảnh xem cái thư này thì mừng hay giận, cười hay khóc, nhưng tôi cũng tệ quá, cái người đã thương-tâm, sao đem cái lời nói thương-tâm cho người ta nghe làm gì ? Bức thư ấy qua mắt Lê-Ảnh được 48 giờ đồng-hồ, trong 48 giờ đồng-hồ ấy, tôi không có một phút nào không để bụng vào đấy. Chỉ mong Lê-Ảnh đem một lời thương yêu mà trả lời mình, vốc một nắm nước mắt mà đền cho mình. Cái bụng tôi không khác gì đại-hạn mà đợi trời mưa, cái cây lúa ấy sống hay chết là nhờ giọt nước mưa ấy cả.

Đợi mãi không thấy Lê-Ảnh trả lời. Quái lạ, chết nỗi ! thôi hay là Lê-Ảnh tuyệt mình rồi, hay là lời nói trong thư có câu gì lầm-lỡ đáng giận chăng.

Thôi, chết nỗi làm sao thế này ? Mà lại lạ quá, mọi hôm cứ bữa cơm tối ăn xong thì Bằng-lang đem sách đến học, sao mai ngày hôm nay, thì mất hút. Tại làm sao mà nghỉ học ? Thôi, chắc hẳn rằng tôi mang tội với người rất yêu của tôi rồi. Muốn dò thám xem sao thì lại không có phép gì dò thám được nữa.

Lượn đi lượn lại trong cái nhà học một mình, lúc bấy giờ tôi không khác gì cái người tù sắp đem chém mà chưa chém.

Chiều hôm nay, Bằng-lang sang bảo tôi rằng :— Gớm, nhà tôi lứa tằm đang ăn dỗi, bận quá, mẹ tôi khó nhọc quá, suốt ngày hôm qua đêm hôm qua, tôi cũng phải băm dâu đỡ mẹ tôi, nên phải nghỉ học, chắc thầy lại mắng rằng lười.

Tôi nghe câu nói ấy biết rằng :— À ! Lê-Ảnh chưa trả lời ta được, là tại thế. Cái thân yếu-ớt, mà khó nhọc như thế thì làm thế nào, tôi lại lo thay cho Lê-Ảnh vì điều ấy.

Đêm hôm ấy buồn quá, lại xách

nậm rượu ra uống, trong mình chưa thật mạnh, nên mới uống một cốc đã thấy say. Khi say rồi, tự-nhiên lại khóc một mình. Đang khóc thấy Bằng-lang chạy đến : — Thầy đừng khóc, mẹ tôi ốm rồi.

Tôi đang lúc bâng-khuâng nghe nói câu ấy giật mình mà tỉnh hết cả rượu. Kíp hỏi Bằng-lang rằng : — Sao mà ốm? Ốm làm sao ? Sao ốm chóng thế ?

Bằng-lang nói rằng : — Người nhà bảo rằng tại khó nhọc quá mà ốm. Ông tôi hỏi, mẹ tôi cũng nói như thế. nhưng tôi xem ý thì mẹ tôi ốm, là tại cái tờ của thầy hôm xưa.

Tôi nghe nói kinh hồn, vội hỏi rằng: — Tại tao ư? Tại cái tờ của tao ư? Sao mày biết ? Hay mẹ mày nói với mày hay sao ?

Bằng-lang nói rằng: — Không, hôm nọ không biết trong tờ thầy nói thế nào, mẹ tôi xem lượt trước, thì thở dài mà ngồi im, xem lượt nữa thì khóc. Tôi cũng không dám hỏi. Từ đấy thì thấy mặt ủ mày chau, suốt ngày không vui. Hôm nay thì ốm thật, không giở dậy được nữa. Khi ốm, nằm đấy tôi cứ thấy một chốc lại giở cái giấy của thầy ra xem, rồi lại thấy nước mắt chứa-chan.

Bằng-lang đang nói, thấy con Thu-nhi chạy vào, bảo Bằng-lang rằng : — Mợ đang gọi mày, về ngay mau lên.

Khi Thu-nhi vừa nói, lại vừa lườm Bằng-lang, hình như có ý muốn không cho Bằng-lang nói chuyện với tôi nữa. Rồi Bằng-lang cũng vội-vàng theo con Thu-nhi vào nhà trong.

Than ôi ! Lạ quá ! Lê-Ảnh tại tôi mà đau ư ? Bây giờ mới biết nhé, xưa nay cứ bảo tôi là si-tình ! Bây giờ mới biết ai si-tình hơn, không những một mình tôi nhé. Đêm dài dằng-dặc, ngọn đèn tờ-mờ ; hồn phách không về, ruột gan đã chết. Tôi nghe cái tin ấy thì còn vui-thú sao được nữa. Nếu Lê-Ảnh tại tôi mà ốm, thì thật tôi cũng tệ quá, cố bắt cho Lê-Ảnh phải ốm. Nhưng nếu không có cái tờ của tôi, Lê-Ảnh cũng vẫn không quên được tôi.

Hôm nọ tôi vì Lê-Ảnh mà ốm, thế thì bây giờ Lê-Ảnh yên lành một mình sao được ?

Ôi ! nhưng tôi đã trót nói ra rồi, còn lấy lại làm sao được nữa. Nhưng nếu Lê-Ảnh ốm mà chết thì tôi cũng chết.

Tôi chỉ biết có một tấc lòng như thế, còn sự vui, sự buồn sau này thì tôi chưa dám nghĩ đến.

Tôi nhân thế lại viết một cái tờ đưa cho Bằng-lang đem về.

« Nghe tin mợ ốm mà đau lòng. Mợ làm sao mà ốm ? Ốm thế nào ? Cách một bức tường mà để cho nhau đau-đớn thế này. Than ôi ! Lìa hồn, dứt mộng, cái bệnh của tôi hôm nọ lại lây sang mợ ư ?

« Tại ai mà mợ ốm thì không cần hỏi làm gì. Sầu khổ trong tâm, là một người mối dắt bệnh. Lời thề bên tai, là một cái bùa dán bệnh. Giá tôi không có tờ trước, thì mợ cũng chưa đến nỗi ốm ; nhưng không ốm trong mà thôi. Mộng-Hà ơi ! Mộng-Hà ơi ! Những sự sầu khổ, sợ hãi này, sao cứ cố buộc lấy hai người này làm chi ? Tôi muốn chữa thuốc cho mợ, nhưng không biết dùng thứ thuốc gì, tôi muốn khuyên-giải lòng mợ, nhưng không biết nói những câu gì.

« Tôi muốn khóc mợ mà hết cả nước mắt. Tôi không thể chữa cho mợ khỏi ốm được, thì tôi còn khỏi ốm làm sao được nữa. Chắc chỉ một hai hôm nữa thì ta ốm chơi với nhau cho vui. Còn có một câu này, xin mợ biết cho ; nhưng tôi nói đến câu ấy, thì tôi đau ruột quá. Khóc không thành tiếng, viết không thành chữ nữa. Mợ ơi, cái lời thề của tôi là một sự vạn-bất-đắc-dĩ. Mợ cứ góa chồng mãi, tôi cứ không vợ mãi. Là chỉ tại

ông trời. Đã biết thế sao cứ buộc nhau làm gì nữa ? Tôi còn không tiếc tôi thì mợ còn tiếc tôi làm gì nữa ?...»

Từ khi nghe tin Lê-Ảnh ốm, tôi ăn không ngon, ngủ không yên. Vì sao mà thế ? Thật là một sự rất buồn cười.

Tôi muốn thăm tin Lê-Ảnh ốm đau ra làm sao. Cứ miệng Thu-nhi nói thì lăng-nhăng. Lúc thì bảo bớt, lúc thì bảo nặng ; cũng có lúc hỏi dồn thì nó tịt không nói nữa.

Bằng-lang thì mất tăm mất hút, chẳng thấy đâu.

May chiều hôm nay bắt gặp Bằng-lang, hỏi rằng : — Mẹ mày đã bớt chưa ? — Nó lúng-búng mà đáp rằng : — Hôm nọ tôi kể chuyện với thầy, sau mẹ tôi mắng mãi.

Tôi cười mà dỗ nó rằng :

— Cứ nói, thầy không kể cho mẹ biết đâu.

Bằng-lang nói rằng :

— Hôm nọ thầy bắt tôi mang cái tờ về, mẹ tôi xem xong rồi lại ốm thêm ; lắm lúc nói mê, nhăng-nhít chẳng ra làm sao. Lại có lúc ngồi nhổm dậy, rút cái nhẫn rồi đập bẹp ra. Thỉnh-thoảng có lúc tỉnh thì lại kêu lên rằng : « Ta sao đến nỗi thế này ? Trời ơi ! công việc tôi chưa xong đã chết thế nào được. » Nói hết lời rồi lại gục đầu xuống cái gối mà khóc.

Bằng-lang vừa nói vừa gạt nước mắt.

Tôi bảo Bằng-lang rằng :

— Không ngờ mẹ mày yếu nhọc quá thế. Nhưng khi mẹ mày ốm thì có những ai trông nom cho ?

Bằng-lang nói rằng :

— Chỉ có tôi và con Thu-nhi thôi. Ông tôi thì thỉnh-thoảng lại đến một lúc.

Tôi nghe nói mới đành lòng. Vì lo rằng Lê-Ảnh khi yếu quá rồi nói mê nói mẩn, họa tiết-lộ đến sự riêng chăng.

Trưa hôm chủ-nhật, tôi đương ngồi một mình, thấy một ông già lẩy-bẩy mà vào, là ông cụ Thôi. Mọi khi cứ chủ-nhật tôi được nghỉ thì ông ấy vẫn sang chơi nói chuyện.

Tính-khí người cũng vui-vẻ lắm. Hôm nay thì biến ra một sắc mặt rất sầu thảm, bảo tôi rằng :

— Mẹ thằng cháu ốm nặng lắm. Từ khi thầy cháu mất, tôi thì tuổi-tác, nhờ có mẹ cháu trông nom việc nhà cho. Bây giờ lại yếu thế này, thật là buồn quá.

Tôi hỏi :

— Thưa cụ bệnh-chứng ra làm sao ? đã bớt chưa ?

Ông Thôi nói rằng :

— Nó chẳng may vất-vả mà hay có máu uất, cho nên sinh bệnh. Tôi đã cho nhắn tin con em gái về để chị em nó bầu-bạn vời nhau.

Tôi khuyên-giải rằng : — Cụ đừng lo, chắc cũng không việc gì đâu.

Than ôi ! tôi tìm lời khuyên cho ông cụ Thôi, biết đâu cái việc tôi đau-đớn bằng mấy ông !

Ông ấy đứng dậy vào nhà trong, rồi tôi cứ ngậm-ngùi mà trách tôi là tệ quá.

(Còn nữa)

Nguyên-văn bằng chữ bán
của Từ Trầm-Á.
M.-K. *dịch*

VĂN-UYỂN

DỊCH THƠ TÀU

衡陽與劉禹錫分岐

Ở đất Hành-dương, cùng bác Lưu Vũ-Tích chia đường

唐人柳宗元

(Của ông Liễu Tôn-Nguyên đời Đường)

十年顛頷到秦京。
誰料翻爲嶺外行。

Kinh Tầu tiều-tụy đã bao phen,
Lĩnh-ngoại ngờ đâu lại phới liền.

伏波故道風烟在。
翁仲遺墟草樹平。

Ông-Trọng cõi xa cây cỏ lạ,
Phục-Ba đường cũ gió mây quen.

直以疎慵招物議。
休將文字占辰名。

Dở hơi đã chịu cho đời ghét,
Hay chữ đừng mong lắm kẻ khen.

今朝不用臨河別。
垂淚千行便濯纓。

Ai thấm nước sông vào dải mũ,
Mấy hàng chan-chứa những xui nên.

Lời giải kiêm lời bình

Thơ này là khi cùng bạn chia đường, kẻ nam người bắc, kẻ ngược người xuôi, mà kể ra những lời đó để tặng nhau, thuộc về thể tặng biệt. Bắt đầu tả ra cái thân-thế lưu-lạc, và cái cảnh-huống xa-xôi ; rồi kể ra cái lời-lẽ răn-nhủ, và cái tình-tự bi-thương. Đọc đến câu « *Ai thấm nước sông vào dải mũ, mấy hàng chan-chứa những xui nên,* » ai không bảo là ông Liễu khóc về nỗi biệt-li. Nhưng không phải, ông Liễu với ông Lưu, cùng là một nhà văn-chương, cùng là một cảnh uất-ức, ông Liễu khóc đó, không phải là khóc về nỗi biệt-li đâu, chính là khóc về sự văn-chương vậy. Con nhà văn-chương xưa nay, vác cái tài-nghệ ưu-tràng, cầm cái chí-khí lỗi-lạc, đối với đời, không những không chịu a-dua, lại thường có ý kiêu-ngạo, đó cũng là một cái bệnh chung của con nhà văn-chương xưa nay, mà thật là khó chữa vậy. Văn-chương càng hiển, thì giá-trị càng cao, cái giá-trị càng cao lên bao nhiêu, thì cái mối ghét-ghen nó lại càng xúm lại bấy nhiêu, đó cũng là một cái thói chung của trò đời xưa nay đối với con nhà văn-chương vậy. Than ôi ! « *Dở hơi đã chịu cho đời ghét, hay chữ đừng mong lắm kẻ khen,* » đọc đến câu ấy, nghìn năm còn đau-đớn lắm thay ! Nhưng có hại gì, văn-chương có trải qua mấy hồi uất-ức, rồi mới thấy lạ thấy hay ; hai chữ uất-ức đó, lại thật là một món quà của ông tạo-hóa, vừa cay-đắng, vừa chua-chát, vừa thơm-tho, vừa có thú-vị, để đãi riêng cho con nhà văn-chương vậy. Nay xem tập văn của ông Liễu Tử-Hậu, có mùi đạo, không có mùi tục ; có mùi triết-lý diệu-lý, không có mùi chi-phấn, mùi đỉnh-chung. Một giọt mực tức là một giọt lệ, một giọt lệ tức là một giọt mĩ-ngọc tinh-kim.

懷舊居

Nhớ cảnh cũ

唐人許渾

(Của ông Hứa Hồn đời Đường)

兵曹一簉老無功。
故國荊扉在夢中。

Nghề binh theo đuổi mãi không công,
Giấc mộng quan-san luống ngại-ngùng!

藤蔓覆梨張谷暗。
草芜侵菊廋園空。

Dàn cúc cỏ hoang vườn Dữu vắng (1),
Dặng lê gai lấn ngõ Trương phong (2).

朱門迹忝登龍客。
白屋心期失馬翁。

Rồng bay chăng nhảy thôi nhường [khách (3),
Ngựa mất hay còn rắp hỏi ông (4).

---

(1) Truyện ẩn-dật : Ông Dữu-Tiễn đời Lục-triều, trồng cúc ở đất Tân-dã.

(2) Truyện ẩn-dật : Ông Trương Công-Hạ trồng lê ở đất Lạc-dương.

(3) Ông Lý-Ưng đời Hán, làm quan hiệu-úy, thanh-giá cao lắm, người nào được đến cửa ông, ví như đăng long-môn.

(4) Sách Hoài-nam : Có một ông ở ngoài cửa ải, gọi là Tái-ông, khi được ngựa mà cho là họa, khi mất ngựa mà cho là phúc, là nói sự đắc thất không làm gì.

楚 水 吳 山 何 處 是。
北 牕 殘 月 照 屏 風。

Ngô Sở tấc lòng non nước cũ,
Bóng trăng khi nhạt nét bình-phong.

Lời giải kiêm lời bình

Thơ này là thơ của một người đã mỏi-mệt về nghề quân-sự, mà đoái-nhớ đến cảnh cố-viên, thuộc về nghĩa yếm-thế. Tuy vậy yếm-thế có hai nghĩa : Một là chỉ lăn-lộn những sự phú-quí ở đời mãi, mà không được, rồi sinh ra cái cảnh yếm-thế mà bi-quan. Hai là đã lịch-duyệt những sự gian-nan ở đời rồi, cái thân cũng muốn nhàn một chút, rồi sinh ra cái cảnh yếm-thế mà lạc-quan. Cái thói yếm-thế mà bi-quan, thì thật là khả-ố ; cái thói yếm-thế mà lạc-quan, thì thật là cũng không hại gì.

TÙNG-VÂN *dịch*

THƠ VĂN CŨ NAM-KỲ (1)

I

Hơn thua chưa quyết đó cùng đây,
Chẳng đã nên ta phải thế này.
Bến-Nghé quản bao cơn lửa cháy,
Cồn-Rồng dầu mặc mủi tro bay.
Nuôi muông giết thỏ còn chờ thủa,
Bủa lưới săn nai cũng có ngày.
Đừng mượn hơi hùm rung nhát khỉ,
Lòng ta sắt đá há lung-lay.

II

Lung-lay lòng sắt đã mang nhơ,
Chẳng xét phận mình khéo nói vơ.
Người trí mảng lo danh chẳng chói,
Đức ngu luống đợi tuổi không chờ.
Bài hòa đã sẵn in tay thợ,
Việc đánh nên thua giống cuộc cờ.
Chưa trả thù nhà đền nợ nước,
Dám đâu mặt lấp lại tai ngơ.

III

Tai ngơ sao đặng lúc tan-tành,
Luống biết trách người chẳng trách mình.
Đến thế còn khoe danh đạo-nghĩa,
Như vầy cũng gọi cửa trâm-anh.
Khe sâu vụng tính dung thuyền nhỏ,
Chuông nặng to gan buộc chỉ mành.
Thân có ắt danh tua phải có,
Khuyên người ái-trọng cái thân-danh.

IV

Thân-danh chẳng kể thật tan-hoang,
Đốt sáp nên tro lụy chẳng càng...
Hai cửa trâm-anh xô sấp ngửa,
Một nhà danh-giáo xáo tang-oang (2).
Con buôn khấp-khởi chưa từng ngọc,
Người khó xăn-văn mới gặp vàng.
Thương kẻ đồng-văn nên phải nhắc,
Dễ ta đâu dám tiếng khoe-khoang.

V

Khoe-khoang việc phải mới rằng khôn,
Kẻ vạy người ngay há một phồn.
Hồng dẫu hư-long đâu sợ sẻ,
Hùm như thất-thế cũng thua chồn.
Ngươi Nhan dễ sợ dao kề lưỡi,
Họ Khuất nào lo nước đến trôn.
Thấy mảy gặp thì ta sẽ động,
Muốn nên việc lớn dám bôn-chôn.

VI

Bôn-chôn cũng bởi bận vì nhà,
Dám trách người xưa chẳng tính xa.
Hâm-hở hay đang hăng sức trẻ,
Chìu-lòn e cũng mỏn hơi già.
Mồi thơm cá quí câu không nhạy,
Cung yếu chim cao bắn chẳng sa.
Đáy giếng trông trời trương mắt ếch,
Làm người như vậy cũng rằng là . . .

(1) Mười bài thơ đăng đây truyền là của ông Cử Phan Văn-Trị làm ra để đáp họa lại mười bài thơ của ông Tôn Thọ-Tường đã đăng ở mục Thi-thoại số 22 trang 306, đó là một thể thơ văn cổ về hồi cuối năm Tự-đức. — Mấy bài này tam-sao-thất-bản, chắc còn có chỗ chưa đúng, ngài nào biết xin làm ơn sửa cho, để lưu-truyền lấy một áng văn-chương cũ.

(2) Vần này chữ *oang* chứ không phải *an* như ông Chương-dân đã sao. Bài ông Tôn phải đọc : « .... há rằng oan ».

VII

Rằng là người trí cũng xa lo,
Nhuần-nhã kinh-luân mới phải trò.
Ngay vạy nẻ ra cho biết mực,
Thấp cao trông thấy há rằng đo.
Xe Châu nào đợi kinh năm bộ,
Niếp Tống vừa đầy sách nửa pho.
Chuốc miệng khen người nên cắc-cớ,
Đạo trời ghét vạy há soi cho.

VIII

Soi cho cũng biết ý là người,
Chẳng biết thân-danh luống sợ cười.
Ba cõi may dầu in lại cũ,
Đôi tròng trông đã thấy không ngươi.
Ngọc lành nhiều vết coi không lịch,
Thợ vụng ít màu nhuộm chẳng tươi.
Đứa dại trót già đời cũng dại,
Lựa là tuổi mới một đôi mươi.

IX

Một đôi mươi uổng tính xăn-văn,
Đất lở ai mà dễ dám ngăn.
Nong-nả dốc vun nền đạo-nghĩa,
Xốn-xang nào tưởng việc làm ăn.
Thương người vì nước ngồi không vững,
Trách kẻ cầm cân kéo chẳng bằng.
Gió mạnh mới hay săng cỏ cứng,
Dõi theo người trước giữ năm hằng.

X

Năm hằng vốn thực thảo cùng ngay,
Cuộc ấy ai xui khéo bận thầy.
Gặp lúc chẳng may nên ngọng miệng,
Chờ khi thấy máy sẽ ra tay.
Nỗi chìm mặc thế tình dầy mỏng,
Cao thấp dầu ta sức nhảy bay.
Một trận gió lay xiêu ngã cỏ,
Hơn thua chưa quyết đó cùng đây.

LÂM TẤN-PHÁC *sao-lục*
(Hà-tiên)

THỜI-ĐÀM

Việc thế-giới

Việc giao-thiệp Pháp, Anh, Đức. — Nước Pháp vì đòi tiền bồi-thường của Đức không được, đầu năm 1923 phải cùng với nước Tỉ đề-quân sang đóng ở hạt sông *Ruhr* để làm cái « chính-sách lấy đợ ». Nhân đó mới sinh ra « vấn-đề sông *Ruhr* », bản-chí đã nói luôn mấy kỳ trước. Gần suốt năm 1923, chính-phủ Đức hết sức phản-đối sự đóng quân ấy, dùng cách gọi là «tiêu-cực phản-kháng», nghĩa là không công-nhiên ra mặt phản-đối, nhưng xui-giục các nhà tư-bản, các chủ công-xưởng trong hạt không hiệp-lực với quân-quan Pháp-Tỉ để kinh-lý các mỏ, khiến cho không thu lợi được mấy tí, rồi chán phải bỏ mà đi. Không ngờ quân Pháp Tỉ cứ đóng bền, tuyên-bố rằng bao giờ Đức trả nợ bấy giờ sẽ rút dần về. Cực chang đã, đến cuối năm 1923, Chánh-phủ Đức phải chịu thôi sự « tiêu-cực phản-kháng » và xin điều-đình với chính-phủ Pháp về các khoản bồi-thường, nhưng nói rằng vì tài-chính trong nước quẫn-bách không lấy gì mà trả ngay được, xin đặt một hội-đồng định cho hoãn nợ trong bao lâu và định số nợ phải trả lần là bao nhiêu. Thế là cái « chính-sách lấy đợ » của nước Pháp đã kết-quả vậy.

Nhưng trong việc giao-thiệp Pháp Đức tự đầu năm 1923 đến giờ, nước Anh cứ đàm ngang, muốn làm cho lỡ việc. Khi chiến-tranh, Anh là bạn đồng-minh với Pháp, lý-ưng trong việc đòi nợ Đức này, Anh phải đề-huề với Pháp thì mới phải. Đã không đề-huề thì chớ, lại có ý ghen Pháp, sợ Pháp thắng-thế mạnh quá, nên trước sau chỉ tìm đường ngăn-trở. Chính-phủ Đức mà dám dùng cách « tiêu-cực phản-kháng » đối với Pháp, là có tay Anh ám-trợ. Nay thấy Pháp thắng được sự phản-kháng ấy, Anh lại càng căm lắm. Lại thêm gần đây, trong nước Đức mới xảy ra cái « phong-trào phân-li », nhiều hạt

muốn lìa chính-phủ Đức mà biệt-lập, phong-trào ấy mà thịnh-hành thì kết-quả đến chia nước Đức ra làm vô-số những nước nhỏ, thế-lực nước Đức sẽ tiêu-diệt hết. Thế-lực Đức mà mất đi thì thế-lực Pháp sẽ tăng lên bội phần. Anh trông thấy thế lại càng thêm tức nữa. Nên trên chính-phủ thì đối với Pháp tỏ cái mặt lãnh-đạm vô-cùng, dưới dư-luận thì nhao-nhao bình-phẩm chính-sách của Pháp. Khiến cho Đức đứng giữa chỉ chực thừa-cơ muốn giở bài bậy. Nhưng Pháp trước sau vẫn giữ một thái-độ rất ôn-hòa và rất ổn-kiện, đối với Đức không sẵng mà không khoan, đối với Anh có nghiêm mà có nhũn, vẫn lấy tình bạn đồng-minh cũ mà xử, không vội-vàng nóng-nẩy đến quyết-liệt. Các báo Tây đều khen quan Thủ-tướng POINCARÉ nước Pháp là một tay ngoại-giao có tài.

Hiện nay ba chính-phủ Pháp, Anh và Đức còn đương thương-thuyết với nhau về vấn-đề bồi-thường. Mong rằng sang năm mới 1924 này, việc ấy sẽ điều-đình xong, cho Âu-châu được thật hưởng hòa-bình.

* * *

Các khoản nợ của Đồng-minh với nhau. — Nhưng mà cũng chưa chắc. Vì ngoài cái vấn-đề bồi-thường của Đức, lại còn một vấn-đề nợ của Đồng-minh với nhau. Mà vấn-đề này cũng phiền-phức gian-nan lắm. Trong khi các nước Đồng-minh hiệp sức để đánh Đức, thời nước nọ nước kia khi thiếu-thốn có vay lẫn của nhau để chi về binh-phí, Anh vay của Mĩ. Pháp vay của Mĩ và của Anh và lại cho vay Tỉ và mấy nước nhỏ nữa. Nay nạn chung đã sạch rồi, mới xoay ra đòi nợ nhau. Bởi thế mới sinh ra vấn-đề « nợ lẫn của Đồng-minh » (*les dettes interalliées*), ghép thêm vào vấn đề « bồi-thường của nước Đức » (*les réparations allemandes*), làm cho chính-cục Âu-châu phân-vân như ván cờ rối.

Vấn-đề « nợ đồng-minh » này đầu-đuôi thế nào? Ông nghị-viên FERNAND ENGERAND có bài bàn về vấn-đề ấy trong báo Tây, xin lược-dịch như sau :

«Cái câu «nợ đồng-minh» ấy là một câu nói sai. Trong khi cùng nhau hiệp-lực chiến-tranh, kẻ xuất công, người xuất của, đều là vì một mục-đích chung: là đánh cho được trận. Nào ai có vay ai mà gọi là nợ?

« Nước Pháp ta phải đương trận với quân Đức, mà quân Đức đánh ngay ở đất ta, ta phải cần đến khí-giới để đánh lại. Bạn đồng-minh ta cũng phải đánh cùng với ta, xuất tiền ra để giúp ta mua khí-giới. Nhưng tiền ấy cũng không hề qua đến tay ta nữa ; tiền nước nào vẫn ở trong nước ấy, ta chỉ được thêm khí-giới để đánh cho được kẻ thù chung. Tiền của nước nào xuất ra chẳng qua là do chính-phủ nước ấy cấp cho các nhà công-nghệ trong nước mà thôi.

« Ấy duyên-do nợ của ta là thế, số nợ ấy trong năm 1921 tới 75 ngàn triệu quan.

« Nhưng nói rằng nợ thì tất phải có lụy. Ai là người lụy đây? Có phải ta không? Ta vay tiền ấy là vay cho ta hay là vay để làm việc chung? Trong số tiền ấy ta có giữ một đồng su nhỏ nào cho ta không? Tiền vay mà lợi cả cho người cho vay, cả cho người vay, và có lẽ lại lợi cho người cho vay hơn là cho người vay, thì không phải là ai nợ ai nữa, tức là xuất vốn ra lập công-ti với nhau đó thôi.... Mà thực thế, ta với bạn đồng-minh ta trong khi chiến-tranh chẳng qua là cùng nhau lập một cái công-ti đứng tên chung, kẻ xuất công, người xuất của, đến khi việc xong giải-tán phải tùy của tùy công mà tính mới là phải : cớ sao của thì kể mà công không kể, chỉ kể đến kim-tiền mà không kể đến huyết-hãn? Đánh được cuộc, công ta không phải ít, nhưng ta có hưởng lợi một mình hay không?

« Hòa-ước thành *Versailles* phải cái này là cái lầm to, là không biết điều-đình các khoản tiền-tài ấy cho hợp lẽ công-bằng, để lưu-hại cho thế-giới đến ngày nay, vì sự bất-bình ấy không những chỉ thuộc về luân-lý mà thôi, nay lại thành một vấn-đề chính-trị nữa.

« Lại phải cái lầm nữa, là buộc khoản nợ đồng-minh liền với khoản bồi-thường Đức, tựa-hồ như tiền dùng để đánh giặc với tiền giặc phải đền mình hai bên có quan-hệ gì với nhau vậy. Sao lại có lẫn-lộn được như thế nhỉ?

« Chiến-tranh vừa xong, nước Đức chỉ

dụng-tâm tránh cho khỏi phải nộp các khoản bồi-thường, cố-ý làm cho tiền-tệ trong nước không còn giá-trị gì nữa để cho cái số tiền nợ của mình đòi lên cao quá, rồi cáo-cùng vỡ-nợ mà không trả nữa. Nước Anh nước Mĩ bấy giờ mới nhao-nhao lên, nói rằng hòa-ước *Versailles* đã bắt nợ nước Đức nặng quá, kẻ cầm quyền ở nước Pháp bấy giờ thấy dư-luận Đồng-minh như thế cũng chuyển lòng, cũng muốn giảm nợ cho Đức một cách êm-thấm, bèn bàn rằng nếu Đồng-minh thuận giảm nợ cho Pháp thì Pháp cũng bằng lòng giảm các khoản bồi-thường cho Đức. Tưởng cách đó là êm, mà kỳ-thực là hớ, vì công-nhiên nhận lấy cái tiếng nợ và chịu để cho cái nợ ấy liệt đồng-đẳng với cái nợ của nước Đức. Sau nữa, lời bàn giảm nợ ấy là bàn với một nước Anh mà thôi, nước Mĩ không biết đến, mà nước Mĩ là nước đã xuất tiền cho vay nhiều nhất trong khi chiến-tranh. Người Mĩ mất lòng, hết sức phản-đối, mà có lẽ người Anh cũng thừa-cơ gây thêm cái ác-cảm của người Mĩ đối với ta.

« Cứ cách điều-đình như thế thì nước Mĩ là chủ nợ to nhất cả lại chỉ có cho Đồng-minh vay mà không vay lại của Đồng-minh nào, lý-ưng phải được cái địa-vị làm minh-chủ cho tài-chính Âu-châu mới phải ; nhưng địa-vị ấy nước Anh muốn giữ lấy cho mình. Nước Mĩ không ngờ, công-nhiên tuyên-bố không can-thiệp đến việc Âu-lục, thành ra mắc mưu nước Anh. Nếu sớm nghĩ ra thì đủ hiểu rằng cái quyền buôn vàng bán bạc trong thế-giới là ở trong tay mình, mình có thể làm mặt đại-lượng mà xúy-xóa cả các khoản nợ của các nước Âu-châu đối với mình, giữ lấy cái địa-vị làm minh-chủ tài-chính ấy, rồi muốn phán-bảo gì ai chang phải chịu ; thế chẳng phải là vừa được lợi về đường vật-chất, vừa được lợi về đường tinh-thần dư ?

« Chính-phủ Anh thời chỉ chăm điều-đình các khoản nợ đồng-minh để mong giảm bớt các khoản bồi-thường của Đức. Nhưng khéo để cho Chính-phủ Pháp phát-khởi ra lời bàn ấy trước, biết rằng Mĩ thế nào cũng chối và Pháp sẽ mang tiếng với dư-luận Mĩ. Quả-nhiên như thế.

« Muốn hiểu rõ cái thâm-ý đó thời phải xét ngược lên hồi tháng chín năm 1921. Bấy giờ đương sửa-soạn đi hội-nghị *Washington*, và trong các chính-giới ở Pháp đương mong-mỏi rằng phái-bộ Pháp sang Mĩ chuyến này thế nào cũng xin thủ-tiêu được cái khoản nợ Pháp với Mĩ. Ở nước Anh thời nhất-diện ông Churchill xướng lên nên họp cả các tổng-trưởng bộ Tài-chính các nước để bàn thủ-tiêu các trái-quyền của Anh để giảm-bớt các khoản bồi-thường cho Đức « thế nào cho vừa phải », theo như lời ông nói ; nhất-diện thời ông Keynes tính ra rằng các bồi-khoản của Đức nên giảm thế nào cho các trái-khoản của Đồng-minh đối với Anh thủ-tiêu đi rồi cũng gần bù được hết. Thôi, các báo bấy giờ nghị-luận nhao-nhao. Người Anh dùng cách bí-mật cổ-động cho Mĩ thất cảm-tình với Pháp, trách Pháp rằng không muốn trả nợ để lấy tiền nuôi quân-đội mạnh nhất trong thế-giới. Anh lại hiểm-độc đến tự mình xin trả lãi nợ cho Mĩ, để cho rõ cái ý Pháp không muốn trả. Thượng-Nghị-viện Mĩ chang biết đâu cả, đãi các đồng-minh Âu-châu ai cũng như ai hết, tháng giêng năm 1922 quyết-nghị cái luật « củng-cố các khoản nợ » ; ông nghị-viên Hoover làm tờ báo-cáo về luật ấy có câu nói rằng : « Số nợ đòi nước Đức phải định thế nào cho vừa sức nước ấy trả được, còn các nước Âu-châu có quân-đội nhiều quá thì nên giảm bớt đi để lấy tiền mà trang-trải các khoản nợ của mình. »

« Ấy cái lầm ở trên di-hại đến như thế, mà không những thế mà thôi đâu. Nhưng cũng may sao nước Đức xử gian-dối quá, làm cho Mĩ nghĩ lại mà lại xoay cảm-tình về với ta. Vì càng nghị-luận về vấn-đề nợ, thì lại càng rõ ra rằng nước Anh muốn giảm nợ cho Đức ; Pháp không chịu, thành ra Pháp-Anh bất đồng-ý với nhau ; Đức đứng giữa thừa-cơ cứ nhùng-nhằng không chịu trả một đồng nào nữa, khiến cho Pháp phải đề quân sang chiếm hạt sông *Ruhr* để lấy đợ. Nước Mĩ bấy giờ mới hiểu đầu đuôi mà cho Pháp làm thế là phải.

« Nhưng Anh lại nhân cơ-hội ấy trả riêng khoản nợ của mình với Mĩ ; chính-phủ Mĩ cũng cứ nhận, chang xét rằng làm thế tức là để cho Anh có quyền quay lại các nước có nợ mình mà nói rằng :

« Nợ tôi tôi đã trả người ta rồi, nợ bác bác cũng phải trả tôi chứ. » Anh quả-nhiên làm thế, mới rồi gửi giấy thông-điệp cho Pháp gồm cả nợ đồng-minh với nợ nước Đức là một và bàn nên giảm ca cho bằng số nợ của Anh đã trả Mĩ.

« Thế là một phần to về bồi-khoản của Đức, ta phải chịu thiệt. Mưu họ đã thâm lắm ; họ dụng-công cũng đã lâu vậy...

« Nhưng mà sao nước Mĩ không hiểu rằng mưu nước Anh làm thế là chỉ chú-ý lìa cho nước Mĩ đừng can-thiệp đến việc Âu-châu nữa, rút lại khiến cho Âu-châu ác-cảm với Mĩ ?

« Anh đổ lộn cả nợ Đồng-minh và nợ Đức với nhau là Anh khôn lắm, như trong đám bạc định « ăn non ». Lại trả nợ riêng của mình với Mĩ là để lấy cớ mà giữ phần trong bồi-khoản của Đức ; còn các Đồng-minh khác thời thây quách, điều-đình với Mĩ thế nào thì làm. Ấy chuyện lôi-thôi như thế, mà còn lôi-thôi lâu, nhất là về phần nước Pháp, vì Pháp nợ Mĩ lại nhiều hơn Anh nợ Mĩ, bồi-khoản Đức không sao đủ mà trang-trải cho hết được...

« Ước-ao sao cho nước Mĩ hiểu rõ sự-tình như thế. Chuyến này mà nước Mĩ quả-quyết ra thời cái địa-vị, cái thế-lực ở Âu-châu có thể to-tát biết dường nào ! Nước Anh ích-kỷ chỉ biết lấy phần mình ; nước Mĩ có thể ra tay cứu-tế cho cả Âu-châu... »

*
* *

Các nước mới ở Âu-châu. — Việc giao-thiệp mấy nước Pháp, Anh, Mĩ, Đức, gian-nan phiền-phức như thế, nên cả thế-giới chú-ý vào đấy, ít khi nghĩ đến việc các nước khác nữa. Từ cuộc chiến-tranh đến giờ địa-đồ Âu-châu đã thay đổi đi nhiều lắm, và thêm ra được mấy nước mới bằng những bộ-phận cũ của nước Đức, nước Áo và nước Nga. Áo mất đi đến quá nửa và bây giờ chia ra làm hai nước cộng-hòa nhỏ : *Autriche* và *Hongrie*. Các nước mới khác là nước *Pologne* (cộng-hòa), nước *Tchéco-Slovaquie* (cộng-hòa), nước *Yougo-Slavie* (quân-chủ lập hiến). Mấy nước đó tuy mới thành-lập mà đã có cái vẻ sinh-hoạt thịnh-vượng lắm.

Kỳ nay ta hãy nói về nước *Tchéco-Slovaquie*, vì quan giám-quốc MASARYK nước ấy tron khoảng tháng mười năm 1923 vừa rồi mới sang thăm nước Pháp, Chính-phủ Pháp hoan-nghênh lắm. Ta thuật qua về lịch-sử quan giám-quốc MASARYK, tức là lịch-sử sự độc-lập nước *Tchéco-Slovaquie*, lịch-sử này thật cũng gian-nan và vang-vẻ thay.

Hôm quan Giám-quốc đến *Paris*, báo *Le Temps* có bài mừng nói rằng : « Thành *Paris* ít khi được dịp hoan-nghênh một vị quốc-trưởng gồm được cả cái lịch-sử vẻ-vang khó-nhọc cùng cái lòng hi-vọng thiết-tha thâm-trầm của dân-tộc mình bằng quan Giám-quốc MASARYK.

« Ngài sinh ở đất *Moravie*, cha mẹ là người *Slovaques*, và ba-mươi năm ngài làm giáo-viên ở trường Đại-học *Prague*, ngài thật là cái hình-ảnh thuần-túy của sự thống-nhất trong dân *Tchécoslovaque*. Ngài là con một người tiều-lại, làm chức Kiểm-lâm cho Chính-phủ Áo, xuất-thân hàn-vi như thế, mà chỉ vì cái tài-trí riêng, cái nghị-lực riêng, kết-quả đến phá đổ được nhà vua *Habsbourg* nước Áo mà gây nền độc-lập cho nước mình, ấy sự-nghiệp ngài như thế, mà lịch-sử nước *Tchéco-Slovaquie* cũng đại-loại như thế : một dân-tộc tám triệu con người làm ruộng làm thợ mà có sức chống-chỏi được trong bảy trăm năm với cái quyền áp-chế của nước Áo, áp-chế bằng chính-trị, bằng kinh-tế, bằng võ-lực, rồi kết-cục đến thoát-li ra được. Trong bấy nhiêu lâu chống-chọi để độc-lập mà có đủ nghị-lực không đến nỗi ngã lòng là vì quốc-dân không bao giờ quên cái sự-nghiệp của bậc chí-sĩ JEAN HUSS (1369-1415) và các đồ-đệ đã gia-công chấn-hưng quốc-văn, bảo-tồn quốc-túy, khiến cho dân-tộc *Tchèque* không đến nỗi bị đồng-hóa, bị tiêu-diệt. Quan MASARYK cùng với hai ông HAVLITCHEK và PALATSKY, là người tiêu-biểu cái đạo chính-truyền của tiên-hiền JEAN HUSS ở dân *Tchèque* ngày nay. Tiên-hiền đã có câu cách-ngôn rằng : « Nên yêu sự thực, nên tìm sự thực, nên chống giữ cho sự thực. » Quan MASARYK bình-sinh thật đã tận-tụy để phụng-thờ sự thực và chống giữ sự thực. Ngài thấy những điều thiên-kiến, những cái tệ-tục trong quốc-dân, cùng thấy những kẻ dương-danh ái-quốc một cách lãng-mạn không thiết-thực, ngài hết sức công-kích, nên trong lâu năm quốc-dân vẫn không phục ngài. Nhưng mà ngài kiên-nhẫn, thắng được cả mọi sự ghen-ghét, sau quốc-dân dần dần cũng hiểu rằng sự thực ấy là cái khí-giới rất mạnh của mình đó. Trước

khi chiến-tranh, ngài đã từng nhiều lần tố-cáo những sự giả-dối, tệ-lậu của Chính-phủ Áo-Hung, làm cho kẻ cường-quyền phải yếu thế, lại trong cái án *Friedjung* đã bày tỏ được cái mưu của Chính-phủ muốn khơi-trêu dân *Yougo-Slaves* để làm hại.

«Ngay tự tháng tám năm 1914, ngài đã quả-quyết rồi. Trong tập « Ký-sự » của ngài đã có câu nói rằng : « Dân-quân ta đi ra chiến-trường là đã tung-hô cài lòng căm giận người Áo rồi. Chẳng được bao lâu thời ở hàng trận *Galicie* có tin về rằng quân nổi loạn, bị trị tội dữ lắm, giết tróc mất nhiều. Bị hại như thế cũng là vì cái chủ-nghĩa mà tôi đã tuyên-bố nhiều lần ở nghị-viện nước Áo hồi tôi còn làm nghị-viên. Vì tôi đã thúc giục cái lòng ái-chủng ái-quốc, ghét Áo giận Áo mà con em ta đến phải chịu tội, thời tôi đây có thể ngồi yên mà khoanh tay cho đành hay sao ?...»

«Bấy giờ ngài đã 65 tuổi, bèn bỏ nước mà đi để ra ngoại-quốc chủ-trương cái phong-trào Cách-mệnh của dân *Tchéco-Slovaque*. Trong khi ấy vợ con, bạn-bè, đồ-đệ ngài ở nhà bị bách-hại thế nào ngài cũng không ngã lòng ; suốt bốn năm trời bôn-tẩu khắp mọi nơi, khi ở Thụy-sĩ, khi ở Pháp, khi ở Anh, khi ở Nga, khi ở Tây-bá-lợi-á (*Sibérie*), khi ở Mĩ, kịp đến khi về *Prague* là kinh-đô nước nhà sau khi nước đã quang-phục thời được cả một dân hoan-nghênh tôn-sùng như một vị thần cứu-quốc vậy.

« Nay ngài cử làm chung-thân-giám-quốc nước Dân-chủ *Tchéco-Slovaquie*, theo hiến-pháp trong nước thời quyền-chức ngài cũng rộng bằng quyền-chức quan Giám-quốc nước Hoa-kỳ châu Mĩ. Ngài lại thêm được cái thế-lực rất to về đường tinh-thần nữa, bởi lòng tín-ngưỡng của dân đối với ngài Người giúp việc cần-tín nhất, lại vừa là người học-trò thân-yêu nhất của ngài là ông Benès, hiện làm ngoại-vụ-bộ tổng-trưởng, cùng ngài hiện đương quả-quyết muốn xoay nước mình theo về các liệt-cường ở Tây-Âu, nhất là nước Pháp.

«Phàm người Pháp đã có dịp đến gần quan Giám-quốc Masaryk đều biết rằng nhất là từ khi chiến-tranh ngài thật có cảm-tình đậm-đà với nước Pháp. Vả dân *Tchéco-Slovaquie* xưa nay vẫn có bụng yêu-mến nước Pháp ; lại nhờ có hai người Pháp đã có công to với nước ấy, một là quan Giáo Ernest Denis suốt một đời nghiên-cứu về lịch-sử dân *Tchèque*, giúp cho người *Tchèque* biết nhớ đến và biết giữ lấy cái quốc-túy vẻ-vang của mình, hai là quan đại-tướng Pellé đã giúp cho nước *Tchéco-Slovaquie* tổ-chức nên quân-đội mạnh-mẽ, nên ngoài cái cảm-tình cũ, lại có cái bụng ơn nhờ nước Pháp nữa. Quan Masaryk cũng hiểu thế, nên ngài cho sự thân-thiện với nước Pháp là sự hạnh-phúc cho nước ngài.»(1)

Cũng báo *Le Temps* ngày 23 tháng 10 năm 1923 lại có một bài đề là « Lý-tưởng với sự-thực », nói về công-đức của quan Giáo Ernest Denis nước Pháp đối với nước *Tchéco-Slovaquie*, và sự-nghiệp của các nhà học-giả nước ấy trong sự khôi-phục nước nhà. Tuy đoạn Thời-đàm về nước *Tchéco-Slovaquie* này đã dài, nhưng tưởng cũng nên dịch qua bài này nữa ra đây để công đồng-lãm, vì xem đó thời biết rằng cái địa-vị kẻ học-giả trong một nước cũng có thể to-tát lắm, và nhà tư-tưởng không tất-nhiên là kẻ mơ-màng vô-ích, có khi lại là bậc anh-hùng tạo ra thời-thế vậy.

« Quan Giám-quốc Masaryk, nguyên làm giáo-thụ ở trường Đại-học thành *Prague*, trong khi qua kinh-đô nước Pháp đã công-nhiên tỏ lòng kỷ-niệm quan cố-giáo-thụ Ernest Denis trường Đại-học *Paris*. Lễ kỷ-niệm ấy là do một cái tư-tưởng rất cao, một cái cảm-tình rất nhã nhân dịp đó quan Giám-quốc nước *Tchéco-Slovaquie* có chứng-giải một điều như sau này : là cái công-phu của một hạng người đại-trí, đứng xa những chỗ phiền-hoa náo-nhiệt của loài người, không ham những cái danh-lợi tầm-thường ở đời, chỉ cặm-cụi mà làm cho đạt tới cái mục-đích của mình, thực-hành được cái chủ-nghĩa của mình, cái công-phu ấy dẫu công-chúng không biết đến mà thật là có ảnh-hưởng to đến thời-thế vậy.

« Khi quan Giáo Denis đi qua ngoài phố để đến học-viện *Sorbonne* dạy học-trò về cội-rễ các dân-tộc *Slaves*, về tiền-sử vẻ-vang của nước *Bohême*, về những nông-nỗi khổ-sở gian-nan để lập-thành được một cái quốc-tộc, về sự độc-lập của nước *Bohême* về đường chính-trị và đường tôn-giáo, về cái thảm-sử những năm bị lao-lung, rồi đến cuộc khôi-phục một dân-tộc đã có cái chí bất-bạt một mực trung-thành với cái quốc-túy của mình ; những người trông thấy ngài đi lủi-thủi như thế lưa-hồ như không thiết gì đến việc đời nay, sự hiện-thời cả, mấy ai dự biết được những cái kết-quả sâu-xa của cái học ngài truyền-bá ra đó ?

« Denis tiên-sinh là người đã có công to trong sự khôi-phục và sự giải-thoát cả một dân-tộc vậy. Kể từ khi mới bắt đầu dạy các

(1) Có điện *Paris* ngày 25 *Janvier* 1924 nói rằng hai nước Pháp và nước *Tchéco-Slovaquie* đã ký điều-ước đồng-minh với nhau.

trường Đại-học thật đã đem hết cả công-phu học-vấn, không những đem hết cái trí thông-minh mà lại đem hết cả bụng yêu-mến nữa. Tiên-sinh là một tay bác-học, mà ngài lại có tài năng-văn, thường dùng tài ấy để bênh-vực cho những cái chủ-nghĩa ngài yêu-chuộng, bênh-vực bằng lời nói, bằng ngọn bút. Tiên-sinh cho rằng văn-chương và mĩ-thuật là biểu-hiệu cao-thượng của những cái tinh-ý nó khiến cho các dân-tộc bị lao-lung có đủ sức mà hi-vọng cùng chống-chọi lại với cường-quyền. Những học-trò ngài ngày nay vẫn còn kỷ-niệm đến ngài, chắc còn nhớ đến những khi ngài giảng-nghĩa về bộ « Lịch-sử thành *Prague* » của nhà chí-sĩ Tomek, hay là những sách đại-trước-tác của Kalousek xuất-bản, như bộ « Công-pháp của dân *Tchèque* », thời cái giọng ngài nói nhiệt-thành cảm-động là dường nào. Ngài giảng cho biết thế nào mà trường Đại-học thành *Prague* vừa là một cái « lò » học-vấn thuần-túy, lại vừa là một nơi trung-tâm vận-động về việc nước, dẫu bị tỏa-chiết đến thế nào cũng không ngã lòng. Nhờ có quan Giáo Denis mà các học-sinh thành *Paris* được biết rõ cái phong-trào tư-tưởng nó dao-động cả một cõi Trung-Âu, gây ra trong cái đế-quốc bác-tạp của nhà vua Habsbourgs nước Áo Hung những cái mầm quốc-dân mới. Tư-tưởng sớm hay trưa bao giờ cũng thực-hành ra sự thực. Quan Giáo Pháp nghiên-cứu về lịch-sử sự độc-lập đất *Bohême* thật đã hiểu rõ lẽ đó, đồng-ý với các bạn danh-giá của ngài ở *Prague*, như các ngài Masaryk, Kramarcz, Benès nguyên dạy khoa xã-hội-học ở trường Đại-học *Prague*, hiện nay làm ngoại-vụ-bộ Tổng-trưởng của Chính-phủ Dân-quốc *Tchéco-Slovaque*, năm 1908 đã từng xuất-bản ở *Pairs* một quyển sách có giá-trị đề là : « Nước Áo và vấn-đề dân *Tchèque* : Khảo về sự cạnh-tranh chính-trị của các dân-tộc *Slaves* ở nước Áo ».

« Những ông giáo về lịch-sử, về xã-hội, về triết-học, mà làm tới được những chức cao-trọng trong quốc-gia, cầm quyền cai-trị nước mình, đó cũng là một sự mới lạ. Nhưng chỉ là một sự mới bề ngoài mà thôi và chỉ lạ cho những kẻ nào không thuộc cái phép tiến-hóa của các dân-tộc cùng những nguyên-nhân sâu-xa của các cuộc biến-thiên trong lịch-sử. Năm 1914, ví có người đoán trước với vua François Joseph nước Áo rằng trong nước sắp xảy ra những sự đại-biến mà những sự đại biến ấy không phải là gây ra ở những nơi Triều-đình Chính-phủ, chính là gây ra ở những chốn học-đường kia, do những ông giáo dạy học-trò kia, tuyệt-nhiên không có can-thiệp gì đến việc Triều-chính cả ; ví có người đoán trước với vua như thế thì vua chắc lấy làm lạ-lùng mà không tin vậy. Ấy thế mà chính ở những nơi diễn-đàn học-viện đó, các quan đại-thần có lẽ không biết tới, là chỗ cái hồn lịch-sử thường phảng-phất và đương phác-họa ra cuộc tương-lai vậy. Cả quốc-dân *Tchèque* nghe lời dạy của các kẻ hướng-đạo về tinh-thần của mình, nhớ đến cái tổ-truyền vẻ-vang của mình, một lòng hi-vọng cho nước và để tâm quan-niệm về cái vận-mệnh của nước mình. Những sức mạnh về trí-thức, về tinh-thần như bị cảnh-tỉnh, như được khôi phục cả lên, cái lưới chính-trị và cảnh-sát của đế-quốc Áo không đủ mà ngăn-ngừa được nữa. Đế-quốc thế-tất phải phân-liệt. Các dân-tộc đã lâu đời bị lao-lung bấy giờ trông thấy cái ánh-sáng tự-do như vầng đông mới mọc. Gây ra những sự đại-biến đó là công của một hạng người bác-học văn-học cả. Như thế thời nhà tư-tưởng thực là những tay hành-động. Tư-tưởng là cái sức mạnh chuyển-động thế-giới vậy ».

—Ngoài các nước mới ở trung-bộ Âu-châu, tự sau khi chiến-tranh đến giờ lại có nhiều nước đổi chính-thể nữa, cũng có thể cho là những nước mới được. Không nói nước Nga, trước thuộc quyền quân-chủ chuyên-chế, nay thuộc quyền Chính-phủ Cách-mệnh gọi là « Sô-viết » ; không nói nước Áo và nước Hung bây giờ phân-liệt làm hai nước dân-chủ nhỏ chỉ bằng một phần mười đế-quốc cũ ; hiện nay có nước Thổ-nhĩ-kỳ (*Turquie*) mới rồi đã đổi chính quân-chủ làm chính Dân-chủ, tướng Mustapha Kemal là người đã có công to khôi-phục cho nước (bản-chí đã nhiều lần nói đến, xin xem lại bài « Thời-thế anh-hùng » ở số 72) được bầu làm chung-thân-giám-quốc ; tướng Ismet Pacha là người đã có tài ngoại-giao giữ được quyền-lợi nước Thổ ở Hội-nghị *Lausanne* làm thủ tướng kiêm ngoại-vụ-bộ. Chính-phủ mới đã dời đô ở *Constantinople* ra *Angora*, ở về đất *Anatolie*, thuộc Tiểu-Á-tế-á, tức là đem nơi trung-tâm chính-trị trong nước ở Âu-châu về Á-châu vậy.— Lại đất *Irlande* (Ái-nhĩ-lan), xưa nay vẫn là một bộ-phận của nước Anh, nhưng về chủng-tộc khác người Anh nên vẫn không cam-tâm phục-tòng nước Anh, trong bảy trăm năm vận-động tự-lập đến mãi năm ngoái đây mới được, nay thành nước Á-nhĩ-lan độc-lập, gần đây mới có tin được vào Hội Vạn-quốc ; nhưng hiện nay nội-chính vẫn còn chưa chỉnh-đốn được hoàn-toàn và cái họa đảng-phái cạnh-tranh vẫn còn chưa tiệt được hết.

.*.

Quan tiền tây hạ giá. — Cứ tin-tức trong mấy tuần-lễ nay thì việc hệ-trọng

nhất ở nước Pháp bây giờ là việc đồng tiền phật-lăng hạ giá. Ta cứ xem giá đồng bạc của ta ở đây tính ra quan tiền tây thì đủ biết : độ này giá bạc cứ đứng vững trong khoảng 10,11 quan, không khác gì trong khi chiến-tranh vậy. Nhưng trong khi chiến-tranh thì đã cố-nhiên rồi ; ngày nay nước Pháp đã được toàn-thắng, cớ sao đồng phật-lăng lại sút kém như thế, kém cho đến nỗi bằng giá đồng *lire* của Ý-đại-lợi, và phải ngót một trăm phật-lăng mới được một đồng tiền vàng *livre sterling* của Anh ? Xem điện-báo thì nghe chừng là cái mưu của các nhà buôn ngoại-quốc, nhất là nước Anh, thấy nước Pháp thắng-thế ở bên Đức, sợ hại đến việc doanh-nghiệp của mình, cố-ý gây ra một phen khủng-hoảng về kinh-tế. Báo *Le Matin* nói rằng: « Cứ giao-dịch buôn-bán như thường không có lẽ nào làm cho đồng phật-lăng hạ được đến thế. Cái mưu của bọn lý-tài ngoại-quốc là muốn giam cái sức « tín-dụng » (*le crédit*) của nước Pháp và gây ra một cuộc khủng-hoảng trong nước. Ấy là cái lối của nước Đức năm trước đã dùng ở *Verdun* đó. Nhưng nước Pháp trong khi chiến-tranh còn đứng vững, bây giờ có sợ gì. Hiện nay cái thế-lực của nước Pháp về chính-trị lại là mạnh nhất ở Âu-châu. Trong nước không có 1 triệu 25 vạn người thợ không có việc làm như nước Anh ; cũng không có cái nguy-hiểm nội-loạn như nước khác. Dẫu có kẻ mưu cho đồng phật-lăng hạ giá, nước Pháp đã có cách phòng-bị không sợ gì. » Có tin rằng chính-phủ Pháp đã định tăng các thuế lên một phần năm và đặt phép trừng-trị những kẻ « dầu-cơ » (*les spéculateurs*), cảnh-sát những phường buôn bạc ngoại-quốc thường châu-tuần ở các ngân-hàng và các nhà băng. Nghe như cách xử-trí quả-quyết như thế đã thấy hiệu-nghiệm.

Việc Á-Đông

Việc nước Tàu. — Nước Tàu từ khi bầu Tổng-thống mới đến giờ, chính-cục cũng vẫn nhiễu-loạn như trước. Đảng nam đảng bắc, đảng Phụng-thiên, đảng Trực-lệ, đảng Tôn Văn, đảng Trần Quýnh-Minh, trong hai-mươi-mốt tỉnh vẫn cứ lung-tung, không thấy giải-quyết ra đường nào cả. Nay muốn xét toàn-cuộc nước Tàu cũng không sao mà đoán-định biết trước được. Cứ xem như các báo gần đây chép tin Bắc-kinh như sau này :

Từ mồng 10 tháng mười sau khi Tào Côn là đầu đảng Trực-lệ được cử làm Tổng-thống rồi, đảng Phụng-thiên (Trương Tác-Lâm) cũng không thấy phản-đối gì nữa, chỉ có trong đảng phái Trực-lệ lại nổi lên cái phong-trào tranh-dành nhau. Những bọn Đốc quân xưa nay chiếm-cứ các nơi để chực tranh nhau, thì bây giờ đều im hơi lặng tiếng cả, nay lại nẩy ra một cuộc các quan-liêu chính-đảng đương vận-động tranh nhau về việc tổ-chức Nội-các và việc Quốc-hội.

Nguyên là khi chưa tuyển-cử Tổng-thống xong, thì cái chức Nội-các tổng-lý vẫn chưa biết về tay ai. Nhưng Tào Côn khi ở Bảo-định vẫn ngầm ước cho mấy người : Lúc đầu thì hẹn cho Trương Thiệu-Tăng (Tchang Chao-Tseng) vì Trương tỏ rằng không có phản-đối việc nhiếp-chính Nội-các, sau khi Tào mà được cử lên Tổng-thống thì Trương sẽ làm Tổng-lý Nội-các. Sau vì Cao Lăng-Uất (Kao Ling-Wei) có cái công duy-trì được cuộc Bắc-kinh, nên Tào lại hẹn cho Cao làm Tổng-lý. Sau nữa Nhan Huệ-Khánh (2ème Yen) vì vận-động về việc tài-chính ngoại-giao có công, Tào lại hẹn cho Nhan làm Tổng-lý. Sau lại hẹn cho Ngô Cảnh-Liêm (Ou King-Lien) vì Ngô có công về việc cổ-động tuyển-cử Tổng-thống. Thành ra một chức Tổng-lý mà ước-định cho đến bốn người. Sau khi Tào được Tổng-thống rồi, không biết đối-phó ra làm sao, mà muốn giải-quyết cái vấn-đề ấy thì chỉ cốt ở cái thế-lực người nào mạnh hơn là được. Trong bốn người ấy thì thế-lực Trương Thiệu-Tăng là kém hơn cả. Trương chỉ có một điều là không chịu ký tên cho bọn Nội-các cũ từ-chức đi vội để yêu-cầu Tào cho mình làm Tổng-lý, nhưng cũng không ăn thua gì cả. Tào cứ hạ mệnh-lệnh cho Cao Lăng-Uất vào làm quyền Nội-các Tổng-lý. Nên cái tin Trương lại vào Nội-các liền tắt hẳn đi. Nhưng còn trong ba người kia thì Ngô Cảnh-Liêm tranh dành kịch-liệt lắm. Nhan Huệ-Khánh thì đồng-tình cả quốc-dân ai cũng ưa, nhưng bị phải Cao Lăng-Uất hiện cầm quyền Nội-các

mưu-mẹo chèn gạt đi mãi. Ngô Bội-Phu ở Lạc-dương, Tề Nhiếp-Nguyên ở Nam-kinh, Phùng Ngọc-Tường ở Đoàn-hà, ba người ấy là một bọn Tam-giác, đồng-minh rất là có thế-lực, thời nhất-định yêu-cầu cho Nhan Huệ-Khánh vào tổ-chức Nội-các để mà chỉnh-đốn lại thời-cục. Nhưng Ngô Cảnh-Liêm lại tuyên-bố rằng quốc-hội không bằng lòng cho Nhan vào Nội-các, để chiếm giữ lấy thế-lực mình. Vương Thừa-Mân ở Thiên-tân lại về đảng với Ngô Cảnh-Liêm muốn cho Ngô vào Nội-các, bèn sai Tào Nhuệ vào Bắc-kinh tranh-biện với Tào Côn. Nhưng Tào-Côn đã có ý ghét Ngô, liền sai ngay Vương Dục-Chi đến Thiên-tân để dụ bảo Thừa-Mân, và hạ ngay mệnh-lệnh đem Thừa-Mân cho làm đốc-lý Trực-lệ-quân-vụ, cho được có thực-lợi để dùng về đảng với Ngô nữa. Nhan Huệ-Khánh thì không muốn trái ý quốc-hội bèn tỏ ý xin lui nhường, từ đó Ngô Nhan thôi không tranh dành nhau nữa.

Nhưng về sau vì việc tài-chính quan-hệ lại có tin rằng Hùng Hi-Linh (Hong Hsi-Ling) vào tổ-chức Nội-các, sau lại có tin là Tôn Bảo-Kỳ (Sun Pao-Ki) vào Nội-các. Trong mười ngày mà cái chức Nội-các Tổng-lý vẫn chưa quyết-định hẳn. Lại tiếp đến quốc-hội liền khởi lên cái phong-trào thay đổi Nghị-trưởng. Nguyên Ngô-Cảnh-Liêm vốn cậy về Quốc-hội để tranh chức Nội-các. Nhân khi ấy Nghị-viện sắp khai hội lâm-thời, Trần Thuần-Tu mới nhắc đến cái vấn-đề bầu-cử Nghị-trưởng lại, để cho Ngô (nguyên là Nghị-trưởng) không dám khai-hội. Sau Ngô thông-cáo cho các Nghị-viên đồng-ý bỏ phiếu cho Tôn làm Nội-các. Nhưng bị phải đảng phản-đối đã dự-bị trước định đến hôm khai-hội thì tranh lấy chủ tọa, bài-bác Ngô nhiệm-chức Nghị-trưởng đã hết hạn sao không thông-báo cho biết, bèn giở võ-lực ra tranh dành nhau rồi các tán.

Xưa nay các chính-đảng tranh nhau phần nhiều nhờ về Quốc-hội, nên đảng phản-đối với Ngô lại mưu tổ-chức một chính-đảng mới để chèn bớt thế-lực Quốc-hội. Đảng Bảo-định (đảng Tào Côn) thời họp các chính-đảng nhỏ lại lập thành một đảng lớn (gọi là hiến-chính-đảng) để mưu chiếm phần nhiều trong Quốc-hội để chống lại Ngô Cảnh-Liêm, Ngô thấy đảng đối-địch với mình đã thành vây cánh, bèn nhờ Vương Thừa-Mân giúp tiền để họp các nghị-viên trung-lập lại làm thành một đảng lớn để chống-chọi lại. Từ đó Thiên-tân, Bảo-định thành ra hai chính-đảng, kình-địch tranh nhau không biết bao giờ cho yên.

Ấy hiện-tình chính-cục nước Tàu bây giờ còn phân-vân như thế, Tào Côn xem chưa có thế-lực chỉnh-đốn được (1).

— Về Nam-phương, Tôn Văn muốn đòi lại tiền dư về các khoản thuế muối và thuế thương-chánh của người ngoại-quốc quản-lý, nhưng liệt-cường không chịu, chưa biết việc điều-đình ra làm sao.

Mới đây lại có tin rằng Tôn Văn với Trần Quýnh-Minh không đánh nhau nữa và muốn kết-liên nhau để cùng đánh lại Tào Côn và Ngô Bội-Phu. Như thế thời chính-cục ở Nam-phương lại xoay ra một diện-mục khác.

Việc trong nước

Vô-tuyến-điện ở Đông-Pháp. — Ngày 17 tháng giêng năm 1924 là một ngày đáng kỷ-niệm trong lịch-sử Đông-Pháp. Hôm ấy là ngày thứ nhất mới có vô-tuyến-điện chạy từ Hà-nội sang *Paris*. Bấy giờ vào 4 giờ chiều ở *Paris*, bên ta thì vào gần 11 $^1/_2$ đêm, quan Thuộc-địa-bộ Thượng-thư SARRAUT họp các quan-liêu tân-khách ở Kinh-tế-cục của Đông-Pháp tại *Paris* (*Agence économique*), làm lễ khai-thông đường Vô-tuyến, có đánh cái điện mừng cho quan Toàn-quyền MERLIN. Đúng 11 giờ 24 phút thì sở Vô-tuyến ở Bạch-mai đã bắt-đầu nghe thấy điện ở *Bordeaux* đánh sang và lập-tức đánh máy nói báo cho phủ Toàn-quyền biết. Cũng một lúc bấy giờ thời có giây-thép ở Sài-gòn ra nói rằng sở Vô-tuyến Sài-gòn cũng đương nhận được điện bên Tây. Cách 12 phút thì hai sở Sài-gòn và Bạch-mai đều tiếp được toàn-văn lời điện của quan Thượng-thư. Quan Toàn-quyền lập-tức đánh điện sang trả lời. Điện của quan Thượng-thư phát-hành ở *Paris* vào 11 giờ 23 (tính theo giờ Sài-gòn), sở Vô-tuyến ở đây tiếp

(1) Theo điện gần đây thời ở Bắc-kinh đã lập Nội-các xong, Tôn Bảo-Kỳ làm Tổng-lý.

điện ấy và chuyền điện trả lời của quan Toàn-quyền mất cả thảy 33 phút. Thế là có trong khoảng nửa giờ đồng-hồ mà tin bên Tây sang tới đây, tin bên này sang đến Tây, mau chóng biết dường nào. Vô-tuyến-điện ở Đông-Pháp ta có đã mấy năm nay, Nhưng trước kia chỉ nhận được điện ở Tây đánh sang mà tự đây không trực-tiếp đánh sang Tây được, muốn đánh lại phải mượn đường của ngoại-quốc, không khỏi phiền-nhiễu. Bắt đầu từ ngày 17 tháng giêng năm 1924 thời bên này có thể trực-tiếp đánh sang Tây được, không những tiện cho Chính-phủ về việc quan, mà lại tiện cho các nhà buôn và cả tư-nhân nữa. Điện đánh tự sở Vô-tuyến ở Sài-gòn, vậy ở Bắc-kỳ muốn đánh vô-tuyến-điện sang Tây thì phải đánh giây thép vào Sài-gòn ; hiện các sở Điện-báo đã có chương-trình và giá-ngạch phân-minh.

Nay nói về Vô-tuyến-điện, cũng nên kể qua lịch-sử Vô-tuyến-điện ở Đông-Pháp thế nào. Mới bắt đầu thí-nghiệm về Vô-tuyến-điện ở Hà-nội là năm 1903. Quan Tư Peri hiện làm Chánh sở Vô-tuyến Đông-Pháp, bấy giờ còn làm quan hai, nguyên là học-trò của quan sáu Ferrié là tay chuyên-môn giỏi về Vô-tuyến nhất trong thế-giới bây giờ, ở nhà sẵn có mấy cái máy kiểu *Ducretet*, bèn đặt một cái cần ở trên tháp chuông nhà thờ lớn Hà-nội để thí-nghiệm. Bấy giờ thử cũng chạy xa được mấy cây-lô-mét. Ấy bắt đầu như thế, mà từ bấy đến nay, trong khoảng 20 năm, tiến-bộ được biết bao nhiêu. Ngày nay điện Vô-tuyến chạy xa được mấy vạn cây mà kể.

Năm 1904, trong suốt cõi Đông-Pháp mới đặt có ba sở Vô-tuyến thuộc về quan binh cả : một sở ở Hà-nội (Đồn-Thủy), một sở ở Kiến-an và một sở ở *Cap Saint-Jacques* (Vũng tàu).

Ngày 30 tháng 4 năm 1909 mới có nghị-định đặt một sở Vô-tuyến (*Service Radio*) giao cho quan Peri coi.

Tháng 10 năm 1912, quan Toàn-quyền Sarraut khánh-thành sở Vô-tuyến Bạch-mai. Cuối năm ấy, đặt thêm hai sở ở *Tourane* và Quảng-châu-loan.

Ngày 18 tháng 2 năm 1913, quan Sarraut ký nghị-định phái quan Tư Peri sang Pháp để điều-tra về vô-tuyến-điện ở các sở lớn bên Âu-châu và mua các máy rất mới và rất tốt để kinh-doanh cho sở Sài-gòn thành một sở vô-tuyến lớn trực-tiếp được với Pháp và cả các thuộc-địa khác, kinh-phí về khoản ấy đã dự-tính vào quốc-trái 80 triệu quan. Tháng 8 năm 1914, khi quan Tư Peri sắp-sửa đem máy xuống tàu về đây thì bên Âu-châu hữu-sự, quan Sarraut vội-vàng biếu cả các máy đã mua cho Chính-phủ Pháp để làm sở Vô-tuyến ở *Lyon*, chính quan tư Peri coi việc sắp-đặt. Cách một tháng, đến tháng chín thì sở *Lyon* đã đặt xong và thông được với nước Nga nước Mĩ.

Năm 1918 đặt các sở ở biên-địa: Moncay, Hà-giang, Cao-bằng, Lai-châu, Vientiane và Luang-Prabang.

Bộ máy biếu Chính-phủ Pháp thời năm 1916 lại mua một bộ khác giống như thế để thay vào, nhưng không dùng đến, chỉ dùng có 8 cái cột sắt cao 120 thước mà thôi.

Trong khi chiến-tranh, các máy vô-tuyến chế-tạo mỗi ngày một tinh-xảo, bộ Lục-quân bên Pháp bèn xuất tiền ra mua cho sở Sài-gòn một bộ máy mới tốt hơn.

Ngày 21 tháng 4 năm 1922 quan Toàn-quyền Long ký hợp-đồng với công-ty Vô-tuyến-điện (*Compagnie générale de T. S. F.*) giao cho kinh-lý sở Vô-tuyến lớn ở Sài-gòn mới làm xong.

Hiện nay thời các đường Vô-tuyến của Đông-Pháp chia ra như sau này:

1º Đường Bắc-kỳ, tức là đường biên-thùy giáp Tàu ;

2º Đường Nam-kỳ, có các sở Sài-gòn, Mỹ-tho, Côn-lôn, Phú-quốc và Đa-lát ;

3º Đường men bể để thông với các tàu biển, có các sở *Fort-Bayard* (Quảng-châu-loan), Kiến-an, Moncay, Tourane, Mỹ-tho, Côn-lôn, và Phú-quốc ;

4º Đường Hà-nội — Sài-gòn ;

5º Hai sở ở Kiến-an và Các-bà để chỉ đường cho tàu những khi sương mù (*postes radiogoniométriques*).

(Thuật theo sách *Le Réseau Radio-télégraphique indochinois* của ông André Touzet, và báo *Courrier d'Haïphong* ngày 19 Janvier 1924).

Việc đặt sổ sinh-tử-giá-thú ở các xã Bắc-kỳ. — Theo điều thứ 15 trong Luật Dân-sự mới ở Bắc-kỳ thời định rằng các làng ở Bắc-kỳ phải dần dần đặt cho khắp sổ sinh-tử-giá-thú để giúp cho sự thi-hành luật mới. Luật lại để quyền cho quan Thống-sứ Bắc-kỳ nghĩ định cách-thức đặt sổ thế nào cho tiện-lợi cho dân thì làm. Hiện đã có nghị-định ngày 28 tháng 11 năm 1921 định về việc đặt sổ sinh-tử-giá-thú, và đã thí-nghiệm thi-hành ở mấy hạt tỉnh Hà-đông. Nhưng nghị-định ấy hãy còn sơ-lược. Vậy nay quan Thống-sứ Bắc-kỳ mới ký một bản nghị-định mới ngày 19 tháng 12 năm 1923 nói rất tường-tất về các cách-thức lập sổ giữ sổ thế nào và định bắt hết cả dân-xã đã có hương-hội ở Bắc-kỳ phải thi-hành. Ngài lại đính theo với bản nghị-định ấy một tờ chu-tri cho các quan Công-sứ đầu tỉnh giảng-giải rõ-ràng về phương-pháp thi-hành. Bản nghị-định, tờ chu-tri và các điều luật về sổ sinh-tử-giá-thú, phủ Thống-sứ hiện đương dịch ra quốc-ngữ, in thành sách và sẽ ban-phát cho các làng.

Việc lập sổ sinh-tử-giá-thú này trước đã thử làm mấy lần mà chưa thành-hiệu. Nay quan Thống-sứ Monguillot quyết-định lần này phải làm cho được và giao trách-nhiệm cho các hương-hội và các quan địa-phương. Ngài nói rằng : « Phàm làm người ở trong gia-đình đều có quyền-lợi đối với nhau ; những quyền-lợi ấy phải có chứng-cớ đích-xác thì pháp-luật mới công-nhận. Chứng-cớ ấy, tức là giấy sinh-tử giá-thú vậy. Dân Bắc-kỳ là một dân thông-hiểu, ham tấn-tới, bây giờ đã đến lúc nên cho dân được có cách chứng-nhận quyền-lợi của mình đối với pháp-luật. » Thật thế, sổ sinh-tử-giá-thú chính là cái bằng-cứ để chứng-nhận quyền-lợi của mỗi người ở trước pháp-luật. Xưa kia pháp-luật chửa phân-minh, luộm-thuộm thế nào cũng được, và tục-lệ trong làng có thể thay-vì quyền phép nhà-nước được. Nhưng ngày nay luật mới đã tuyên-bố mà luật-văn rất tinh-tường, ra đối với pháp-luật, nếu người nào không có chứng-cớ phân-minh về nhân-thân tài-sản mình thì không những thiệt-hại cho mình mà có khi tội-lỗi đến thân nữa. Như vợ chồng lấy nhau, xưa kia nộp một cái cheo là đủ, nay ví không có giấy khai giá-thú thời đối với pháp-luật cũng như người dưng, quyền-lợi chồng đối với vợ, vợ đối với chồng, pháp-luật không biết chứng-cớ đâu mà công-nhận được. Việc sinh-tử cũng thế. Ba việc ấy là việc hệ-trọng trong đời người, các nước văn-minh đều có sổ-sách ghi-chép phân-minh cả. Nước ta không lẽ cứ kém người ta mãi. Quan Thống-sứ nói dân Bắc-kỳ là một dân thông-hiểu, ham sự tấn-tới. Nếu quả như thế thì nên tỏ cái tư-cách tốt ấy ra mà thi-hành việc cải-lương này cho thật thành-hiệu, để khỏi phụ lòng tin của quan Thủ-hiến bản-xứ. Việc này là chuyên-trách ở các quan sở-tại và các ông hương-hội-tộc-biểu đây. Chẳng hay các ngài nghĩ thế nào ?

Một lời bàn hay : một « Phòng Thương - mại An - Nam ». — Báo *Eveil économique* ngày 20 Janvier 1924 có bàn một điều rất hay, tưởng nếu thi-hành được thì có ảnh-hưởng tốt cho thương-giới Bắc-kỳ ta lắm : là bàn đặt một phòng Thương-mại An-Nam ở Bắc-kỳ. Ông H. Cucherousset là chủ-bút báo ấy nói rằng : « Ở Nam-kỳ có phòng Thương-mại của người Tàu, mà không có phòng Thương-mại của người An-Nam. Hoặc-giả nói rằng người An-Nam ở Nam-kỳ không có buôn - bán gì thì làm gì có phòng Thương-mại An-Nam. Lẽ đó cũng có. Nhưng mà ở Bắc-kỳ thời không thế. Người An-nam buôn-bán ở đây nhiều và mấy năm nay đã thấy tấn-tới nhiều lắm. Nhất là ở Hà-nội, thật có đủ tài-liệu làm một phòng Thương-mại thịnh-vượng. Những hàng An-Nam bán lẻ, bán cất và bán buôn nhiều lắm; lại có mấy nhà buôn xuất-cảng nhập-cảng, và vô-số những nhà công-nghệ mở cửa hàng. Hoặc-giả nói : Nhưng mà người An - Nam đã có đại - biểu ở phòng Thương-mại Tây rồi. — Vẫn biết thế, nhưng những người đại-biểu ấy bao giờ cũng về số ít và phải theo số nhiều người Tây. Mà lợi-quyền của hai bên thì không có giống nhau. Các hàng Tây ở bên này phần nhiều là buôn xuất-nhập-cảng, bán buôn to hay là làm công-nghệ to. Cứ thực ra, phòng Thương-mại ở Hà-nội phần nhiều là nhà công-nghệ cả. Đến như người An-Nam thời chỉ chuyên buôn-bán thôi, và về phần buôn-bán lẻ thời thịnh hơn mấy cửa hàng Tây ở đây mỗi ngày một ít dần đi. Vậy có thể lập ra hai phòng Thương-mại, khi nào có việc gì bàn chung thì họp nhau làm một, nhưng thường-thường thời mỗi bên có một phạm-vi riêng. Vả lại cũng nên cho người An-Nam tập bàn-bạc các công-việc buôn-bán của mình. Hiện nay Chính-phủ đã cho người An - Nam tham-dự ít nhiều vào việc chính-trị. Nhưng thiết-tưởng cho cái quyền-lợi ấy không bằng cho cái quyền-lợi được họp nhau bàn về việc buôn-bán của mình... Một phòng thương-mại là một cái cơ-quan ích - lợi trông thấy mà không có hỗn-tạp như ở nghị-viện.. Bởi thế nên ta thiết-tưởng nên bắt đầu đặt một phòng Thương-mại An-Nan ở Bắc-kỳ. Hoặc-giả nói : Thế còn người Khách ở đây cũng buôn-bán to thời thế nào ? — Xin trả lời : Người Khách ở đây là người ngoại-quốc, không đặt phòng Thương-mại được. Họ đã có «bang» của họ, thế đã là quá lắm rồi ».

Vấn-đề tiểu-học bằng quốc-ngữ. — Việc vận-động của Bản-chí Chủ-bút đề xin Chính-phủ cho dạy bậc tiểu-học bằng chữ quốc-ngữ đã có ảnh-hưởng sang tận bên Tây. Hội *Institut Colonial* là một hội khảo-cứu về việc thuộc-địa ở *Paris*, mới rồi có đặt hội-đồng bàn về « vấn-đề tiểu-học bằng tiếng An-Nam », ông nghị-viên Valude làm chủ hội-đồng. Trong tập « Kỷ-yếu» của Hội ấy mới xuất-bản có thuật tường. Ông Le Boucher, nguyên làm quan Cai-trị ở Đông-Pháp làm một tờ báo-cáo đại-ý cũng giống như lời bàn của ông Phạm Quỳnh, nghĩa là xin cho mấy lớp đầu bậc tiểu - học dạy toàn bằng tiếng An-Nam, tiếng Pháp là dạy phụ mà thôi. Ông nói rằng học như thế thì mới có ích-lợi cho con trẻ An-Nam, vì trẻ học bằng tiếng nước mình chắc nhớ hơn là học bằng tiếng Pháp nhiều khi không hiểu nghĩa. Quan nguyên Khâm-sứ Kinh Charles cũng đồng-ý như thế. Nhưng có mấy ông khác thì lại phản-đối, nói rằng làm thế nào cũng phải gửi cho tiếng Pháp phần hơn. Bàn-bạc lâu, rồi Hội-đồng kết-luận định làm một bản thỉnh-cầu gửi cho quan Thuộc-địa-bộ và quan Toàn-quyền Đông-Pháp xin bậc tiểu-học cho dạy đều bằng hai thứ tiếng, vừa tiếng Pháp vừa tiếng bản-xứ ngang nhau. Lời thỉnh-cầu ấy nghe đâu đã gửi tới phủ Toàn-quyền rồi.

Chủ-ý của Bản-chí-chủ-bút là muốn xin cho dạy hẳn cả bậc tiểu-học bằng tiếng An-Nam, và thi tốt-nghiệp tiểu-học bằng chữ quốc-ngữ, còn tiếng Pháp là học làm tiếng nói phụ ngoài mà thôi. Nếu có được như thế thì mới thật là ích-lợi. Lời xin ấy tưởng cũng không quá-đáng gì, vì chữ quốc-ngữ dẫu còn thiếu-thốn chưa thể dạy được các bậc học cao hơn, chứ bậc tiểu-học thì có thừa sức dạy nổi. Mà con trẻ thế-tất phải học bằng tiếng nước nhà mới hiểu hết được, không thời chẳng qua như con yểng học nói mà thôi, lẽ đó ai cũng đã biết vậy.

— *Giới-thiệu sách mới.* — Bài hài-kịch « *Người biển-lận* » của MOLIÈRE là một nhà soạn kịch trứ-danh nước Pháp, dịch ra quốc-ngữ là ông Nguyễn Văn-Vĩnh, Chủ-nhiệm báo *Trung-bắc tân-văn*. Kể bản tuồng này là bản tuồng dịch thứ ba của ông. Hội Tân-Cựu Học-sinh trường Cao-đẳng đính ngày 20 Janvier 1924 này là ngày kỷ-niệm sáng-lập nhà trường, đem diễn ở trên sân khấu nhà hát tây lớn Hà-nội (1). Nhân thế quyển tuồng này mới xuất-bản mà dịch-giả có gọt sửa lại, thế thời thực là một tấn danh-kịch bằng Pháp-văn mà đã truyền-tả được cái tinh-thần hay ra tiếng An-Nam bằng ngòi bút của một tay đã thạo. Sách in một bên chữ tây một bên quốc-ngữ, nguyên-văn và dịch-văn đối-chiếu nhau. Bán ở báo-quán *Trung-Bắc*.

— *Nữ-hải-tặc.* — Ông Phạm Bùi-Cầm mới xuất-bản một quyển trinh-thám ; tiểu-thuyết, nhan là *Nữ-hải-tặc*, văn dịch rõ-ràng, giấy in đẹp-đẽ, cả thảy là 128 trang, giá bán 0 $ 30.

— *Bật-giáo-xích-độc.* — Cố Hương (P. HUE) mới xuất-bản tập *Bật-giáo xích-độc* số 4 nói về « Đạo Trai-tiết » theo với các tập trước. Cố là người Tây mà viết văn An-Nam rõ-ràng, gọn-ghẽ ; lại tham-dẫn các kinh-điển nghĩa-lý uyên-thâm. Nếu không phải người thâm-hiểm tiếng An-Nam lại kiêm-thông cả Hán-học, thì sao hay viết được những bài xích-độc như thế. Cố Hương trước đã xuất-bản 10 tập *Minh-giáo-xích-độc* (hiện đóng thành bộ) để phát-minh về lẽ đạo ; bộ *Bật-giáo* này là tiếp-tục với bộ trên.

— *J. B. Chaigneau et sa famille*, par A. SALLES. — Hiệu « Đô-thành hiếu-cổ xã » (*Association des amis du vieux Huế*) mới xuất bản một quyển « Lịch-sử ông J. B. Chaigneau cùng họ-hàng ông », của quan Thanh-tra Thuộc-địa hồi-hưu SALLES soạn. Ông CHAIGNEAU này chính là viên quan thủy năm 1796 đến giúp đức Cao-hoàng đánh Tây-sơn, được phong chức Khâm-sai Chưởng-cơ, coi chiếc tàu *Phi-long* ; tức trong sử ta gọi là « ông chúa tàu Long » cùng với ông VANNIER là « chúa tàu Phụng », hai người đều có công to với bản-triều hồi phục-quốc. Sách này khảo-cứu rất kỹ, tự-thuật rất tường, nói rõ về cái công « chúa tàu Long » giúp đức Cao-Hoàng, cách đức Cao-Hoàng đãi ân-cần trọng-hậu thế nào, ông ở bên này ba-mươi năm lấy vợ An-Nam, sinh con, rồi sau bị Đức Thánh-tổ mỗi ngày một sơ dần, sau ông phải về Pháp nghỉ. Sách dày tới 200 trang, phụ thêm những công-văn, thế-hệ, cùng những giấy-má của các kho-tàng thư-văn bên Pháp thuộc về lịch-sử ông CHAIGNEAU ; quí nhất là có một cái tranh vẽ hình ông bằng mùi, ăn mặc lối An-Nam, chít khăn đầu rìu, tranh cũ đến hơn trăm năm, của người An-Nam vẽ, ngày nay con cháu ông ở bên Tây vẫn giữ được, xem bức tranh ấy thì biết lối quân-phục của bản-triều đời xưa.

Sách này rất có giá-trị cho những người khảo quốc-sử về cận-đại.

— *Báo mới xuất-bản.* — Ở Sài-gòn mới xuất bản một tờ báo quốc ngữ gọi là *Trung-lập-báo*, mỗi ngày ra một tờ. Bản-chí có lời mừng bạn đồng-nghiệp mới.

TẬP KỶ-YẾU CỦA HỘI « KHAI-TRÍ TIẾN-ĐỨC »

Cuộc Đấu-xảo mĩ-nghệ. — Hội-đồng coi về việc tổ-chức các hội-tiệc trong cuộc Đấu-xảo mĩ-nghệ vừa rồi, đã tính sổ xong. Các khoản thu-nhập tổng-cộng được 1.903 $ 94 ; các khoản chi-xuất tổng-cộng 1.438 $ 71 ; còn thừa lại bỏ vào công-quĩ được 465 $ 23. Số người đến xem đấu-xảo và xem các trò trong 15 ngày được ngót 3000 người. Coi đó thời biết rằng cuộc Đấu-xảo mới rồi thật đã thịnh-hành lắm. Được như thế là nhờ các ông có phần việc trong khi Đấu-xảo, và nhờ cả các hội-viên đã vui lòng đến xem đông. Lần này là lần đầu mà đã được như thế, chắc cuộc đấu-xảo cuối năm 1924 này còn có thể làm to hơn nữa.

Giấy xin vào hội. — Trong tháng mới rồi có những ông kê tên sau này

(1) Hiện đã diễn rồi, các tay tài-tử diễn khéo lắm, chẳng kém gì hai lần diễn bài « Bệnh-tưởng » và bài « Trưởng-giả học làm sang năm trước ».

có giấy xin vào Hội, hạn trong hai tháng các ngài hội-viên có điều gì dị-nghị xin viết thư về cho Hội biết :

Xin vào chân chủ-trì

1 — Ông Đặng Đình-Hưởng, trợ-giáo, tổng Phú-nghĩa, huyện Bất-bạt, tỉnh Sơn-tây.

2 — Ông Lưu Kim-Chi, étudiant à l'Ecole des Travaux Publics, Hanoi.

3 — Ông Mai Thế-Sen, tức Quảng-phát, buôn-bán ở phố Chợ, Thái-nguyên.

4 — Ông Nguyễn Ngọc-Khiết, phố Săn-thị, huyện Thạch-thất, Sơn-tây (*Do ông Nguyễn Hữu-Nhuận giới-thiệu*).

5 — Ông Nguyễn Phú-Hữu, buôn-bán ở làng Thương-thụy, tổng Sơn-đông, huyện Đan-phượng, Hà-đông (*do ông Trần Văn-Có giới-thiệu*).

6 — Ông Vũ Khắc-Nghinh, interprète à la Cour d'appel, 15 Rue Nam-ngư Hà-nội (*do ông Trần Tất-Đạt giới-thiệu*).

Hội-viên mới. — Những ông kê tên sau này có giấy xin vào Hội đã đăng trong báo số 75 (Septembre 1923) và 76 (Octobre 1923), nay hết hạn hai tháng không có ai dị-nghị, được nhận vào Hội kể từ ngày 1er Février 1924 :

Vào chân tán-trợ

1. Ông Cao Đầu-Ngưu (*đã nộp* 100 *đồng rồi*) (N.-P. nº 75).

Vào chân chủ-trì

2. Ông Bùi Trạc, — 3. Hoàng Cung, — 4. Lê Văn-Trang, — 5. Nguyễn Đệ, — 6. Nguyễn Thiều, — 7. Phạm Hữu-Tỉnh, — 8. Trần Văn-Hoán, — 9. Trương Văn-Phát (*đã nộp* 20 *đồng rồi*), — 10. Vũ Văn-An. (Đã đăng tên ở N.-P, nº 75).

11. Ông Lê Văn-Chính, — 12. Nguyễn Mộng-Dinh. — 13. Nguyễn Văn-Bình, — 14. Phạm Duy-Xương, — 15. Trần Hữu-Chiêm (*đã nộp* 20 *đồng rồi*), — 16. Trần Khắc-Huỳnh, — 17. Trần Tiến-Quán. (Đã đăng tên ở N.-P. nº 78).

Vào thường hội-viên

17. Ông Đỗ Công-Hồ (N.-P. nº 75).

Hội viên Tây. — Trong tháng mới rồi, Hội ta mới thêm được một ông danh-dự-hội-viên Tây là M. J. Sicard, avocat défenseur, 96 boulevard Gambetta, Hà-nội,

---

Biếu vào Hội. — Ông R. A. Fontaine, là chủ Công-ti Rượu Đông-Pháp, trước đã là tán-trợ-hội-viên, nay lại mới quyên cho Hội 250 $.

— Ông Phạm Văn-Khoan có hai bức tranh thêu đấu-xảo, xong rồi biếu vào Hội.

Thêm vào danh-sách những nhà mĩ-nghệ được thưởng về cuộc Đấu-xảo. — Trong danh-sách các nhà mĩ-nghệ được thưởng về Đấu-xảo đăng báo kỳ trước, có sót mất một tên ông Nguyễn Ngọc-Khuê, ở nhà Vĩnh-phát, 39 phố Hàng-Bát, Hanoi, được thưởng về đồ tam-khí. Vậy nay thêm vào.

Việc Tự-điển. — Nhân cuộc Đấu-xảo, việc Tự-điển phải đình nghỉ một tháng, nay lại tiếp-tục làm. Hiện đương làm về chữ B. Còn chữ A đã thảo xong, đương sửa lại để định in thử mấy trang làm mẫu.

Trong tháng mới rồi mới tiếp được hai tập Tục-ngữ ca-dao của ông Nguyễn Nhún và Ngô Văn-Triện gửi đến để giúp cho việc điều-tra quốc-âm. Xin có lời cám ơn hai ông.

Tiễn quan Lagrèze. — Quan Cai-trị Lagrèze có chân trị-sự Hội ta mới được lệnh trên đổi đi chủ tỉnh *Samneua* (Thượng Lào), các quan viên trị-sự Hội cả thảy 12 ông có đặt tiệc tiễn-hành ngài ngày thứ sáu 18 Janvier 1924.